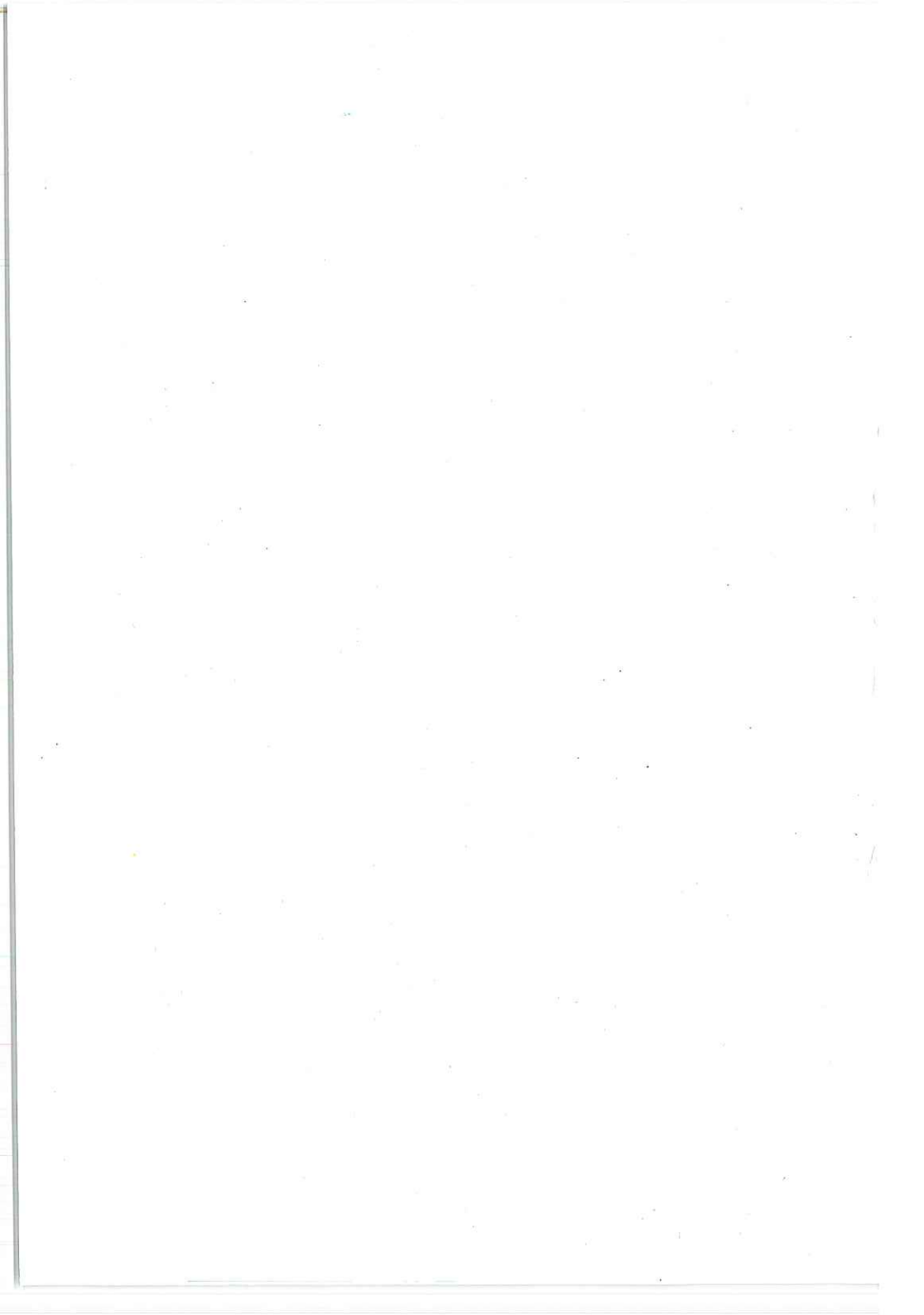




**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI
SỐNG MÃI TRONG SỰ NGHIỆP CỦA CHÚNG TA**



BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

- 1- Đặng Văn Ngự - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy: *Chủ nhiệm*
- 2- Phạm Hoàng Sơn - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
Phó Trưởng ban Thường trực, Ban Tổ chức Tỉnh ủy: *Phó
Chủ nhiệm*
- 3- Bùi Tuấn Thịnh - Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy:
Phó Chủ nhiệm
- 4- Trần Quốc Trung - Chánh Văn phòng Ban: *Thư kí đề tài*
- 5- Nguyễn Chiến Trường - Trưởng phòng Bảo vệ chính trị
nội bộ: *Ủy viên*
- 6- Nguyễn Ngọc Quyên - Trưởng phòng Tổ chức cán bộ:
Ủy viên
- 7- Lê Việt Hà – Phó Trưởng phòng huyện, ban, ngành, sở:
Ủy viên
- 8- Lê Thị Xuân Hoà - Chuyên viên Phòng huyện, ban,
ngành, sở: *Ủy viên*
- 9- Ngô Thị Hà - Phụ trách kế toán: *Kế toán đề tài*

Ban Biên soạn:

- 1- TS Nguyễn Xuân Minh (Chủ biên): *Các chương VI và VII*
- 2- Phạm Tất Quỳnh: *Chương V và Kết luận*
- 3- Nguyễn Văn Thắng: *Các chương III và IV*
- 4- Vũ Thanh Khôi: *Các chương I và II*
- 5- Trần Quốc Trung: *Phụ lục*

Biên tập:

TS Nguyễn Xuân Minh

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

Chịu trách nhiệm xuất bản

Đặng Văn Ngự

Biên tập

- 1- TS Nguyễn Xuân Minh (Chủ biên): *Các chương VI và VII*
- 2- Phạm Tất Quỳnh: *Chương V và Kết luận*
- 3- Nguyễn Văn Thắng: *Các chương III và IV*
- 4- Vũ Thanh Khôi: *Các chương I và II*
- 5- Trần Quốc Trung: *Phụ lục*

Trình bày bìa và chế bản vi tính

Thanh Tâm

Sửa bản in

Phạm Thanh Xuân

LỜI GIỚI THIỆU

Lịch sử hình thành và phát triển của công tác Tổ chức xây dựng Đảng Thái Nguyên, gắn liền với truyền thống vẻ vang và phát triển của Đảng bộ tỉnh. Từ khi thành lập đến nay, các thế hệ cán bộ làm công tác Tổ chức xây dựng Đảng trong toàn tỉnh luôn thể hiện rõ lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, đã bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng, chủ động tham mưu cho cấp uỷ về công tác Tổ chức, cán bộ, đảng viên và bảo vệ chính trị nội bộ; tiếp tục đổi mới, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần viết nên truyền thống tự hào của ngành Tổ chức xây dựng Đảng. Hiện nay, yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ra nhiều vấn đề mới đòi hỏi công tác Tổ chức xây dựng đảng của Đảng bộ cũng phải được nâng lên một tầm cao mới.

Với mục đích và ý nghĩa đó, nhân dịp kỷ niệm 83 năm Ngày truyền thống Ngành Tổ chức xây dựng đảng (14/10/1930 - 14/10/2013), Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên tiến hành biên soạn và xuất bản cuốn “Lịch sử công tác Tổ chức xây dựng đảng của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên 1930 - 2010”.

Đây là một công trình khoa học phản ánh trung thực, khách quan và toàn diện chặng đường lịch sử đầy khó khăn, thử thách nhưng hết sức vẻ vang trong công tác Tổ chức xây dựng đảng của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên qua

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

các thời kỳ. Việc nghiên cứu, biên soạn cuốn sách nhằm góp phần nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của công tác Tổ chức xây dựng đảng, từ đó xây dựng phương hướng, giải pháp, đúc rút những bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng hoạt động công tác Tổ chức xây dựng đảng của Đảng bộ tỉnh hiện nay.

Trong quá trình biên soạn cuốn lịch sử nói trên, chúng tôi đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự tham gia đóng góp ý kiến nhiệt tình, trách nhiệm của các đồng chí nguyên là lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo Ban qua các thời kỳ; các nhà khoa học; lãnh đạo các ban xây dựng đảng của Tỉnh ủy và cán bộ, công chức Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Nhưng do thời gian dài, trải qua nhiều biến cố lịch sử khác nhau, nguồn tư liệu thiếu, cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong được sự đóng góp của các đồng chí và bạn đọc để việc bổ sung, sửa chữa, tái bản lần sau đạt chất lượng cao hơn.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên xin chân thành cảm ơn sự quan tâm và giúp đỡ quý báu đó.

**ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY**

Đặng Văn Ngự

Chương I

**CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG CƠ SỞ CÁCH MẠNG,
CƠ SỞ ĐẢNG TRONG THỜI KÌ 1930 – 1945**

I. Khái quát về tỉnh Thái Nguyên

Địa danh Thái Nguyên xuất hiện từ đời Lý, với tư cách là danh từ chỉ một trong hai châu của vùng đất Thái Nguyên (châu Thái Nguyên và châu Vũ Lặc)⁽¹⁾. Năm 1397, đời Trần đổi châu Thái Nguyên thành trấn Thái Nguyên (vùng đất trấn Thái Nguyên lúc đó tương đương với vùng đất các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn và nửa tỉnh Cao Bằng ngày nay). Năm 1677, triều đình Lê – Trịnh tách vùng đất Cao Bằng ra khỏi trấn Thái Nguyên để thành lập trấn Cao Bằng. Triều Nguyễn, năm 1831 (năm Minh Mạng thứ 12), trấn Thái Nguyên đổi tên thành tỉnh Thái Nguyên. Thời thuộc Pháp, từ tháng 10/1890 đến tháng 9/1892, tỉnh Thái Nguyên bị xé lẻ phân tán vào các địa hạt xung quanh. Tháng 10/1892, Toàn quyền Đông Dương kí nghị định tái lập tỉnh Thái Nguyên đặt dưới sự cai quản của một viên Công sứ người Pháp. Ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ban hành tiếp nghị định tách vùng đất phía Bắc tỉnh Thái Nguyên để thành lập tỉnh Bắc Kạn.

Trong thời kì Tiền khởi nghĩa (sau 9/3 – 13/8/1945), Thái Nguyên là tỉnh nằm trong Khu Giải phóng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), Thái Nguyên cùng với các tỉnh Bắc Kạn, Tuyên Quang trở thành An toàn

⁽¹⁾ Theo các tác giả sách *Đại Nam Nhất Thống Chí (thế kỉ XIX)*, Tập 4, NXBKHXH, Hà Nội 1971, trang 146.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

khu, Thủ đô kháng chiến của cả nước. Từ ngày 19/8/1956, Thái Nguyên trở thành Thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc⁽¹⁾.

Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Nghị quyết số 103 hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái gồm 13 đơn vị hành chính (huyện, thành, thị) trực thuộc.

Sau 31 năm hợp nhất, ngày 6/11/1996, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội (khóa IX) nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết chia tách và điều chỉnh địa giới một số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được tách thành hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn có địa giới như trước khi hợp nhất (tháng 7/1965) và hoạt động theo đơn vị hành chính mới từ ngày 1/1/1997.

Thái Nguyên là một tỉnh Miền núi - trung du; phía Bắc giáp tỉnh Bắc Kạn, phía Nam giáp Thủ đô Hà Nội, Đông Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn, Đông Nam giáp tỉnh Bắc Giang, Tây Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang, Tây Nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc. Với vị trí này, Thái Nguyên được coi là điểm tiếp giáp, là cầu nối giữa đồng bằng châu thổ sông Hồng và vùng núi rừng đại ngàn phía Bắc. Tỉnh Thái Nguyên có 9 huyện, thành, thị, 180 xã, phường, thị trấn. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh 3.531,02 km², dân số 1.131.278 người⁽²⁾ thuộc 34 thành phần dân tộc, trong đó 8 dân tộc có số dân trên 1.000 người là: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán

⁽¹⁾ Khu Tự trị Việt Bắc lúc mới thành lập gồm 5 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang; về sau có thêm tỉnh Hà Giang.

⁽²⁾ Theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2010. Tháng 4/2011, trang 19.

Chay, Mông, Hoa⁽¹⁾. Mỗi thành phần dân tộc mang những đặc điểm riêng về tiếng nói, trình độ sản xuất, phong tục tập quán..., nhưng luôn đoàn kết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng và bảo vệ quê hương.

Với truyền thống yêu nước và cách mạng, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên luôn có những đóng góp quan trọng trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, xứng đáng là phen giậu che chắn phía bắc của kinh thành Thăng Long xưa.

Ngày 1/9/1858, thực dân Pháp cho quân đánh chiếm bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Sau gần 3 thập kỉ thôn tính các tỉnh Nam Bộ, Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ, từ đầu những năm 80 của thế kỉ XIX, thực dân Pháp cho quân đánh chiếm các tỉnh vùng thượng du Bắc Bộ. Ngày 17/3/1884, quân Pháp từ thành Bắc Ninh tràn sang đánh chiếm thành Thái Nguyên. Dưới sự chỉ huy của các sĩ quan và sĩ phu yêu nước, quân và dân Thái Nguyên đoàn kết chiến đấu anh dũng, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Tuy nhiên, với lực lượng quân sự vượt trội, sau 3 lần tấn công, ngày 10/5/1884, quân Pháp đã chiếm được thành và từng bước mở rộng phạm vi chiếm đóng ra toàn tỉnh Thái Nguyên.

Ngay sau khi chiếm đóng Thái Nguyên, thực dân Pháp xây dựng bộ máy cai trị, đàn áp với cả một hệ thống

⁽¹⁾ Theo tài liệu của Ban Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công bố tháng 9/2009.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

liên hoàn cứ điểm, đồn bót, điểm canh⁽¹⁾. Cùng với chính sách kìm hãm dân ta trong vòng lạc hậu, ngu dốt và tăng cường đầu độc bằng rượu cồn, thuốc phiện để dễ bề cai trị, thực dân Pháp còn đặt ra nhiều thứ thuế để vơ vét, bóc lột. Năm 1931, tỉnh Thái Nguyên chỉ có hơn 8 vạn dân, nhưng chính quyền “*bảo hộ*” đã vơ vét tới 286.443 đồng tiền thuế các loại. Bên cạnh đó, chúng còn trắng trợn cướp đất của nông dân để lập đồn điền, khai thác khoáng sản.

Không cam chịu kiếp sống nô lệ, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã nhiều lần nổi dậy đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược. Những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, nhân dân Thái Nguyên tập hợp dưới ngọn cờ yêu nước của Mã Sinh Long, Hoàng Hoa Thám, Cai Bát đứng lên đánh Pháp ở khắp nơi. Đặc biệt, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã tích cực hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên năm 1917 do Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã “*Làm rung động chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương, làm chấn động dư luận ở nước Pháp và thế giới*”⁽²⁾. Do chưa có đường lối đúng đắn, chưa có một đảng cách mạng chân chính lãnh đạo, nên các cuộc nổi dậy của nhân dân ta đều thất bại. Tuy nhiên, trải qua đấu tranh, truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất, kiên cường chống áp bức bóc lột, bất công của đồng bào các dân tộc trong tỉnh tiếp tục được

⁽¹⁾ Đến năm 1930, toàn tỉnh Thái Nguyên có tới 37 đồn binh, 372 điểm canh, với hàng ngàn quân lính các loại: Âu – Phi, khổ đỏ, khổ xanh... và lực lượng canh sát, mật thám, chỉ điểm rộng khắp.

⁽²⁾ Dẫn theo: Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại, *Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Thái Nguyên và Viện Sử học*, 1997, trang 4.

hun đúc, làm cơ sở cho sự tiếp nhận ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin về con đường giải phóng dân tộc, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành độc lập tự do.

II. Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên (1930 – 1936)

Đáp ứng yêu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam, ngày 6/1/1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc), đồng chí Nguyễn Ái Quốc, với tư cách là đại biểu Quốc tế Cộng sản, đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản trong nước thành Đảng Cộng sản Việt Nam, chấm dứt thời kì khủng hoảng về lãnh đạo, bế tắc về đường lối trong phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta kéo dài trên ba thập kỉ.

Có Đảng Cộng sản lãnh đạo, phong trào cách mạng nước ta phát triển sôi nổi, rộng khắp. Từ năm 1930 đến năm 1932, cả nước nổ ra hàng ngàn cuộc đấu tranh của nông dân và công nhân. Khẩu hiệu đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ được kết hợp chặt chẽ với khẩu hiệu đấu tranh chống đế quốc, ủng hộ Liên Xô, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc...

Những sự kiện trọng đại trên có tác động và cổ vũ nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên. Tuy vậy, thời kì này phong trào đấu tranh của nhân dân Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn. Để duy trì bộ máy cai trị bảo đảm cho kế hoạch khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh, từ sau cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, thực dân Pháp tăng cường bộ máy đàn áp và khống chế nhân dân. Đội ngũ mật thám của Pháp được bổ sung và ráo riết hoạt động dò la, phát hiện, bắt giữ những người lạ mặt; ngăn chặn những hoạt

động chống đối, nhất là ở các khu mỏ, đồn điền..., khiến cho việc tuyên truyền, giác ngộ quần chúng của các tổ chức Đảng và đảng viên ở ngoài vào Thái Nguyên trong những năm 1929 - 1933 gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Vì vậy, trong suốt quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930) và nửa đầu những năm 30 của thế kỉ XX, Thái Nguyên vẫn chưa xây dựng được cơ sở Đảng.

Từ trong và sau phong trào cách mạng 1930 - 1931, thực dân Pháp và tay sai tiến hành khủng bố trắng ở khắp ba miền Trung - Nam - Bắc. Cơ sở đảng và cơ sở cách mạng ở nhiều nơi trong nước bị phá vỡ. Nhiều đảng viên cộng sản và những người yêu nước bị địch truy bắt, giam cầm, giết hại. Hầu hết các đồng chí Ủy viên Trung ương, các đồng chí lãnh đạo Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ bị bắt. Thực dân Pháp còn câu kết với bọn phản động ở Trung Quốc, Thái Lan, Anh, Hà Lan... để lùng bắt các chiến sĩ cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở những nơi này.

Trong bối cảnh ấy, để tránh sự truy sát của kẻ thù, một số đảng viên cộng sản ở Thái Bình chạy lên tạm lánh ở khu vực đồn điền Gari (thuộc xã Bình Thuận, huyện Đại Từ) để sinh sống và hoạt động. Nhưng vì địch tìm kiếm rất gắt gao nên các đồng chí này chưa thể hoạt động được. Cùng thời gian này, các đồng chí Vũ Hưng (tức Hai Cao) và Nguyễn Đình Chiêm (tức Phó Mùa) là đảng viên cộng sản của Đảng bộ Hà Nam, cũng vượt vòng vây địch lên sinh sống tại khu vực Bộc Nhiêu, Quán Vuông (huyện Định Hóa). Tuy bị mất liên lạc với Đảng, lại bị kẻ thù truy lùng ráo riết, nhưng với tinh thần của người đảng viên

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

cộng sản, hai đồng chí vẫn tìm mọi cách để hoạt động tuyên truyền giác ngộ quần chúng, xây dựng phong trào cách mạng trong vùng. Nhờ đó, trong những năm 1932 - 1935, mặc dù bị kẻ thù truy lùng, kiểm soát gắt gao, nhưng hai đồng chí Vũ Hưng và Nguyễn Đình Chiêm vẫn xây dựng được một số cơ sở quần chúng trung kiên ở Bộc Nhiêu, Quán Vuông. Đây là những tổ chức quần chúng đầu tiên do cán bộ, đảng viên của Đảng gây dựng, tạo tiền đề ban đầu cho việc phát triển, mở rộng phong trào cách mạng trong vùng những năm sau này.

Sau thời kì địch khủng bố trắng, được sự giúp đỡ to lớn của Quốc tế Cộng sản và các đảng bạn, từ năm 1934, phong trào cách mạng nước ta dần dần phục hồi. Tháng 3/1934, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập⁽¹⁾. Đây là bước phát triển quan trọng trong quá trình khôi phục tổ chức của Đảng. Tại Hội nghị tháng 6/1934, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng và các đại diện tổ chức Đảng trong nước đã thông qua nghị quyết

⁽¹⁾ Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương (BCHON) thành lập tháng 3 năm 1934 theo quyết định của Đông Phương bộ Quốc tế Cộng sản. Thành phần ban đầu gồm ba đồng chí: Lê Hồng Phong - Thư kí, Hà Huy Tập phụ trách truyền truyền cổ động và tham gia biên tập Tạp chí Bônsovích và Nguyễn Văn Dực, phụ trách kiểm tra. Nhiệm vụ của BCHON là: Liên lạc giữa Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương với Quốc tế Cộng sản và các đảng cộng sản anh em, đào tạo cán bộ trong nước, phát hành tạp chí Bônsovích. Trong trường hợp Ban Trung ương ở trong nước bị tan vỡ, BCHON kiêm Ban Trung ương lâm thời, chịu trách nhiệm tổ chức lại Trung ương và đặt quan hệ với các tổ chức Đảng ở các cấp. Xem: Văn kiện Đảng toàn tập - tập 4, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1999, trang 523, 524.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

về việc khôi phục các tổ chức trong nước bị địch phá, kết nạp thêm đảng viên...

Thực hiện chủ trương trên, trong khoảng thời gian từ cuối năm 1934 đầu năm 1935, nhiều cơ sở đảng trong nước được gây dựng lại, *“nhiều cán bộ được đào tạo thay thế cho những chiến sĩ bị địch chém giết, tù đầy”*⁽¹⁾. Các đầu mối lãnh đạo của Đảng được từng bước củng cố, thống nhất. Trên cơ sở đó, ngày 27/3/1935, Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng Cộng sản Đông Dương được tổ chức tại Ma Cao (Trung Quốc). Sau khi khẳng định những kết quả trong quá trình khôi phục phong trào, chỉ ra một số thiếu sót, khuyết điểm của một số cấp ủy Đảng, Đại hội *“đề ra nhiệm vụ : củng cố và mở rộng Đảng; tranh thủ quần chúng rộng rãi; đưa quần chúng ra đấu tranh; củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng, lập mặt trận thống nhất phản đế; chống chiến tranh đế quốc; ủng hộ Liên Xô và Xô-viết, Trung Quốc”*. Đại hội quyết nghị *“Khôi phục các tổ chức Đảng đã bị địch phá, nối lại liên lạc với các đảng viên bị địch khủng bố, đưa họ trở lại hoạt động”*, đồng thời ban hành một loạt các nghị quyết về *“công nhân vận động, nông dân vận động, thanh niên vận động, phụ nữ vận động, binh lính vận động”*...; đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng các cơ sở cách mạng và phát triển Đảng vào trong các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền.

Sau Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935),

⁽¹⁾ Theo: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 5, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, các trang 32, 42, 54, 63, 69, 76.

phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống nguy cơ chiến tranh dân cao ở nhiều nước. Tại nước Pháp, tháng 1/1936, Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt đã hình thành và giành được đa số phiếu trong cuộc bầu cử Quốc hội. Một Chính phủ mới được thành lập và tuyên bố sẽ thực hiện một số chính sách tự do dân chủ ở các nước thuộc địa, trong đó có Đông Dương.

Xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử trên đây, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (khoá I) triệu tập Hội nghị lần thứ 1 (26/7/1936). Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương⁽¹⁾ và đề ra chủ trương hoạt động của Đảng trong tình hình mới. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 1 Ban Chấp hành Trung ương, hầu hết cán bộ, đảng viên của Đảng những năm trước bị địch khủng bố tạm lánh sang Trung Quốc, được đưa về nước hoạt động. Trong hoàn cảnh chung đó, Chi bộ hải ngoại của Đảng ở Long Châu (Trung Quốc) cũng quyết định đưa phần lớn đảng viên về nước xây dựng phong trào. Trong số này, Đặng Tùng là một đảng viên của Chi bộ có năng lực vận động quần chúng, được cử về gây dựng cơ sở, phát triển phong trào cách mạng ở Thái Nguyên.

Nhận nhiệm vụ Chi bộ giao, Đặng Tùng bí mật vượt biên giới Trung - Việt vào Cao Bằng, xuống Bắc Kạn,

⁽¹⁾ Đến tháng 3/1938, đổi tên thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

tìm về gia đình ông Đường Nhất Quý thuộc xã La Bằng, huyện Đại Từ. Do có mối liên hệ từ trước nên Đặng Tùng được Đường Nhất Quý và gia đình đón tiếp, bảo vệ và tạo mọi điều kiện để hoạt động. Vốn là người có trình độ văn hóa, có năng lực và kinh nghiệm vận động quần chúng, cùng tham gia lao động sản xuất, thông qua những câu chuyện làm ăn hằng ngày, Đặng Tùng từng bước tuyên truyền cảm hóa gia đình họ Đường. Từ gia đình Đường Nhất Quý, Đặng Tùng mở rộng mối quan hệ ra những gia đình xung quanh. Để tập hợp, giáo dục quần chúng, Đặng Tùng lựa chọn những thành viên tích cực trong các gia đình thành lập các Hội Tương tế⁽¹⁾. Hội Tương tế đầu tiên tại La Bằng gồm có Đường Nhất Quý (Đường Văn Hon), Lý Tắc Phủ, Hoàng Văn Nghiệp, Nông Triều Đông, Nông Văn Ái, Lý Kim, Lý Thu, Nông Văn Độ... do Đường Nhất Quý làm Tổ trưởng. Ban đầu, Hội chỉ nhằm mục đích giúp đỡ nhau trong sản xuất, xây dựng nhà cửa, trong việc hiếu, việc hỉ. Nhằm từng bước nâng cao nhận thức, giác ngộ cách mạng cho các hội viên, Đặng Tùng tập hợp mọi người tổ chức nghe đọc báo công khai của Đảng và của Mặt trận Dân chủ. Vào vụ mùa năm 1936, chính quyền thực dân bắt nhân dân trong vùng bỏ cả cày cấy để đi phu làm đường Đèo Khế - Quảng Nạp khiến nhiều người bất bình, nhưng chưa biết đối phó ra sao. Nhận thấy đây là cơ

⁽¹⁾ Hội Tương tế, một hình thức tập hợp quần chúng mang tính xã hội do Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập trong nửa sau những năm 30 của thế kỉ XX.

hội tốt để từng bước đưa nhân dân vào cuộc đấu tranh trực diện với kẻ thù, Đảng Tùng tổ chức cho cho hội viên trong các Hội Tương tế đấu tranh, buộc chính quyền phải bãi bỏ kế hoạch. Thắng lợi của cuộc đấu tranh này đã đem lại lợi ích thiết thực cho nhiều gia đình và gây được ảnh hưởng to lớn của Hội Tương tế đối với nhân dân trong vùng. Số người tham gia Hội Tương tế ngày càng tăng.

Từ kết quả công tác tuyên truyền, giáo dục, để đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở Đảng ở trong nước, cuối năm 1936, Đảng Tùng tổ chức kết nạp các đồng chí Đường Nhất Quý, Đường Văn Ngân, Nông Văn Ái, Hoàng Văn Nghiệp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Như vậy, từ một địa phương “trắng” về cơ sở, chỉ trong một thời gian ngắn, thực hiện nhiệm vụ Đảng giao, thông qua mối quan hệ họ hàng của các dòng họ các dân tộc, bằng phương pháp “ba cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm); bằng năng lực tuyên truyền vận động của mình, Đảng Tùng đã xây dựng được cơ sở Đảng đầu tiên tại vùng rừng núi hẻo lánh khu vực phía tây của tỉnh. Đây là tổ chức Đảng đầu tiên được thành lập trên địa bàn huyện Đại Từ và cũng là Tổ chức đảng đầu tiên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Cơ sở Đảng đầu tiên ra đời là một bước ngoặt lớn, vô cùng quan trọng của phong trào cách mạng tỉnh Thái Nguyên. Từ đây, cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên có đường lối đúng đắn và tổ chức cách mạng tiên phong lãnh đạo, tạo cơ sở vững chắc cho phong trào phát triển đi tới thắng lợi.

III- Công tác tổ chức xây dựng cơ sở Đảng trong giai đoạn đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ (1936 – 1939)

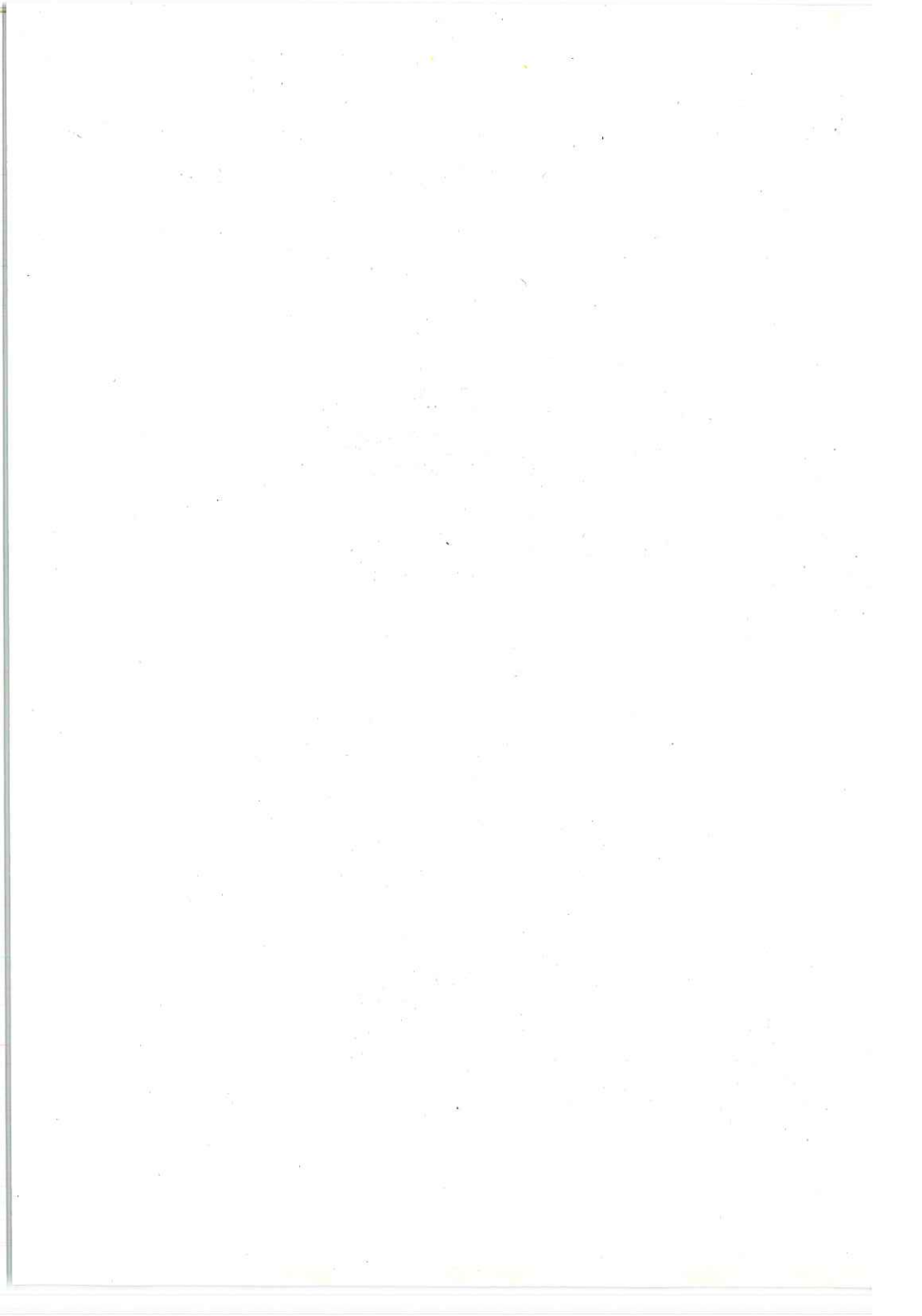
Sau khi kết nạp 4 quần chúng ưu tú vào Đảng và tuyên bố thành lập tổ chức cơ sở Đảng đầu tiên ở La Bằng (Đại Từ), Đặng Tùng giao nhiệm vụ cho các đảng viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, thu hút thêm nhiều quần chúng vào Hội Tương tế; giáo dục, rèn luyện họ thành lực lượng nòng cốt của phong trào cách mạng ở địa phương.

Từ kinh nghiệm xây dựng cơ sở Đảng ở La Bằng, tiếp tục thông qua mối quan hệ thân tộc và dân tộc của các đảng viên ở đây và bằng khả năng và kinh nghiệm của mình, lại được sự hỗ trợ, giúp sức của Đường Nhất Quý, Đặng Tùng nhanh chóng tiếp cận, tuyên truyền giác ngộ, cảm hóa Chu Văn Tấn, một thanh niên có học thức trong vùng. Từ Chu Văn Tấn, Đặng Tùng tiếp cận và nhanh chóng chiếm được cảm tình của một số thanh niên khác ở Võ Nhai, tích cực tuyên truyền, khơi dậy trong họ tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; từng bước hướng họ vào con đường đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, mang lại tự do, cơm áo, hòa bình. Sau một thời gian tuyên truyền, giác ngộ, đầu năm 1937, Đặng Tùng kết nạp 3 thanh niên xã Phú Thượng là Chu Văn Tấn, Nông Văn Cẩn và Lục Văn Đủ vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đây là cơ sở thứ 2 của Đảng được thành lập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi được kết nạp vào Đảng, 3 đảng viên của Phú Thượng rất tích cực hoạt động, tuyên truyền phát triển



Nơi thành lập Chi bộ đảng đầu tiên của Đảng bộ tỉnh tại xã La Bằng huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
(Mùa thu năm 1936).



phong trào quần chúng cách mạng ở Võ Nhai. Vì vậy, trong năm 1937, thêm nhiều quần chúng ưu tú, như Trừ Văn Thòong (tức Hòa), Phan Văn Cọ (tức Giường), Cam Văn Quỳnh (tức Chân) ở xã Tràng Xá; Lê Dục Tôn, Chu Quốc Hưng, Chu Viết Phong ở xã Phú Thượng, được kết nạp vào Đảng.

Việc thành lập chi bộ Đảng ở Võ Nhai đầu Xuân năm 1937 đánh dấu bước phát triển quan trọng trong phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc Võ Nhai nói riêng và bước tiến mới của phong trào toàn tỉnh nói chung. Tiếp đó, các đảng viên ở Võ Nhai tích cực tuyên truyền, tập hợp thanh niên vào Hội Truyền bá Quốc ngữ, tổ chức các lớp học chữ quốc ngữ cho nhân dân; tổ chức các nhóm đọc báo chí tiến bộ... Phong trào hoạt động sôi nổi ở Đình Cả, Tràng Xá, La Hiên, thu hút nhiều thanh niên đủ các thành phần dân tộc trong huyện tham gia.

Kết quả tuyên truyền xây dựng cơ sở đảng ở Thái Nguyên được Đảng Tùng báo cáo về Chi bộ hải ngoại Long Châu cuối năm 1937. Đầu năm 1938, Chi bộ Long Châu cử đồng chí Hoàng Văn Thụ⁽¹⁾ về kiểm tra, củng cố các cơ sở ở Võ Nhai, Đại Từ, khu mỏ Phấn Mễ (Phú Lương), mở rộng phong trào sang các địa bàn khác, góp phần khai thông con đường liên lạc giữa phong trào cách

⁽¹⁾ Từ năm 1936, đồng chí Hoàng Văn Thụ được Trung ương Đảng giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo, củng cố, phát triển phong trào cách mạng ở 3 tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Thái Nguyên. Xem: Hoàng Văn Thụ, người chiến sĩ cộng sản bất khuất, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lạng Sơn xuất bản tháng 11/1994, trang 25, 26.

mạng các tỉnh miền núi phía Bắc với phong trào cách mạng ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng. Trong thời gian này, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã họp bàn với các đảng viên Võ Nhai về kế hoạch phát triển và củng cố phong trào; mở một lớp học tập chính trị nâng cao giác ngộ cách mạng cho số thanh niên tích cực ở Võ Nhai để mở rộng phong trào cách mạng trong tỉnh.

Giữa năm 1938, đồng chí Hoàng Văn Thụ về Hà Nội. Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ tiếp tục cử nhiều cán bộ lên vùng Bắc Sơn, Võ Nhai để xây dựng và phát triển phong trào cách mạng, nối thông và giữ vững con đường liên lạc của Đảng từ Hà Nội và các tỉnh đồng bằng lên biên giới, ra nước ngoài. Cuối mùa hè năm 1938, Xứ ủy Bắc Kỳ cử đồng chí Lê Xuân Thụ lên củng cố cơ sở, mở rộng phong trào cách mạng ở Võ Nhai. Để có lực lượng hậu thuẫn cho sự phát triển của phong trào cách mạng trong vùng, đồng chí Lê Xuân Thụ đã cùng với cơ sở đảng ở đây đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kết nạp một số thanh niên tích cực vào Đoàn Thanh niên Dân chủ. Đây là tổ chức tập hợp thanh niên đầu tiên ở tỉnh Thái Nguyên. Trong số này có đồng chí Nông Văn Cún (tức Thái Long) là một trong những thanh niên đầu tiên của tỉnh được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Dân chủ. Sau khi được kết nạp vào tổ chức Đoàn, Thái Long đã trở thành người giúp việc đắc lực của đồng chí phái viên Xứ ủy Bắc Kỳ trong quá trình công tác nhằm đánh thông và mở rộng con đường liên lạc lên phía Bắc.

Tiếp theo cuộc đấu tranh từ mùa hè, cuối năm 1938, cơ sở Đảng ở Võ Nhai lại phát động cuộc đấu tranh mới, quyết liệt hơn, nhằm chống lại việc thực dân Pháp bắt nhân dân đi phu mở rộng tuyến đường Đình Cả - Bắc Sơn. Thắng lợi của cuộc đấu tranh trên không chỉ làm thất bại kế hoạch làm đường quân sự của địch, góp phần rèn luyện quần chúng, mà còn chứng tỏ uy tín, ảnh hưởng của các tổ chức cơ sở đảng, của đảng viên được nâng cao và mở rộng, có tác dụng cổ vũ, động viên nhân dân các địa phương khác trong tỉnh tiếp tục bước vào trận tuyến chống quân thù.

Đến đầu năm 1939, cơ sở đảng và cơ sở cách mạng từ xã Phú Thượng lan rộng tới các xã Lâu Thượng, Tràng Xá, La Hiên... Số đảng viên ở các cơ sở này không ngừng tăng lên.

Tại Định Hóa, sau 5 năm lặn lội tuyên truyền, giáo dục, đến năm 1937, hai đồng chí Vũ Hưng và Nguyễn Đình Chiêm đã xây dựng được Tổ công tác cách mạng đầu tiên, gồm 7 người ở Quán Vuông. Ảnh hưởng của hai đồng chí và tổ công tác lan dần ra nhiều nơi trong huyện. Năm 1938, nhiều cơ sở quần chúng xuất hiện ở Quán Vuông, Bảo Cường, Quảng Nạp... Sự hoạt động và ảnh hưởng của cơ sở cách mạng ở Định Hóa lan sang Đại Từ. Vì vậy, cùng thời gian này, đồng chí Đường Nhất Quý, người đảng viên cộng sản đầu tiên của Thái Nguyên, đã tìm bắt liên lạc với đồng chí Vũ Hưng, nối thông đường dây liên lạc từ tổ chức Đảng ở Đại Từ tới cơ sở cách mạng Định Hóa.

Tại khu vực phía Nam, tổ chức Đảng từ tỉnh Bắc Giang, trực tiếp là đồng chí Hoàng Văn Thái - Cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ⁽¹⁾ đã tuyên truyền, gây dựng cơ sở cách mạng sang huyện Phú Bình, mà hạt nhân đầu tiên là Nguyễn Văn Nội (tức Cao Nhật) - người làng Kha Sơn Hạ sang làm tá điền tại đồn điền Táctaranh (Tartarin) trên đất xã Thanh Vân (nay là Hoàng Vân) huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang. Được tuyên truyền giác ngộ, đồng chí Nguyễn Văn Nội đã vận động Lê Sĩ Ký, Nguyễn Tiến Bình, Nguyễn Văn Mười (những người cùng quê làm trong đồn điền) gia nhập Hội Thanh niên Phản đế xã Vân Xuyên (huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang). Năm 1939, nhóm Thanh niên Phản đế này trở về Kha Sơn Hạ, tuyên truyền giác ngộ, vận động Nguyễn Bình Sơn, Nguyễn Thế Đạt, Nguyễn Văn Xứ, Lê Phương, Nguyễn Hữu Tài... đi theo cách mạng.

Tại Phổ Yên, cũng thông qua mối quan hệ họ hàng bên xã Vân Xuyên, Hiệp Hoà (Bắc Giang), năm 1939, đồng chí Ngô Hải Long - một thanh niên có tinh thần yêu nước ở làng Yên Trung (tổng Tiên Thù), đã được các đồng chí Ngô Tuấn Tùng, Ngô Duy Phương, đảng viên của Bắc Giang tuyên truyền giác ngộ cách mạng. Đồng chí Ngô Hải Long mang ánh sáng cách mạng tiếp thu được về quê mình, từng bước gieo mầm, gây dựng cơ sở, phát triển phong trào. Đồng chí đã tập hợp những thanh niên nghèo trong xóm, trước hết là những người thân trong gia đình

⁽¹⁾ Đồng chí Hoàng Văn Thái sau này là Đại tướng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

thành từng nhóm, từng hội để chia sẻ, giúp đỡ nhau những khi có công việc lớn, khi hoạn nạn, ốm đau. Từ những nhóm, những hội này, phong trào cách mạng huyện Phổ Yên từng bước phát triển, lớn mạnh.

Phong trào đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ 1936 - 1939 thật sự là một cuộc vận động cách mạng rộng lớn trong cả nước cũng như trong tỉnh Thái Nguyên. Thông qua cuộc vận động, nhiều quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng. Từ cơ sở Đảng đầu tiên ở La Bằng (Đại Từ), phong trào cách mạng lan sang huyện Võ Nhai. Cơ sở cách mạng ở các huyện Phú Bình, Phổ Yên được nhen nhóm từ các Hội Thanh niên phản đế. Cơ sở quần chúng ở Định Hóa ngày càng được mở rộng. Từ 4 đảng viên đầu tiên cuối năm 1936, đến đầu năm 1939, toàn tỉnh đã có khoảng 40 đồng chí. Cơ sở và phong trào cách mạng ở các huyện đã có sự liên hệ với nhau, bước đầu tạo nên sự thống nhất hành động. Từ trong phong trào vận động dân chủ, nhân dân ngày càng thấy rõ Đảng Cộng sản là một tổ chức chặt chẽ, có kỉ luật, đấu tranh vì lợi ích của nhân dân. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng ngày càng nâng cao và mở rộng trong nhân dân. Đó chính là điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền, tổ chức xây dựng cơ sở đảng, cơ sở cách mạng; vận động quần chúng nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đi theo ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, bước vào thời kì trực tiếp làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc trong những năm 1939 - 1945.

IV- Công tác xây dựng, phát triển cơ sở Đảng trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939 – 1945)

Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 đã làm gay gắt thêm các mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa đế quốc. Sau khủng hoảng, hệ thống các nước tư bản chia thành hai phe đối lập. Phe Trục phát xít Béclin – Rôma – Tôkiô hình thành và gây ra cuộc chiến tranh thế giới thứ 2 (1939 -1945). Ngày 3/9/1939, nước Pháp chính thức tham chiến. Từ đó, giới cầm quyền Pháp tăng cường bộ máy đàn áp ở trong nước và các nước thuộc địa.

Tại Việt Nam, Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định giải tán các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn. Các quyền tự do, dân chủ do nhân dân ta giành được trong những năm 1936 – 1939 đều bị thực dân Pháp thủ tiêu. Báo chí tiến bộ bị đóng cửa. Những cuộc khám xét, bắt bớ của thực dân Pháp diễn ra thường xuyên. Các nhà tù, trại giam được mở rộng thêm để giam giữ những người cộng sản và những người yêu nước bị địch bắt. Không khí khủng bố bao trùm khắp đất nước.

Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939 đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng. Trên cơ sở xác định nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương, các cơ sở

cách mạng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên kịp thời chuyển từ hoạt động công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được bố trí, sắp xếp lại nhằm tránh mũi nhọn khủng bố của kẻ thù, tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh bước vào thời kì đấu tranh mới. Tiếp sức cho Thái Nguyên, nhiều cán bộ của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ được cử về các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Võ Nhai, Đại Từ..., tiếp tục tuyên truyền xây dựng cơ sở, giữ vững phong trào trong tình hình mới.

Lợi dụng cơ hội Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức, ngày 22/9/1940, phát xít Nhật vượt biên giới Việt – Trung tràn vào Lạng Sơn, quân Pháp hèn nhát bỏ chạy. Tranh thủ thời cơ thuận lợi, một số đảng viên bị thực dân Pháp cầm tù ở Lạng Sơn vượt ngục trở về Bắc Sơn cùng Đảng bộ địa phương lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa (27/9/1940). Mặc dù thu được một số thắng lợi, nhưng do cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra trong khi tình thế khởi nghĩa chưa chín muồi, nên bị kẻ thù cấu kết đàn áp dã man.

Sau 30 năm bôn ba hải ngoại, ngày 28/1/1941 lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, với tư cách là đại biểu của Quốc tế Cộng sản, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 tại thôn Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Phân tích tình hình trong nước và thế giới, Hội nghị khẳng định nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng nước ta là giải phóng

dân tộc khỏi ách thống trị của đế quốc, phát xít Pháp, Nhật. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh), thay cho Mặt trận dân tộc thống nhất Phản đế Đông Dương, nhằm đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước đấu tranh giành độc lập.

Kết thúc Hội nghị, trên đường trở về nước, khi qua Bắc Sơn - Võ Nhai đoàn cán bộ chủ chốt của Trung ương bị địch bao vây lùng bắt. Quyết tâm bảo vệ cán bộ của Đảng, bảo vệ căn cứ địa, trong tình thế vô cùng hiểm nghèo, dưới sự lãnh đạo của các cơ sở Đảng và đảng viên, Cứu quốc quân và nhân dân Bắc Sơn - Võ Nhai mưu trí, dũng cảm vừa chặn đánh địch, vừa tranh thủ học tập quán triệt nội dung Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8, vừa đưa đường cho các đồng chí rút dần về xuôi an toàn.

Do những hoạt động tích cực, khẩn trương, quả cảm của cán bộ, đảng viên và chiến sĩ Cứu quốc quân, nên trong vòng vây khủng bố khốc liệt của kẻ thù, nhiều cơ sở cách mạng được củng cố, nhiều cơ sở quần chúng được xây dựng mới. Trên cơ sở đó, ngày 15/9/1941, tại rừng Khuôn Mảnh, làng Ngọc Mỹ, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, Trung đội Cứu quốc quân II được thành lập gồm 47 cán bộ, chiến sĩ. Trung đội Cứu quốc quân có một chi bộ Đảng lãnh đạo. Chi bộ có các tổ đảng làm nòng cốt trong các tiểu đội. Trong buổi Lễ thành lập, thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã công nhận và giao nhiệm vụ cho Cứu quốc quân II phải

tích cực đấu tranh chống địch khủng bố, trừ gian, diệt phản động đầu sỏ, bảo vệ cơ sở cách mạng đồng thời không ngừng củng cố và phát triển các đội tự vệ làm nguồn bổ sung cho Cứu quốc quân.

Sự ra đời của Trung đội Cứu quốc quân II khẳng định đường lối vũ trang cách mạng đúng đắn của Đảng ta; đánh dấu thắng lợi cuộc đấu tranh chống địch khủng bố của nhân dân Võ Nhai; có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên. Mặt khác, sự ra đời của Cứu quốc quân II làm cho kẻ địch hết hoảng, nên chúng điên cuồng đánh phá cơ sở và phong trào cách mạng Võ Nhai. Trong điều kiện ấy, tổ chức đảng, đảng viên trong đơn vị Cứu quốc quân luôn kiên cường, mưu trí bám sát cơ sở, hướng dẫn nhân dân đấu tranh chống địch khủng bố, giữ vững phong trào. Nhờ đó, trải qua những ngày đấu tranh khốc liệt, cơ sở quần chúng thêm vững mạnh. Các tổ chức Cứu quốc phát triển ngày càng sâu rộng, tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân. Các đội tự vệ tiếp tục được bổ sung nhiều đội viên trung kiên từ các hội Cứu quốc.

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc phát triển lực lượng, giữ vững địa bàn, mở rộng căn cứ, từ cuối tháng 10/1941, Cứu quốc quân II chia thành các tổ công tác vượt vòng vây của địch sang các huyện Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương, Đồng Hỷ xây dựng phong trào. Bộ phận Cứu quốc quân ở lại Võ Nhai chia thành nhiều tổ do các đồng chí đảng viên làm nòng cốt, kiên trì bám dân, quyết

tâm giữ vững cơ sở.

Nhìn chung, hoạt động gây dựng cơ sở của Cứu quốc quân trên địa bàn các huyện phía Bắc thu được nhiều kết quả. Phong trào quần chúng phát triển rộng khắp, đông đảo các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia các hội Cứu quốc. Hoạt động của Hội ngày càng sâu rộng, hiệu quả. Tuy nhiên, công tác tổ chức xây dựng cơ sở Đảng trong giai đoạn này chưa được chú trọng. Nhiều quần chúng trung kiên chưa được bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Vì vậy, trong gần 7 năm (1936 - 1943), cơ sở Đảng đầu tiên ở La Bằng không phát triển thêm được đảng viên nào. Hoạt động của các cơ sở cách mạng ở Phú Lương, Võ Nhai chủ yếu do cán bộ, đảng viên trong các đơn vị Cứu quốc quân phụ trách.

Tại khu vực phía Tây Nam tỉnh, đầu năm 1942, thực dân Pháp lập Căng Bá Vân (xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thị xã Sông Công) để giam giữ những đảng viên cộng sản và một số người thuộc các đảng phái phản động, như Quốc dân đảng, Đại Việt cùng một số tù hình sự. Tại đây, tháng 6/1942, các đảng viên cộng sản trong Căng đã tập hợp nhau lại thành lập Chi bộ Đảng gồm 3 tổ đảng với 10 đảng viên. Vì hoạt động trong nhà tù đế quốc nên Chi bộ đề ra những quy tắc hết sức chặt chẽ, chỉ đưa vào Chi bộ những đảng viên trung kiên, đã qua thử thách.

Thực hiện phương châm biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, các chiến sĩ cộng sản trong Chi bộ Đảng Căng Bá Vân vừa đoàn kết đấu tranh, giáo dục,

thuyết phục đảng viên giữ vững khí tiết cách mạng, vừa kiên quyết đấu tranh với những tù nhân thuộc Đảng Đại Việt và Quốc dân đảng, đấu tranh với Ban Giám thị đòi cải thiện chế độ giam giữ, giao cho tù nhân tự quản... Nhờ đó, Chi bộ chủ động hơn trong các hoạt động chỉ đạo phong trào. Vai trò, uy tín của các tù nhân cộng sản trong Cánh ngày càng cao, không chỉ các tù thường phạm, tù Quốc dân đảng mà cả bọn giám thị cũng phải nể sợ, là điều kiện để Chi bộ chỉ đạo thâm nhập, tìm hiểu, tuyên truyền giác ngộ quần chúng, gây dựng cơ sở ra các vùng Bình Định, Ô Gà, Long Vân... thuộc xã Bình Sơn và các làng lân cận thuộc xã Tân Cương, Thịnh Đức... Từ khi bắt liên lạc được với Xứ ủy Bắc Kỳ (8/1942), cơ sở cách mạng phát triển rộng ra vùng Bá Xuyên, Cầu Gáo, Mỏ Chè, Tân Quang, Cải Đan..., tiến tới thành lập các tổ tự vệ chiến đấu ở Bình Định và Bá Xuyên để bảo vệ cơ sở cách mạng và hỗ trợ quần chúng đấu tranh.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang, từ giữa năm 1942, cơ sở cách mạng các huyện Phổ Yên, Phú Bình không ngừng được mở rộng, phong trào có bước phát triển mạnh mẽ. Cùng với những cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ lợi ích cuộc sống hằng ngày như đòi khát tô, giảm thuế, phản đối việc chủ đồn điền bắt nộp tô bằng tiền thay thóc; tố cáo bọn Chánh tổng, Lí trưởng ăn chặn của dân..., tháng 3/1943, Ban Cán sự Đảng Bắc Giang quyết định lựa chọn một số thanh niên tích cực thành lập tổ trung kiên, để tập trung bồi dưỡng về chính trị, nâng

cao hơn nữa trình độ giác ngộ cách mạng, sự hiểu biết về Đảng. Sau một thời gian bồi dưỡng, rèn luyện, tháng 7/1943, đồng chí Ngô Thế Sơn thay mặt Ban cán sự ATK kết nạp 3 đồng chí Nguyễn Bình Sơn, Nguyễn Văn Nội (Cao Nhật) và Nguyễn Văn Sứ vào Đảng Cộng sản Đông Dương; đồng thời tuyên bố thành lập Chi bộ Kha Sơn, do đồng chí Ngô Thế Sơn trực tiếp làm Bí thư. Đây là chi bộ Đảng đầu tiên được thành lập ở Phú Bình, đánh dấu bước phát triển về chất của phong trào cách mạng địa phương.

Nhận thấy cơ sở và phong trào cách mạng ở hai huyện Phổ Yên, Phú Bình phát triển mạnh mẽ, vững chắc, từ năm 1943, Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ chọn vùng này cùng với huyện Hiệp Hoà (Bắc Giang) làm nơi xây dựng Khu An toàn 2 (ATK2). Đây là địa bàn hoạt động, nơi đứng chân an toàn để Trung ương Đảng chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền khi thời cơ đến.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (2/1943), ngay sau khi từ biên giới Việt - Trung trở về nước, Cứu quốc quân II được phân chia thành nhiều tổ công tác toả đi các địa phương làm nhiệm vụ củng cố và phát triển các tổ chức Cứu quốc, các đội tự vệ. Nhờ đó, phong trào Việt Minh phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ tại các huyện Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ... Tháng 8/1943, tổ Cứu quốc quân hoạt động ở khu vực Tây Nam huyện Đồng Hỷ đã bắt được liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương Đảng thông qua Chi bộ

Đảng căng Bá Vân. Tổ Cứu quốc quân ở Định Hóa cũng bắt được liên lạc với Trung ương thông qua Chi bộ Đảng trong nhà tù Chợ Chu. Địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân mở rộng khắp các huyện Võ Nhai, Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương. Từ Định Hóa, Cứu quốc quân xây dựng đội “Bắc tiến” phát triển cơ sở lên huyện Chợ Đồn (Bắc Kạn). Đến tháng 10/1943, hai đội quân Nam tiến và Bắc tiến gặp nhau tại chân núi Phia Bióoc (xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn). Từ đó, hai trung tâm căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn – Võ Nhai được nối liền thành một dải liên hoàn vững chắc.

Do làm tốt công tác tổ chức xây dựng cơ sở, phong trào cách mạng ngày càng lan rộng. Vấn đề tăng cường cán bộ lãnh đạo phong trào trở thành một yêu cầu bức thiết. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ về việc đưa một bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng đang bị địch giam giữ trong các nhà tù ra lãnh đạo phong trào, liên tiếp trong 2 tháng (tháng 8 và tháng 10/1944), các cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng trong tỉnh đã giúp đỡ, bảo vệ, đưa đường 20 chiến sĩ cộng sản ở Căng Bá Vân và nhà tù Chợ Chu vượt ngục thành công, kịp thời đáp ứng yêu cầu bổ sung cán bộ cho phong trào cách mạng trong vùng đang lên cao.

Lo sợ trước hai cuộc vượt ngục thành công của các chiến sĩ cách mạng tại Căng Bá Vân và nhà tù Chợ Chu, ngay trong tháng 10/1944, quân Pháp mở cuộc càn lớn vào hai xã Kha Sơn (Phú Bình) và Tiên Phong (Phổ Yên).

Địch phát hiện và phá cơ sở in đặc biệt của Xứ ủy ở Mai Sơn. Hàng chục đảng viên và quần chúng trung kiên của hai huyện sa vào tay giặc. Trong tình thế hiểm nghèo, Xứ ủy Bắc Kỳ và Ban Cán sự ATK đã kịp thời chỉ đạo đưa những đảng viên, cán bộ bị lộ rời khỏi địa bàn, đồng thời vận động nhân dân dùng hình thức công khai đấu tranh chống khủng bố. Trong hoàn cảnh địch lùng sục, truy nã gắt gao, các đảng viên và đội viên trung kiên vẫn kiên cường bám trụ, kịp thời lãnh đạo nhân dân linh hoạt đối phó với những âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù. Nhờ đó, phong trào vẫn được giữ vững. Trải qua đấu tranh ác liệt, nhiều quần chúng trung kiên tỏ rõ tinh thần quả cảm, ý chí cách mạng kiên cường. Vì vậy, từ tháng 3 đến tháng 12/1944, hai Chi bộ Kha Sơn Hạ và Kha Sơn Thượng đã kết nạp thêm 8 đảng viên. Có đồng chí được kết nạp ngay tại thời điểm địch khủng bố ác liệt (tháng 10/1944).

Nhờ có đội ngũ cán bộ, đảng viên tích cực tuyên truyền, vận động, đến cuối năm 1944, cơ sở cách mạng được xây dựng rộng khắp trong toàn tỉnh. Nhiều thôn, xóm, xã trở thành các địa phương “hoàn toàn”. Nhiều nơi thành lập được Ban Chấp hành Việt Minh ở làng, xã, thậm chí ở cả tổng. Tuy nhiên, phong trào cách mạng ở Thái Nguyên lúc này phát triển không đều, việc củng cố không kịp thời. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở còn ít, công tác phát triển Đảng không được chú ý. Công tác giữ bí mật không được triệt để. Nhiều địa phương tổ chức mít tinh,

tập luyện quân sự gần như công khai. Do đó, khi địch phát hiện, khủng bố, thiếu cán bộ có kinh nghiệm lãnh đạo nên phong trào gặp khó khăn. Cuộc khủng bố khốc liệt của địch từ tháng 10 đến tháng 12/1944 ở Phú Bình, Võ Nhai gây cho cách mạng những thiệt hại nặng nề là bài học sâu sắc về công tác tổ chức xây dựng cơ sở, chỉ đạo các hoạt động của phong trào.

Từ đầu năm 1945, phong trào cách mạng ở trong nước ngày càng dâng cao. Cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã chuyển sang bước ngoặt mới, phe Đồng minh thắng lợi dồn dập ở nhiều nơi. Tình hình này làm cho mâu thuẫn vốn có giữa hai tên đế quốc - phát xít Pháp - Nhật trở nên sâu sắc, không thể điều hoà.

Đúng như dự đoán của Đảng ta, *“Hai con thú không thể cùng chung một miếng mồi”*, đêm 9/3/1945, phát xít Nhật nổ súng hất cẳng thực dân Pháp, độc chiếm Đông Dương. Hết sức nhậy bén trước diễn biến của tình hình, ngay sau khi tiếng súng đảo chính của Nhật vừa nổ ra, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã kịp thời triệu tập Hội nghị mở rộng và ra bản Chỉ thị *“Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”* (12/3/1945). Tiếp đến, ngày 15/3/1945, Tổng bộ Việt Minh đã phát đi bản *“Hịch kháng Nhật cứu nước”*, kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên đánh đuổi phát xít Nhật, giành chính quyền về tay nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và lời kêu gọi của Tổng bộ Việt Minh, Cao trào

kháng Nhật cứu nước bùng lên mạnh mẽ. Nhân lúc quân Pháp bị lật đổ, quân Nhật chưa kịp tiếp quản làm chủ tỉnh hình, quần chúng cách mạng tại các vùng nông thôn, miền núi trong tỉnh cùng với lực lượng vũ trang địa phương vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Từ kinh nghiệm của những năm trước, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở và công tác tổ chức xây dựng Đảng được chú ý hơn. Để thống nhất công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng đang ngày một dâng cao, các cơ sở Đảng trong toàn tỉnh được củng cố, kiện toàn thêm một bước. Trên sơ sở củng cố tổ chức 2 chi bộ Kha Sơn Thượng và Kha Sơn Hạ, tháng 7/1945, Ban Cán sự Đảng huyện Phú Bình được thành lập, do đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm Trưởng ban. Cùng thời gian này, Xứ ủy Bắc Kỳ và Ban lãnh đạo Khu Giải phóng quyết định thành lập Ban Cán sự Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng huyện Đồng Hỷ, do đồng chí Nguyễn Thị Minh Tâm phụ trách.

Sự ra đời của 2 Ban Cán sự Đảng tại 2 huyện Phú Bình và Đồng Hỷ tạo ra bước ngoặt lớn cho nhân dân các dân tộc 2 huyện nói riêng, nhân dân Thái Nguyên nói chung trong Cao trào kháng Nhật đang dâng lên mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh.

Những ngày cuối tháng 7 đầu tháng 8/1945, không khí cách mạng trong tỉnh càng trở nên sôi sục. Sau khi Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh (14/8/1945), thực hiện mệnh lệnh khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, các cơ sở đảng ở tất cả các huyện cùng cấp ủy, đảng



Lãnh đạo, chuyên viên của Ban tại di tích Rừng Rác,
nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Phú Bình.

chính quyền trong toàn tỉnh, góp phần quan trọng vào cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Từ trong lò lửa đấu tranh cách mạng, đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng trưởng thành và có thêm kinh nghiệm trong việc tổ chức xây dựng lực lượng. Đó là những điều kiện rất thuận lợi cho công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh đạt kết quả tốt hơn trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

Chương II

**CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG
TRONG THỜI KÌ 1945 - 1954**

***I- Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong giai đoạn
đấu tranh bảo vệ, củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn
bị kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1947)***

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời đã mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc ta. Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng trong những năm 1939 - 1945, đặc biệt là trong những ngày khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tỉnh được tôi luyện, trưởng thành. Nhiều cán bộ trung kiên xuất hiện và trở thành lực lượng nòng cốt cho phong trào cách mạng ở địa phương. Dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng, truyền thống kiên cường, bất khuất của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên càng được vun đắp, phát huy; ý thức giác ngộ về quyền lợi dân tộc, về vận mệnh của đất nước cũng được nâng cao trong mỗi người dân. Đó là những thuận lợi cơ bản giúp các cấp bộ đảng lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt qua khó khăn, thử thách, hoàn thành nhiệm vụ đấu tranh củng cố, bảo vệ chính quyền non trẻ các cấp, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ.

Tuy nhiên, vừa mới ra đời, chính quyền cách mạng đã phải đứng trước muôn vàn thử thách, cam go chồng chất. Giặc ngoài, thù trong cùng với bao khó khăn về kinh tế, xã hội hằng ngày, hằng giờ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Nhà nước Cộng hoà non trẻ.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, theo quyết định Hội nghị Pôtxdam (7 - 8/1945), quân đội các nước Đồng minh, dưới danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật Bản, lũ lượt kéo vào nước ta.

Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc đóng ở Hà Nội và hầu hết các tỉnh. Trên danh nghĩa vào làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, quân Trung Hoa Dân quốc theo đuổi 3 mưu đồ thâm độc: Tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương, phá tan Mặt trận Việt Minh, lật đổ Chính phủ cách mạng lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và dựng lên một chính phủ tay sai. Vì vậy, khi vào nước ta, chúng kéo theo các tổ chức phản động Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách). Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân đội Anh tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Lợi dụng tình hình đó, các phần tử phản động trong nước ngóc đầu dậy làm tay sai cho Pháp, chống phá cách mạng. Vận mệnh Nhà nước ta lúc bấy giờ chẳng khác gì *"ngàn cân treo sợi tóc"*.

Trong bối cảnh chung của cả nước, tỉnh Thái Nguyên cũng gặp muôn vàn khó khăn, thách thức. Tình hình kinh tế, tài chính trong tình trạng kiệt quệ. Chính quyền tỉnh tiếp nhận kho bạc của chế độ cũ để lại chỉ còn khoảng 2 vạn đồng Đông Dương rách nát. Nạn đói do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra từ cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa kịp khắc phục. Tuyệt đại đa số nhân dân trong tỉnh đều sống trong tình cảnh nghèo đói, phải chạy ăn

tùng bữa. Nhiều gia đình còn đang trong tình trạng bữa rau, bữa cháo. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp đều bị đình đốn vì chiến tranh; thiên tai liên tiếp xảy ra, hết lũ lụt lại hạn hán kéo dài. Nguy cơ nạn đói mới xuất hiện, đe dọa nghiêm trọng đời sống nhân dân các dân tộc. Hàng trăm gia đình nông dân ở các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ thiếu đói gay gắt. Hàng trăm người dân từ các tỉnh miền xuôi lên Thái Nguyên kiếm việc làm, đi xin ăn (trước tháng 8/1945), sống lay lắt do thiếu lương thực cần được cứu tế...

Cùng với nạn đói, nạn dốt cũng trở thành một thứ “giặc” gây trở ngại rất lớn đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ chế độ mới. Hậu quả chính sách văn hoá - giáo dục nô dịch, ngu dân của chính quyền thực dân, phong kiến để lại hết sức tai hại: Trên 90% dân số trong tỉnh mù chữ. Bên cạnh đó là các tệ nạn xã hội, như cờ bạc, nghiện hút thuốc phiện, trộm cắp, cùng với mê tín dị đoan, ma to cưỡi lớn tồn tại rất phổ biến.

Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, khoảng 5 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào đóng ở thị xã và các vị trí trọng yếu dọc theo Quốc lộ số 3 đến cầu Đa Phúc. Lấy danh nghĩa lực lượng của Đồng minh, chúng đòi ta phải cung cấp lương thực, thực phẩm cho đội quân ô hợp và đói rách này. Chúng đòi chính quyền và nhân dân ta phải dùng tiền “Quan Kim” là loại Quốc tệ đã mất giá trị của chúng làm phương tiện thanh toán. Hằng ngày, từ các vị trí chiếm đóng, các toán quân Trung Hoa Dân quốc tỏa ra

lùng sục, càn quét những vùng xung quanh. Đi tới đâu, chúng cũng cướp bóc, tàn phá, chiếm đoạt tài sản của nhân dân. Về chính trị, chúng lôi kéo, xúi giục người Hoa thành lập *Nam Dương Hoa kiều hiệp hội*; tuyên truyền, khống chế không cho người Hoa thực hiện các nghĩa vụ của công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Một số phần tử trong các đảng phái phản động từng hoạt động ở Thái Nguyên, lo sợ trước uy vũ của cách mạng trong những ngày nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền, nằm im nghe ngóng, nay thấy tình hình rối ren, phức tạp, đẩy mạnh các hoạt động chống phá...

Nhiệm vụ cách mạng trước mắt rất nặng nề trong khi tổ chức đảng từ tỉnh xuống đến cơ sở vừa yếu, vừa thiếu. Trong giai đoạn 1939 – 1945, mặc dù là một trong các trung tâm căn cứ địa nhưng công tác phát triển Đảng ở tỉnh Thái Nguyên chưa mạnh. Sau ngày khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ, nhiều cán bộ, đảng viên trung kiên của tỉnh được điều về các cơ quan Trung ương hoặc gia nhập lực lượng vũ trang. Vì vậy, đến đầu tháng 9/1945, tổng số đảng viên trong toàn tỉnh vẫn chỉ vào khoảng 40 đồng chí. Hai huyện Định Hóa và Phú Lương chưa xây dựng được tổ chức cơ sở đảng. Huyện Võ Nhai có tổ chức cơ sở đảng sớm, nhưng các đảng viên chủ yếu hoạt động trong các đơn vị Cứu quốc quân. Tổ chức đảng chưa thành hệ thống thống nhất, lại chịu sự lãnh đạo trực tiếp từ 3 đầu mối cấp trên là Xứ ủy Bắc Kỳ, Ban Lãnh đạo An toàn khu II và Ban Lãnh đạo Chiến khu Hoàng Hoa Thám. Toàn

tỉnh mới có hai huyện là Phú Bình và Đồng Hỷ thành lập được Ban Cán sự Đảng lâm thời (có chức năng như Đảng bộ huyện). Số đảng viên toàn tỉnh tuy có tinh thần hăng hái, sẵn sàng chiến đấu hi sinh để bảo vệ nền tự do độc lập, bảo vệ chế độ mới, nhưng phần lớn đều trưởng thành trong thực tiễn công tác, chiến đấu, mà chưa được qua đào tạo nên thường thiếu kiến thức hoạt động trong các lĩnh vực công tác mới. Ủy ban Nhân dân các cấp, nhất là cấp cơ sở còn lúng túng, bối ngỡ trước nhiệm vụ điều hành các hoạt động của chính quyền và quản lý kinh tế, xã hội. Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể Cứu quốc hầu hết được thành lập từ trong Cao trào kháng Nhật cứu nước, chưa được củng cố vững chắc; cán bộ lãnh đạo yếu và thiếu.

Để từng bước khắc phục tình trạng trên, giữa tháng 9/1945, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh được tổ chức tại xóm Trường Xô (xã Phấn Mễ huyện Phú Lương). Hội nghị công bố Nghị quyết của Xứ ủy Bắc Kỳ (do đồng chí Trần Quốc Hoàn – Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy, kí) chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, gồm 8 đồng chí.

Hội nghị cũng thảo luận và thông qua một số chủ trương, biện pháp về việc đối phó với quân Trung Hoa Dân quốc đang chiếm đóng, những nhiễu trên địa bàn tỉnh; về đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên; thành lập các tổ chức cơ sở đảng ở những nơi xét thấy đủ điều kiện; tăng cường đảng viên cho các ngành trọng yếu của tỉnh. Hội nghị Trường Xô có ý nghĩa quan trọng đối với công tác

xây dựng Đảng bộ Thái Nguyên. Đây là mốc đánh dấu sự thống nhất lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn toàn tỉnh.

Ngay sau khi thành lập, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh mở hội nghị và quyết định: Kiện toàn các cơ quan giúp việc Tỉnh ủy, ra sức xây dựng huyện ủy; đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên và thành lập các chi bộ cơ sở.

Trong hoàn cảnh hết sức phức tạp, để đối phó với sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch và sự “hiều lăm ở ngoài nước và ở trong nước có thể trở ngại cho tiền đồ giải phóng của nước nhà”⁽¹⁾, ngày 11/11/1945, Đảng Cộng sản Đông Dương thông báo tự ý giải tán, nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, từ giữa tháng 11/1945, Đảng bộ Thái Nguyên tập trung lãnh đạo các cấp bộ Đảng chuyển vào hoạt động bí mật. Tại thị xã Thái Nguyên, Hội văn hóa Mác xít được thành lập. Ở các huyện, Ủy ban Tuyên truyền chủ nghĩa Mác cũng lần lượt ra đời. Thông qua hoạt động của các tổ chức này, một số tài liệu về chủ nghĩa Mác – Lênin và tờ báo Sự thật - cơ quan ngôn luận của Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương (bộ phận hoạt động công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương), được phổ biến trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Mặc dù còn có những hạn chế do chưa có kinh nghiệm và phương tiện tuyên truyền,

⁽¹⁾ Thông cáo Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý giải tán, ngày 11/11/1945. Xem Văn kiện Đảng toàn tập. Tập 8 (1945-1947), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội, năm 1999.

sự hoạt động của các tổ chức nói trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng Đảng không những về chính trị, tư tưởng, mà cả về tổ chức.

Từ cuối năm 1945 đầu năm 1946, cuộc vận động xây dựng Đảng trong tỉnh bắt đầu được đẩy mạnh. Tỉnh ủy giao nhiệm vụ cho các đồng chí chỉ Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Bí thư Ban Cán sự đảng huyện trực tiếp phụ trách công tác tổ chức xây dựng Đảng. Những nơi chưa thành lập được chi bộ đảng, như Định Hóa, Phú Lương, cuộc vận động xây dựng Đảng bắt đầu từ cơ quan huyện, nơi tập trung những cán bộ trung kiên đã được rèn luyện, thử thách trong thời kì đấu tranh giành độc lập. Sau khi được kết nạp vào Đảng, các đồng chí này trở thành hạt nhân cho việc bồi dưỡng, kết nạp Đảng và xây dựng cơ sở đảng ở các xã.

Theo kế hoạch của Tỉnh ủy, việc bồi dưỡng đối tượng và kết nạp đảng viên trong năm 1946 được chia làm 4 đợt: Từ tháng 1 đến tháng 3; từ tháng 4 đến tháng 7; từ tháng 8 đến tháng 10; từ tháng 11 đến tháng 12. Mỗi đợt đều tổ chức sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nên số lượng đảng viên kết nạp đợt sau đều tăng hơn so với đợt trước. Số lượng đảng viên, tổ chức cơ sở đảng tăng dần đã tạo điều kiện cho việc thành lập các cơ quan huyện ủy, thay thế các Ban Cán sự Đảng.

Bên cạnh việc củng cố, kiện toàn từng bước cơ quan Tỉnh ủy, huyện ủy, Đảng đoàn và các Tiểu ban, đến cuối năm 1946, Đảng bộ Thái Nguyên đã thành lập được 28 chi bộ cơ sở (trong đó có 23 chi bộ xã, 2 chi bộ cơ quan

và 3 chi bộ xí nghiệp, hầm mỏ). Số lượng đảng viên tăng lên rõ rệt. Không kể số đảng viên trong các lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, đến cuối năm 1946, riêng các cơ quan, xí nghiệp thuộc tỉnh và các chi bộ nông thôn đã có 728 đảng viên.

Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhận thức về chính trị, về quan điểm giai cấp cho cán bộ, đảng viên được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Mặc dù đội ngũ cán bộ trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể đều thiếu, nhưng Đảng bộ vẫn cử nhiều đảng viên đang đảm nhiệm trọng trách ở tỉnh và các huyện tham dự các lớp bồi dưỡng dài hạn do Trung ương và Xứ ủy tổ chức. Vượt qua nhiều khó khăn về kinh phí, tài liệu, lớp học, giảng viên..., trong 6 tháng cuối năm 1946, Đảng bộ tỉnh đã mở được 5 lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ cấp tỉnh và huyện; mỗi lớp có khoảng 30 học viên, thời gian huấn luyện từ 15 đến 30 ngày. Nội dung học tập gồm: “Chương trình Đảng”, “Cộng sản sơ giản”, “Lịch sử Đảng”, “Cách mạng dân chủ mới”, v.v... Đồng thời, Đảng bộ cũng mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Chương trình huấn luyện, bồi dưỡng bao gồm lí luận sơ giản về Chủ nghĩa cộng sản, Lịch sử Đảng, Công tác chi bộ, Lí luận về cách mạng dân chủ mới và tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới... Hàng chục cán bộ, đảng viên, thông qua các lớp huấn luyện, được trang bị thêm những tri thức mới, thực sự phát huy được vai trò lãnh đạo trong mọi hoạt động ở địa phương.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều hạn chế. Tổ chức cơ sở đảng chưa được xây dựng đều khắp.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

Nhiều nơi chưa có chi bộ, tổ đảng. Trình độ lí luận cũng như trình độ giác ngộ giai cấp trong cán bộ, đảng viên còn thấp... Chín tháng đầu năm 1946, toàn tỉnh chỉ kết nạp được 118 đảng viên, thấp hơn nhiều so với kế hoạch đề ra.

Trước tình hình đó, trong tháng 9 và 10/1946, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết chỉ rõ mỗi đồng chí đảng viên chính thức phải giới thiệu một đồng chí vào Hội. Mỗi Huyện ủy viên phải tổ chức một chi bộ làng...⁽¹⁾. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, chín tháng tiếp theo (từ tháng 9/1946 đến tháng 6/1947), công tác phát triển Đảng có bước phát triển vượt bậc. Toàn Đảng bộ kết nạp được 1.570 đảng viên. Tuy nhiên, do quá chú trọng chạy theo số lượng, công tác điều tra, bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng không được quan tâm đúng mức, chất lượng đảng viên bị bỏ ngỏ; do đó nhiều phần tử cơ hội, những người trình độ nhận thức, ý thức giác ngộ về Đảng rất thấp cũng được kết nạp. Nguyên nhân của tình trạng này là do “đa số đồng chí không biết tuyên truyền giác ngộ người mình giới thiệu vào Hội. Tình trạng cảm tình cá nhân, nhiều đồng chí đưa những người trong gia đình vào Hội. Có khi được kết nạp vào Hội chỉ vì người đó biết chữ”⁽²⁾.

Phát hiện tình trạng kết nạp tràn lan, bừa bãi, không

⁽¹⁾ Theo Báo cáo Cứu quốc hội Thái Nguyên từ tháng 1 đến tháng 10 năm 1946, Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

⁽²⁾ Theo: Báo cáo tình hình của Cứu quốc Hội Thái Nguyên đến tháng 3 năm 1948, Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

kiểm soát nổi chất lượng, để cho nhiều phần tử phức tạp đã lọt vào Hội, Tỉnh ủy ra Nghị quyết tạm ngừng phát triển để củng cố. Thực hiện chủ trương này, từ tháng 7/1947 đến tháng 3/1948, hầu hết các chi bộ đều không kết nạp thêm đảng viên. Cuối năm 1947, hàng trăm đảng viên không còn đủ tiêu chuẩn đã bị loại ra khỏi hàng ngũ của Đảng.

Tình hình sinh hoạt các chi bộ cũng diễn biến phức tạp. Các chi bộ ở các phủ, huyện và những chi bộ đặc biệt thuộc Tỉnh ủy xây dựng lịch sinh hoạt mỗi tháng 3 kì, riêng châu Phú Lương thì các chi bộ mỗi tháng sinh hoạt một kì toàn chi và một kì từng tiểu tổ. Các chi bộ đặc biệt thuộc Tỉnh ủy thường bảo đảm sinh hoạt đúng kì, chất lượng sinh hoạt cũng khá hơn. Tuy nhiên, các chi bộ đặc biệt ở các cơ quan chính quyền từ tỉnh tới huyện hầu hết là không hiểu rõ quyền hạn, nhiệm vụ của mình, nên trong các kì họp nhiều chi bộ bàn và quyết định những vấn đề chuyên môn, còn công tác Hội thì không được chú ý.

Các cuộc sinh hoạt ở phủ, huyện và xã thường không đều, không đúng kì. Tại hai Đảng bộ Phú Bình, Phổ Yên, số lượng đảng viên tham gia sinh hoạt chi bộ chỉ được 50 đến 75%. Tỷ lệ này ở 5 huyện phía Bắc còn thấp hơn. Nguyên nhân của tình trạng trên là do nhiều đồng chí hoàn cảnh gia đình neo đơn; có khi lịch sinh hoạt chi bộ trùng với các hoạt động của chính quyền, quân sự, các đoàn thể Cứu quốc; hoặc vì sinh hoạt ghép, địa bàn rộng, đường xa, mỗi khi đi họp phải mang theo lương ăn, làm một số hội

viên cũng ngại đi sinh hoạt⁽¹⁾. Thời gian các buổi sinh hoạt không thống nhất, thường kéo dài từ nửa ngày, phần lớn là một ngày, có khi tới một ngày rưỡi. Những cuộc sinh hoạt có cán bộ cấp trên dự thì kết quả tương đối khá hơn, các vấn đề đưa ra tương đối rõ ràng, dễ hiểu... Còn lại đa số các buổi sinh hoạt chất lượng thấp. Chỉ có khoảng 20% số cán bộ của 2 huyện Phú Bình, Phổ Yên biết điều khiển các cuộc họp một cách linh hoạt; việc thảo luận các vấn đề tương đối kết quả. Tỷ lệ này ở các huyện phía Bắc chỉ khoảng 10%⁽²⁾.

Để nâng cao công tác xây dựng Đảng nói riêng, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ nói chung, cùng với các hoạt động chuẩn bị cho cuộc kháng chiến đang diễn ra khẩn trương, từ ngày 8 đến ngày 12/8/1947, tại đình An Mỹ (nay thuộc xã Mỹ Yên huyện Đại Từ), Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ nhất. Trên 100 đại biểu thay mặt cho hơn 1.500 đảng viên trong toàn Đảng bộ về dự Đại hội. Đồng chí Lê Đức Thọ, đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã nghe báo cáo tình hình mọi mặt trong toàn tỉnh; nghiên cứu, đánh giá nghiêm túc kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ đối với mọi mặt hoạt động của quân và dân Thái Nguyên trong 2 năm (từ tháng 9/1945 đến tháng 8/1947); chỉ rõ những ưu điểm, khuyết điểm cùng nguyên nhân của nó. Đại hội thảo luận các dự

^{(1) (2)} Báo cáo tình hình của Cứu quốc Hội Thái Nguyên đến tháng 3 năm 1948, Tlđđ.

án của Trung ương và Liên khu; thảo luận và thông qua chương trình dự án 6 tháng của tỉnh...

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá I gồm 11 đồng chí. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 3 đồng chí. Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất thành công tốt đẹp, Tỉnh ủy Thái Nguyên được kiện toàn một bước bảo đảm cho nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân các dân tộc đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đang đến gần.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, trong hơn 2 năm thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc, các cấp bộ Đảng trong toàn Đảng bộ Thái Nguyên đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh triển khai tốt công tác xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân, giữ vững an ninh trật tự, xây dựng Khu An toàn của Trung ương, phát triển kinh tế, đẩy lùi nạn đói, xây dựng đời sống văn hoá mới, chuẩn bị sẵn sàng cả tinh thần và vật chất cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân bước vào cuộc kháng chiến với niềm tin chiến thắng.

II- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ ra đời, đẩy mạnh công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm đầu kháng chiến (1948 – 1950)

Chiến thắng Việt Bắc Thu – Đông 1947 đã đem lại cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên niềm tự hào và tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Tuy nhiên, đương đầu với địch trong chiến dịch này, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên cũng không tránh khỏi những tổn thất to lớn. Toàn tỉnh có 160 người

bị giết, 267 người bị bắt, 8.359 ngôi nhà bị đốt phá, 1.813 con trâu, bò... bị giết hại và hơn 140 tấn thóc bị thiêu hủy. Những thiệt hại đó đã gây cho nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nhiều khó khăn về sản xuất và đời sống.

Để nhanh chóng khắc phục những khó khăn kể trên, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức hội nghị đánh giá tình hình, kiểm điểm kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp bộ đảng, chính quyền trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông, rút ra những bài học cần thiết phục vụ nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc của tỉnh trong thời gian tới. Một trong những bài học sâu sắc được Tỉnh ủy đúc rút là, nơi nào tổ chức đảng vững mạnh, làm tốt công tác chỉ đạo các cấp, các ngành, đoàn thể nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, biện pháp tiêu thổ kháng chiến, cất giấu tài sản, làm vườn không nhà trống, xây dựng lực lượng vũ trang, tổ chức huấn luyện kỹ, chiến thuật và hợp đồng chiến đấu tốt, đảng viên, cấp ủy viên gương mẫu đi đầu trong các hoạt động, thì nơi đó tiêu hao, tiêu diệt được sinh lực địch, cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị, tài sản và tính mạng của quần chúng nhân dân được bảo vệ. Ngược lại, nơi nào tổ chức đảng yếu kém, xem nhẹ công tác củng cố tổ chức, không quan tâm làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị lực lượng cùng các biện pháp đối phó và phòng tránh... khi chiến sự lan tới, thì nơi đó đảng viên thất tán, bỏ nhiệm vụ, chi bộ mất sức chiến đấu; tổ chức phòng tránh, đánh địch không hiệu quả, bị địch phát hiện càn quét, đốt phá thiệt hại nặng nề, nhân dân hoang

mang, lo lắng, mất lòng tin.

Từ năm 1948, việc tiếp tục xây dựng Thái Nguyên trở thành tỉnh hậu phương vững mạnh; giúp đỡ, cấp dưỡng và bảo vệ an toàn cho các cơ quan, đơn vị, các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Trung ương Đảng, Chính phủ đứng chân trên địa bàn trước những âm mưu thâm độc và sự bao vây, tấn công quyết liệt của kẻ thù là nhiệm vụ vinh quang nhưng hết sức nặng nề của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Trước tình hình và nhiệm vụ mới, Tỉnh ủy xác định một trong những nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách của Đảng bộ là tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố các tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng và phát triển đội ngũ đảng viên. Do đó, Hội nghị Tỉnh uỷ mở rộng (đầu năm 1948) chủ trương tăng cường công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Sau Hội nghị, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về công tác xây dựng Đảng, chỉ rõ:

- “Phải giáo dục huấn luyện các đồng chí, sinh hoạt luôn luôn, kiên quyết thanh trừ những phần tử hủ hoá, yếu hèn, cơ hội. Kiểm tra lí lịch các đồng chí theo tinh thần bản chỉ thị Trung ương để đề phòng nội gián. Các đồng chí cán bộ phải đi sát, hằng tháng sinh hoạt với chi bộ để điều đút làm cho các chi bộ hiểu biết cách làm việc. Các cuộc sinh hoạt phải rút ngắn thời gian, đưa ra những vấn đề thật thiết thực. Chú ý phải phát triển Hội (Đảng) trong các đồn điền và trong giới phụ nữ ...Nếu số huyện uỷ viên ở công tác chính quyền nhiều thì rút bớt ra để làm công

tác Hội. Phân phối, điều động cán bộ phải hợp lý, tránh chuyển nhiều”.

- “Cần phân biệt rõ ràng cán bộ Việt minh, cán bộ phụ trách công tác Hội và cán bộ Chính quyền. Cán bộ phụ trách công tác Hội là huyện ủy viên, phụ trách một số chi bộ. Trường hợp thiếu cán bộ phụ trách có thể lấy Bí thư chi bộ khá phụ trách thêm một chi bộ bên cạnh. Trong trường hợp này có thể tổ chức ra liên chi ủy để Bí thư chi bộ nào có năng lực hơn làm Bí thư liên chi”.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, trong quý I năm 1948, các cấp ủy đảng trong toàn Đảng bộ đã mở được 15 lớp huấn luyện cho cán bộ xã, Bí thư chi bộ và Chi ủy viên về tình hình thế giới, trong nước; đường lối chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng; công tác chi bộ và tư cách của người cán bộ, đảng viên. Thông qua các lớp huấn luyện, trình độ nhận thức, tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là của đội ngũ Bí thư chi bộ được nâng cao. Tuy nhiên, do thời gian mở lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn, nội dung, chương trình huấn luyện chưa được chuẩn bị chu đáo, đội ngũ giảng viên thiếu và chưa đồng đều..., nên kết quả huấn luyện và học tập còn hạn chế.

Để có đội ngũ cán bộ chuyên sâu về công tác Đảng, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo xây dựng các cơ quan giúp việc và kiện toàn cấp ủy các cấp. Theo đó, cuối quý I năm 1948, bốn ban chuyên môn giúp việc Tỉnh ủy là Tổ chức – Kiểm tra, Dân vận, Tuyên huấn, Kinh tế - Tài chính ra đời. Nhằm khắc phục tình trạng thiếu cán bộ, Tỉnh ủy chỉ

đạo rút một số cán bộ ở các huyện lên và đề nghị Liên Khu ủy Việt Bắc điều động bổ sung về hỗ trợ. Nhờ đó, đến đầu tháng 4/1948, Ban Tuyên huấn có 3 cán bộ, do đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Ban Tổ chức - Kiểm tra có 4 cán bộ, do một đồng chí Tỉnh ủy viên làm Trưởng ban. Ban Dân vận (gồm các tiểu ban Phụ vận, Công vận, Thanh vận) có 3 cán bộ, do một đồng chí Tỉnh ủy viên làm Trưởng ban. Ban Kinh tế - Tài chính có 5 cán bộ, do một đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách kinh tế, một đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách Tài chính. Cùng thời gian này, Văn phòng Tỉnh ủy cũng được biên chế đủ một Bí thư, một Thư kí Văn phòng và 3 nhân viên.

Do mới thành lập, các ban chuyên môn và Văn phòng Tỉnh ủy đứng trước nhiều khó khăn, bất cập. Cán bộ thiếu và chưa vững về chuyên môn, phương tiện làm việc, hoạt động hầu như chưa có gì. Tuy nhiên, sự kiện này là bước chuyển quan trọng, mở ra một thời kì mới trong lịch sử công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Từ đây, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ đã có cơ quan chuyên trách đảm nhận. Dưới sự lãnh đạo của Thường trực Tỉnh ủy, các ban chuyên môn luôn đoàn kết, phối kết hợp chặt chẽ trong công tác tham mưu, bảo đảm cho vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh được chủ động, sâu rộng trong các hoạt động kháng chiến, kiến quốc trên địa bàn tỉnh.

Đội ngũ cán bộ làm công tác Đảng ở cấp huyện thời kì này có nhiều khó khăn hơn. Tổng số cán bộ cấp huyện có 147 người (bao gồm cả chính quyền, Đảng, Mặt trận

và đoàn thể); trong đó cán bộ làm công tác Đảng chỉ có 35 đồng chí. Trong 45 đồng chí Huyện ủy viên, hầu hết là nông dân; 9 đồng chí có trình độ sơ học bổ túc; còn các đồng chí khác chỉ ở “trình độ đọc thông viết thạo”; khoảng 2/3 số đồng chí tương đối hiểu chỉ thị, nghị quyết đường lối chủ trương của Hội, công tác có kế hoạch; còn 1/3 thì không có sáng kiến, chậm hiểu, làm việc chậm chạp. Phần lớn các đồng chí Huyện ủy viên chưa đi sát được các chi bộ để nắm tình hình; được phân công phụ trách vùng nào hoặc công tác nào thì chỉ biết có phạm vi đó mà không có khả năng nhận biết, đánh giá tình hình chung toàn huyện. Việc định kì sinh hoạt không được thống nhất, có huyện 1 tháng sinh hoạt 1 kì, có huyện 1 tháng sinh hoạt 2 kì, ngày sinh hoạt cũng không được cụ thể...

Trong toàn Đảng bộ chỉ có Huyện ủy Đồng Hỷ thành lập được Ban Tổ chức – Kiểm tra với 3 biên chế. Các huyện ủy khác chưa thành lập được các ban chuyên môn giúp việc, mà chỉ mới chỉ định được cán bộ phụ trách từng mặt công tác. Hai huyện Đại Từ, Võ Nhai, mỗi huyện chỉ có 1 cán bộ phụ trách công tác Tổ chức – Kiểm tra. Các Huyện ủy Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa chưa có Thư kí Văn phòng. Huyện ủy Võ Nhai thiếu cả Thư kí Văn phòng và nhân viên đánh máy⁽¹⁾.

Nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh, ngày 29/4/1948, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định tổ chức thành lập hai liên chi bộ khối

⁽¹⁾ Biên bản Hội nghị mở rộng của Tỉnh ủy Thái Nguyên ngày 9/4/1948. Trong Biên bản này thiếu số liệu của Huyện ủy Phú Bình.

Chính quyền tỉnh và khối Tỉnh ủy. Trong đó, Liên chi bộ thuộc Chính quyền tỉnh gồm có: Chi bộ ghép (Văn phòng Ủy ban Kháng chiến - Hành chính, Y tế, Thông tin), Chi bộ Công an, Chi bộ Dân quân, Chi bộ Cảnh vệ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định Ban Liên Chi ủy gồm 4 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Đức Kiên - Bí thư Chi bộ ghép, làm Bí thư; Nguyễn Hữu Uẩn - Bí thư Chi bộ Tỉnh đội bộ dân quân, làm Phó Bí thư; các đồng chí Liên - Chi bộ ghép, Nguyễn Hoà Bình - Chi bộ Ty Công an, làm Ủy viên. Liên chi bộ Tỉnh ủy gồm có các đồng chí đảng viên của cơ quan Giao thông, Liên hiệp Công đoàn, Tuyên huấn, Dân vận, Văn phòng Tỉnh ủy. Liên chi ủy được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định gồm 5 đồng chí, do đồng chí Trần Đình Nghị - Bí thư Chi bộ Dân vận, làm Bí thư, đồng chí Lập - Bí thư Chi bộ Tuyên huấn, làm Phó Bí thư; các đồng chí Quang (Chi bộ Giao thông), Nghiên (Chi bộ Văn phòng Tỉnh ủy), Tùng (Chi bộ Liên hiệp Công đoàn) làm Ủy viên.

Cùng với công tác xây dựng và củng cố tổ chức đảng, cán bộ chuyên môn về công tác Tổ chức - Kiểm tra trực tiếp tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ đảng viên; trước hết là lãnh đạo thực hiện nghiêm túc và triệt để việc rà soát, sàng lọc những đảng viên yếu kém về phẩm chất và năng lực do công tác phát triển quá rộng rãi thời kì cuối năm 1946, đầu năm 1947. Những yếu kém của những đảng viên này đã được bộc lộ rõ nhất trong thời gian thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc Thu - Đông 1947; cần phải "*Kiên quyết thanh trừng những*

phân tử hư hỏng, uơu hèn có hại ra khỏi Đảng”⁽¹⁾.

Trong quý I năm 1948, toàn Đảng bộ đã kiểm tra, rà soát phân loại và thi hành kỉ luật 119 đảng viên. Trong đó có 32 đảng viên bị kỉ luật phê bình, 41 đảng viên bị cảnh cáo, 11 đảng viên bị khai trừ Đảng có kì hạn, 17 đảng viên bị khai trừ không kì hạn, 18 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng vĩnh viễn. Trong số 18 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng vĩnh viễn, có 4 đảng viên của hăng Việt Thái - cơ quan kinh tế của Tổng bộ Việt Minh, do đồng chí Nguyễn Văn Mô (tức Cương), Tỉnh ủy viên phụ trách. Hăng Việt Thái được thành lập từ cuối năm 1946, với số vốn ban đầu khoảng 2 triệu đồng, có nhiệm vụ làm kinh tế (tổ chức sản xuất, kinh doanh) gây quỹ phục vụ hoạt động của cơ quan và trợ cấp cải thiện đời sống của cán bộ, đảng viên khỏi Đảng của tỉnh. Sau hơn một năm, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều thua lỗ, việc ghi chép chi tiêu không rõ ràng, dễ xảy ra “tình trạng mờ ám về tiền quỹ... dẫn tới thất thoát hơn một triệu đồng công quỹ”⁽²⁾. Vì chủ trương tài chính, kinh tế thất bại, để hăng Việt Thái phạm sai lầm, khuyết điểm gây thiệt hại lớn, đầu tháng 1/1948, Tỉnh ủy Thái Nguyên bị Khu ủy Khu I thi hành kỉ luật cảnh cáo⁽³⁾. Cùng với 4 đảng viên của hăng Việt Thái, còn có 10 đảng

⁽¹⁾ Nghị quyết cuộc Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng ngày 15/3/1948. Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

⁽²⁾ Thời giá lúc đó, nhu cầu chi tiêu của cả cơ quan Tỉnh ủy chỉ có 150 đồng/tháng.

⁽³⁾ Dẫn theo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 – 1965), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên xuất bản năm 2003, trang 234.

viên của Chi bộ Thịnh Đán (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên) và 4 đảng viên của Chi bộ La Hiên (huyện Võ Nhai) bị khai trừ ra khỏi Đảng vĩnh viễn vì 3 tháng không sinh hoạt chi bộ, nội bộ đảng viên chia rẽ, mất đoàn kết; có đảng viên chi bộ giao nhiệm vụ không làm; có đảng viên đã đốt nhà người khác vì tư thù cá nhân; có đảng viên lợi dụng khi địch tấn công vào địa bàn xã đi cướp của, chiếm đoạt giấy tờ của người dân tản cư.

Việc rà soát và *“Kiên quyết thanh trừng những phần tử hư hỏng, uơu hèn có hại ra khỏi Đảng”* của Tỉnh ủy Thái Nguyên có tác dụng tích cực trong việc củng cố tổ chức Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ đảng viên trước yêu cầu công tác và nhiệm vụ được giao.

Cùng với công tác rà xét, thanh lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng, Đảng bộ chú trọng công tác bồi dưỡng phát triển đảng viên mới. Từ kinh nghiệm của những năm trước, Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy các cấp nghiêm túc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục phát triển; tiến hành đúng tuân tự các bước từ phát hiện quần chúng gương mẫu, kiểm tra, xác minh về nhân thân và gia đình, tuyên truyền bồi dưỡng đối tượng nhận thức về Đảng đến giao việc thử thách khi đủ điều kiện mới tổ chức xét duyệt, kết nạp. Nhờ đó, số đảng viên được kết nạp trong quý I năm 1948 đều bảo đảm chất lượng tốt. 247 quần chúng ưu tú được đứng trong hàng ngũ của Đảng đợt này đều là những dân quân, du kích và những người có tinh thần phục vụ chiến đấu, chiến đấu dũng

cắm chống lại các cuộc tấn công càn quét của địch cuối năm 1947. Quý II năm 1948, Đảng bộ kết nạp thêm 124 đảng viên mới, đưa tổng số đảng viên được kết nạp trong 6 tháng đầu năm lên 371 đồng chí. Nhìn chung, công tác phát triển Đảng trong 6 tháng đầu năm của Đảng bộ đã bảo đảm phương châm “*trọng chất lượng hơn số lượng*”, thực sự bổ sung cho Đảng bộ sức chiến đấu mới.

Ngày 29/4/1948, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị mở rộng để đánh giá tổng quát tình hình đội ngũ cán bộ và phân công công tác chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ lần thứ II, dự kiến diễn ra vào trung tuần tháng 6/1948, tiến tới Đại hội đại biểu toàn Liên khu và Đại hội Đảng toàn quốc. Hội nghị quyết định thành lập Ban Trù bị Đại hội gồm 7 đồng chí, do đồng chí Lý - Trưởng ban Tổ chức, phụ trách, trong đó có 1 đại biểu Ban Tuyên huấn, 1 đồng chí phụ trách thông tin tuyên truyền tỉnh, 1 đại biểu Trung đoàn ủy, 1 đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách công văn, 1 đồng chí phụ trách dân quân tỉnh, 1 đồng chí phụ trách giao thông tỉnh. Nhiệm vụ của Ban Trù bị được xác định là: giúp Tỉnh ủy lập ra Ban Tổ chức Đại hội, xây dựng Nội quy Đại hội; thu thập tài liệu làm báo cáo và thu thập đề án của cấp dưới; Ban hành chỉ thị hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị về cách cử đại biểu và chuẩn bị mọi mặt để đi dự Đại hội.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên Khu ủy Liên khu I, từ ngày 15 đến ngày 22/6/1948, tại xã Yên Mỹ, huyện Đại Từ, Đảng bộ tổ chức Đại hội đại biểu

Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ hai, với sự có mặt của 147 đại biểu chính thức, 26 đại biểu dự thính đại diện cho 2.849 đảng viên⁽¹⁾ ở 145 chi bộ trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lê Đức Thọ thay mặt Trung ương Đảng và đại diện Liên Khu ủy Liên khu Việt Bắc đã về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ từ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất (8/1947) đến tháng 6/1948, Đại hội nhất trí khẳng định: Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương làm tốt nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần to lớn cùng quân và dân các tỉnh trong Liên khu đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của địch lên căn cứ địa Việt Bắc Thu - Đông 1947, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến; lãnh đạo tốt việc hợp nhất Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Hành chính thành Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các cấp từ tỉnh xuống cơ sở theo Sắc lệnh tháng 10/1947 của Chính phủ; qua đó đã loại được một số người xấu ra khỏi bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo, đưa được nhiều người tốt vào hệ thống chính quyền các cấp trong tỉnh; chấn chỉnh và củng cố Ủy ban Kháng chiến - Hành chính và các đoàn thể các cấp, nhất là cấp xã, trừng trị những vụ gian lận tiền thuế, lạm dụng công quỹ, thúc đẩy các ngành chuyên môn làm việc, phát triển vũ trang cho dân quân, du kích... Sau khi quân Pháp rút, Đảng bộ đã kịp thời lãnh đạo chính quyền các cấp tổ chức rút kinh

⁽¹⁾ Trong 2.849 đảng viên có 1.982 đảng viên chính thức, 921 đảng viên dự bị, 239 đảng viên nữ.

nghiệm việc chỉ đạo chiến đấu, động viên, củng cố lại tinh thần và cứu tế cho nhân dân những nơi bị địch tàn phá.

Đại hội cũng nghiêm khắc chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm của Đảng bộ đã để xảy ra tình trạng hoang mang, tan rã, chạy dài và hành động bừa bãi của cán bộ và nhân dân ở một vài nơi trong tỉnh thời kì địch tấn công, càn quét Thái Nguyên; để mất đoàn kết nội bộ giữa cán bộ ở các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Định Hóa, Phổ Yên, đặc biệt là ở huyện Đại Từ và Đồng Hỷ, làm cho tổ chức Đảng bị tê liệt, mất tác dụng, ảnh hưởng xấu tới phong trào. Việc thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy về chấn chỉnh, sửa chữa sai lầm, khuyết điểm trong công tác phát triển Đảng cuối năm 1946 đầu năm 1947 còn nhiều hạn chế. Việc thi hành kỉ luật đảng viên cũng hết sức tùy tiện, không tuân theo quy tắc của Đảng, làm tổn thương đến uy tín và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng⁽¹⁾.

Đánh giá tình hình hoạt động của các cấp bộ đảng, Đại hội chỉ rõ, hoạt động của các tổ chức đảng ở cơ sở yếu. Trước tình trạng thời gian họp của nhiều chi bộ quá dài, Tỉnh ủy chỉ đạo “chỉ nên gói ghém thời gian sinh hoạt vào khoảng 2 giờ”⁽²⁾. Nhiều chi bộ đã thi hành Chỉ thị này một cách máy móc, chỉ sinh hoạt trong khoảng thời gian ấy, dù còn nhiều vấn đề cần phải đem ra họp bàn cũng dừng lại. Các buổi sinh hoạt thường vắng tới 1/3 số đảng viên. Trong sinh hoạt, nhiều đảng viên chỉ ngồi nghe rồi nhận nhiệm vụ được phân công mà không biết trao đổi,

^{(1) (2)} Biên bản Hội nghị đại biểu toàn tỉnh từ 15 đến 21/6/1948.

thảo luận công việc trong chi bộ. Nhìn chung, số chi bộ và đảng viên tự động công tác chỉ chiếm khoảng 1/5.

Ở cấp huyện vì thiếu người nên phân đông cán bộ các huyện ủy còn phải làm nhiều việc, dẫn đến chỗ bao biện (Đại Từ, Định Hoá). Đa số cán bộ đã hiểu được công việc nhưng thực hành rất kém; cách làm việc thường thụ động, thiếu sự tập đoàn chỉ huy, cá nhân phụ trách⁽¹⁾.

Các ban chuyên môn của Tỉnh ủy chưa kiện toàn vì thiếu cán bộ, cách làm việc vẫn loạc choạc vì cán bộ thường thay đổi luôn, chưa chuyên môn hoá. Mỗi quan hệ của các ban chưa được xác định rõ. Chỉ có Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm nhiệm vụ chỉ đạo phong trào chung toàn tỉnh, còn các Tỉnh ủy viên về phụ trách các huyện thì chỉ biết có huyện mình phụ trách, ít giúp cho Thường vụ những sáng kiến về chủ trương, công tác⁽²⁾.

Đại hội thảo luận và đóng góp nhiều ý kiến xây dựng phương án hoạt động 6 tháng cuối năm 1948 gồm 5 nội dung: Phát triển, củng cố Hội; Các tổ chức quần chúng; Ủy ban Kháng chiến - Hành chính, Hội đồng Nhân dân, các ngành chuyên môn, tổ chức dân quân các cấp; Cải thiện đời sống nhân dân và Thi đua ái quốc.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II gồm 9 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ II tuy gấp rút, nhưng về mặt tổ chức cũng khá chu đáo, có tiến bộ so với Hội nghị đại biểu toàn tỉnh năm 1947, đánh dấu một bước

^{(1) (2)} Biên bản Hội nghị đại biểu toàn tỉnh từ 15 đến 21/6/1948.

tiến mới trong công tác tổ chức các hội nghị lớn. Các đại biểu dự Đại hội đều hăng hái, hồ hởi, phấn khởi. Các nội dung đưa ra trong Đại hội đều được thảo luận sôi nổi, nhiều ý kiến tham gia sâu sắc, sát thực tiễn. Cách làm việc trong Đại hội cũng khá hợp lí, quân sự hóa và khoa học.

Ngày 23/6/1948, Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II đã họp, bầu các đồng chí Lê Thanh làm Bí thư Tỉnh ủy, Lê Trung Đình làm Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Bí thư Đảng đoàn chính quyền tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến – Hành chính tỉnh; Trần Quốc Trung làm Ủy viên Ban Thường vụ kiêm Trưởng ban Tổ chức – Kiểm tra. Hội nghị đã phân công các đồng chí Lê Hải An làm Trưởng ban Tuyên huấn, Ngô Nhị Quý làm Trưởng ban Dân vận, Ngọc Lan làm Trưởng ban Kinh tế - Tài chính, Lưu Xuân Hỷ làm Bí thư Văn phòng Tỉnh ủy, Trần Lê Nhân làm Bí thư Huyện ủy Phú Bình, Vũ Hưng làm Bí thư Huyện ủy Định Hóa, Nguyễn Văn Mô (tức Cương) làm Bí thư Huyện ủy Đại Từ, Phan Văn Tỉnh phụ trách Tỉnh đội bộ dân quân; bổ nhiệm đồng chí Phan Quế (Phó Bí thư Huyện ủy Phú Lương) giữ chức Bí thư Huyện ủy Phú Lương; Phan Thủy (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương) làm Bí thư Huyện ủy Võ Nai; Đặng Dũng (Huyện ủy viên Đồng Hỷ) làm Bí thư Huyện ủy Đồng Hỷ; Quốc Trung (Phó Bí thư Huyện ủy Đồng Hỷ) làm Bí thư Huyện ủy Phổ Yên; Trường Sinh (Bí thư Huyện ủy Phổ Yên) lên Ban Tổ chức – Kiểm tra; chỉ định các đồng chí Lê Trung Đình, Nguyễn Đình Lim (Trưởng ty Công an)

vào Đảng đoàn chính quyền tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, từ tháng 7 đến tháng 10/1948, Tỉnh ủy chỉ đạo củng cố, kiện toàn các ban chuyên môn cấp tỉnh, các ban huyện ủy thông qua các kì đại hội đảng bộ huyện⁽¹⁾. Cùng thời gian này, Tỉnh ủy đã mở 5 lớp bồi dưỡng cho 180 đồng chí cán bộ và cấp ủy viên cấp huyện, xã; các huyện ủy mở 82 lớp bồi dưỡng cho 1.350 cán bộ, đảng viên.

Trên cơ sở làm tốt công tác củng cố và đào tạo, Đảng bộ hướng công tác xây dựng Đảng vào 2 nội dung trọng tâm là xây dựng chi bộ vững mạnh và phát triển đảng viên. Thực hiện chỉ tiêu mỗi xã, mỗi trung đội du kích tập trung có một chi bộ, mỗi xóm hoặc làng có 1 tổ đảng, Tỉnh ủy đã mở Cuộc vận động phát triển đảng viên. Hưởng ứng cuộc vận động này, các cấp ủy đã chọn, cử những quần chúng tiêu biểu trong *Phong trào thi đua ái quốc* đi dự các lớp bồi dưỡng đối tượng Đảng. Những khu vực chưa có đảng viên, những vùng trọng điểm, vùng đồng bào dân tộc ít người được chú ý quan tâm hơn. Nhờ đó, trong 6 tháng cuối năm 1948, toàn Đảng bộ đã kết nạp được 632 quần chúng ưu tú vào Đảng. Tính đến tháng 12/1948, toàn tỉnh có 89 trên tổng số 92 xã đã thành lập được chi bộ (3 xã còn lại chưa có chi bộ thuộc Đảng bộ Đồng Hỷ), 58 xã có tổ đảng ở cấp thôn, làng. Bước sang năm 1949,

⁽¹⁾ Tháng 7: Đại hội Đảng bộ Phú Bình, tháng 8: Đại hội Đảng bộ Đồng Hỷ, Phố Yên, tháng 9: Đại hội Đảng bộ Định Hoá, Đại Từ, tháng 10: Đại hội Đảng bộ Phú Lương.

công tác phát triển Đảng tiếp tục được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo triển khai. Đến quý II năm 1949, toàn Đảng bộ có thêm 1.262 đảng viên mới, đưa tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 4.452 đồng chí. Tuy nhiên, công tác phát triển Đảng còn chậm và không đều. Huyện Phú Lương tăng 28,8%, huyện Phổ Yên 21%, Phú Bình 20%, huyện Định Hoá 15,6%, Đại Từ 8%. Nguyên nhân của tình trạng này là do các đảng viên chưa biết làm công tác tuyên truyền phát triển Đảng, chưa nghiên cứu rõ ràng và áp dụng đúng kế hoạch để đẩy mạnh công tác phát triển Đảng ở những hướng chính.

Thực hiện kế hoạch điều chuyển cán bộ và củng cố tổ chức, quý I năm 1949, đồng chí Lê Trung Đình - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh được Liên Khu ủy Khu I chỉ định giữ chức Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Lê Thanh đi nhận công tác khác; Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy được tách thành 2 ban Tuyên truyền và Huấn học; Ban Tổ chức - Kiểm tra được tách thành 2 ban Đảng vụ và Kiểm tra. Sau khi thành lập, Ban Đảng vụ đã tham mưu cho Tỉnh ủy mở hội nghị bồi dưỡng quán triệt nguyên tắc, phương hướng, nội dung công tác xây dựng Đảng. Tại hội nghị này, Tỉnh ủy đã thống nhất quy định rõ 4 nội dung sinh hoạt chi bộ gồm: Kiểm điểm công tác lãnh đạo của cấp ủy giữa hai kì sinh hoạt; bàn và quyết định nhiệm vụ công tác mới; kiểm điểm tự phê bình, phê bình và sinh hoạt chính trị.

Tiếp đó, thực hiện chủ trương tinh giản bộ máy cấp

huyện và kiện toàn Ban chuyên môn tỉnh, trong tháng 5 và tháng 6/1949, nhiều cán bộ ở huyện được điều động về tỉnh hoặc sung vào các đội củng cố chi bộ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên Khu ủy Khu I, ngày 2/7/1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ III được tổ chức. Đại hội khẳng định trong nhiệm kỳ thứ II, nội bộ Tỉnh ủy đoàn kết; hầu hết các đồng chí Tỉnh ủy viên đã được bồi dưỡng, huấn luyện nên năng lực công tác, ý thức trách nhiệm được nâng cao, thường xuyên bám sát cấp huyện để theo dõi, nắm tình hình, chỉ đạo công tác. Công tác củng cố tiếp tục được duy trì. Hầu hết các huyện đều cử cán bộ trực tiếp làm Bí thư để dìu dắt chi bộ kém, đưa số *Chi bộ tự động công tác*⁽¹⁾ toàn tỉnh lên 52, tăng 5 chi bộ so với quý I năm 1949. Đảng bộ đã thanh toán hết số chi bộ dự bị, 116/116 chi bộ trong toàn tỉnh đều là chi bộ chính thức; số đảng viên mỗi chi bộ có ít nhất 7 - 8 đồng chí, nhiều nhất gần 180 đồng chí; 108/116 chi bộ có Ban Chi ủy, với số lượng từ 6 đến 7 thành viên. Một số chi bộ cơ quan công sở ít đảng viên thì Ban Chi ủy có 3 thành viên).

Đại hội cũng chỉ ra nhiều thiếu sót, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng; đó là tốc độ phát triển Đảng không đều, kết quả củng cố chi bộ giữa các vùng chưa tương xứng. Ở các vùng cơ sở cách mạng, vùng có đông

⁽¹⁾ Là chi bộ có thể tự đặt được kế hoạch thi hành chi thị nghị quyết của cấp trên, lãnh đạo được các mặt công tác của đơn vị mình. Xem: *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 11, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001, trang 93.*

đồng bào Công giáo, đồng bào dân tộc thiểu số và ở các cơ quan chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện, công tác xây dựng và phát triển Đảng chưa được đẩy mạnh. Khả năng tuyên truyền, giáo dục quần chúng để phát triển Đảng của chi bộ và đảng viên còn nhiều hạn chế. Nhiều cán bộ cấp ủy và đảng viên từ tỉnh xuống huyện, xã còn có biểu hiện tư tưởng cục bộ, địa vị, xa rời quần chúng, lười học tập, ỷ lại, hẹp hòi, thành kiến... ảnh hưởng xấu đến uy tín và vai trò lãnh đạo của cấp ủy.

Từ kết quả và thiếu sót khuyết điểm trên, Đại hội đã xây dựng phương hướng với nhiều biện pháp khắc phục, trong đó chú trọng từng bước đưa việc học tập nâng cao trình độ nhận thức và năng lực lãnh đạo của cán bộ, đảng viên vào nền nếp; tăng sự kiểm tra hướng dẫn ở chi bộ của các ban chuyên môn tỉnh và huyện; thành lập các đoàn giáo viên liên huyện để tổ chức các lớp huấn luyện liên chi cho các chi bộ....

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III gồm 11 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 5 đồng chí.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, nhân dịp kỷ niệm 5 năm Ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/1949), ngày 15/8/1949, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 01- CT/TU tổ chức cuộc *"Tổng kiểm thảo (từ 19/8 đến 2/9/49) nhằm nâng cao tinh thần tự phê bình chỉ trích trong toàn Đảng bộ"*. Chỉ thị nêu rõ: *"Tự phê bình chỉ*

trích là phương châm giúp ta tiến bộ, là điều kiện căn bản cho Đảng ta mau trưởng thành"; và yêu cầu các cấp bộ đảng, các ban chuyên môn, các ngành căn cứ vào bản kế hoạch của Tỉnh ủy mà tích cực vận động cho toàn thể các đồng chí hiểu rõ ý nghĩa và mục đích cuộc "*Tổng kiểm thảo*"; thúc giục, kiểm soát đôn đốc để thực hiện việc này được kết quả. Các địa phương căn cứ vào khuyết điểm của đơn vị mình, của cá nhân mình, nhưng đồng thời cũng phải hướng theo những khuyết điểm chung của Đảng bộ tỉnh để sửa chữa. Các huyện ủy, các liên chi, các ban căn cứ vào kế hoạch tỉnh mà tổ chức giúp đỡ các chi bộ bảo đảm thực hiện tốt những kế hoạch đã đề ra. Ban Đảng vụ và Ban Kiểm tra chú ý theo dõi, đôn đốc thu lượm kết quả và rút kinh nghiệm trong thời gian "*Tổng kiểm thảo*"... Nhờ đó, công tác xây dựng và phát triển Đảng trong năm 1949 tiếp tục đạt kết quả cao. Toàn Đảng bộ kết nạp được 1.480 đảng viên, thành lập thêm 18 chi bộ mới. Đến tháng 12/1949, toàn Đảng bộ có 66 *Chi bộ tự động công tác*, tăng 10 chi bộ so với quý III.

Bước sang năm 1950, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đẩy mạnh thi đua, gấp rút "*Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công*". Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng "*năm nay việc xây dựng Đảng phải nặng về mặt củng cố hơn là phát triển*"⁽¹⁾, Đảng bộ liên tục tổ chức các

⁽¹⁾ Theo: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 11, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001, trang 94.

cuộc vận động nhằm củng cố cơ sở và nâng cao chất lượng đảng viên. Nhân dịp kỉ niệm 20 năm Ngày thành lập Đảng (6/1/1930 – 6/1/1950), Đảng bộ triển khai cuộc vận động Học tập lí luận, rèn luyện đạo đức cách mạng. Kỉ niệm lần thứ 60 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/1950), Đảng bộ phát động Tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính. Các cuộc vận động này đều được triển khai một cách bài bản. Trước khi triển khai ra toàn tỉnh, Tỉnh ủy đều giao cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm. Nhờ đó, khi triển khai trên diện rộng đều đạt yêu cầu đề ra.

Thông qua các cuộc vận động, công tác xây dựng, củng cố các tổ chức đảng của Đảng bộ mang lại hiệu quả thiết thực. Hầu hết các chi uỷ đã được kiện toàn, nhiều đảng viên tiêu biểu xuất thân từ các thành phần cơ bản được bổ sung vào cấp uỷ; ý thức giai cấp, trình độ chính trị và năng lực lãnh đạo của cán bộ, đảng viên được nâng lên.

Trên cơ sở kết quả công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tỉnh triển khai công tác xây dựng và củng cố chính quyền các cấp, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ an toàn Trung tâm căn cứ địa Việt Bắc - Thủ đô kháng chiến của cả nước.

Thực hiện cuộc vận động Chấn chỉnh cấp xã, do Liên khu I phát động, Tỉnh uỷ Thái Nguyên chỉ đạo chuyển trọng tâm công tác xuống xã. Theo đó, nhiều đội công tác cấp tỉnh được thành lập và đi xuống chỉ đạo các huyện

củng cố cấp xã. Một số đội công tác trực tiếp xuống tận xã để vừa chỉ đạo củng cố vừa rút kinh nghiệm chung. Nhờ đó, cuộc vận động chấn chỉnh cấp xã đạt được kết quả tốt. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng từng bước được nâng lên. Nhiều cán bộ, đảng viên đã nhận rõ trách nhiệm gương mẫu đi đầu trong công tác. Nhiều chi bộ, nhiều xã từ yếu, kém vươn lên khá. Một số cán bộ, đảng viên kém ý chí phấn đấu, chây lười trong công tác hoặc công tác không hiệu quả bị thanh thải. Ủy ban Kháng chiến – Hành chính xã Cù Vân huyện Đại Từ và xã Vô Tranh huyện Phú Lương có nhiều sai sót, khuyết điểm, nội bộ mất đoàn kết đã bị giải tán để tổ chức lại. 39 đảng viên là cán bộ chủ chốt cấp huyện và xã do chây lười công tác, không chấp hành chính sách, thoái hoá, biến chất đã bị cảnh cáo, cách chức hoặc khai trừ ra khỏi Đảng.

Cùng với việc lãnh đạo xây dựng, củng cố tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp, Đảng bộ tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, du kích và tham gia xây dựng bộ đội chủ lực. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng quân sự địa phương, Đảng bộ quyết định đưa 221 đảng viên vào làm nòng cốt lãnh đạo lực lượng dân quân, du kích; lãnh đạo kiện toàn 7 đại đội bộ đội địa phương ở 7 huyện trong tỉnh; động viên tuyển quân cho các đơn vị bộ đội chủ lực; tổ chức các đợt dân công, đóng góp sức người, sức của phục vụ chiến dịch Biên giới Thu – Đông 1950.

Nhận thấy công tác phát triển Đảng trong cả nước quá

nh nhanh, bên cạnh những đảng viên mới được kết nạp trung thành, hăng hái, cũng không tránh khỏi việc kết nạp câu thả, đưa vào Đảng một số người không xứng đáng, kém ý thức Đảng, ý thức giai cấp⁽¹⁾..., từ giữa năm 1950, Trung ương Đảng phát động 2 cuộc vận động *Đào tạo cán bộ, học tập lí luận và Phê bình và tự phê bình*.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy giao cho hai Ban Tuyên truyền và Huấn học triển khai cuộc vận động *Đào tạo cán bộ, học tập lí luận*. Việc tổ chức học tập cho cán bộ được đặc biệt chú ý, Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch và kỉ luật học tập để thúc đẩy phong trào. Cuộc vận động *Phê bình và tự phê bình* do Ban Đảng vụ tổ chức triển khai.

Theo sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Đảng vụ xây dựng kế hoạch và triệu tập Hội nghị cán bộ Đảng vụ toàn tỉnh để phổ biến ý nghĩa, mục đích và kế hoạch triển khai cuộc vận động. Tiếp đó, ngày 15/9/1950, Ban Đảng vụ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết nghị số 121/NQ-TN, thành lập 2 đoàn (mỗi đoàn 6 đồng chí) làm nhiệm vụ hướng dẫn phê bình và tự phê bình cho các chi bộ Đại Đồng, Thượng Đình (Phú Bình), Trần Phú, Phượng Tú (Định Hoá), Lâu Thượng, La Hiên (Võ Nai), Hợp Thành, Phúc Thuận (Phổ Yên), Cổ Lũng, Yên Trạch (Phú Lương), trong thời gian 3 tháng (từ tháng 10 đến tháng 12/1950). Trong bước 1, hai đoàn công tác

⁽¹⁾ Xem: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 11, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001, trang 482.

hướng dẫn các chi bộ triển khai nội dung phê bình và tự phê bình tại 4 chi bộ: Thượng Đình, Đại Đồng (Phú Bình), Trần Phú (Đại Từ), Bình Thành (Định Hoá). Trong quá trình triển khai, 2 đoàn công tác đã kiến nghị xử lý khai trừ 45 đảng viên ở 4 chi bộ trên. Những đảng viên này đều thuộc thành phần trung, phú nông, kì hào thiếu ý thức Đảng và ý thức giai cấp, chống lại nghị quyết của Đảng, thiếu tư cách, rượu chè, nghiện hút thuốc phiện...

Cùng với việc hướng dẫn các chi bộ thực hiện phê bình và tự phê bình, thanh trừ những đảng viên vi phạm kỉ luật của Đảng, đoàn công tác cũng đề nghị khen thưởng những đồng chí có thành tích công tác, giúp chi bộ nhận định tình hình, xây dựng kế hoạch giáo dục, phân loại đảng viên, cải tiến lề lối làm việc..., tạo điều kiện nhân cuộc vận động *Phê bình và tự phê bình* ra toàn Đảng bộ.

Bên cạnh thành tích và ưu điểm, công tác xây dựng Đảng trong những năm 1948 - 1950 còn nhiều hạn chế. Việc củng cố chi bộ nặng về kỉ luật, nhẹ về giáo dục thuyết phục. Việc tăng cường thành phần bản, cổ nông vào chi uỷ chưa được đẩy mạnh; một số ban chi uỷ còn nhiều đồng chí thuộc thành phần trung, phú nông, kì hào⁽¹⁾. Việc thi hành chỉ thị ngừng phát triển Đảng của Trung ương do tỉnh thiếu kế hoạch hướng dẫn cụ thể, các chi uỷ không nghiên cứu kĩ nội dung bản chỉ thị, nên nhiều nơi nhận thức lệch lạc. Công tác tuyên truyền về Đảng bị coi nhẹ, thậm chí có nơi dừng hẳn vì cho rằng đã đóng cửa thì

⁽¹⁾ Chi uỷ La Đình có 17 đồng chí thì 12 đồng chí là trung, phú nông. Chi uỷ Nhã Lộng có 13 đồng chí thì 9 đồng chí là phú nông và kì hào cũ.

không cần phải tuyên truyền. Đó là những vấn đề được tiếp tục giải quyết trong giai đoạn tiếp theo.

III- Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm xây dựng hậu phương, phục vụ tiền tuyến (1950 – 1954)

Từ sau chiến thắng Biên giới Thu – Đông 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân ta bước sang thời kì phát triển mới. Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 19/2/1951. Đại hội đề ra nhiều chính sách mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong những năm cuối của cuộc kháng chiến.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới Đại hội quyết định phát động 3 cuộc vận động lớn: *Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, mạnh về chất lượng; Học tập chủ nghĩa Mác – Lênin; Tự phê bình và phê bình.*

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên Khu ủy Liên khu Việt Bắc, tháng 4/1951, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV được tổ chức. Đại hội tập trung kiểm điểm sâu sắc kết quả công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kì thứ III (7/1949 - 4/1951), chỉ rõ ưu, khuyết điểm và những nguyên nhân của nó. Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ của tỉnh trong giai đoạn cách mạng mới, Đại hội quyết nghị trong năm 1951 cần *“Tập trung lãnh đạo khôi phục, phát triển kinh tế, xã hội, ổn định đời sống nhân dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, chi viện chiến trường...”*. Đại hội xác định nhiệm vụ chính của công tác xây dựng Đảng năm 1951 là:

- Đẩy mạnh tuyên truyền việc Đảng ra công khai; đẩy mạnh việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, đào tạo cán bộ.
- Tiếp tục thực hiện phê bình và tự phê bình; đẩy mạnh công tác củng cố chi bộ, xây dựng chi bộ kiểu mẫu, củng cố hết những chi bộ kém.
- Tổ chức chi bộ theo Điều lệ mới. Xây dựng kinh tế chi bộ.
- Tổ chức hợp lí hoá bộ máy giúp việc Đảng và chính quyền các cấp (thực hiện giản chỉnh cơ quan).

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV gồm 11 Ủy viên chính thức, 3 Ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 5 đồng chí; đồng chí Hải Bằng làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đề ra, Tỉnh ủy chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ của ngành mình, cấp mình; chú trọng phối kết hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện; bám sát cơ sở hướng dẫn giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc nảy sinh. Đánh giá kết quả công tác xây dựng Đảng năm 1951, Hội nghị Ban Chấp hành (họp ngày 2/2/1952) khẳng định: Nội bộ Ban Tỉnh ủy luôn giữ được mối đoàn kết, thống nhất, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ cả trong lãnh đạo, chỉ đạo và hội họp. Nhờ đó, công tác giáo dục, lãnh đạo tư tưởng cán bộ có kết quả. Thông qua những hội nghị đánh giá cán bộ, kiểm điểm Ban Tỉnh ủy cũ hoặc thông qua đợt triển khai chính sách thuế nông nghiệp, ý thức Đảng, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được nâng cao một

bước. Nhìn chung, đa số cán bộ, đảng viên đều tích cực trong công tác, nhưng lỗi làm việc còn quan liêu, mệnh lệnh, đại khái... Việc tuyên truyền phổ biến nghị quyết đại hội Đảng các cấp hiệu quả thấp. Ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy đã đề ra kế hoạch tuyên truyền giới thiệu về Đảng Lao động Việt Nam nhưng vì thiếu kiểm tra, đôn đốc, nên các địa phương không tích cực thi hành; đại đa số nhân dân chưa hiểu rõ về Đảng, vì vậy thời gian ấn định Đảng bộ ra công khai cứ phải hoãn đi hoãn lại nhiều lần.

Đến cuối năm 1951, tổng số đảng viên toàn tỉnh có 6.735 đồng chí⁽¹⁾, (trong đó có 6.004 đảng viên chính thức, 731 đảng viên dự bị, 691 đảng viên nữ và 1.142 đảng viên trong lực lượng bộ đội địa phương), sinh hoạt trong 126 chi bộ gồm: 71 chi bộ xã, 13 chi bộ xí nghiệp, 10 chi bộ địa phương quân, 29 chi bộ cơ quan và 2 chi bộ trường học. Tổng số cán bộ khối Đảng toàn tỉnh có 166 đồng chí, trong đó có 103 đồng chí thành phần trung nông và tiểu tư sản; 63 đồng chí thuộc thành phần bần, cố nông và công nhân.

Trước những diễn biến phức tạp về tư tưởng giữa một số cán bộ thuộc thành phần lớp trên và thành phần lớp dưới, giữa cán bộ địa phương và cán bộ tăng cường dẫn tới tình trạng thành kiến, nghi kỵ lẫn nhau, thiếu tích cực công tác, tháng 11/1951, Tỉnh ủy đã triển khai một đợt điều chỉnh lớn về nhân sự, điều chuyển, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cho hợp lý hơn. Việc điều chuyển trên cơ sở

⁽¹⁾ Số đảng viên so với tỉ lệ dân số chiếm 3,82% - Theo: Báo cáo công tác xây dựng Đảng năm 1951 của Tỉnh ủy Thái Nguyên ngày 2 tháng 2 năm 1952.

xem xét kĩ về thành phần, trình độ, năng lực công tác, xu hướng, nguyện vọng của từng đồng chí; nhờ đó đã căn bản giải quyết được những vướng mắc trong tư tưởng, nâng cao hiệu quả công tác của cán bộ, đảng viên.

Nhiệm vụ củng cố chi bộ năm 1951 tiến hành chậm và không đều, thiếu kế hoạch cụ thể, thiếu kiểm tra đôn đốc nên cơ sở đảng nói chung còn yếu. Nhiều nơi coi nhẹ cuộc vận động phê bình, tự phê bình; có nơi 3, 4 tháng không tổ chức học tập, không phê bình. Kế hoạch học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, đào tạo cán bộ ít được các chi bộ chú ý. Việc sinh hoạt của các chi bộ, nhất là chi bộ xã rất thất thường, một phần vì địa bàn quá rộng, một phần vì công việc kháng chiến của chính quyền, các ngành bận rộn, cuốn hút.

Để công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và cán bộ, đảng viên ngày càng hiệu quả, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Liên Khu ủy Liên Khu Việt Bắc và Tỉnh ủy Thái Nguyên, đội ngũ cán bộ luôn được điều động, bố trí, sắp xếp, xử lí nghiêm túc và ngày càng phù hợp hơn. Tháng 3/1952, Tư lệnh Liên khu Việt Bắc lại điều động chỉ Lê Vũ - Tỉnh đội trưởng Dân quân, đi nhận công tác khác. Một năm sau ngày Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (tháng 4/1951 đến tháng 5/1952) trải qua học tập, công tác và rèn luyện, đội ngũ cán bộ trong Đảng bộ từng bước trưởng thành. Đến tháng 5/1952, toàn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh còn lại 12 đồng chí; trong đó: Đồng chí Hoàng Cừ (Khu ủy viên) trực tiếp làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến – Hành chính tỉnh. Đồng chí Trần Lê Nhân -

Ủy viên Ban Thường vụ, làm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến – Hành chính tỉnh. Đồng chí Nguyễn Hải Bằng - Ủy viên Ban Thường vụ, làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Đình Lim - Ủy viên Ban Thường vụ, làm Trưởng ty Công an tỉnh. Đồng chí Lê Dục Tôn - Tỉnh ủy viên, làm Tỉnh đội trưởng Dân quân. Đồng chí Nguyễn Thế Đạt - Tỉnh ủy viên, làm Bí thư Nông hội tỉnh. Đồng chí Nguyễn Văn Thạch - Tỉnh ủy viên, làm Trưởng ty Thông tin và Trưởng ban Tuyên huấn. Đồng chí Ngô Tuấn Tùng - Tỉnh ủy viên, làm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến – Hành chính tỉnh. Vũ Thu - Tỉnh ủy viên, phụ trách công tác Kiểm tra. Đồng chí Trần Tường - Tỉnh ủy viên dự khuyết, làm Trưởng Ngân hàng tỉnh. Đồng chí Đặng Đức Giao - Tỉnh ủy viên dự khuyết, làm Bí thư Công đoàn tỉnh. Đồng chí Nguyễn Trung Thành - Tỉnh ủy viên dự khuyết, phụ trách việc làm đường.

Cả 12 đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đều là những người tham gia hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945. Nhìn chung, toàn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh luôn có tinh thần đoàn kết và thống nhất ý chí, hành động. Tuy nhiên, năng lực công tác của các đồng chí trong Ban Chấp hành không đều. Trong khi đó, việc sinh hoạt phê bình và tự phê bình giữa các đồng chí trong Ban Chấp hành và việc trưng cầu ý kiến cấp dưới không được thường xuyên, nên không rút được kinh nghiệm kịp thời. Cũng do đó, việc lãnh đạo thiếu bao quát và hiệu quả.

Ở cấp huyện, đa số cán bộ đều cố gắng và tích cực

hoạt động, bám sát cơ sở, gần gũi nhân dân, có uy tín với đảng viên và quần chúng. Tuy vậy, cũng có một số cán bộ lãnh đạo, nhất là ở 3 huyện phía Nam (Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên), vẫn giữ lối làm việc quan liêu, hách dịch, thiếu dân chủ, thiếu kỉ luật, xa rời quần chúng; do đó uy tín giảm, cán bộ dưới quyền sợ hơn là phục. Một số cán bộ tích cực công tác, nhưng do năng lực hạn chế, nên hoang mang, dao động trước những công việc nặng nề, khó khăn, hoặc bi quan vì lo sợ bản thân không theo kịp phong trào. Để giữ nghiêm kỉ luật của Đảng, đề cao tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trước nhiệm vụ được giao, Tỉnh ủy kiên quyết không chuẩn y 4 đồng chí (Định Hóa 1, Đồng Hỷ 2, Phổ Yên 1) mặc dù đã trúng cử trong các kì đại hội đảng bộ cấp huyện nhưng do không chấp hành nghiêm chính sách của Đảng và Nhà nước, không thi hành nghị quyết của cấp trên, quan liêu, hách dịch, tự do vô kỉ luật.

Cũng trong thời gian này, do tỉnh phải huy động một lực lượng lớn cán bộ thực hiện các chính sách trọng tâm của Chính phủ mới ban hành⁽¹⁾ và phục vụ 3 chiến dịch lớn của quân đội ta⁽²⁾, nên 3 cuộc vận động: “*Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, mạnh về chất lượng*”, “*Học tập chủ nghĩa Mác – Lênin*”, “*Tự phê bình và phê bình*” có phần

⁽¹⁾ Đó là: Chính sách tạm vay lương thực trong nhân dân; chính sách Thuế nông nghiệp.

⁽²⁾ Đó là các chiến dịch: Đường số 18 (mang mật danh Chiến dịch Hoàng Hoa Thám) từ tháng 3 đến tháng 4/1951, Hà - Nam - Ninh (mang mật danh Chiến dịch Quang Trung) từ tháng 5 đến tháng 6/1951, Hòa Bình từ tháng 12/1951 đến tháng 2/1952.

bị lơ là, xem nhẹ, chất lượng thấp. Đặc biệt, việc củng cố cấp ủy, chi bộ và chính quyền, đoàn thể cấp xã chưa được chú trọng. Tình trạng cán bộ, đảng viên trong cấp ủy, chính quyền xã non yếu khá phổ biến; hiện tượng tham ô, lãng phí xảy ra ở nhiều nơi; các tổ chức quần chúng rất lỏng lẻo, có bề rộng nhưng chưa có bề sâu...

Từ cuối năm 1952, cùng với việc huy động sức người, sức của phục vụ Chiến dịch Tây Bắc (10 - 12/1952), đặc biệt là phục vụ Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ Xuân - Hè 1953 - 1954, tỉnh Thái Nguyên được lựa chọn làm thí điểm chính sách ruộng đất của Trung ương Đảng và Chính phủ, nên phân lớn sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ, chính quyền các cấp đều tập trung cho nhiệm vụ đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, huy động sức người, sức của cho các chiến trường này. Với cuộc cách mạng ruộng đất, đảng bộ và chính quyền các cấp trong tỉnh chỉ có nhiệm vụ tổ chức điều tra tình hình nông thôn, cung cấp cán bộ cho các đoàn thực nghiệm giảm tô, cải cách ruộng đất, tổ chức cho nhân dân học tập chính sách ruộng đất. Nhiệm vụ củng cố, xây dựng Đảng của tỉnh trong giai đoạn này chủ yếu do các đoàn công tác triển khai chính sách ruộng đất thực hiện.

Tháng 11/1952, Trung ương chọn 2 xã Đồng Bầm và Dân Chủ thuộc huyện Đông Hỷ làm nơi nghiên cứu, thí điểm chính sách ruộng đất và cử Đoàn cán bộ thực nghiệm trực tiếp về chỉ đạo triển khai. Đoàn thực nghiệm lãnh đạo nhân dân 2 xã đấu tranh buộc giai cấp địa chủ phải giảm 25% địa tô so với mức tô trước Cách mạng tháng 8 năm

1945, chỉ được thu tô theo diện tích mới.

Tiếp đó, Đoàn thực nghiệm quyết định đình chỉ sinh hoạt 2 chi bộ xã vì cho rằng “*đảng viên 2 chi bộ có nguồn gốc là phú nông, địa chủ, hào lí, cường hào; trong chi bộ thì bè phái, tự tư, tự lợi, chống lại chính sách*”. Đoàn thực nghiệm chia đảng viên ở 2 chi bộ trên thành 3 loại. Loại tích cực gồm 35 đảng viên (Đồng Bẩm 16, Dân Chủ 19) được chọn vào đội ngũ cốt cán và tiếp tục cho sinh hoạt; Loại có vấn đề gồm 34 đảng viên (Đồng Bẩm 20, Dân Chủ 14) tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng một thời gian để theo dõi; Loại thuộc thành phần địa chủ, hào lí gồm 25 đảng viên (Đồng Bẩm 23, Dân Chủ 2) khai trừ ra khỏi Đảng và sẽ đưa vào “diện xử lí”⁽¹⁾.

Từ tháng 5 đến tháng 8/1953, Trung ương chọn thêm 4 xã: Phúc Xuân (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên), Hùng Sơn (huyện Đại Từ), Nhã Lộng, Đức Liên (huyện Phú Bình) cùng 2 xã Dân Chủ, Đồng Bẩm (huyện Đồng Hỷ) đã làm thí điểm, tiếp tục thực hiện thí điểm triệt để giảm tô, với cách làm như đợt trước nhưng mạnh mẽ và quyết liệt hơn.

Cùng với việc tổ chức cho nhân dân đấu tố, buộc các địa chủ ở đây phải giảm tô ở hơn 1.819 mẫu ruộng, 4.070 hộ nông dân được thoái tô gần 406 tấn thóc... Đoàn công tác còn đề nghị Ủy ban Kháng chiến – Hành chính tỉnh

⁽¹⁾ Diện xử lí là sẽ đưa ra cho nhân dân đấu tranh, tố cáo tội lỗi, bị quy vào thành phần giai cấp bóc lột, bị trưng thu, trưng mua, tịch thu tài sản, thậm chí bị phạt cải tạo lao động hoặc phạt tù tùy theo tội trạng bị quy nặng hay nhẹ.

Thái Nguyên lập Tòa án đặc biệt⁽¹⁾, đưa 20 địa chủ ra xét xử. Tòa án đặc biệt đã xét xử và tuyên 2 án tử hình, tịch thu toàn bộ gia sản, 18 người còn lại chịu mức án từ 2 đến 20 năm tù, tịch thu một phần tài sản. Trong đợt thí điểm này, Đoàn công tác còn chỉnh đốn 6 chi bộ đảng tại 6 xã, khai trừ ra khỏi Đảng 153 đảng viên, chỉ đạo các chi bộ bầu Ban Chi ủy mới với 97% số chi ủy viên thuộc thành phần bần, cố, trung nông, 3% thuộc thành phần tiểu tư sản.

Cả hai đợt thí điểm chính sách ruộng đất nói trên đã phạm sai lầm mang tính chất “tả khuynh”. Trung ương tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm, thẳng thắn vạch ra những sai lầm khuyết điểm, ra nghị quyết chỉ rõ nội dung và biện pháp khắc phục. Tuy nhiên, những sai lầm này vẫn tiếp tục lặp lại ở 2 đợt giảm tô và những đợt cải cách sau đó với mức độ nặng nề và đặc biệt nghiêm trọng. Nguyên nhân của những sai lầm, khuyết điểm này chỉ được nhìn nhận, đánh giá, sửa chữa một cách đầy đủ, thấu đáo kể từ khi tiến hành công tác sửa sai cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức.

Tóm lại, trong thời kì 1945 - 1954, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên có những bước phát triển mới, đặc biệt là từ khi thành lập Ban Tổ chức - Kiểm tra (1948). Dù còn nhiều hạn chế, nhưng công tác tổ chức xây dựng Đảng trong thời kì này đã giúp cho Đảng bộ có đủ khả năng lãnh đạo nhân dân các dân

⁽¹⁾ Tòa án đặc biệt này được thành lập ngày 15/5/1953, theo Sắc lệnh số 150, ngày 12/4/1953 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

tộc trên địa bàn tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Từ trong hoạt động thực tiễn thời kì 1945 - 1954, đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ ngày càng trưởng thành, đúc rút được nhiều kinh nghiệm quý báu để tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ khi bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chương III

**CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG
TRONG THỜI KÌ 1954 - 1965**

***I. Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong giai đoạn
cải cách ruộng đất và sửa sai; khôi phục kinh tế - xã hội
(1954 - 1957).***

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được kí kết và có hiệu lực thi hành (21/7/1954), nước ta tạm thời chia làm hai miền. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ sau ngày giải phóng đến hết năm 1957, miền Bắc bắt tay vào nhiệm vụ hoàn thành cải cách ruộng đất và sửa sai, khôi phục kinh tế - văn hoá.

Từ ngày 22/10/1954, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các Đoàn ủy Cải cách ruộng đất do Trung ương và Liên khu Việt Bắc cử xuống, nhân dân ở 22 xã thuộc các huyện Phổ Yên, Đại Từ, Phú Bình, Đồng Hỷ bước vào cải cách ruộng đất đợt 2; các xã miền núi thực hiện giảm tô⁽¹⁾.

Công tác tổ chức của Đảng bộ tỉnh trong thời kì này tập trung phục vụ nhiệm vụ cải cách ruộng đất, triệt để giảm tô, kết hợp với việc chỉnh đốn các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở nông thôn, chủ yếu là chỉnh đốn tổ chức đảng. Việc chỉnh đốn các tổ chức ở cấp xã chủ yếu do các đội cải cách ruộng đất và giảm tô thực hiện.

⁽¹⁾ Những nơi không thuộc diện cải cách ruộng đất đều thực hiện cải cách dân chủ.

Đến cuối tháng 1/1955, toàn bộ 148 chi bộ xã trong tỉnh đã hoàn thành chỉnh đốn tổ chức (trong đó, có 75 chi bộ hoàn thành chỉnh đốn tổ chức qua cải cách ruộng đất và 73 chi bộ hoàn thành chỉnh đốn tổ chức qua giảm tô).

Tuy nhiên, xuất phát từ nhận định: *“Chi bộ đảng ở nông thôn đã bị địa chủ, phú nông và bọn phản động lũng đoạn, trong các chi bộ còn nhiều người thuộc thành phần giai cấp bóc lột hoặc liên quan đến bóc lột, nên dẫn đến tình trạng chi bộ ở nông thôn yếu kém; phải cải biến thành phần chi bộ sao cho đảng viên trong các chi bộ này phải chủ yếu là nhân dân lao động”*, trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất, giảm tô kết hợp với chỉnh đốn tổ chức, các đội cải cách ruộng đất và giảm tô đã không dựa vào tổ chức cơ sở đảng ở địa phương và phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng (đầu tổ tràn lan, quy sai thành phần địa chủ, phú nông cho nhiều cán bộ, đảng viên, đánh nhầm vào nội bộ Đảng...). Do bị quy sai là thành phần bóc lột, hoặc có liên quan đến thành phần bóc lột, nên hàng loạt đảng viên của 75 chi bộ ở những xã cải cách ruộng đất và nhiều đảng viên ở 73 chi bộ xã vùng giảm tô trên địa bàn tỉnh đã bị đả kích mạnh, bị khai trừ ra khỏi Đảng; thậm chí một số cán bộ, đảng viên còn bị bắt giam, bỏ tù. Chỉ tính riêng ở 75 chi bộ xã cải cách ruộng đất, 1.074/3.448 đảng viên (trong đó có nhiều cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể) bị quy thành phần bóc lột hoặc liên quan đến thành phần bóc lột; nhiều người bị truy bức, cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng, bị bắt bớ giam cầm.

Việc chỉnh đốn tổ chức cấp huyện do Đoàn ủy Cải cách ruộng đất làm là chính, Tỉnh ủy chỉ cử cán bộ tham gia nghiên cứu, sưu tầm tài liệu. Đến hết quý I/1955, trong tỉnh đã có 4 huyện: Đại Từ, Phú Bình, Đồng Hỷ, Phổ Yên hoàn thành việc chỉnh đốn tổ chức. Đối với các huyện Đại Từ, Phú Bình và Đồng Hỷ, Tỉnh ủy tham gia ý kiến vào các vấn đề xử lý và đề bạt cán bộ. Tỉnh ủy cử một Tỉnh ủy viên tham gia Ban Lãnh đạo chỉnh đốn tổ chức hai huyện Đại Từ và Phú Bình; còn việc chỉnh đốn tổ chức huyện Đồng Hỷ, Tỉnh ủy chỉ cử người đến tham gia ý kiến tại Hội nghị khai mạc, khi kiểm thảo và Hội nghị tổng kết. Đối với huyện Phổ Yên, Tỉnh ủy không được tham gia ý kiến vào việc tổ chức chỉnh đốn, cũng như việc xử lý và đề bạt cán bộ; chỉ cử một đồng chí Ủy viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy tới dự để theo dõi, nắm tình hình.

Trong những năm 1955 – 1957, theo yêu cầu của Trung ương và Liên khu, nhiều cán bộ lãnh đạo các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể và các ban, ngành của tỉnh Thái Nguyên được điều động đi làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất. Do vậy, từ tỉnh đến các huyện đều thiếu cán bộ lãnh đạo. Những tháng đầu năm 1955, toàn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ còn 6 đồng chí⁽¹⁾ trong tổng số 14 đồng chí được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (tháng

⁽¹⁾ Gồm các đồng chí Lê Dục Tôn (Bí thư Tỉnh ủy), Trần Hai Bằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy) và 4 Tỉnh ủy viên là Vũ Hưng, Mông Phúc Quyền, Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Văn Thạch.

4/1951). Ủy ban Hành chính tỉnh cũng thiếu 4 Ủy viên (chưa kể 2 Ủy viên được điều động đi làm nhiệm vụ cải cách ruộng đất); các ty Công thương, Thuế Công thương, Mậu dịch, Ngân hàng, Bưu điện, Y tế, Toà án tỉnh... đều thiếu Trưởng ty hoặc Phó ty. Tỉnh đội dân quân thiếu Tỉnh đội trưởng và Trưởng ban Tổ chức. Các huyện Võ Nhai thiếu 6 Huyện ủy viên và 4 Ủy viên Ủy ban Hành chính huyện, Định Hoá thiếu 6 Huyện ủy viên và 6 Ủy viên Ủy ban Hành chính huyện, Phú Lương thiếu 6 Huyện ủy viên và 5 Ủy viên Ủy ban Hành chính huyện⁽¹⁾...

Trước tình hình trên, việc bổ sung, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp bộ đảng, chính quyền từ tỉnh đến các huyện trở thành nhiệm vụ cấp bách. Để kiện toàn Ban Tổ chức Đảng tỉnh - cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác tổ chức xây dựng Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phân công đồng chí Trần Hải Bằng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, trực tiếp làm Trưởng ban. Tỉnh ủy lựa chọn, lấy một số cán bộ cấp xã lên bổ sung cho Ban Tổ chức Đảng tỉnh đủ số lượng cán bộ chuyên môn.

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo của các cấp bộ đảng, chính quyền tỉnh và các huyện, Tỉnh ủy đề nghị Khu ủy bổ sung cho tỉnh 3 Tỉnh ủy viên, 3 Ủy viên Ủy ban Hành chính tỉnh, 3 Huyện ủy viên Huyện ủy Định Hoá, 1 Huyện ủy viên Huyện ủy Võ Nhai, 1 Huyện ủy viên

⁽¹⁾ Báo cáo (số 15 – BC/TN, ngày 4/4/1955) công tác 3 tháng đầu năm 1955 của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Huyện ủy Phú Lương và 1 Phó Trưởng ty Y tế tỉnh, 1 Phó Trưởng ty Mậu dịch tỉnh, 1 Chánh án Tòa án Nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, đề nghị này của Tỉnh ủy đến đầu tháng 4/1955 vẫn chưa được Khu ủy chuẩn y và do đó, tình trạng thiếu cán bộ lãnh đạo chưa được khắc phục. Ban Tổ chức Đảng tỉnh tiếp tục tham mưu cho Tỉnh ủy đề nghị Khu ủy bổ sung cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành cho tỉnh; đồng thời nghiên cứu, lựa chọn một số cán bộ cấp xã lên công tác tại các ngành của tỉnh⁽¹⁾.

Ngày 5/10/1956, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp bàn một số nội dung, biện pháp lãnh đạo các mặt công tác trước mắt, trong đó có công tác tổ chức xây dựng Đảng. Tham dự Hội nghị còn có đại diện Ban Tổ chức Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc. Hội nghị nhất trí bổ sung các đồng chí Lê Đình Nhậm, Nguyễn Hữu Uẩn vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; đề bạt các đồng chí Mạc Văn Đức, Trịnh Thư, Triệu Mạnh Tài vào Ủy ban Hành chính tỉnh; đề bạt 14 đồng chí làm Trưởng, Phó các ty cấp tỉnh và tương đương. Trước tình hình Ban Tổ chức Đảng tỉnh "... tuy có đông cán bộ, nhưng đều mới ở xã lên, khả năng nhận thức kém, uy tín đối với cán bộ không cao, nên cán bộ chung quanh tỉnh kém tin tưởng"⁽²⁾ và đồng chí Trần Hải Bằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Đảng tỉnh) được cấp trên điều động về Trung ương nhận công tác, Hội nghị phân công đồng chí Nguyễn Văn Thạch (Tỉnh ủy viên)

^{(1) (2)} Báo cáo (số 15 – BC/TN, ngày 4/4/1955) công tác 3 tháng đầu năm 1955 của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

làm Trưởng ban và đề bạt đồng chí Trương Văn Siêu làm Ủy viên Ban Tổ chức Đảng tỉnh.

Tiếp theo, ngày 5/12/1956, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 194-NQ/TN kiện toàn Chi ủy Chi bộ Tổ chức - Kiểm tra, gồm 3 đồng chí Phan Thành (Bí thư), Thái Văn Thiệu (Chi ủy viên), Trương Văn Siêu (Chi ủy viên).

Trong thời gian thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất kết hợp với chỉnh đốn tổ chức, theo sự chỉ đạo của Trung ương, công tác phát triển Đảng hướng vào bản, cổ nông. Trong số 616 đảng viên mới kết nạp cuối năm 1954, đầu năm 1955, có tới 614 người thuộc thành phần bản nông, cổ nông, chỉ có 2 người thuộc thành phần trung nông. Do máy móc, chỉ chú trọng bồi dưỡng, phát triển Đảng đối với những người thuộc thành phần bản nông, cổ nông, nên nhiều người thuộc thành phần trung nông có tư cách đạo đức tốt, có năng lực và nhiệt tình công tác cách mạng lại không được các cấp bộ đảng bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng. Mặt khác, việc tuyên truyền, giáo dục về Đảng cho các đối tượng kết nạp và cho đảng viên mới được kết nạp chưa đầy đủ, nên nhận thức và động cơ vào Đảng của các đối tượng này còn nhiều hạn chế, tính tiên phong, gương mẫu chưa cao; nhiều người chưa đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức và năng lực công tác cũng được kết nạp vào Đảng. Do đó, sau khi kết thúc chỉnh đốn tổ chức, nhiều đảng viên kết nạp trong thời kì giảm tô, cải cách ruộng đất đã bỏ sinh hoạt Đảng, bỏ công tác hoặc xin ra khỏi Đảng. Chỉ tính riêng Đảng bộ huyện Đồng Hỷ, trong số

224 đảng viên được kết nạp vào thời kì này, đã có tới 105 đảng viên yếu, kém.

Sau giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, tình hình nông thôn Thái Nguyên hết sức phức tạp. Việc xử lí oan, sai đối với đảng viên trong giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức đã gây không khí căng thẳng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên (kể cả đảng viên cũ và đảng viên mới). Nội bộ đảng mất đoàn kết, nghi ngờ lẫn nhau; số cán bộ, đảng viên bị xử trí khai trừ ra khỏi Đảng thối giảm, nghi ngờ chính sách của Đảng, nghi ngờ lãnh đạo; uy tín của Đảng bị giảm sút, mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng bị rạn nứt. Hiện tượng đảng viên và quần chúng nhân dân mất đoàn kết, nghi kỵ lẫn nhau diễn ra ở nhiều nơi. Hầu hết các xã chỉ có một số ít cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động, còn đa số đảng viên, cấp ủy viên vin vào hoàn cảnh khó khăn để bỏ việc. Tại huyện Phú Lương, Ban Chi ủy xã Cổ Lũng có 7 ủy viên, chỉ có 3 ủy viên làm việc; Ban Chấp hành Nông hội xã có 9 người, nhưng chỉ có đồng chí Bí thư làm nhiệm vụ; Ban Chấp hành Xã Đoàn Thanh niên có 8 ủy viên, nhưng cũng chỉ có 3 ủy viên hoạt động. Tại huyện Đồng Hỷ, cán bộ các xã Thịnh Đức, Hòa Bình xin nghỉ công tác, nhiều việc không được triển khai; cán bộ các xã Minh Lập, Hóa Trung, Tích Lương làm việc hiệu quả thấp...

Ngay sau khi phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất và giảm tô, tháng 9/1956, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ X, ra Nghị quyết “Kiên quyết

sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức”⁽¹⁾, chỉ rõ nội dung sửa chữa sai lầm là: Đối với chi bộ bị giải tán, nay tuyên bố xoá bỏ các quyết định ấy. Tất cả đảng viên bị xử lý sai, kể cả người thuộc thành phần địa chủ, phú nông, xét thấy đủ tiêu chuẩn, được trả lại Đảng tịch. Đối với những đảng viên và cán bộ đã từ trần vì bị xử lý oan, phải hủy án cũ, trả lại danh dự và Đảng tịch. Chính quyền và đoàn thể phải đặc biệt chú trọng an ủi, giúp đỡ gia đình họ. Đối với cán bộ và những người bị xử lý sai, về chính trị, được khôi phục quyền công dân, danh dự, công tác; những người bị bắt oan đều được trả lại tự do. Về kinh tế, được đền bù thích đáng, được giúp đỡ sinh sống. Tất cả những Huân chương, Bằng khen, Huy hiệu đã bị tước đều được trả lại. Tiếp đó, tháng 11/1956, Trung ương Đảng chỉ thị cho các địa phương “Phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt”⁽²⁾.

Bước vào sửa sai (cuối năm 1956, đầu năm 1957), tại 5 huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương, Võ Nhai, Định Hóa⁽³⁾, 109/110 xã (trừ xã Văn Lãng của huyện Võ Nhai) đã có chi bộ đảng.

Từ ngày 8 đến ngày 16/11/1956, Tỉnh uỷ Thái Nguyên tổ chức Hội nghị cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền tỉnh

^{(1) (2)} Dẫn theo “Cách mạng ruộng đất”, trang 191.

⁽³⁾ Thời gian này, tỉnh Thái Nguyên còn 5 huyện: Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phú Lương, Định Hoá, Đại Từ và thị xã Thái Nguyên. Huyện Phú Bình sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang, huyện Phổ Yên sáp nhập vào tỉnh Vĩnh Phúc. Đến ngày 15/6/1957, hai huyện trên lại nhập vào tỉnh Thái Nguyên.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

và huyện nghiên cứu, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng về sửa chữa sai lầm trong giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Tiếp theo, ngày 8/12/1956, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 156-NQ/TN, xác định: Công tác sửa sai là công tác trung tâm đột xuất; đồng thời chỉ rõ quyền hạn sửa sai cải cách ruộng đất, giảm tô và chỉnh đốn tổ chức như sau: Tỉnh ủy phân công Tỉnh ủy viên xuống tham gia cùng với Huyện ủy duyệt thành phần giai cấp; Ủy ban hành chính tỉnh ra quyết định; Huyện ủy quyết định khôi phục Đảng tịch cho đảng viên; Tỉnh ủy quyết định khôi phục Chi ủy viên theo đúng *Điều lệ Đảng*.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Đảng tỉnh tham mưu, giúp Tỉnh ủy điều động 210 cán bộ các cơ quan tỉnh, huyện, tổ chức thành các Tổ, Đội Sửa sai xuống cùng với các Huyện ủy chỉ đạo, hướng dẫn cấp uỷ đảng, chính quyền các xã thực hiện sửa sai. Ban Tổ chức Đảng tỉnh còn tham mưu và giúp Tỉnh ủy điều động 76 cán bộ của tỉnh đi làm nhiệm vụ sửa sai ở các tỉnh bạn. Công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh tập trung triển khai thực 4 nhiệm vụ: củng cố tổ chức cơ sở đảng, chủ yếu là củng cố chi bộ xã ở nông thôn; củng cố và xây dựng lại các bộ máy tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể; trả lại tự do cho cán bộ, đảng viên quy oan bị tù; minh oan các cán bộ, đảng viên trước đây xử lý sai.

Ngày 27/2/1957, Tỉnh ủy họp tổng kết công tác năm 1956. Sau khi khẳng định những thành tích và ưu điểm đã

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

được, Hội nghị chỉ rõ các thiếu sót, khuyết điểm của Đảng bộ tỉnh trong công tác tổ chức xây dựng Đảng:

- *Một là*, trong công tác cán bộ do nặng về thành phần giai cấp, nên không đề bạt những đồng chí có năng lực lãnh đạo, có thành tích trong đấu tranh cách mạng và trong kháng chiến, nhưng ít nhiều có liên quan đến giai cấp bóc lột. Ngược lại, đã gò ép, đề bạt cả những đồng chí chưa tham gia công tác lãnh đạo bao giờ, không đảm đương được nhiệm vụ.

- *Hai là*, việc nhận xét, điều động cán bộ thường thiếu bàn bạc tập thể, thiếu sự phối hợp kịp thời với các ngành, nhận định theo chủ quan, cảm tính, không nắm được tư tưởng, nguyện vọng, khả năng cán bộ, lại thiếu thận trọng cân nhắc, nên có đồng chí phải điều đi điều lại 3, 4 lần trong một năm; có đồng chí được cấp ủy điều động, nhưng ngành dọc không đồng ý, nên không nhận, làm cho cán bộ thất lạc.

Sau Hội nghị tổng kết công tác năm 1956, Tỉnh ủy Thái Nguyên lãnh đạo tiến hành hai đợt sửa sai; đợt 1 ở 72 xã (có 52 xã đã qua cải cách ruộng đất) và đợt 2 ở 17 xã. Ở 72 xã sửa sai đợt 1, trong thời kì giảm tô, cải cách ruộng đất, kết hợp với chỉnh đốn tổ chức, các đội cải cách và các đội giảm tô đã xử lí, đưa ra khỏi Đảng 1.270 đảng viên (trong đó có 196 Chi ủy viên). Ban Tổ chức Đảng tỉnh tham mưu và giúp Tỉnh ủy tập trung một số cán bộ các cơ quan tỉnh, tổ chức thành một đội sửa sai trực tiếp xuống cùng với Huyện ủy Đồng Hỷ chỉ đạo xã Dân Chủ

thí điểm thực hiện sửa sai cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Qua chỉ đạo thí điểm sửa sai ở xã Dân Chủ, Đội Sửa sai kết luận: Trong số 21 đảng viên bị xử lý trong giai đoạn cải cách ruộng đất kết hợp với chỉnh đốn tổ chức, chỉ có 1 trường hợp đúng, còn lại tới 20 trường hợp sai (tỉ lệ đảng viên bị xử lý sai lên tới 95%). Từ kết quả chỉ đạo thí điểm ở xã Dân Chủ, Tỉnh ủy nghiên cứu, rút được nhiều bài học kinh nghiệm chỉ đạo các Huyện ủy lãnh đạo nhân rộng ra các xã trong tỉnh.

Qua sửa sai đợt 1, Ban Tổ chức Đảng tỉnh phối hợp với Ban Kiểm tra Đảng phát hiện, xác minh, kết luận và tham mưu cho các Huyện ủy ra quyết định khôi phục Đảng tịch cho 639 đảng viên bị xử lý oan, sai (bằng 59,4% số đảng viên bị xử lý đưa ra khỏi Đảng); tham mưu cho Tỉnh ủy ra quyết định phục hồi chức vụ 166 Chi ủy viên và đề bạt 77 đồng chí vào Chi ủy các xã. Riêng huyện Đồng Hỷ, kết quả sửa sai cho thấy: Trong số 203 đảng viên bị xử lý trong cải cách ruộng đất, chỉ có 59 trường hợp đúng (bằng 29%), còn lại tới 144 trường hợp sai (tỉ lệ sai lên tới 71%); tỉ lệ đảng viên bị xử lý sai ở các xã Phúc Xuân, Tân Cương lên tới 100%. Thông qua công tác sửa sai, tại Đảng bộ huyện Đồng Hỷ, trong số 330 đảng viên bị xử lý trong các thời kì giảm tô và cải cách ruộng đất, có 190 đảng viên được phục hồi Đảng tịch, 31 cấp ủy viên phục hồi chức vụ. Các đội sửa sai còn phát hiện trong số 224 đảng viên mới được kết nạp trong thời kì giảm tô và cải cách ruộng đất, có 105 người (bằng 46,84%) nằm im không hoạt động; trong số 127 Chi ủy viên được đề bạt

trong cải cách ruộng đất, có 30 người không hoạt động, phải cho ra khỏi Đảng và trong số 97 Chi ủy viên còn lại cũng có một số người chây lười công tác, phải phê bình, nhắc nhở, kỉ luật.

Tại huyện Phú Lương, qua sửa sai, Ban Tổ chức Đảng tỉnh và Ban Tổ chức Đảng huyện Phú Lương đã phát hiện, xác minh, làm rõ việc 22 đảng viên trong Chi bộ xã Yên Trạch đã bị xử lí đưa ra khỏi Đảng, Chi bộ xã bị giải thể trong thời kì giảm tô kết hợp với chỉnh đốn tổ chức. Theo đó, Ban Tổ chức Đảng tỉnh kết luận: Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, Chi bộ xã Yên Trạch có rất nhiều thành tích lãnh đạo nhân dân kháng chiến, kiến quốc. Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu - Đông 1947, Chi bộ lãnh đạo lực lượng dân quân, du kích xã tổ chức tuần tra, canh gác; phục kích đánh địch từ thị trấn Chợ Mới (Bắc Kạn) càn quét xuống, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân trên địa bàn. Ngày 22/10/1947, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ xã, lực lượng du kích xã lên phá cầu Suối Bốc. Trong khi phá cầu Suối Bốc, 4 cán bộ, chiến sĩ du kích xã đã bị thương, vong, do trúng mìn của địch cài lại. Trong các đợt huy động dân công phục vụ tiền tuyến, Chi bộ xã đều cử đảng viên đi lãnh đạo, chỉ đạo, nên các đội dân công của xã đều hoàn thành tốt nhiệm vụ; một số cá nhân được tặng *Bằng khen*, *Giấy khen*. Đội Dân công của xã được tặng *Bằng khen* và được thưởng một cái dù; 3 cá nhân, trong đó có 1 đảng viên được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến hạng Ba*. Từ kết luận trên, Ban Tổ chức Đảng tỉnh

đã tham mưu cho Tỉnh ủy ra quyết định khôi phục Chi bộ xã Yên Trạch⁽¹⁾.

Đánh giá kết quả công tác tổ chức Đảng trong 2 đợt sửa sai 6 tháng đầu năm 1957, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận định: Nhìn chung, việc khôi phục Đảng tịch, phục hồi chức vụ cấp ủy, phục hồi chi bộ được làm thận trọng. Tuy nhiên, có hiện tượng rụt rè, thiếu kiên quyết, chậm sửa sai cho những đồng chí bị xử lí oan, sai. Bên cạnh đó, ở một vài chi bộ thuộc Đảng bộ huyện Đại Từ lại có hiện tượng sửa sai cho cả những đảng viên bị xử lí trước đây không thuộc phạm vi sửa sai. Việc đề bạt cán bộ vẫn còn một số trường hợp cảm tính, không chú ý dụng tài, nên khi đề bạt kém tác dụng; hoặc chưa nắm vững phương châm “*mạnh dạn đề bạt*”, còn biểu hiện rụt rè, chậm chạp, dẫn đến một số ban Đảng (Tổ chức, Tuyên huấn) và một số cơ quan Ty Công thương, Ty Nông nghiệp, Ty Kiến trúc – Thủy lợi...) của tỉnh vẫn thiếu cán bộ lãnh đạo. Khi đề bạt cán bộ, chưa tăng cường đúng mục đích cho các ngành Kinh tế - Tài chính, nên hạn chế tới việc thực hiện kế hoạch công tác⁽²⁾.

Sau ngày hai huyện Phú Bình và Phổ Yên được sáp nhập trở lại tỉnh Thái Nguyên (15/6/1957), 148/149 xã toàn tỉnh (trừ xã Văn Lăng huyện Võ Nhai) đã có chi bộ,

⁽¹⁾ Nhờ Chi bộ được khôi phục, nên mới có cơ sở để ngày 24/6/2005, Chủ tịch nước ra Quyết định số 636/2005/QĐ – CTN tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp cho nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Trạch.

⁽²⁾ Báo cáo (số 42 – BC/TN ngày 11/7/1957) Sơ kết công tác 6 tháng đầu 1957 của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

trung bình mỗi chi bộ có từ 20 đến 35 đảng viên. Chi bộ xã có đông đảng viên nhất là Chi bộ xã Đồng Quang (huyện Đồng Hỷ, nay là phường Đồng Quang, thuộc thành phố Thái Nguyên) (53 đồng chí). Toàn Đảng bộ tỉnh có 3.967 đảng viên (chưa tính 144 đảng viên dự bị kết nạp từ những năm 1949, 1950 và từ những năm giảm tô, cải cách ruộng đất 1953, 1954 chưa được công nhận chính thức).

Sáu tháng cuối năm 1957, Thái Nguyên tiến hành sửa sai đợt 3 ở 26 xã (gồm 6 xã giảm tô thuộc huyện Phú Lương, 7 xã cải cách ruộng đất thuộc huyện Phổ Yên, 13 xã cải cách ruộng đất thuộc huyện Phú Bình). Công tác tổ chức của Đảng bộ tỉnh vừa tiếp tục làm tốt nhiệm vụ phục vụ sửa sai đợt 3, vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ tham mưu, giúp các cấp ủy đảng củng cố, kiện toàn bộ máy lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp từ tỉnh, huyện (thị xã) đến các xã.

Ngày 31/1/1958, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 1957. Hội nghị khẳng định: Trong năm 1957, Tỉnh ủy đã điều động 236 cán bộ; đề bạt 74 cán bộ lãnh đạo từ Trưởng và Phó phòng, ban cấp huyện và Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện để bổ sung cho các ngành, các cấp; tiếp nhận, bố trí công tác 140 cán bộ do Trung ương và Khu điều động về tỉnh và điều 76 cán bộ các ngành, các cấp trong tỉnh đi làm nhiệm vụ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương khác ngoài tỉnh. Việc đề bạt cán bộ đã có sự cân nhắc thận trọng và vận dụng đúng tiêu chuẩn đức, tài.

Về việc sửa sai cho cán bộ cấp huyện (tương đương)

bị xử lý oan, sai trong giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, Tỉnh ủy đã ra quyết định khôi phục Đảng tịch, phục hồi chức vụ, minh oan và giao công tác cho 27 đồng chí; minh oan cho hai đồng chí đã chết (Thái Sơn và Lê Chí Thành). Nhìn chung, các đồng chí được sửa sai đều phấn khởi, tin tưởng và cố gắng công tác, thấy rõ sự sáng suốt của Đảng và Chính phủ.

Bộ máy lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể các huyện đã được chú ý kiện toàn. Cuối năm 1957, Ban Chấp hành đảng bộ các huyện nơi ít (các huyện Định Hoá, Phú Lương ⁽¹⁾) cũng có từ 5 đến 6 đồng chí, nơi nhiều (huyện Phú Bình) có 11 đồng chí; đội ngũ cán bộ các cơ quan xung quanh tỉnh và các huyện tương đối đầy đủ.

Qua sửa sai, ngoài hai chi bộ xã Bình Thuận và Tân Thái (huyện Đại Từ) đã tổ chức đại hội, bầu được Ban Chi ủy mới, còn lại hầu hết Ban Chi ủy các xã được chỉnh, kiện toàn bằng cách bổ sung những đồng chí cũ bị xử lý oan, sai hoặc đề bạt đảng viên tốt. Ở vùng thực hiện giảm tô, 65/73 chi bộ xã đã tổ chức đại hội, đảng viên dân

⁽¹⁾ Sau hòa bình lập lại, tại huyện Phú Lương, cả Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện chỉ có đồng chí Nguyễn Quang Oánh (Huyện ủy viên - Chính trị viên phó Huyện đội) phụ trách. Cuối năm 1957, Huyện ủy Phú Lương được kiện toàn, gồm 6 đồng chí là Phan Văn Tình (Bí thư Huyện ủy), Lê Thị Gạo (Phó Bí thư Huyện ủy), Nguyễn Hữu Thanh (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Bí thư Đảng đoàn chính quyền, Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện) và 3 đồng chí Huyện ủy viên là Trần Oanh (phụ trách Công an), Nguyễn Quang Oánh (Chính trị viên phó Huyện đội) và đồng chí Hoàng Ngọc Thăng (phụ trách Mặt trận kiêm Bí thư Nông hội).

chủ bầu cử Ban Chi uỷ; một số xã còn lại, do chi bộ xã ít đảng viên, chỉ có Bí thư chi bộ hoặc Phó Bí thư chi bộ, nên không tổ chức đại hội. Việc kiện toàn các Ban Chi uỷ xã nói chung tiến hành tốt, nên sau khi kiện toàn, vai trò lãnh đạo của các Ban Chi uỷ được đề cao hơn trước.

Bên cạnh những thành tích trên đây, báo cáo tổng kết công tác năm 1957 của Thường trực Tỉnh uỷ cũng chỉ rõ: Do chưa nắm vững phương châm “*mạnh dạn đề bạt cán bộ*”, nên còn biểu hiện rụt rè, thiếu khấn trương, dẫn đến một số cơ quan quan trọng (Tổ chức, Tuyên huấn và các ngành Công thương, Nông nghiệp, Kiến trúc, Thủy lợi...) thiếu cán bộ lãnh đạo, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch công tác; một số trường hợp đề bạt không chú ý đến đức và tài, nên kém tác dụng. Việc sửa sai cho cán bộ bị xử lí oan, sai trong giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức chưa thật tích cực và khấn trương. Việc kiện toàn bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp huyện trong năm 1957 tuy đã được chú ý, nhưng bộ máy lãnh đạo chính quyền huyện còn yếu (trong đó, Ủy ban Hành chính huyện Đồng Hỷ thiếu cả Chủ tịch, Phó Chủ tịch; Ủy ban Hành chính các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Định Hoá, Đại Từ, Phổ Yên đều thiếu Phó Chủ tịch).

Cán bộ lãnh đạo các cơ quan Tỉnh uỷ, Ủy ban Hành chính tỉnh cũng chưa được kiện toàn (từ khi đồng chí Lê Dục Tôn - Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh đi học vắng, cả Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh uỷ và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh đều chưa có ai thay thế). Các ban Tuyên huấn, Tổ chức và các ty

Công thương, Giáo dục còn thiếu cán bộ lãnh đạo, nhất là Ban Tuyên huấn và Ty Công thương chưa có người phụ trách dứt khoát. Trong việc củng cố chi bộ xã, công tác tổ chức Đảng của Đảng bộ còn thiếu kiên quyết và không kịp thời thay thế một số Chi ủy viên ở Chi bộ các xã Cù Vân (Đại Từ), Túc Duyên (Đồng Hỷ) và một số xã khác có biểu hiện chây lười, vi phạm sai lầm, khuyết điểm, bị đảng viên và quần chúng căm ghét. Do vậy đã hạn chế đến kết quả công tác lãnh đạo của chi ủy, chi bộ xã. Việc thi hành chỉ thị của Trung ương về công tác phát triển đảng viên còn nhiều hạn chế (tuy các chi bộ phát hiện được 87 đối tượng kết nạp Đảng, nhưng cả năm 1957, các cấp bộ đảng trong toàn tỉnh không kết nạp được đối tượng nào vào Đảng).

Việc xem xét, khôi phục Đảng tịch cho đảng viên lúc đầu làm hấp tấp, khôi phục cả đảng viên không đủ tiêu chuẩn, đảng viên là thành phần bóc lột⁽¹⁾; về sau lại rụt rè, chậm chạp⁽²⁾.

Việc củng cố, kiện toàn bộ máy lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể ở các huyện và thị xã Thái Nguyên cũng có những hạn chế. Tại huyện Phú Bình, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã được kiện toàn (gồm 11 đồng chí), đủ người đảm nhiệm các mặt công tác; nhưng nhìn chung

⁽¹⁾ Chi bộ xã Tân Đức huyện Phú Bình phục hồi 4 đảng viên thành phần bản thân là phú nông, thậm chí khôi phục cả những đảng viên bị xử lý đưa ra khỏi Đảng từ trước giảm tô, cải cách ruộng đất (những người ngoài diện sửa sai).

⁽²⁾ Gần kết thúc sửa sai, Đảng bộ huyện Đồng Hỷ vẫn còn 49 đảng viên đủ tiêu chuẩn phục hồi Đảng tịch chưa được phục hồi).

nội bộ chưa thực sự ổn định, thiếu đoàn kết thống nhất, có biểu hiện suy bì, tị nạnh... làm giảm uy tín của Huyện uỷ đối với cấp dưới và cán bộ xung quanh huyện. Tại huyện Phổ Yên, nội bộ Huyện uỷ tuy không mất đoàn kết nghiêm trọng như ở huyện Phú Bình, nhưng nhìn chung vẫn không thống nhất. Tại thị xã Thái Nguyên, tổ chức đảng chưa được kiện toàn, Ban Chấp hành Đảng bộ Thị xã chưa được thành lập. Về tổ chức cơ sở đảng, toàn Thị xã có 6 chi bộ, với 81 đảng viên (gồm 1 chi bộ Chính quyền, 1 chi bộ Dân Đảng và 4 chi bộ đường phố). Chi bộ Chính quyền có 22 đảng viên; Ban Chi uỷ 5 đồng chí. Chi bộ Dân Đảng có 8 đảng viên; Ban Chi uỷ có 3 đồng chí. Chi bộ đường phố Long Thành (lãnh đạo các phố Đội Cấn, Tân Long, Tân Thành) có 15 đảng viên; Ban Chi uỷ có 3 đồng chí. Chi bộ đường phố Hùng Vương (lãnh đạo các phố Hùng Vương, Bến Tượng) có 20 đảng viên; Ban Chi uỷ có 3 đồng chí. Chi bộ đường phố Chiến Thắng (lãnh đạo phố Chiến Thắng) có 5 đảng viên; Ban Chi uỷ có 2 đồng chí. Chi bộ đường phố Hoà Bình (lãnh đạo các phố Quan Triều, Phù Liễn, Gia Bẩy, Quang Trung) có 11 đảng viên; Ban Chi uỷ có 2 đồng chí. Lãnh đạo các chi bộ trên là Ban Cán sự Đảng Thị xã gồm 3 Ủy viên, nội bộ cũng chưa thật thống nhất.

Như vậy, hơn 3 năm sau ngày hoà bình lập lại (1954 - 1957), tuy có nhiều mặt hạn chế, yếu kém, nhưng công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ đã có nhiều đóng góp tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đặc biệt là nhiệm vụ sửa sai cải cách

ruộng đất, giảm tô và chỉnh đốn tổ chức. Từ những mặt thành công và chưa thành công trong công tác tổ chức xây dựng Đảng giai đoạn này, Đảng bộ tỉnh rút được nhiều bài học kinh nghiệm để lãnh đạo công tác tổ chức xây dựng Đảng thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá (1958 - 1960).

II. Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá (1958 - 1960)

Từ năm 1958, cùng với các địa phương khác trên miền Bắc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên bước vào giai đoạn thực hiện Kế hoạch Nhà nước 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá (1958 - 1960); đồng thời tiếp tục hoàn thành công tác sửa sai cải cách ruộng đất.

Để phục vụ nhiệm vụ chính trị trước mắt, đầu năm 1958, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh tiến hành điều chỉnh cán bộ, kiện toàn tổ chức các bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp. Ba tháng đầu năm, Ban Tổ chức Đảng tỉnh tham mưu cho Tỉnh ủy đề bạt 4 Phó ty, 1 Chủ tịch và 1 Ủy viên Ủy ban Hành chính huyện. Vào thời gian này, thị xã Thái Nguyên tuy giữ một vị trí rất quan trọng cả về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của tỉnh, nhưng lại chưa thành lập Thị ủy, nội bộ Ban Cán sự Đảng Thị xã cũng chưa thật sự đoàn kết, thống nhất. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã quyết định giải thể Ban Cán sự Đảng Thị xã, thành lập Thị ủy Thái Nguyên. Sự

kiện này đánh dấu bước phát triển mới trong công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh nói chung, Đảng bộ thị xã Thái Nguyên nói riêng.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Đảng tỉnh cử cán bộ xuống cùng với Huyện ủy các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo 4 chi bộ các xã đã qua cải cách ruộng đất, gồm Chi bộ xã Hương Sơn (huyện Phú Bình), Chi bộ xã Đồng Quang (huyện Đồng Hỷ), chi bộ xã Đồng Tiến và Chi bộ xã Tân Hương (huyện Phổ Yên) thí điểm tổ chức Đại hội Chi bộ bầu Chi ủy mới.

Tại huyện Phổ Yên, do làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và động viên quần chúng tham gia xây dựng, củng cố tổ chức đảng ở cơ sở, nên Đại hội bầu Chi ủy mới của Chi bộ các xã Tân Hương và Đồng Tiến đạt chất lượng tốt, không có hiện tượng phân biệt đảng viên kết nạp trước và sau cải cách ruộng đất. Đại hội Chi bộ xã Đồng Tiến tuyên bố khai trừ ra khỏi Đảng những đảng viên quá kém đã được Chi bộ và cấp trên giáo dục, giúp đỡ nhiều lần, nhưng không tiến bộ. Quyết định này của Đại hội đã được quần chúng nhân dân trong xã đồng tình, Hội nghị Tỉnh ủy (họp mở rộng từ ngày 10 đến ngày 13/9/1958) đánh giá cao⁽¹⁾.

Chi bộ xã Đồng Quang (Đồng Hỷ) và Chi bộ xã Hương Sơn (Phú Bình) chưa làm tốt việc giáo dục chính trị tư

⁽¹⁾ Báo cáo số 43 - BC/TN của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại hội nghị Tỉnh ủy mở rộng (họp từ ngày 10 đến ngày 13/9/1958).

tưởng cho đảng viên, chưa làm cho đảng viên quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu của việc tổ chức Đại hội bầu Chi ủy mới. Trong khi đó, các Tổ Cán bộ được Ban Tổ chức Đảng tỉnh cử xuống lại thiếu kiên quyết chỉ đạo, vẫn cho tổ chức đại hội, nên kết quả bầu Chi ủy mới không cao. Chi bộ xã Đồng Quang có 66 đảng viên, nhưng chỉ có 46 đảng viên tham dự Đại hội; trong Đại hội chỉ có 1 đảng viên ứng cử và khi bầu xong Chi ủy mới, đã có đảng viên trúng cử xin rút khỏi Chi ủy. Tại Đại hội Chi bộ xã Hương Sơn (Phú Bình), trong số 28 đảng viên tham dự không có ai ứng cử. Từ việc chỉ đạo thí điểm tổ chức đại hội bầu Chi ủy mới ở 4 chi bộ xã, Tỉnh ủy Thái Nguyên rút được kinh nghiệm để lãnh đạo tổ chức đại hội chi bộ các xã đã qua cải cách ruộng đất và thực hiện triệt để giảm tô.

Cuối tháng 8, đầu tháng 9/1958, toàn tỉnh đã hoàn thành công tác sửa sai. Công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh đã góp phần xác minh, kết luận các trường hợp oan sai trong thời kì giảm tô và cải cách ruộng đất. Trong tổng số 1.477 gia đình bị quy thành phần địa chủ, có 835 gia đình (56,53%) bị oan, sai. Trong tổng số 564 người bị quy thành phần địa chủ, cường hào gian ác, có 48% bị oan, sai. Về chỉnh đốn tổ chức, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ cùng với công tác kiểm tra Đảng đã xác minh, kết luận có 712/1.074 (60,30%) đảng viên ở 75 xã thực hiện cải cách ruộng đất bị đưa ra kiểm điểm, xử lý khai trừ ra khỏi Đảng bị oan, trong đó có hơn 500 đồng chí vẫn giữ vững phẩm chất của người đảng

viên. Trên cơ sở đó, Ban Tổ chức Đảng tỉnh tham mưu và giúp Tỉnh ủy ra quyết định khôi phục Đảng tịch và chức vụ cho các trường hợp bị oan sai.

Cùng với việc xác minh, kết luận các trường hợp bị oan sai, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh còn phát hiện, xác minh, kết luận một số đảng viên được kết nạp ở 75 xã thực hiện cải cách ruộng đất chưa nêu cao tính tiên phong, gương mẫu; nhiều đảng viên đã không hoạt động, bỏ công tác hoặc xin ra khỏi Đảng. Từ kết luận này, công tác tổ chức đảng các cấp đã tham mưu cho các cấp ủy đảng có kế hoạch và biện pháp giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên.

Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ sửa sai cải cách ruộng đất, giảm tô và chỉnh đốn tổ chức, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng (họp từ ngày 10 đến ngày 13/9/1958) nhận định *“Tình hình tổ chức và nhân dân ở xã đã được ổn định, không khí đoàn kết nông thôn ngày một tăng thêm; cán bộ xã, xóm đã tích cực hoạt động. Việc lãnh đạo, chỉ đạo chi bộ xã tổ chức đại hội bầu Chi ủy mới đang được đẩy mạnh, có tác dụng tốt đến việc thực hiện kế hoạch Nhà nước và tăng cường sự lãnh đạo của các chi bộ đảng ở nông thôn”*⁽¹⁾.

Ngày 3/10/1958, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên ban hành Nghị quyết số 218-NQ/TN, nhấn mạnh ba nội dung, nhiệm vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng

⁽¹⁾ Báo cáo số 43-BC/TN của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng (họp từ ngày 10 đến ngày 13/9/1958).

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

của Đảng bộ tỉnh ba tháng cuối năm 1958:

- *Một là*, tập trung nghiên cứu, đề bạt cán bộ cho những huyện còn thiếu và điều động cán bộ cho những ngành chưa đủ cán bộ, nhất là các ngành kinh tế của tỉnh.

- *Hai là*, tập trung chỉ đạo các chi bộ xã trong toàn tỉnh (cả chi bộ xã vùng giảm tô và chi bộ xã vùng cải cách ruộng đất) và các chi bộ xí nghiệp, cơ quan đã hết nhiệm kì tổ chức đại hội chi bộ bầu lại Chi uỷ, nhằm kiện toàn sự lãnh đạo của các chi bộ xã và các chi bộ cơ quan, xí nghiệp, tăng cường đoàn kết nội bộ, mở rộng dân chủ nội bộ, tăng cường quan hệ giữa chi bộ và quần chúng, đảm bảo chấp hành tốt các chính sách của Đảng và Chính phủ.

- *Ba là*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát triển Đảng, chú trọng công tác phát triển Đảng trong các xí nghiệp, các ngành văn hoá và giáo dục; có kế hoạch phát triển Đảng đúng hướng Trung ương đề ra.

Thực hiện Chỉ thị số 112-CT/TW ngày 23/10/1958 của Trung ương về việc kiện toàn cấp ủy từ huyện, thị xã trở lên, từ cuối tháng 10/1958, công tác tổ chức Đảng của Đảng bộ tỉnh tập trung triển khai việc tiến hành đại hội các đảng bộ huyện, thị xã để bầu lại các huyện ủy, thị ủy và tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V.

Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các cấp bộ Đảng trong tỉnh tập trung lãnh đạo nhân dân vừa dồn sức chi viện tiền tuyến, vừa triển khai thực hiện thí điểm nhiều chính sách lớn của Đảng và Chính phủ; trong đó, nổi lên là chính sách thuế nông

ng nghiệp và chính sách ruộng đất. Sau ngày hòa bình lập lại (21/7/1954), phần lớn cán bộ trong tỉnh được điều động đi làm nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện chính sách giảm tô, cải cách ruộng đất kết hợp với chỉnh đốn tổ chức và tiếp đó lại tham gia công tác sửa sai.

Trong điều kiện đó, các cấp bộ đảng tỉnh và huyện không tổ chức được đại hội, nên nhiệm kì Tỉnh ủy khóa IV và nhiệm kì của các huyện ủy trong Đảng bộ tỉnh đều phải kéo dài⁽¹⁾. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ sửa sai cải cách ruộng đất, tình hình chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh dần dần ổn định, các cấp bộ đảng tỉnh và các huyện mới có cơ sở và điều kiện để tổ chức đại hội bầu lại cấp ủy.

Thực hiện Chỉ thị số 112-CT/TW ngày 23/10/1958 của Trung ương Về việc kiện toàn cấp ủy từ huyện trở lên, được Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc cử cán bộ xuống giúp đỡ, chỉ đạo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Đảng bộ huyện Đại Từ thí điểm tổ chức Đại hội để rút kinh nghiệm lãnh đạo toàn tỉnh. Ngày 8/12/1958, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ được tổ chức, có sự tham dự của Thường trực và

⁽¹⁾ Nhiệm kì Huyện ủy Định Hóa khóa VII kéo dài từ tháng 9/1952 đến tháng 12/1958.

Nhiệm kì Huyện ủy Phú Lương khóa IV kéo dài từ cuối năm 1952 đến tháng 12/1958.

Nhiệm kì Huyện ủy Phú Bình khóa VI kéo dài từ năm 1953 đến tháng 12/1958.

Nhiệm kì Huyện ủy Võ Nhai khóa IV kéo dài từ năm 1952 đến cuối năm 1958.

lãnh đạo Ban Tổ chức các huyện ủy, thị ủy trong tỉnh.

Từ kết quả thí điểm tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ, trong tháng 12/1958, tất cả các đảng bộ huyện đã tổ chức xong đại hội. Đầu tháng 1/1959, Đảng bộ các cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh cũng tiến hành tổ chức đại hội, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I gồm 7 Ủy viên, do đồng chí Tạ Trung Hiền làm Bí thư. Thông qua việc tổ chức đại hội bầu cấp ủy mới, các đảng bộ huyện, thị xã, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy đã củng cố, kiện toàn được cấp ủy, gồm 90 Ủy viên chính thức và 17 Ủy viên dự khuyết.

Đánh giá kết quả đại hội bầu cấp ủy mới của các đảng bộ trực thuộc, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên khẳng định *“Thông qua đại hội bầu cấp ủy mới, các đảng bộ huyện, thị xã trong tỉnh đã nâng cao được lập trường tư tưởng cho đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ. Đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ đã thấy được ưu, khuyết điểm của mình trong công tác lãnh đạo thời gian trước đây. Việc bầu cử đảm bảo dân chủ, đoàn kết nội bộ. Qua bầu cử, cấp ủy các huyện, thị xã đều đảm bảo cơ cấu nam, nữ và thành phần dân tộc ở từng địa phương, nên các đồng chí được trúng cử cũng phấn khởi công tác. Tuy nhiên, do chưa có kinh nghiệm, nên lúc đầu chỉ đạo Đảng bộ Đại Từ thí điểm đề cử người từ chi bộ lên, khi làm thì đúng, nhưng khi rút kinh nghiệm lại là sai, vì vậy mà một số huyện tiếp thu kinh nghiệm cũng gặp khó khăn”*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo (số 10 BC – TN ngày 23/4/1959) Công tác 3 tháng đầu năm 1959 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Từ ngày 1 đến ngày 6/2/1959, Đại hội đại biểu lần thứ V Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên được tổ chức. Đại hội ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh trong nhiệm kỳ tới là *“Chú trọng xây dựng Đảng theo tinh thần chủ nghĩa Mác – Lê nin và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ xây dựng Đảng phải được đặc biệt chú trọng trong các xí nghiệp, công trường, nông thôn v.v... làm cho Đảng bộ tỉnh ta ngày càng củng cố già dặn về chính trị, lớn mạnh về tư tưởng và tổ chức, để lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội”*⁽¹⁾.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 21 Ủy viên chính thức và 4 Ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí.

Đối chiếu với mục đích, yêu cầu, việc bầu cử Tỉnh ủy đã đạt được kết quả tốt, tăng cường bộ máy lãnh đạo cả về số lượng và chất lượng; *“các đồng chí trúng cử đều đủ tiêu chuẩn, phát huy được dân chủ nội bộ, tăng cường thêm sự đoàn kết, tăng thêm lòng tin của cán bộ, đảng viên. Tình hình bộ máy lãnh đạo của cấp ủy được bầu lại, số lượng chất lượng đều được tăng cường, các đồng chí trong cấp ủy có đủ đức tài, khả năng, uy tín trong công tác lãnh đạo chung, vì vậy mà trong những tháng qua cấp ủy đã nắm được toàn diện và tập trung lãnh đạo những công*

⁽¹⁾ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên họp từ ngày 1 đến ngày 6/2/1959.

tác lớn. Cán bộ và đảng viên trong Đảng bộ phấn khởi và tin tưởng sự lãnh đạo của cấp ủy mới”⁽¹⁾.

Từ sau đại hội đảng bộ các cấp từ huyện đến tỉnh, đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng của các cấp bộ đảng trong tỉnh được củng cố, kiện toàn thêm một bước. Ngay sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp từ ngày 13 đến ngày 14/2/1959 đã phân công đồng chí Nguyễn Đình Lim (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy) và đồng chí Dương Ngọc Quyên (Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh) làm Trưởng ban và Phó Trưởng ban Tổ chức Đảng tỉnh. Tiếp theo, ngày 23/3/1959, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định điều đồng chí Tạ Trung Hiền (Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh) làm Ủy viên Ban Tổ chức Đảng tỉnh.

Căn cứ vào kết quả đại hội bầu cấp ủy mới của các cấp bộ đảng trong tỉnh, công tác tổ chức xây dựng Đảng tập trung nghiên cứu, tổng hợp, tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời ban hành các quyết định chuẩn y các ban chi ủy xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị cơ sở; tổng hợp hồ sơ, văn bản đề nghị Khu ủy ra các quyết định chuẩn y các ban huyện ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và đề nghị Trung ương Đảng chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Sau đại hội đảng bộ các cấp, công tác tổ chức xây dựng Đảng trong tỉnh tập trung phục vụ nhiệm vụ bầu cử

⁽¹⁾ Báo cáo (số 10 BC – TN ngày 23/4/1959) Công tác 3 tháng đầu năm 1959 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Hội đồng Nhân dân hai cấp (xã và tỉnh). Đến đầu tháng 5/1959, toàn bộ 149 xã, thị trấn và 4 khu phố trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc bầu cử Hội đồng Nhân dân cấp cơ sở. Ở các huyện, xã và thị trấn có số cử tri đi bầu cao nhất đạt 97%, thấp nhất 92%. Ở thị xã Thái Nguyên, việc bầu cử Hội đồng Nhân dân các khu phố tiến hành tương đối tốt, số cử tri đi bầu đạt 95%. Trừ thị xã Thái Nguyên, việc bầu cử Hội đồng Nhân dân ở các huyện chưa đạt kết quả tốt, huyện nào cũng phải bầu thêm⁽¹⁾.

Từ kết quả bầu cử Hội đồng Nhân dân cấp cơ sở, nhất là qua việc chỉ đạo thí điểm bầu cử Hội đồng Nhân dân tỉnh tại xã Gia Sàng (huyện Đồng Hỷ, nay là phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên) ngày 5/5/1959, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách được giao, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân tỉnh.

Thông qua Đại hội Đảng bộ tỉnh và bầu cử Hội đồng Nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh đã đề bạt 21 cán bộ Trưởng, Phó ty, Ủy viên Ủy ban Hành chính tỉnh, Trưởng, Phó phòng cấp tỉnh; điều động 24 cán

⁽¹⁾ Các huyện Đại Từ, Định Hoá, Võ Nhai, mỗi huyện có 1 xã phải bầu thêm 1 người. Huyện Phú Bình tổng số 22 xã có tới 13 xã phải bầu thêm. Huyện Phổ Yên tổng số 16 xã có tới 11 xã phải bầu thêm. Ở một số xã thuộc huyện Phú Lương, do việc tổ chức học tập cho cử tri và giải quyết tư tưởng cho đảng viên chưa tốt, nên có nhiều đảng viên chi bộ dự kiến phân công ra ứng cử không nhận, không làm đơn ứng cử; ở các xã Hợp Thành, Tức Tranh cả Bí thư chi bộ và Phó Bí thư chi bộ đưa ra bầu đều không trúng cử.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

bộ luân chuyển từ tỉnh xuống huyện, từ huyện lên tỉnh, từ huyện này, ngành này sang huyện khác, ngành khác và tuyển dụng vào biên chế chính thức 53 người tạm tuyển trước đây. Ở cấp huyện, thông qua đại hội đảng bộ huyện, số cán bộ được đề bạt chiếm trên dưới 1/3 tổng số Huyện ủy viên và trên dưới 1/3 tổng số Ủy viên Ủy ban Hành chính huyện.

Nói chung, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh những tháng cuối năm 1958 và 6 tháng đầu năm 1959 có nhiều tiến bộ, bố trí các ngành, các giới tương đối đủ cán bộ lãnh đạo; công tác đề bạt cán bộ đã chú ý tới thành phần công, nông và thành phần dân tộc. “Tuy nhiên, công tác tổ chức của các cấp ủy đảng cũng chưa phải thật là hoàn hảo, còn nhiều lúng túng”⁽¹⁾.

Trong 6 tháng đầu năm 1959, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng còn giúp cấp ủy lựa chọn, cử 66 cán bộ trung, sơ cấp đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Khu và Trung ương mở. Tại Trường Đảng tỉnh, Ban Tổ chức Đảng tỉnh phối hợp với Ban Tuyên giáo tỉnh mở 4 lớp bồi dưỡng, giáo dục đường lối giai cấp nông thôn của Đảng và bồi dưỡng nghiệp vụ hợp tác hoá nông nghiệp cho 371 Chi ủy viên.

Về công tác phát triển đảng viên mới, tuy các cấp bộ đảng trong tỉnh chú ý hơn trước, nhưng nhìn chung vẫn còn yếu. Sáu tháng đầu năm 1959, toàn Đảng bộ tỉnh chỉ kết nạp được 64 đảng viên mới (gồm 35 đảng viên ở

⁽¹⁾ Báo cáo (số 24 – BC/TN) Tình hình công tác 6 tháng đầu năm 1959 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên tại Hội nghị Tỉnh ủy ngày 13/7/1959.

nông thôn, 7 đảng viên ở xí nghiệp, 21 đảng viên ở cơ quan, 1 đảng viên ở đường phố). Đảng bộ huyện Phú Bình không kết nạp được thêm một đảng viên mới nào, lại thi hành kỉ luật đưa ra khỏi Đảng trên 60 đảng viên. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trên là do các cấp ủy Đảng chưa nhận thức đầy đủ về công tác phát triển Đảng, chưa quan tâm đến công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, giúp đỡ những quần chúng tích cực phấn đấu vào Đảng.

Trước tình hình đó, để xây dựng, củng cố các tổ chức đảng trong tỉnh ngày càng vững mạnh, Hội nghị Tỉnh ủy Thái Nguyên (họp ngày 13/7/1959) đã ra Nghị quyết về công tác phát triển Đảng, chỉ rõ yêu cầu các cấp bộ đảng trong tỉnh phải chấp hành nghiêm chỉnh Chỉ thị 169 của Trung ương về công tác phát triển Đảng và kết nạp đảng viên *Lớp 6/1*.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy họp với các Huyện ủy, các ban xây dựng Đảng, Đảng đoàn các cơ quan cấp tỉnh nghiên cứu, quán triệt Chỉ thị 169 của Trung ương và bàn kế hoạch thực hiện. Tỉnh ủy phát động phong trào thi đua đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, lập thành tích chào mừng kỉ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng (6/1/1930 – 6/1/1960). Tỉnh ủy phân công các đồng chí Tỉnh ủy viên và cán bộ chủ chốt cấp tỉnh xuống các cơ sở công trường, xí nghiệp, các xã, trường học..., tuyên truyền lịch sử Đảng và làm công tác phát triển Đảng. Các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ tỉnh đẩy mạnh việc giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng. Trong toàn tỉnh, các tổ

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

chức đảng cơ sở đã rèn luyện, bồi dưỡng được 1.677 quần chúng ưu tú thành đối tượng kết nạp Đảng (có 627 đoàn viên Đoàn Thanh niên, 170 phụ nữ, 81 công nhân, 24 tiểu tư sản, 2 học sinh); 2.068 quần chúng tích cực thành cảm tình Đảng (có 739 đoàn viên, 238 phụ nữ).

Sáu tháng cuối năm 1959, các cấp bộ đảng trong tỉnh kết nạp được 223 đảng viên mới (tăng hơn 3,48 lần so với 6 tháng đầu năm 1959) và đến đầu tháng 1/1960, đồng loạt tổ chức kết nạp 419 đảng viên *Lớp 6/1*⁽¹⁾.

Trên 700 đảng viên được các cấp bộ đảng trong tỉnh kết nạp năm 1959 và đầu tháng 1/1960 nói chung đảm bảo tiêu chuẩn và là những người ưu tú trong các phong trào cách mạng của quần chúng. Kết quả đó cũng khẳng định sự trưởng thành của cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng trong tỉnh.

Cùng với việc đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, 6 tháng cuối năm 1959, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức và đội ngũ cán bộ cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan các cấp. Kết quả, trong năm 1959, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã nghiên cứu, đề bạt 113 cán bộ Trưởng, Phó phòng; Trưởng, Phó ty; Ủy viên các ban Đảng; Trưởng, Phó Công

⁽¹⁾ Trong đó có 123 đồng chí là đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam; 382 nam, 37 nữ; 28 công nhân, 164 bản nông, 159 trung nông lớp dưới, 40 trung nông, 16 đồng chí thuộc thành phần lao động khác, 17 đồng chí thuộc thành phần tiểu tư sản; 242 đồng chí dân tộc Kinh, 132 đồng chí dân tộc Tày, 8 đồng chí dân tộc Sán Chí, 19 đồng chí dân tộc Nùng, 1 đồng chí dân tộc Dao, 2 đồng chí dân tộc Cao Lan, 3 đồng chí dân tộc Sán Dìu, 4 đồng chí dân tộc Hoa.

an huyện; Trưởng, Phó các cửa hàng; Thẩm phán Tòa án; điều động, điều chỉnh 349 cán bộ và tuyển chọn 459 người vào biên chế cho các ngành (cả hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp). Trong số 459 người tuyển chọn vào biên chế cho các ngành, có 324 cán bộ cơ sở các xã (có 155 cán bộ chủ chốt). Các cấp bộ đảng trong tỉnh còn làm tốt việc tiếp nhận 221 cán bộ từ ngoài tỉnh chuyển đến và điều chuyển 99 đồng chí đi các nơi khác ngoài tỉnh. Chỉ tính riêng tháng 10/1959, các cấp ủy đảng tỉnh và huyện đã điều động 15 cán bộ từ xã lên công tác các ngành của tỉnh và huyện, 13 cán bộ công tác ở các cơ quan tỉnh, huyện sang làm giáo viên chính trị ở các trường phổ thông cấp 2 và cấp 3. Để đảm bảo yêu cầu lãnh đạo của các cơ quan, đơn vị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra các quyết định đề bạt 2 Ủy viên Ban Tổ chức Đảng tỉnh, 1 Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy và 1 Phó Trưởng ty Giao thông tỉnh.

Quá trình đề bạt, điều chỉnh, điều động cán bộ của các cấp bộ đảng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá *“nói chung có nhiều cố gắng, đảm bảo tiêu chuẩn và đảm bảo chính sách”*. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được các cấp bộ đảng trong tỉnh chú trọng. Trong năm 1959, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã cử 85 cán bộ trung, cao cấp đi học các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị do Trung ương và Khu mở; 402 cán bộ trung, sơ cấp đi học các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị Trường Đảng tỉnh mở, 200 cán bộ trung, sơ cấp kỹ thuật đi học các lớp bồi dưỡng kỹ thuật; 311 người đi học các lớp đào tạo cán bộ y tế, nữ hộ sinh, kế toán. Ngoài ra, các cấp bộ đảng trong tỉnh còn cử 76

cán bộ đi học các lớp nâng cao trình độ văn hóa do Khu và Tỉnh mở; cử 919 đại biểu Hội đồng Nhân dân xã, 173 Ủy viên Ủy ban Hành chính xã tham dự các lớp huấn luyện nghiệp vụ do Tỉnh và các huyện mở.

Đi đôi với công tác đào tạo, bồi dưỡng, việc xử lý cán bộ cũng được thực hiện nghiêm túc. Trong năm 1959, các cấp bộ đảng đã thi hành kỉ luật 97 đảng viên, khuyết điểm chủ yếu thuộc về phẩm chất đạo đức (tham ô, hủ hoá), chây lười công tác, bỏ sinh hoạt Đảng.

Công tác xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng trong những năm 1958 - 1960 gắn với ba cuộc vận động lớn là Quản lí xí nghiệp, Cải tạo nông nghiệp, Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các công trường, xí nghiệp, năm 1959, Ban Tổ chức Đảng tỉnh tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra các quyết định thành lập Đảng bộ Xí nghiệp Hoàng Văn Thụ và thành lập Đảng bộ Công trường Kiến trúc.

Ngày 26/8/1959, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 215-NQ/TN thành lập Ban Cải tạo công - thương nghiệp tỉnh, gồm 11 thành viên, do đồng chí Trần Đình Nghị, Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Giao thông làm Trưởng ban. Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của Ban Cải tạo công - thương nghiệp tỉnh là giúp Tỉnh ủy nghiên cứu, đề ra kế hoạch cải tạo công - thương nghiệp, chỉ đạo và thực hiện đường lối, chính sách cải tạo công - thương nghiệp của Trung ương và Tỉnh ủy.

Tiếp theo, ngày 19/10/1959, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

ra Nghị quyết số 290 -NQ/TN thành lập Ban Dân tộc tỉnh, gồm 5 thành viên, do đồng chí Triệu Sinh Tài (Ủy viên Ủy ban Hành chính tỉnh) phụ trách. Nghị quyết nêu rõ: Ban Dân tộc tỉnh là một Ban chuyên môn của cấp tỉnh, có quyền ngang với các Ban chuyên môn cùng cấp. Ban Dân tộc tỉnh có nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh nghiên cứu, theo dõi và chỉ đạo thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ; đề xuất, xây dựng các chính sách phù hợp với tình hình, hoàn cảnh các dân tộc (nhất là các dân tộc vùng cao và dân tộc ít người) trong tỉnh; thường xuyên báo cáo, thỉnh thị với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Dân tộc Khu và Ban Dân tộc Trung ương về các chủ trương, công tác của ngành mình.

Kết quả công tác tổ chức xây dựng Đảng của các cấp bộ đảng trên địa bàn tỉnh trong năm 1959 đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Từ 22 hợp tác xã nông nghiệp, với số hộ xã viên chỉ chiếm 0,82% tổng số hộ nông dân toàn tỉnh (đầu năm 1959), đến cuối năm 1959, toàn tỉnh đã có 577 hợp tác xã, với số hộ xã viên chiếm 48,46% tổng số hộ nông dân. Song song với hợp tác hoá nông nghiệp, cuộc cải tạo thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ cũng đạt nhiều kết quả. Đến cuối năm 1959, toàn tỉnh đã có 45,7% số thợ thủ công và 45,6% số hộ tiểu thương vào hợp tác xã. Công tác cải tạo thành phần kinh tế công thương nghiệp tư bản tư doanh bước đầu thu kết quả tốt. Công tác cải tiến quản lý xí nghiệp căn bản đã hoàn thành...

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác tổ

chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh năm 1959 cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Công tác phát triển Đảng trong công nhân, phụ nữ, đoàn viên Đoàn Thanh niên và dân tộc ít người chưa được các cấp bộ đảng coi trọng đúng mức. Việc điều chỉnh, điều động, sắp xếp cán bộ vẫn chưa đạt yêu cầu, chỉ tiêu Khu giao, dẫn đến tình trạng thiếu cán bộ tại các cơ quan Thanh tra, Toà án và các ty Công nghiệp, Thương nghiệp. Chưa chú trọng sử dụng cán bộ nữ, cán bộ xuất thân từ thành phần công nhân, bần nông và cán bộ thuộc các dân tộc ít người (Sán Dìu, Cao Lan, Dao)...⁽¹⁾.

Để khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trên, Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy (họp từ ngày 15 đến ngày 21/1/1960) nhấn mạnh nhiệm vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh năm 1960 là *"Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, làm cho Đảng bộ tăng thêm cả về số và chất lượng. Các cấp bộ đảng cần chấn chỉnh cơ quan tổ chức Đảng, đưa công tác phát triển và củng cố Đảng thành nền nếp thường xuyên. Đẩy mạnh phê bình và tự phê bình..., khen thưởng kịp thời đối với những đảng viên xuất sắc, kỉ luật kịp thời đối với những đảng viên won hèn"*.

Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Tỉnh ủy, trong 6 tháng đầu năm 1960, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã kết nạp 642 đảng viên mới. Nói chung, công tác phát triển Đảng được tiến hành thận trọng, đảm bảo đúng thủ tục, đúng Điều lệ Đảng. Nhằm tăng cường công tác quản lí cán bộ,

⁽¹⁾ Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị Tỉnh ủy tổng kết công tác năm 1959.

ngày 11/1/1960, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TN Ủy nhiệm Ban Tổ chức Đảng tỉnh quản lý cán bộ ngoài Đảng và công nhân viên thuộc các ngành Dân - Đảng, Hợp tác xã mua bán tỉnh và huyện. Nghị quyết chỉ rõ: Ủy nhiệm Ban Tổ chức Đảng tỉnh giúp Tỉnh ủy quản lý số cán bộ ngoài Đảng (không kể cán bộ chỉ đạo) và công nhân viên thuộc các ngành Dân, Đảng, Hợp tác xã mua bán của tỉnh và các huyện. Ban Tổ chức Đảng tỉnh có nhiệm vụ lập hồ sơ, quản lý chặt chẽ số cán bộ, công nhân viên nói trên. Căn cứ vào tình hình cụ thể, Ban Tổ chức Tỉnh ủy có thể ủy nhiệm cho các cơ quan có công nhân viên giúp đỡ việc trực tiếp quản lý số công nhân viên thuộc cơ quan. Ban Tổ chức Đảng tỉnh được quyền ra quyết nghị hoặc chuẩn y cho tuyển dụng, điều động, xếp lương, cho thôi việc... đối với số cán bộ, công nhân viên nói trên theo chế độ chung của Đảng, Nhà nước và chủ trương của Tỉnh ủy. Các địa phương, các ngành khi giải quyết công việc có quan hệ đến chính sách cán bộ trong diện nói trên đều phải liên lạc, báo cáo với Ban Tổ chức Đảng tỉnh giải quyết.

Cùng với công tác phát triển đảng viên mới, công tác tổ chức của các cấp bộ Đảng trong tỉnh tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết 17 của Trung ương Đảng về tổ chức đại hội đảng các cấp. Tại cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban Tổ chức Đảng tỉnh nghiên cứu tình hình cơ cấu của cấp ủy huyện và thị xã, dự thảo kế hoạch tiến hành tổ chức đại hội đảng các cấp tỉnh, huyện, xã. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Ban Tổ chức Đảng

tỉnh họp cán bộ toàn ban, nghe đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách Tổ chức phổ biến về Nghị quyết 17 của Trung ương và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc chuẩn bị tổ chức đại hội đảng các cấp. Lãnh đạo Ban phân công một số cán bộ xuống cùng với các Huyện ủy nghiên cứu tình hình cơ cấu của cấp huyện, khả năng cán bộ, dự định số lượng cấp ủy của từng huyện, thị xã, Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy. Căn cứ vào tình hình đặc điểm, số lượng đảng viên, dân số của từng huyện, Ban Tổ chức Đảng tỉnh dự thảo và thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy kế hoạch tiến hành đại hội Đảng các cấp.

Sau khi thông qua kế hoạch tiến hành đại hội đảng các cấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết về việc tổ chức đại hội đảng các cấp từ xã đến tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn Đảng bộ huyện Võ Nhai làm điểm chỉ đạo để rút kinh nghiệm chỉ đạo đại hội đảng bộ các huyện trên địa bàn tỉnh⁽¹⁾. Tiếp theo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị gồm các đồng chí Tỉnh ủy viên, Trưởng, Phó các ty, các ban, Đảng đoàn, các đồng chí trong Ban Thường vụ huyện ủy, cán bộ các Ban Tổ chức, Tuyên huấn Đảng của tỉnh và các huyện, các đồng chí Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã để phổ biến Nghị quyết của Tỉnh ủy về

⁽¹⁾ Lúc đầu, Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự kiến chọn Đảng bộ huyện Định Hóa làm điểm chỉ đạo tổ chức Đại hội trước để rút kinh nghiệm, nhưng do Huyện ủy Định Hóa chuẩn bị kiểm điểm nội bộ chưa tốt, nên Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định lấy Đảng bộ huyện Võ Nhai làm điểm chỉ đạo để rút kinh nghiệm tổ chức Đại hội Đảng bộ các huyện trong toàn tỉnh.

tổ chức đại hội đảng các cấp. Ban Tổ chức Đảng tỉnh họp với các đồng chí phụ trách tổ chức Đảng các huyện bàn sâu vào kế hoạch tổ chức đại hội. Đến đầu tháng 6/1960, toàn bộ các chi bộ xã, 8 đảng bộ huyện, thị xã và 2 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đều tổ chức xong đại hội.

Ngày 6/6/1960, Tỉnh ủy họp tổng kết công tác đại hội đảng cấp huyện. Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị khẳng định: Đối với cấp cơ sở, các chi bộ đều lựa chọn được những đồng chí ưu tú một cách thực sự dân chủ; phân tích kỹ từng đồng chí trong danh sách ứng cử, đề cử. Đại hội các chi bộ đều nắm vững nguyên tắc phê bình và tự phê bình, mạnh dạn phê bình những đồng chí có sai lầm, khuyết điểm, không e dè, nể nang, sợ mất đoàn kết hoặc thành kiến. Đối với cấp huyện và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, công tác lãnh đạo bầu cử nói chung chặt chẽ. Đại hội Đảng bộ các huyện Định Hoá, Phú Bình, Phú Lương, Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh, Đảng bộ Công trường Kiến trúc bầu 1 vòng đủ số Ủy viên chính thức. Trái lại, Đại hội Đảng bộ huyện Phổ Yên khi bầu chính thức thấy kết quả tốt, nên chủ quan, không trao đổi lại tiêu chuẩn nên phải qua 3 lần bầu mới đủ số Ủy viên dự khuyết. Đại hội Đảng bộ thị xã Thái Nguyên bầu đến lần thứ 5 mới đủ số Ủy viên chính thức. Nhìn chung, các Ban Chấp hành Đảng bộ mới đều được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, đối với những đồng chí mới trúng cử vào Ban Chấp hành lần đầu, cần được bồi dưỡng thêm về lập trường, chính sách, lề lối làm việc

và phương thức lãnh đạo.

Từ ngày 23/6 đến ngày 1/7/1960, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (vòng 1) được tổ chức. Đại hội ra Nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, nêu rõ cần chú trọng xây dựng các chi bộ nông thôn, xí nghiệp, đường phố vững mạnh, làm cho chi bộ thật sự là hạt nhân lãnh đạo mọi mặt công tác ở những nơi ấy. Để xây dựng Đảng đạt kết quả tốt, cần chú trọng củng cố Ban Tổ chức Đảng các cấp.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tập trung củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng. Nhờ đó, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Tại huyện Phú Lương, do số lượng Huyện ủy viên được tăng hơn trước, nên các ngành quan trọng đều có cấp uỷ phụ trách, sự lãnh đạo của Huyện ủy được toàn diện hơn. Bộ máy chính quyền từ xã tới huyện cũng được kiện toàn, nói chung cả số lượng và chất lượng đều được tăng hơn, do đó sự chỉ đạo thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng cũng được khẩn trương hơn.

Qua 3 năm thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá (1958 - 1960), công tác tổ chức xây dựng Đảng của các cấp bộ đảng trong tỉnh đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Thông qua đó, các cấp bộ Đảng trong tỉnh có thêm kinh nghiệm để tiếp tục lãnh đạo công tác tổ chức xây dựng Đảng trong

thời kì thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965).

III. Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong giai đoạn thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965).

Năm 1961 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đồng thời cũng là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965), công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh tập trung củng cố, kiện toàn bộ máy và đội ngũ cán bộ các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể. Ngày 18/1/1961, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp, bàn một số vấn đề về công tác cán bộ. Tại Hội nghị, đồng chí Dương Ngọc Quyên - Tỉnh ủy viên, Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy phụ trách công tác tổ chức của Đảng bộ tỉnh báo cáo tình hình đội ngũ cán bộ trong tỉnh. Theo đó, đến đầu tháng 1/1961, số cán bộ lãnh đạo từ Phó ty, Phó ban, Ủy viên Ủy ban Hành chính tỉnh, Ủy viên các ban Đảng tỉnh..., còn thiếu 35 người.

Trước tình hình trên, để các cơ quan chuyên môn của Đảng và chính quyền tỉnh có đủ cán bộ lãnh đạo, đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương: Ngoài việc vận dụng đúng đắn đường lối cán bộ của Đảng trong việc đào tạo, cất nhắc cán bộ, phải chú ý đào tạo, cất nhắc cán bộ phụ trách từ trong ngành hoặc từ cơ sở lên, tránh xáo trộn, tiến tới dần dần chuyên trách hoá đội ngũ cán bộ, làm cho cán bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển khả năng chuyên môn của mình. Đối với một số ngành mới xây dựng, cấp ủy cần cố gắng bổ sung đủ số cán bộ có năng lực lãnh đạo.

Từ chủ trương trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí phê duyệt báo cáo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về dự kiến đề bạt 23 cán bộ lãnh đạo các ban, ngành cấp tỉnh (gồm 2 Phó ty Nông nghiệp, 2 Phó ty Lâm nghiệp, 2 Phó ty Giáo dục, 1 Phó ty Y tế, 1 Phó ty Giao thông, 1 Phó ty Tài chính, 1 Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, 1 Phó ban Thanh tra tỉnh và 12 Ủy viên các ban, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm các Công ty cấp tỉnh); đồng thời giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu thêm và báo cáo Khu ủy tham gia ý kiến để Tỉnh ủy ra quyết định đề bạt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Khu Tự trị Việt Bắc lần thứ II, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh tập trung vào việc chuẩn bị tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI (vòng 2).

Từ ngày 10 đến ngày 18/3/1961, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (vòng 2) được tổ chức tại thị xã Thái Nguyên. Tham dự Đại hội có 143 đại biểu chính thức và 15 đại biểu dự khuyết (trên tổng số 178 đại biểu chính thức và 17 đại biểu dự khuyết được triệu tập)⁽¹⁾. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn triệu tập 40 cán bộ các ngành xung quanh tỉnh để dự Đại hội với tư cách là đại biểu dự thính. Các đồng chí Ngô Minh Loan - Ủy viên Trung ương Đảng và Vũ Ngọc Linh - Phó Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc, cũng đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội vạch rõ các thiếu sót, khuyết điểm của Đảng

⁽¹⁾ Sở dĩ số đại biểu vắng nhiều là vì một số đại biểu được đã điều động lên công tác ở Khu hoặc Trung ương.

bộ tỉnh trong nhiệm kì 1959 - 1961: Chưa chú ý đúng mức việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển đảng viên mới, công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng. Vấn đề dân chủ và kỉ luật trong Đảng không được chấp hành nghiêm túc; có những đảng viên rất tốt bị kỉ luật oan, trái lại có những đồng chí mắc sai lầm nghiêm trọng, nhưng vẫn giữ địa vị lãnh đạo. Vấn đề phê bình, tự phê bình không làm được thường xuyên, dẫn đến có nhiều đảng viên phẩm chất quá kém (làm thầy mo, thầy cúng, không vào hợp tác xã, không bán thóc cho Nhà nước, thậm chí có đảng viên còn lấy tiền mua thóc của Nhà nước đi đánh bạc). Nguyên nhân của những thiếu sót này là do Tỉnh ủy thiếu kiểm tra đôn đốc và chỉ đạo công tác xây dựng chi bộ, không nắm được tình hình thực tế ở cơ sở, nên bổ khuyết và sửa chữa chậm. Các đồng chí Tỉnh ủy viên khi xuống xã cũng ít quan tâm, giúp đỡ công tác xây dựng Đảng.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, Đại hội đề ra nhiệm vụ *“lấy công tác xây dựng Đảng làm nhiệm vụ hàng đầu; công tác củng cố chính quyền, củng cố các đoàn thể quần chúng, củng cố quốc phòng - an ninh là những nhiệm vụ quan trọng”*⁽¹⁾.

Được sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và sự giúp đỡ trực tiếp của Ban Tổ chức Khu ủy, căn cứ vào cơ cấu của cấp uỷ địa phương, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiến hành công tác chuẩn bị nhân sự, thăm dò dư luận cán bộ, thẩm tra được trên 50 đồng chí để giới thiệu đưa vào Tỉnh

⁽¹⁾ Dẫn theo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936-1965), trang 350.

ủy. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ, gồm 34 đồng chí, trong đó có 27 Ủy viên chính thức và 7 Ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kì này nói chung đảm bảo yêu cầu về cơ cấu, thành phần dân tộc, thành phần giai cấp, cải thiện được thành phần cơ bản vào cấp ủy, thể hiện được mọi hoạt động của địa phương, thành phần phụ nữ cũng được tăng cường hơn trước. Đại hội có nhiều chuyển biến mới, mạnh dạn đưa vào cấp ủy những đồng chí tuổi đời còn trẻ, có khả năng tiếp thu cái mới nhanh.

Ngày 18/3/1961, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI họp phiên đầu tiên bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy và bàn một số việc trước mắt. Đồng chí Phan Văn Tỉnh - Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc đến dự và chỉ đạo Hội nghị. Kết quả, Hội nghị bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gồm 9 đồng chí. Ngày 19/3/1961, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp phiên đầu tiên để phân công phụ trách các ngành và chuẩn bị cho cuộc họp Tỉnh ủy sắp tới. Hội nghị phân công đồng chí Hoàng Minh Chí (Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Tài chính) làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy. Sau khi đồng chí Hoàng Minh Chí được Tỉnh ủy phân công đi làm Bí thư Huyện ủy Võ Nhai, đồng chí Ngô Văn Hoạt (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy) được phân công làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, công tác tổ chức của Đảng bộ tỉnh tập trung thực hiện nhiệm vụ xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Ngày 19/4/1961, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 135-NQ/TU ủy nhiệm cho các huyện ủy, thị ủy được công nhận Ban Chấp hành đảng

bộ, chi bộ cơ sở.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác tổ chức của các huyện ủy, thị ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo các chi bộ cơ sở tiến hành đại hội bầu lại các Ban Chi ủy đã hết nhiệm kì. Đến hết tháng 12/1961, toàn Đảng bộ tỉnh đã có 83,5% số Ban Chi ủy đã được bầu lại. Một số Chi ủy viên (cũ) không đủ tiêu chuẩn đã được thay thế. Nhìn chung, các Ban Chi ủy mới đều có nhiều triển vọng tốt; việc cất nhắc, đề bạt cán bộ trẻ được chú trọng.

Trong công tác phát triển Đảng, thông qua các phong trào thi đua với Đại Phong, Duyên Hải..., các cấp bộ đảng trong tỉnh đã chú trọng bồi dưỡng, rèn luyện, lựa chọn kết nạp vào Đảng những xã viên tiên tiến, chiến sĩ thi đua, đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao động có trách nhiệm và nhiệt tình công tác, sản xuất. Chỉ tính riêng 3 tháng cuối năm 1961, các cấp bộ đảng đã kết nạp 326 đảng viên mới, nâng số đảng viên mới kết nạp năm 1961 lên 779 đồng chí⁽¹⁾, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng. Việc xây dựng, củng cố tổ chức và phát triển Đảng trong các vùng chưa có cơ sở đảng cũng

⁽¹⁾ Chỉ tính riêng 453 đảng viên mới kết nạp 9 tháng năm 1961, có 36 đồng chí nữ, 16 đồng chí là đoàn viên Đoàn Thanh niên, 221 đồng chí thành phần bản nông, 35 đồng chí thành phần công nhân; 346 đồng chí dân tộc Kinh, 68 đồng chí dân tộc Tày, 18 đồng chí dân tộc Nùng, 10 đồng chí dân tộc Dao, 11 đồng chí dân tộc Sán Dìu. Các số liệu thống kê trên đã khẳng định trong công tác phát triển Đảng năm 1961, các cấp bộ Đảng trong tỉnh đã chú ý tới lực lượng trẻ và các dân tộc ít người. Trong số 453 đảng viên mới kết nạp, có 60% đồng chí thuộc thành phần cơ bản, phẩm chất đạo đức tốt, đã qua thử thách trong các phong trào lớn ở địa phương.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

được chú ý. Trong số 87 xóm, hợp tác xã trắng ở 47 xã, đến năm 1961 có 12 xóm, hợp tác xã đã xây dựng được cơ sở đảng, nhất là đối với các xã thuộc vùng xung yếu. Trong số 25 xóm trắng của các xã xung yếu đã xây dựng được cơ sở đảng ở 11 xóm, nhờ đó việc chỉ đạo mọi mặt công tác ở các xã này đã có tiến bộ hơn trước. Đến hết năm 1961, Đảng bộ tỉnh có 321 chi bộ, với 8.844 đảng viên, chiếm 3,04% dân số toàn tỉnh. Trong số đó, có 153 chi bộ xã, 5 chi bộ đường phố, 14 chi bộ thương nghiệp, 36 chi bộ công - nông - lâm trường, 32 chi bộ xí nghiệp, 81 chi bộ cơ quan. Ba tháng cuối năm 1961, Ban Tổ chức Đảng tỉnh tham mưu và giúp Tỉnh ủy ra quyết định thành lập 4 đảng bộ cơ sở (gồm Bưu điện, Lâm nghiệp, Công trường Kiến trúc, Ty Y tế) và 22 chi bộ mới; nhận bàn giao 2 đảng bộ cơ sở là Nông trường Bắc Sơn và Đường dây Đông - Thái, với 15 chi bộ và 221 đảng viên.

Tuy công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh hơn trước, nhưng chưa thường xuyên. Một số chi bộ cả năm 1961 không phát triển được đảng viên mới, đặc biệt là Chi bộ xã Bình Thuận (Đại Từ) suốt từ năm 1955 đến năm 1961 không kết nạp được một đảng viên mới nào. Sự phân bố đảng viên trong các khu vực, đối tượng còn nhiều chênh lệch; tỉ lệ đảng viên so với dân số ở nông thôn chỉ chiếm 2,1%, tỉ lệ đảng viên nữ so với tổng số đảng viên trong Đảng bộ mới đạt 6,15% và so với tổng số phụ nữ trong tỉnh cũng chỉ chiếm 0,4%. Trong Đảng bộ tỉnh vẫn còn nhiều đảng viên không sinh hoạt Đảng và nhiều đảng viên hằng năm không đóng Đảng phí. Sáu tháng đầu năm

1961, riêng Đảng bộ huyện Phú Lương đã có tới 40 đảng viên không sinh hoạt Đảng và một số đảng viên hằng năm không đóng Đảng phí⁽¹⁾.

Để đáp ứng nhu cầu công tác của các ngành, các địa phương trong tỉnh và một phần cung cấp cho Khu, năm 1961, Tỉnh ủy đã điều chỉnh 514 cán bộ (trong đó, điều từ xã lên tỉnh 32 đồng chí, điều từ xã lên huyện 48 đồng chí, điều đi ngoài tỉnh 42 đồng chí, cung cấp cho Khu 8 đồng chí và tiếp nhận của trên điều về 162 đồng chí, tiếp nhận bộ đội chuyển ngành 182 đồng chí, cho thôi việc về địa phương sản xuất 40 đồng chí). Tỉnh ủy đề bạt 101 cán bộ (có 3 nữ), gồm 2 Trưởng ty, 7 Phó ty, 4 Phó Chủ nhiệm, còn lại là Trưởng, Phó phòng cơ quan tỉnh, huyện. Trong số 101 cán bộ mới đề bạt, có 8 công nhân, 37 bần nông, 48 trung nông, 8 học sinh và tiểu thương; 3 cán bộ dân tộc Nùng, 1 cán bộ dân tộc Dao, 1 cán bộ dân tộc Sán Dìu, 10 cán bộ dân tộc Tày... Trong công tác đề bạt cán bộ, nói chung đã có sự nghiên cứu, cân nhắc thận trọng, đồng thời đã mạnh dạn cất nhắc đối với các đảng viên tốt, có năng lực đảm nhiệm công tác. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp chưa kịp thời; việc bồi dưỡng cán bộ nữ cũng chưa thật chú ý, nên việc xét đề bạt gặp nhiều khó khăn.

Trong 6 tháng đầu năm 1962, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng tập trung vào việc tiến hành đại hội đảng bộ các huyện theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy. Các đồng chí trong

⁽¹⁾ Theo Báo cáo (số 017/BC – HU, ngày 7/8/1961) công tác 6 tháng đầu năm 1961 của Huyện ủy Phú Lương.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC

Ban Thường vụ được các huyện ủy làm tốt đại hội đảng bộ các huyện dân chủ, đạt chất lượng kỳ Tỉnh ủy (Cơ quan Dân - Công trực) cũng đạt kết quả tốt.

Công phát triển Đảng và cơ sở đảng được các cấp bộ đảng 1962, các cấp bộ đảng trong tỉnh viên mới (tăng 200 đảng viên) số tổ chức cơ sở đảng và số đảng bộ và 8.844 đảng viên (năm 19 10.271 đảng viên; số xóm (hợp từ 75 đơn vị, giảm xuống còn mới kết nạp so với tổng số đảng Hỷ đạt 16,3%, Phổ Yên 15,8% 11,2%, Võ Nhai 8,9%, Phú Bình Nông trường 17,58%, Xí nghiệp tổ chức cơ sở đảng yếu kém từ giảm xuống còn 17 chi bộ (cũ với tình hình và quan hệ sản x dụng tổ chức cơ sở đảng, các thành lập 34 đảng bộ cơ sở (gồm bộ nhỏ ở 26 xã và 8 đảng bộ cũ 45 chi bộ nhỏ).

Thực hiện *Cuộc vận động bộ cơ sở 4 tốt* do Ban Bí thư 7

(tháng 6/1962)⁽¹⁾, các chi bộ, đảng bộ cơ sở có nhiều cố gắng và đạt được nhiều thành tích về các mặt. Kết thúc năm 1962, Tỉnh ủy đã biểu dương 31 chi bộ, các huyện ủy khen 40 chi bộ có nhiều thành tích thực hiện Cuộc vận động xây dựng Chi bộ, Đảng bộ cơ sở 4 tốt. Thông qua thực hiện Cuộc vận động, số chi bộ kém trong Đảng bộ tỉnh đã giảm từ 30 (năm 1961), xuống còn 17 (năm 1962).

Cùng với việc triển khai thực hiện *Cuộc vận động xây dựng Chi bộ, Đảng bộ cơ sở 4 tốt*, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết 35 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc sửa đổi tổ chức và lề lối làm việc đi đôi với việc sửa đổi trợ cấp đối với cán bộ xã. Đến cuối năm 1962, toàn tỉnh đã có 128 xã và 2 thị trấn (trên tổng số 149 xã và 2 thị trấn) đã hoàn thành việc triển khai thực hiện Nghị quyết 35; mỗi xã, thị trấn đã có từ 3 đến 5 cán bộ chuyên trách. Thông qua việc thực hiện Nghị quyết 35 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, những đảng viên có phẩm chất đạo đức và năng lực công tác tốt được đưa vào làm cán bộ chuyên trách, giữ vai trò chủ chốt các xã, thị trấn. Tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ xã chuyên trách được đề cao hơn, lãnh đạo tập trung hơn, trực tiếp giúp các hợp tác xã được nhiều việc. Những cán bộ xã không chuyên trách đều được bố trí vào các hợp tác xã để lãnh đạo sản xuất và trực tiếp sản xuất với xã viên.

⁽¹⁾ Nội dung 4 tốt: 1- Lãnh đạo công tác củng cố và phát triển Đảng tốt; 2- Lãnh đạo sản xuất tốt; 3- Lãnh đạo chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước tốt; 4- Lãnh đạo quan tâm đến đời sống quần chúng và làm công tác vận động quần chúng tốt.

Như vậy, có thể nói việc triển khai thực hiện Nghị quyết 35 của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại các cấp bộ đảng trong tỉnh đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, trong tỉnh vẫn còn 21 xã chưa hoàn thành việc triển khai thực hiện Nghị quyết 35 (các huyện Phú Lương 4 xã, Phú Bình 5 xã, Phổ Yên 5 xã, Võ Nhai 5 xã, Đại Từ 1 xã, Đồng Hỷ 1 xã); lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ xã chuyên trách còn lúng túng; mối quan hệ, lề lối làm việc giữa huyện và xã chưa được quy định rõ ràng. Một số cán bộ xã (tuy không nhiều) không vào diện chuyên trách tỏ ra bàng quan với phong trào, dồn mọi công việc cho các đồng chí cán bộ chuyên trách. Một số xã đưa cả cán bộ năng lực yếu, uy tín kém vào làm cán bộ xã chuyên trách⁽¹⁾.

Trong năm 1962, các cấp bộ đảng trên địa bàn tỉnh điều chỉnh 344 cán bộ từ cơ quan này sang cơ quan khác; tiếp nhận 675 cán bộ từ các cơ quan, địa phương khác ở ngoài tỉnh đến, đồng thời điều đi nơi khác ngoài tỉnh 148 cán bộ. Ngoài ra, tỉnh còn điều động 440 cán bộ ở các cơ quan tỉnh xuống giúp các xã xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng và phong trào hợp tác xã.

Thực hiện Chỉ thị 161 của Thủ tướng Chính phủ, các cấp bộ đảng trong tỉnh chấp hành nghiêm chỉnh việc tuyển dụng người vào cơ quan Nhà nước. Đến cuối năm 1962, toàn tỉnh tuyển dụng vào biên chế chính thức 1.501 cán bộ, công nhân viên, tăng 605 người so với năm 1961. Để công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và chính

⁽¹⁾ Báo cáo số 01-BC/TN ngày 3/1/1963 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên tại Hội nghị Tỉnh ủy Tổng kết công tác năm 1962.

quyền tỉnh được tập trung hơn, tỉnh đã sáp nhập Hợp tác xã mua bán tỉnh vào Ty Thương nghiệp; sáp nhập Phòng Thông tin - Tuyên truyền vào Ty Văn hoá; chuyển giao Nhà máy điện Cao Ngạn cho Ủy ban Hành chính thị xã Thái Nguyên quản lí.

Sau ngày Chính phủ ra quyết định thành lập thành phố Thái Nguyên (19/10/1962), công tác tổ chức của cấp bộ đảng tỉnh, thị xã Thái Nguyên và các huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Phú Lương xúc tiến việc chuẩn bị chuyển giao các tổ chức cơ sở đảng, tổ chức quần chúng cho thành phố Thái Nguyên. Ban Tổ chức Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị nội dung các văn bản đề nghị Khu ủy ra quyết định thành lập Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, chỉ định Thành ủy (lâm thời), gồm 10 đồng chí do đồng chí Hoàng Minh Chí (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy) làm Phó Bí thư - Quyền Bí thư.

Để sớm ổn định bộ máy lãnh đạo của Thành phố, thực hiện Chỉ thị số 42-CT ngày 19/2/1963 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy Đồng Hỷ đã tiến hành việc bàn giao và chuyển giao các tổ chức cơ sở đảng, các tổ chức quần chúng ở 6 xã (Cam Giá, Gia Sàng, Túc Duyên, Quang Vinh, Đồng Quang, Đồng Bẩm) và thị trấn Trại Cau cho Thành ủy. Thị ủy Thái Nguyên cũng làm tốt việc bàn giao và chuyển giao các tổ chức cơ sở đảng, các tổ chức quần chúng tại các khu phố ở Thị xã cho Thành ủy.

Trên cơ sở bộ máy của Thị xã, Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng với Phòng Tổ chức Ủy ban Hành chính tỉnh phối hợp

với các tổ chức Công đoàn, Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Đảng đoàn chính quyền tỉnh và các ty chuyên môn sắp xếp bộ máy của Thành phố đảm bảo tăng cường chất lượng cán bộ đảm nhiệm công việc, không bị xáo trộn ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường⁽¹⁾. Ban Tổ chức Tỉnh ủy còn cùng với Chi uỷ Ban Đại diện Gang thép làm tốt công tác chuẩn bị và chuyển giao Chi bộ Ban Đại diện Gang thép cho Thành ủy Thái Nguyên.

Từ ngày 10/4 đến đầu tháng 5/1963, tất cả 8 đảng bộ huyện, thành phố trong tỉnh đều tổ chức đại hội, tập trung bàn những vấn đề lớn về sản xuất nông nghiệp, công tác trị an và công tác xây dựng Đảng. Đại hội Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ VIII (27/4 - 1/5/1963) đã nghiêm túc, thẳng thắn chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến tan vỡ hàng loạt hợp tác xã trong huyện là “*Sự lãnh đạo của Đảng bộ yếu, cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, trình độ cán bộ thấp, nhất là cán bộ quản lý, kế toán, tài vụ. Các cấp bộ đảng trong huyện chưa nghiên cứu kỹ chính sách hợp tác hoá để áp dụng phù hợp với đặc điểm tình hình của huyện*”⁽²⁾. Các đại hội đảng bộ huyện, thành phố bầu cấp uỷ mới và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII

⁽¹⁾ Theo đó, Ủy ban Hành chính (lâm thời) Thành phố do đồng chí Hoàng Minh Chí làm Chủ tịch và các đồng chí Nguyễn Văn Hòa, Trần Văn Bảo, Nguyễn Tất Hạch làm Phó Chủ tịch. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng ở Thành phố: Đoàn Thanh niên là Hoàng Huy Thoa, Hội Phụ nữ là Lê Thị Gạo, Liên đoàn Lao động là Bạc Cẩm Thụy...

⁽²⁾ Biên bản Đại hội Đảng bộ huyện Võ Nhai tháng 4/1963, lưu tại Lưu trữ Văn phòng Huyện ủy Võ Nhai.

đều đạt kết quả tốt. Cơ cấu cấp ủy các huyện được đảm bảo chặt chẽ, có cán bộ cơ quan, cán bộ cơ sở⁽¹⁾.

Từ ngày 29/5 đến ngày 3/6/1963, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII được tổ chức, với sự tham gia của 236 đại biểu thay mặt cho 10.271 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội khẳng định công tác tổ chức xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ 1961 – 1963 đạt nhiều kết quả, nhất là 2 huyện Đại Từ và Đồng Hỷ. Tại huyện Đồng Hỷ, do chi bộ được củng cố, nên phong trào mọi mặt đều tiến bộ, đưa Đồng Hỷ trở thành một trong những huyện khá của tỉnh. Tại huyện Đại Từ, cũng do chi bộ được củng cố, nên từ một huyện nát về hợp tác xã, sản xuất bình thường, đã vươn lên mạnh mẽ trở thành một huyện khá. Tỉnh ủy tuyên dương 76 chi bộ nông thôn, tiêu biểu là các chi bộ Hà Thượng, Đoàn Kết (huyện Đại Từ), Tân Quang (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thị xã Sông Công)... đạt nhiều thành tích trong *Cuộc vận động xây dựng Chi bộ, Đảng bộ cơ sở 4 tốt*. Thông qua thực hiện Cuộc vận động, tỉ lệ đảng viên kém trong toàn tỉnh từ trên 20% (cuối năm 1960), giảm xuống còn 15% (đầu năm 1963). Công tác phát triển Đảng có nhiều chuyển biến tốt. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, trong nhiệm kỳ 1961 – 1963, toàn tỉnh đã phát triển được 1.758 đảng viên mới; trong đó có 412 người (23,43%) là đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao

⁽¹⁾ Theo Báo cáo số 06/BC-TN ngày 3/5/1963 của Tỉnh ủy Thái Nguyên: Cá biệt, có một đồng chí không trúng Huyện ủy đã tiêu cực, viết đơn xin nghỉ việc và xin ra khỏi Đảng.

động, 123 người (7%) là phụ nữ, 293 người (16,67%) là thành phần các dân tộc ít người. Các đơn vị làm công tác phát triển Đảng khá nhất năm 1962 ở khối huyện, thành phố, là Đảng bộ huyện Đồng Hỷ (phát triển được 187 đảng viên mới); ở khối cơ quan, xí nghiệp, là Đảng bộ Xí nghiệp Hoàng Văn Thụ (phát triển 39 đảng viên mới). Từ cuối năm 1962, Cuộc vận động xây dựng Chi bộ, Đảng bộ cơ sở 4 tốt đã trở thành phong trào rộng rãi trong các chi bộ, đảng bộ cơ sở thuộc Đảng bộ tỉnh. Các cấp bộ đảng trong tỉnh đã thành lập 43 đảng bộ cơ sở (có 27 Đảng bộ cơ sở nông thôn); đề bạt 130 cán bộ (có 1 nữ) vào cương vị lãnh đạo các cơ quan tỉnh. Các cán bộ được đề bạt đều có đủ đức, tài, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

Đại hội ra Nghị quyết số 03-NQ/TN (ngày 12/7/1963) nêu rõ: Công tác tổ chức xây dựng Đảng tuy có nhiều tiến bộ, nhưng việc phát triển Đảng trong thanh niên, phụ nữ và dân tộc ít người chưa được chú ý đúng mức. Việc đề bạt cán bộ nữ còn quá ít (trong số 130 cán bộ được đề bạt chỉ có 1 cán bộ là phụ nữ). Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực công tác, cần phải hết sức coi trọng công tác tổ chức xây dựng Đảng. Ra sức kiện toàn cấp tỉnh, làm cho tỉnh thực sự vững mạnh, đủ khả năng lãnh đạo kinh tế và mọi mặt công tác; đồng thời nâng cao chất lượng của cấp huyện; kiện toàn cấp cơ sở, coi đó là nhiệm vụ mấu chốt để hoàn thành mọi nhiệm vụ công tác, làm cho chi bộ thực sự là hạt nhân lãnh đạo sản xuất và hợp tác xã và mọi mặt

công tác; nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên để nâng cao chất lượng của các cơ sở đảng; phải coi trọng công tác phát triển Đảng trong đoàn viên thanh niên, phụ nữ, dân tộc ít người, nhất là dân tộc mà số đảng viên còn quá ít, như Nùng, Cao Lan, Sán Chí, v.v... Phải chú ý bồi dưỡng đề bạt nhiều cán bộ nữ ở các cấp, nhất là ở cơ sở.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VII, gồm 27 Ủy viên chính thức và 4 Ủy viên dự khuyết. Trong 2 ngày (16 - 17/6/1963), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII họp phiên thứ nhất, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn (Trưởng ban Kiểm tra) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công kiêm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Ngày 26/7/1963, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp bàn một số việc trước mắt và phân công lại công tác cho hợp lý hơn. Theo đó, đồng chí Lê Đức Chính - Bí thư Tỉnh ủy, phụ trách chung kiêm phụ trách cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã; đồng chí Doanh Hằng - Phó Bí thư Thường trực kiêm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy⁽¹⁾ thay đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn; đồng chí Trần Oanh - Trưởng ban Tuyên giáo kiêm Hiệu trưởng Trường Đảng tỉnh. Hội nghị phân công các đồng chí Lê Đức Chính - Bí thư Tỉnh

⁽¹⁾ Một thời gian ngắn sau, Tỉnh ủy phân công đồng chí Ngô Văn Hoạt làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy thay đồng chí Doanh Hằng. Đến tháng 6/1964, Tỉnh ủy phân công đồng chí Hoàng Minh Chí làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy thay đồng chí Ngô Văn Hoạt.

ủy, phụ trách huyện Phú Bình; Nguyễn Thế Đạt - Phó Bí thư Tỉnh ủy, phụ trách huyện Đại Từ; Doanh Hằng - Phó Bí thư Tỉnh ủy và Chu Quốc Hưng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, phụ trách huyện Võ Nhai; Nguyễn Hữu Uẩn - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách huyện Định Hoá; Lê Nguyên Kinh - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách huyện Phổ Yên; Trần Đình Nghị - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách huyện Đông Hỷ; Trần Oanh - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách huyện Phú Lương; Trần Văn Tường - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách thành phố Thái Nguyên. Hội nghị ra nghị quyết thành lập Ban Lãnh đạo cải tiến quản lý hợp tác xã gồm 3 đồng chí: Lê Đức Chính, Trần Oanh và Nguyễn Đình Chất. Hội nghị quyết định thành lập Ban Nội chính Đảng tỉnh gồm 4 đồng chí, do đồng chí Chu Quốc Hưng (Phó Bí thư Tỉnh ủy) làm Trưởng ban; Nguyễn Hữu Uẩn (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy) làm Phó ban; Nguyễn Hồng An (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy) làm Ủy viên và Hoàng Thịnh (Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh) làm Ủy viên. Hội nghị nhất trí thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động 3 xây 3 chống, do đồng chí Chu Quốc Hưng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, làm Trưởng ban; 3 đồng chí Đặng Đình Cẩm, Lê Đình Nhậm, Đặng Đình Thái làm Phó ban và đồng chí Đôn Văn Cước làm Ủy viên Thường trực.

Từ ngày 10 đến ngày 12/8/1963, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp bàn một số vấn đề về công tác tổ chức. Hội nghị quyết định kiện toàn các cơ quan Ủy ban Kế hoạch tỉnh,

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

gồm 4 đồng chí, do các đồng chí Ngô Thượng Thạch và Đàm Văn Khê làm Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm; Ủy ban Kiến thiết cơ bản, do đồng chí Đặng Dũng làm Chủ nhiệm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt biên chế của Văn phòng Tỉnh ủy là 15 người⁽¹⁾. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu cho một số cán sự 3, 4 để làm nhiệm vụ theo dõi các bộ phận Dân - Đảng, Nông nghiệp, Tài - Mậu, Công nghiệp và Nội chính - Văn hoá; nghiên cứu giải quyết và sắp xếp công ăn việc làm cho các gia đình cán bộ, bộ đội đi phục vụ chiến trường B. Hội nghị quyết nghị giao cho Ban Tổ chức Tỉnh uỷ được quyền tuyển dụng, cho thôi việc và định mức lương cho cán bộ, công nhân viên mới tuyển dụng ở khối Dân - Đảng; được xét duyệt người đi học ngắn hạn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, công tác tổ chức xây dựng Đảng của các cấp bộ đảng trong tỉnh tập trung kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy chi bộ, đảng bộ cơ sở, coi đó là điểm mấu chốt để hoàn thành các nhiệm vụ khác. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 35 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, năm 1963, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh đã đưa 101 cán bộ (có 68 cán bộ Trung ương tăng cường cho tỉnh) về chỉ đạo, giúp đỡ các xã kiện toàn các tổ chức đảng,

⁽¹⁾ Gồm 1 Bí thư Tỉnh ủy, 1 Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, 1 Chánh Văn phòng hoặc Phó Chánh Văn phòng, 5 cán bộ nghiên cứu (trên 5 lĩnh vực Dân - Đảng, Nội chính - Văn hoá - Giáo dục - Y tế, Tài - Mậu, Công nghiệp, Nông nghiệp), 1 văn thư, 1 lưu trữ, 1 đánh máy, 1 liên lạc - công vụ, 1 hành chính quản trị và 2 cán bộ ngân sách.

chính quyền, đoàn thể quần chúng và sửa đổi lề lối làm việc. Nhờ đó, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy và chất lượng của các chi bộ, đảng bộ cơ sở ngày càng được nâng cao. Nguyên tắc tổ chức, lề lối và phương pháp làm việc của các cấp ủy, chi bộ, đảng bộ cơ sở ngày càng chặt chẽ, khoa học, sát thực tiễn cuộc sống và hiệu quả cao hơn.

Công tác phát triển Đảng nhìn chung có nhiều cố gắng, tiến bộ; đã chú ý phát triển Đảng vào các thành phần thanh niên, phụ nữ và trong đồng bào dân tộc thiểu số. Hai năm 1963, 1964, các cấp bộ đảng trong tỉnh kết nạp được 2.647 đảng viên mới, đưa tổng số đảng viên trong Đảng bộ tỉnh cuối năm 1964 lên 13.862 đồng chí (tăng 6.033 đồng chí so với cuối năm 1961).

Nhằm kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng cơ sở phù hợp với tình hình các cơ quan, đơn vị ngày càng phát triển, nhiệm vụ ngày càng nặng nề, trong 2 năm 1963 - 1964, Đảng bộ tỉnh điều chỉnh, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức đảng hoặc thành lập mới một số tổ chức cơ sở đảng. Ngày 16/9/1963, Đảng bộ Buu điện - Truyền thanh và Đảng bộ Công an tỉnh tách khỏi Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh về trực thuộc Tỉnh ủy. Ngày 15/10/1963, Chi bộ Ty Văn hóa tách khỏi Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh để thành lập Đảng bộ Ty Văn hóa trực thuộc Tỉnh ủy. Ngày 12/10/1964, Tỉnh ủy ra quyết định giải thể Chi bộ Ban Công tác Nông thôn, thành lập Chi bộ Ban Nông nghiệp tỉnh. Ngày 12/11/1964, Đảng bộ Ngân hàng tỉnh tách khỏi Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh về trực thuộc Tỉnh ủy.

Trước tình hình giặc Mĩ leo thang mở rộng chiến tranh ở cả hai miền Nam, Bắc nước ta, để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh đã kịp thời chuyển hướng. Ngày 17/12/1964, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 302-NQ/TN giải thể Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh để thành lập các Đảng bộ khối trực thuộc Tỉnh ủy. Ngày 28/12/1964, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 310-NQ/TN thành lập 5 Đảng bộ cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy (Đảng bộ Khối Đảng, gồm 7 chi bộ; Đảng bộ Khối Dân, gồm 4 chi bộ; Đảng bộ Ty Thủy lợi, gồm 4 chi bộ; Đảng bộ Ủy ban Hành chính tỉnh, gồm 13 chi bộ; Đảng bộ Khối Tài chính - Ngân hàng, gồm 4 chi bộ) và 1 chi bộ cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy (Chi bộ Ty Lương thực).

Việc điều chỉnh, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Đảng và chuyển hướng công tác tổ chức Đảng phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới đã góp phần quan trọng vào kết quả công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh. Năm 1964, *Cuộc vận động xây dựng Chi bộ, Đảng bộ cơ sở 4 tốt* tiếp tục được duy trì và mở rộng trong Đảng bộ. Các cấp bộ đảng trong tỉnh xây dựng được 190 *Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt*, tăng 76 đảng bộ, chi bộ so với năm 1963. Ngoài 190 Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt, Đảng bộ tỉnh có 281 đảng bộ, chi bộ khá; 404 đảng bộ, chi bộ trung bình; 91 đảng bộ, chi bộ kém (riêng khu vực nông thôn có 137 Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt; 175 đảng bộ, chi bộ khá; 242 đảng bộ, chi bộ trung bình; 82 đảng bộ, chi bộ kém). Về chất lượng đảng

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

viên, trong Đảng bộ tỉnh có 52,72% đảng viên khá, 38,2% đảng viên trung bình, 7,98% đảng viên kém, 1,1% đảng viên quá kém (riêng khu vực nông thôn tỉ lệ đảng viên quá kém chiếm tới 12%).

Tuy nhiên, công tác phát triển Đảng năm 1964 chỉ đạt 57% kế hoạch. Đảng bộ thành phố Thái Nguyên là đơn vị có kết quả phát triển Đảng cao nhất cũng chỉ đạt 87,9% kế hoạch. Công tác phát triển Đảng trong đội ngũ cán bộ chuyên môn kỹ thuật chưa được chú ý đúng mức; các xã viên tích cực trong các hợp tác xã nông nghiệp cũng chưa được chú ý bồi dưỡng thành đối tượng phát triển Đảng. Theo thống kê sơ bộ ở 5 huyện, có 7 xã trong năm 1964 không kết nạp thêm được 1 đảng viên nào. Việc thanh toán xóm trắng về đảng viên cũng chưa được quan tâm đúng mức. Cuối năm 1964, trong tỉnh vẫn còn 21 xóm trắng về đảng viên.

Kết quả công tác tổ chức xây dựng Đảng của các cấp bộ đảng trong tỉnh đã góp phần to lớn vào kết quả lãnh đạo củng cố, phát triển phong trào hợp tác hóa và tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật ở một số xã thuộc các huyện miền núi và trung du trên địa bàn tỉnh. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1965, toàn tỉnh xây dựng thêm 76 hợp tác xã nông nghiệp, với 1.700 hộ và kết nạp 3.710 hộ cá thể vào hợp tác xã; đã cải tiến quản lý ở 107 hợp tác xã các huyện trung du. Những hợp tác xã qua cải tiến, trình độ quản lý, trình độ tổ chức được nâng lên. Cơ sở vật chất và kỹ thuật bước đầu được tăng cường.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

Trên địa bàn tỉnh, 85 hợp tác xã có lò vôi, 168 hợp tác xã có lò gạch, 556 hợp tác xã có nhà kho, 529 hợp tác xã có sân phơi, 224 hợp tác xã có nhà ủ phân, 22 hợp tác xã có nhà mẫu giáo, 30 hợp tác xã có nhà gửi trẻ. Số hợp tác xã khá chiếm 38,1%, số hợp tác xã trung bình chiếm 48,7%, hợp tác xã kém chiếm 13,2%.

Công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh còn góp phần làm tốt việc tiếp nhận đồng bào các tỉnh miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Nếu tính từ năm 1962, đến hết 6 tháng đầu năm 1965, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã lãnh đạo và tổ chức tiếp nhận 33.066 nhân khẩu lên xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có tổ chức, đã thành lập 129 hợp tác xã, 39 đội sản xuất độc lập. Trong số 129 hợp tác xã, có 54 hợp tác xã chuyên trồng cây công nghiệp (chè, lạc, đậu tương...); trong đó, các huyện Đại Từ 22 hợp tác xã, Định Hoá 25 hợp tác xã, Đồng Hỷ 7 hợp tác xã.

Để đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong tình hình cả nước có chiến tranh, thực hiện chủ trương của Trung ương, 6 tháng đầu năm 1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Ban Chỉ huy Tỉnh đội và Phòng Tổ chức chính quyền thực hiện việc điều động cán bộ là sĩ quan chuyển ngành và cán bộ chính trị vào phục vụ trong quân đội. Cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy có nhiều cố gắng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, do các cơ quan quản lý cán bộ chưa nắm chắc các đối tượng cán bộ chính trị và cán bộ là sĩ quan

chuyên ngành (chỉ quản lý trên danh sách), nên khi điều động gấp có nhiều lúng túng.

Tóm lại, trong hơn 10 năm kể từ sau ngày Hiệp định Giơnevơ được kí kết, công tác tổ chức xây dựng Đảng tỉnh Thái Nguyên đã phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, góp phần nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với mọi hoạt động ở địa phương. Ban Tổ chức xây dựng Đảng các cấp của Đảng bộ từng bước được củng cố và kiện toàn. Đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng ngày càng trưởng thành, có thêm nhiều kinh nghiệm. Đó chính là những điều kiện căn bản để công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh tiếp tục đạt kết quả cao hơn trong những năm tháng vừa sản xuất vừa trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ và chi viện chiến trường miền Nam.

Chương IV

CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG

THỜI KÌ 1965 – 1975

I. Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong giai đoạn chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 – 1968)

Thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/TW (ngày 10/4/1965) của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 103 (ngày 21/4/1965) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên được sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái. Đảng bộ hai tỉnh cũng được hợp nhất thành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sau khi hợp nhất có 43 Ủy viên chính thức và 2 Ủy viên dự khuyết; nhưng do yêu cầu công tác, Trung ương và Khu ủy điều động các đồng chí Lê Đức Chính, Trần Đình Nghị, Hoàng Minh Chí, Hoàng Mỹ Đức, Nguyễn Như Phụng đi nhận công tác khác và cho đồng chí Chu Quốc Hưng về nghỉ chế độ hưu trí; đồng thời Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết nghị đồng chí Lê Hoàng (Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc) tham gia vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái. Như vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái có 40 Ủy viên, gồm 38 Ủy viên chính thức và 2 Ủy viên dự khuyết.

Hai ngày 4 và 5/6/1965, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái họp phiên thứ nhất, thông qua báo cáo bàn giao phong trào của hai Ban Chấp hành Đảng bộ hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn; thảo luận một số nội dung về nhiệm

vụ công tác 6 tháng cuối năm 1965 và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội trong kế hoạch 2 năm (1966 - 1967) của Tỉnh ủy Bắc Thái. Về công tác tổ chức xây dựng Đảng, Hội nghị nhấn mạnh 3 nội dung:

- Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt, đưa tỉ lệ Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt lên khoảng 50%; đồng thời phải giảm số chi bộ kém xuống còn khoảng 4% và số đảng viên kém xuống còn khoảng 5% so với tổng số đảng viên.

- Hai là, tích cực phát triển đảng viên mới, để cuối năm 1965, tỉ lệ đảng viên ở nông thôn đạt 4,8% so với dân số, tỉ lệ đảng viên ở các cơ quan, công trường, nhà máy, xí nghiệp đạt 27,4% so với tổng số cán bộ, công nhân, viên chức. Chú ý phát triển đảng viên ở các xóm trắng (xóm không có đảng viên), ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số mà tỉ lệ đảng viên so với dân số còn thấp; đảm bảo 70% đảng viên mới là lực lượng trẻ và 20% đảng viên mới là nữ.

- Ba là, tiếp tục hoàn thành công tác biên chế sắp xếp tổ chức bộ máy hợp nhất và kiện toàn bộ máy lãnh đạo của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh một cách khẩn trương để đáp ứng kịp yêu cầu, nhiệm vụ mới. Đồng thời phải có kế hoạch tiếp tục bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, chú ý bồi dưỡng, đào tạo cán bộ nữ và dân tộc ít người.

Ngày 6/6/1965, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái đã bầu 11 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được phân công làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Tiếp theo, từ ngày 21 đến ngày 25/6/1965, Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Thái khóa I họp kì thứ nhất, với sự tham dự của 113 đại biểu trên tổng số 128 đại biểu. Phát biểu chỉ đạo kì họp, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Lê Hoàng nhân mạnh *“Phải nhanh chóng ổn định tư tưởng và tổ chức các ngành của Đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh, nhằm đảm bảo các hoạt động nhịp nhàng, liên tục, không để ảnh hưởng không tốt đến các mặt sản xuất và sẵn sàng chiến đấu của tỉnh”*. Kì họp thứ nhất Hội đồng Nhân dân tỉnh khóa I đã bầu đồng chí Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy) giữ chức Chủ tịch và 4 đồng chí: Nguyễn Thế Đạt, Lý Ngọc Tuân, Triệu Văn Tịnh, Hoàng Thượng giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh.

Quán triệt tinh thần các nghị quyết của Tỉnh ủy (lâm thời) và Hội đồng Nhân dân tỉnh khóa I, công tác tổ chức Đảng của Đảng bộ tỉnh phối hợp với công tác tổ chức của các cấp chính quyền, đoàn thể khẩn trương xây dựng, kiện toàn các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh. Từ ngày 1/7/1965, Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân tỉnh, Ủy ban Hành chính tỉnh và các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh xuống cơ sở chính thức đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới.

Qua một tháng sắp xếp, kiện toàn tổ chức và biên chế, tổ chức đảng các cơ quan tỉnh, đảng bộ các ty, các xí nghiệp... đã hoạt động bình thường và từng bước đi vào nền nếp. Tuy nhiên, việc hợp nhất của một số đảng bộ, chi bộ cơ sở ở các ty chuyên môn tiến hành còn chậm, cấp uỷ chưa được kiện toàn, công tác Đảng không được tiến hành thường xuyên...

Trước tình hình trên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu, giúp đỡ đảng bộ, chi bộ các cơ quan và các ngành triển khai thực hiện Chỉ thị số 02-CT/BT ngày 17/8/1965 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *Về việc tiếp tục củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng sau khi đã hợp nhất tỉnh*, với 3 nội dung: Một là, đối với đảng bộ các cơ quan, các ty, các ngành sau khi hợp nhất, tiến hành kiện toàn Ban Thường vụ Đảng ủy để làm việc. Hai là, tổ chức đảng ở ngành nào thì trực thuộc sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy ngành đó. Đảng ủy ngành nào có trách nhiệm tổ chức, sắp xếp để thống nhất lãnh đạo mọi mặt công tác của ngành đó. Việc xét duyệt, chuẩn y các báo cáo, đề án, quyết định, các đảng ủy tiến hành theo phạm vi quyền hạn của mình đã được Tỉnh ủy phân cấp. Ba là, sắp xếp, bố trí các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc phù hợp giữa tổ chức đảng và tổ chức chính quyền theo tinh thần nghị quyết của Trung ương.

Từ ngày 5 đến ngày 7/10/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp, bàn nội dung, biện pháp củng cố Ty Thương nghiệp. Sau khi nghe các đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh ủy - Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) và Nguyễn Hữu Uẩn (Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy) báo cáo kết quả kiểm tra, nắm tình hình ở Ty Thương nghiệp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy trong bộ máy lãnh đạo Ty Thương nghiệp, tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tư tưởng địa vị còn nặng, nên nảy sinh bệnh công thần, kèn cựa; xin về hưu non, xin về huyện, xin ra khỏi ngành; không nhận nhiệm vụ được cơ sở đảng

phân công hoặc bỏ công tác về nhà. Do không khí trong nội bộ căng thẳng, nên các đồng chí mới được phân công hoặc đề bạt tỏ ra lo lắng, bi quan. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo Ty đối với các công ty, các cơ sở hầu như không có, mạnh ai người ấy làm. Tính chất, chức năng, nhiệm vụ của Ty chưa được xác định rõ ràng giữa hành chính và kinh doanh sản xuất, nên dẫn đến tình trạng dầm chân lên các công ty. Bên cạnh đó, nhiệm vụ lãnh đạo của Chi bộ Ty Thương nghiệp cũng chưa được xác định rõ, can thiệp, giải quyết cả những việc của chuyên môn, của chính quyền (như vấn đề điều động, đề bạt, chuyển chuyển hoặc vấn đề lương).

Nhằm khắc phục tình trạng đó, Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 07/NQ-BT (ngày 22/10/1965) thành lập Đảng đoàn Ty Thương nghiệp làm nhiệm vụ lãnh đạo và chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy về toàn bộ công tác của Ty; điều chỉnh, sắp xếp lại các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Ty. Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công đồng chí Trần Tường (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Bí thư Thành ủy Thái Nguyên) giữ chức Trưởng Ty Thương nghiệp thay đồng chí Cao Trung (Tỉnh ủy viên) đi làm Bí thư Huyện ủy Chợ Đồn; đồng chí Lê Đình Nhậm, Chủ tịch Ủy ban Hành chính Thành phố kiêm quyền Bí thư Thành ủy Thái Nguyên.

Trước tình hình giặc Mĩ tăng cường đánh phá ra các tỉnh và thành phố trên toàn miền Bắc nước ta, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh khẩn trương triển

khai các biện pháp đối phó tình huống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ diễn ra ác liệt trên địa bàn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết thành lập Ban Sơ tán tỉnh, gồm 10 thành viên, do đồng chí Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Trưởng ban. Đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn (Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy) được phân công làm Ủy viên Ban Sơ tán tỉnh...

Nhằm củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đối với lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương đáp ứng được yêu cầu thời chiến, ngày 19/11/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định số 198/QĐ giải thể Ban Cán sự Đảng Tỉnh đội, thành lập Đảng bộ Tỉnh đội trực thuộc Tỉnh ủy; chỉ định Ban Chấp hành (lâm thời) Đảng bộ Tỉnh đội gồm 7 Ủy viên, do đồng chí Nguyễn Tâm (Chính trị viên Tỉnh đội) làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Hồng An (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng) làm Phó Bí thư.

Sau ngày giặc Mỹ huy động máy bay đánh phá kho K3 (5/9/1965), mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân trên địa bàn tỉnh, công tác tổ chức của Đảng bộ tỉnh bước vào thời kì phục vụ nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến và động viên tuyển quân chi viện chiến trường.

Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/BT ngày 12/10/1965 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *Về việc lãnh đạo cuộc vận động thống nhất quân dự bị và dân quân, tự vệ để củng cố, xây*

dụng căn cứ địa trong toàn tỉnh, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh đã tăng cường phân công cấp ủy viên, đảng viên vào các lực lượng dân quân, tự vệ; sắp xếp cán bộ Ban Quản trị hợp tác xã lồng với cán bộ dân quân phù hợp với sản xuất và hoạt động quân sự, đẩy mạnh tác dụng của đảng viên trong xây dựng lực lượng vũ trang. Đến cuối năm 1965, toàn tỉnh có 93% Ban Chỉ huy xã đội và 83% Ban Chỉ huy tự vệ cơ quan, xí nghiệp, khu phố có cấp ủy viên tham gia. Riêng các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phở Yên, Phú Bình, 100% Ban Chỉ huy xã đội đều có cấp ủy viên tham gia, trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy lực lượng dân quân, du kích; nhiều chi bộ đảng xóm (hợp tác xã) phân công Bí thư chi bộ hoặc Chi ủy viên trực tiếp làm Chính trị viên trung đội dân quân xóm (hợp tác xã). Các Đảng bộ huyện Phú Bình có 61% đảng viên, Đại Từ 78% đảng viên tham gia lực lượng dân quân, tự vệ. Tại huyện Đồng Hỷ, Đảng bộ xã Phúc Trù có 100% đảng viên trong độ tuổi dân quân tham gia lực lượng dân quân và 3 đồng chí cấp ủy viên vào Ban Chỉ huy xã đội; trong đó, đồng chí Bí thư cấp ủy Đảng xã trực tiếp làm Chính trị viên xã đội, 1 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ làm Xã đội trưởng, 1 đồng chí Đảng ủy viên làm Xã đội phó. Cuối năm 1965, lực lượng dân quân, tự vệ các huyện, thành phố địa bàn Thái Nguyên đã tăng 12,4% so với cuối năm 1964 và đạt 9,34% so với dân số.

Ngày 17/10/1965, giặc Mỹ huy động 29 máy bay ném bom, bắn phá ác liệt khu vực cầu Gia Bầy, mở đầu cuộc

chiến tranh phá hoại bằng không quân trên địa bàn Thái Nguyên. Trận máy bay Mỹ đánh phá cầu Gia Bẫy ngày 17/10/1965 đã gây cho Thái Nguyên nhiều tổn thất nặng nề, với 80 người chết, 67 người bị thương, 40 ngôi nhà bị phá hủy, cầu Gia Bẫy bị hư hỏng nặng, giao thông qua cầu hoàn toàn bị ngưng trệ.

Trước những tổn thất nặng nề đó, từ ngày 6 đến ngày 8/11/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị (mở rộng) kiểm điểm, rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phòng không sơ tán.

Sau Hội nghị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công đồng chí Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Chủ nhiệm Ban Phòng không nhân dân tỉnh thay đồng chí Nguyễn Thế Đạt. Bộ phận Thường trực Ban Phòng không nhân dân tỉnh được kiện toàn đủ biên chế, gồm 1 cán bộ lãnh đạo, 2 cán bộ nội chính, 2 cán bộ giúp việc.

Với 2 tuyến đường sắt Thái Nguyên – Hà Nội, Lưu Xá (Thái Nguyên) – Kép (Bắc Giang) và 2 tuyến Quốc lộ 3A Hà Nội – Cao Bằng, 1B Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Thái Nguyên, Thái Nguyên trở thành đầu mối giao thông vận tải có ý nghĩa chiến lược quan trọng không những trong Khu Tự trị Việt Bắc mà còn trong cả nước. Theo nhiệm vụ của Trung ương và Khu giao, Thái Nguyên có trách nhiệm phụ trách 2 đoạn đường chiến lược: Đoạn thứ nhất trên Quốc lộ 3 từ cầu Đa Phúc (Phổ Yên) đến cống số 7 Sơn Cẩm (Phú Lương). Đoạn thứ hai trên Quốc lộ 1B từ

cầu Gia Bầy (thành phố Thái Nguyên) đến Mỏ Gà (huyện Võ Nhai).

Thực hiện nhiệm vụ trên giao, trong hai ngày 20 và 21/11/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp, ra Nghị quyết số 11-NQ/BT, ngày 24/11/1965 xác định: Công tác bảo đảm giao thông là nhiệm vụ trung tâm số một, Tỉnh ủy phải lãnh đạo chặt chẽ các ngành làm tốt công tác đảm bảo giao thông để phục vụ sản xuất và chiến đấu.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh thành lập Ban Đảm bảo giao thông tỉnh, do đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Trưởng ban, có nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ công tác đảm bảo giao thông vận tải trong tỉnh thông suốt trong mọi tình huống; chuẩn bị mọi khả năng về nhân lực, nguyên liệu, thiết bị, phương tiện để kịp thời huy động, đối phó với các hoạt động đánh phá của máy bay địch; tổ chức lực lượng tuần tra, canh gác, sửa chữa cầu, đường, bến phà và vận chuyển hàng hóa; tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo các ban đảm bảo giao thông cấp dưới.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/BT của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tháng 12/1965, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Phòng Tổ chức Ủy ban Hành chính tỉnh sắp xếp, tăng cường cho ngành Giao thông tỉnh 20 cán bộ. Đảng ủy Tỉnh đội lãnh đạo, tổ chức thành lập 1 đại đội và 2 trung đội bộ đội công binh làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông vận tải ở các trọng điểm giao

thông trên địa bàn tỉnh. Cũng trong tháng 12/1965, căn cứ vào Thông tư số 71 của Thủ tướng Chính phủ, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh Đoàn Thanh niên tổ chức thành lập Đội 91 Thanh niên xung phong chống Mĩ cứu nước tập trung, làm nhiệm vụ xung kích phục vụ chiến đấu và đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh. Đội 91 có 600 cán bộ, đội viên; biên chế thành 4 đại đội (từ Đại đội 911 đến Đại đội 914), do đồng chí Nghiêm Xuân Đạo (Phó Bí thư Tỉnh Đoàn) làm Đội trưởng và các đồng chí Nguyễn Thế Cường (cán bộ Ty Giao thông), Bùi Quế (Bí thư Thành Đoàn Thái Nguyên) làm Đội phó.

Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 18/2/1966 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng đoàn chính quyền tỉnh được thành lập, do đồng chí Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Phó Bí thư.

Quán triệt tinh thần Thông tư ngày 1/2/1966 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về việc tổ chức đảng bộ các cơ quan Dân, Chính, Đảng các cấp khu, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu và giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 205/NQ-BT (ngày 11/8/1966) giải thể đảng bộ các khối Đảng, Chính quyền, Đoàn thể và Đảng bộ Ngân hàng tỉnh; thành lập Đảng bộ cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh trực thuộc Tỉnh ủy. Từ thời điểm này, các chi bộ thuộc đảng bộ

các khối trước đây và chỉ bộ cơ quan các ty Lương thực, Tài chính, Chi hàng Kiến thiết thuộc Đảng bộ cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định Ban Chấp hành (lâm thời) Đảng bộ cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh gồm 13 đồng chí, do đồng chí Tạ Mậu Sinh làm Bí thư và các đồng chí Bế Ích Quốc, Nguyễn Chính làm Phó Bí thư.

Cùng thời gian trên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Đảng ủy cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh thành lập Chi bộ Ty Thông tin; giải thể Chi bộ Đài Truyền thanh thuộc Đảng bộ Ty Bưu điện và chuyển số đảng viên của chi bộ này về sinh hoạt tại Chi bộ Ty Thông tin.

Ngày 14/3/1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp bàn về việc đẩy mạnh công tác củng cố, xây dựng và phát triển Đảng năm 1966. Hội nghị đã nghe Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo tình hình thực hiện *Cuộc vận động xây dựng Chi bộ, Đảng bộ cơ sở 4 tốt* và công tác tuyên truyền, phát triển đảng viên trong những năm trước.

Theo báo cáo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các cấp ủy ngày càng quan tâm hơn đến việc củng cố và xây dựng tổ chức cơ sở đảng. Các chi bộ và đảng bộ cơ sở các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, bệnh viện, trường học, các hợp tác xã nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp đã đạt nhiều thành tích và ngày càng có nhiều cố gắng trong việc lãnh đạo sản xuất, phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều chi bộ và đảng bộ cơ sở chưa chuyển biến kịp với yêu cầu, nhiệm vụ mới, có nhiều

thiếu sót, khuyết điểm; nổi lên là chưa quan tâm đến việc nâng cao trình độ, cải tiến phương pháp công tác để lãnh đạo tốt các nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu là hai nhiệm vụ trung tâm của đơn vị cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng. Một bộ phận cấp ủy và đảng viên ở một số tổ chức cơ sở đảng chưa quán triệt và nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, chưa gương mẫu chấp hành và lãnh đạo quần chúng chấp hành tốt các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng; còn nhiều biểu hiện “hữu khuynh” buông lỏng lãnh đạo, hoặc “tả khuynh” cưỡng ép mệnh lệnh đối với quần chúng; chưa quan tâm đúng mức tới công tác củng cố, xây dựng Đảng, phát triển đảng viên mới. Do vậy, đến cuối năm 1965, toàn Đảng bộ tỉnh mới có 19,4% Đảng bộ 4 tốt và Chi bộ 4 tốt, 36,49% loại khá, 38,05% loại trung bình và 5,06% loại kém; chỉ có 47% đảng viên nông thôn và 20,35% đảng viên ở các cơ quan, công, nông trường, xí nghiệp đạt 4 tốt; số đảng viên thuộc loại kém và quá kém chiếm 9,8% (ở nông thôn) và 2,14% (ở cơ quan, công, nông trường, xí nghiệp). Công tác phát triển đảng viên còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Cả năm 1965, các cấp bộ đảng trong tỉnh mới kết nạp được 2.093 đảng viên mới, đạt 58,17% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, làm cho các chi bộ và đảng bộ cơ sở đủ sức gánh vác những nhiệm vụ nặng nề trong điều kiện mới của cách mạng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 18-CT/BT *Về việc đẩy mạnh công tác củng cố, xây dựng tổ*

chức Đảng và phát triển đảng viên mới năm 1966, kèm theo các yêu cầu, chỉ tiêu cụ thể về xây dựng đảng bộ, chi bộ, tổ đảng và đảng viên 4 tốt, về phát triển đảng viên trong năm 1966.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, năm 1966, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã gắn *Cuộc vận động xây dựng Chi bộ, Đảng bộ 4 tốt* với việc thực hiện Kế hoạch Nhà nước 2 năm (1966 – 1967). Thông qua các phong trào *Cải tiến quản lý hợp tác xã*, “*Ba xây, Ba chống*”, *Bảo vệ trị an* và *Thi đua chống Mĩ cứu nước*, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng và phát triển Đảng.

Cuối năm 1966, Đảng bộ tỉnh có 1.619 đảng bộ và chi bộ, với 26.863 đảng viên. Số *Đảng bộ* và *Chi bộ 4 tốt* chiếm 28,2% (tăng 8,8% so với năm 1965), đảng bộ và chi bộ khá 36,4% (giảm 0,09% so với năm 1965), đảng bộ và chi bộ trung bình 28% (giảm 10% so với năm 1965), đảng bộ và chi bộ kém 7,4% (tăng 2,34% so với năm 1965). Số đảng viên 4 tốt và khá chiếm 70,1%, đảng viên trung bình 24,5%, đảng viên kém chiếm 5,4% trong tổng số đảng viên.

Công tác phát triển Đảng có bước chuyển biến mới so với các năm trước, chú trọng nhiều đến tuổi trẻ, phụ nữ và cán bộ, công nhân kỹ thuật. Trong tổng số 2.936 đảng viên mới được kết nạp năm 1966, tỉ lệ đoàn viên thanh niên chiếm 64,6%, phụ nữ chiếm 26,9% và cán bộ, công nhân kỹ thuật chiếm 9,2%.

Thực hiện Nghị quyết 123 của Trung ương về công

tác chuyển hướng và kiện toàn tổ chức, năm 1966, Tỉnh ủy đã chuyển giao 28 tổ chức cơ sở thuộc đảng bộ các ngành của tỉnh về sinh hoạt với các đảng bộ huyện và thành phố. Ngoài việc thành lập Đảng bộ cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh, Tỉnh ủy còn tổ chức tốt việc tiếp nhận Đảng bộ Khu Gang thép, tách Đảng bộ Nông trường Bắc Sơn thành Đảng bộ Nông trường Bắc Sơn và Đảng bộ Nông trường Quân Chu; bàn giao Đảng bộ Công ty Ô tô số 10, Đảng bộ Đoàn Địa chất 31 và Đảng bộ Công trường 114 đi nơi khác; chỉ đạo Huyện ủy Võ Nhai tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X đạt tốt các mục đích, yêu cầu đề ra. Ngoài ra, Ban Tổ chức các cấp ủy trong tỉnh còn điều động 1.173 cán bộ cho quân đội, cho các tỉnh miền Nam, nước bạn Lào và bổ sung cho các ngành, các đơn vị phục vụ các yêu cầu đột xuất; tiếp nhận 245 cán bộ nghiên cứu trung, sơ cấp nơi khác chuyển đến; đề bạt 220 cán bộ vào các cấp lãnh đạo các cơ quan tỉnh và huyện. Nhìn chung, các tổ chức cơ sở đảng đều lớn lên và vững mạnh hơn trước. Các Đảng bộ huyện Phổ Yên, Phú Bình và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên là những đơn vị làm khá công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng.

Bên cạnh các thành tích đã đạt được, trong năm 1966, công tác tổ chức xây dựng Đảng còn bộc lộ nhiều hạn chế. Số đảng bộ, chi bộ trung bình và kém chiếm tỉ lệ cao (35,4%); số đảng viên kém còn tới 1.217 đồng chí (trong đó có 110 đồng chí quá kém). Toàn tỉnh còn 374 gia đình cán bộ, đảng viên chưa vào hợp tác xã. Công tác phát triển

Đảng làm chưa mạnh và chưa thường xuyên, có nơi (nhất là các nơi xung yếu, vùng dân tộc ít người, vùng Công giáo, các nơi cơ sở đảng yếu và các cơ quan quản lý kinh tế) còn có tư tưởng thành kiến, hẹp hòi, chưa thấy hết được những người ưu tú và xuất sắc trong các phong trào sản xuất và chiến đấu để giáo dục và bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Số đảng viên mới được kết nạp năm 1966 chỉ đạt 58,7% chỉ tiêu phát triển Đảng Trung ương giao.

Năm 1967, Đảng bộ tỉnh tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng *Cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt*; tăng cường công tác phát triển Đảng, chú trọng kiện toàn tổ chức và mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, cán bộ nữ vào vị trí lãnh đạo các cấp, các ngành, nhất là cấp huyện và các ngành kinh tế.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 136 của Trung ương về việc kiện toàn lãnh đạo cấp huyện, trong quý I/1967, công tác tổ chức của Đảng bộ tỉnh chủ yếu tập trung vào việc chuẩn bị đại hội đảng bộ cấp huyện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thí điểm tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ để rút kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, trong quý II/1967, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đảng bộ các huyện, thành phố tiến hành đại hội. Đến cuối tháng 6/1967, Đảng bộ các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ, Phú Lương và thành phố Thái Nguyên đều tổ chức xong đại hội. Đảng bộ huyện Phú Lương là đơn vị có nhiều cố gắng trong công tác tổ chức xây dựng Đảng. Chỉ một tháng sau khi tiếp nhận, 10 chi, đảng bộ xã, thị trấn huyện Bạch

Thông, Đảng bộ huyện Phú Lương đã tổ chức thành công Đại hội lần thứ X (5/1967), đảm bảo nội dung, nhân sự Ban Chấp hành cũng như sự đoàn kết nhất trí và dân chủ nội bộ. Đảng bộ huyện Định Hóa do phải củng cố nội bộ sau khi ta triệt phá tổ chức phản động *Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam* (tháng 4/1967), nên chưa tiến hành đại hội.

Do được chuẩn bị tốt theo tinh thần Nghị quyết 136 của Trung ương, nên đại hội đảng bộ các huyện và thành phố trong tỉnh nói chung, địa bàn Thái Nguyên nói riêng đều đạt được các yêu cầu cả về nội dung và cơ cấu Ban Chấp hành đảng bộ. Qua đại hội, Ban Chấp hành đảng bộ các huyện, thành phố được kiện toàn, cơ bản đảm bảo được cơ cấu và chất lượng. Trong tổng số 288 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ các huyện, thành phố, có 33 nữ, chiếm 11,4%, tăng gấp 2 lần so với trước; lực lượng trẻ chiếm 20%; thành phần dân tộc Kinh chiếm 38,2%, các dân tộc ít người chiếm 61,8% (trong đó, Tày 43%, Nùng 8%, Dao 5%, Sán Dìu 5%, còn 0,8% là các dân tộc ít người khác). Sau đại hội, cấp ủy các huyện Phổ Yên, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên đoàn kết, nhất trí hơn trước, chỉ đạo phong trào sâu sát hơn, lề lối làm việc và chế độ sinh hoạt của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành đảng bộ có nhiều tiến bộ.

Tuy nhiên, do chưa quán triệt đầy đủ tinh thần Nghị quyết 136 của Trung ương Đảng, sự lãnh đạo, chỉ đạo thiếu tập trung, chuẩn bị chưa thật chu đáo, việc đấu tranh phê bình, tự phê bình không được làm tốt ngay từ đầu,

nên Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XII (từ ngày 21 đến ngày 24/4/1967) kết quả hạn chế; thời gian Đại hội kéo dài và không bầu đủ 23 Huyện ủy viên chính thức theo dự kiến, mà chỉ bầu được 19 đồng chí; sự phân công Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Bình khóa XII, theo đánh giá của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái cũng “*rất chầy chắt*”⁽¹⁾.

Cùng với việc chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các huyện, thành phố theo Nghị quyết 136 của Trung ương, trong 6 tháng đầu năm 1967, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh còn góp phần phục vụ các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Hành chính hai cấp (huyện và xã) đảm bảo được thành phần và cơ cấu của Trung ương quy định. Toàn tỉnh đã bầu được 585 đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện (đại biểu nữ chiếm 40,1%) và 6.628 đại biểu Hội đồng Nhân dân xã (đại biểu nữ chiếm 38,3%). Việc bầu cử Ủy ban Hành chính huyện đã căn bản đã hoàn thành.

Cuối năm 1967, công tác củng cố tổ chức, xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh có những chuyển biến khá về các mặt. *Cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt* được triển khai sâu rộng từ các cơ sở đảng ở nông thôn đến thành thị. Các cấp bộ đảng từ tỉnh đến cơ sở đã gắn công tác tổ chức xây dựng Đảng với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, khắc phục được một số mặt công tác chuyên môn đơn thuần, phân loại *Đảng bộ, Chi*

⁽¹⁾ Báo cáo (số 09/BC/BT ngày 10/7/1967) của Tỉnh ủy Bắc Thái.

bộ 4 tốt chính xác hơn. Kết quả bình xét, phân loại tổ chức đảng và đảng viên năm 1967 so với năm 1966 có nhiều mặt được nâng lên: Tỷ lệ *Chi bộ 4 tốt* tăng 3% (từ 24% lên 27%), tỷ lệ *Tổ Đảng 4 tốt* cũng tăng 3% (từ 32% lên 35%); tỷ lệ *Đảng bộ cơ sở 4 tốt* tuy giảm khoảng 10%, nhưng theo đánh giá của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì chất lượng cao và chính xác hơn do việc chỉ đạo bình xét, phân loại chặt chẽ hơn⁽¹⁾. Trong tổng số 28.070 đảng viên của toàn Đảng bộ tỉnh, qua bình xét, phân loại có 36,3% đảng viên 4 tốt; 40% đảng viên khá; 20,2% đảng viên trung bình, 3,5% đảng viên kém (giảm 1,9% so với năm 1966).

Trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, thông qua nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Đảng bộ huyện Đại Từ củng cố được cơ sở đảng các xã Tân Thái, Hùng Cường... từ kém, nát trở thành khá. Đảng bộ thành phố Thái Nguyên kết hợp hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, đưa phong trào tiến lên đồng đều, vững chắc và toàn diện hơn so với năm 1966. Đảng bộ các cơ quan, xí nghiệp (Ty Công an, Đoàn Địa chất 12, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Khu Gang thép...) đã xây dựng được chương trình, kế hoạch công tác tổ chức xây dựng Đảng cụ thể, số đảng viên phấn đấu đạt 4 tốt và khá chiếm tỷ lệ cao, chất lượng tốt, rất ít hoặc không còn đảng viên kém.

Trong công tác phát triển Đảng, Đảng bộ các huyện

⁽¹⁾ Báo cáo (số 01/BC-BT ngày 12/2/1968) Tổng kết công tác năm 1967 của Tỉnh ủy Bắc Thái.

Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ và Đảng bộ một số cơ quan, xí nghiệp trực thuộc có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kết nạp quần chúng ưu tú vào Đảng. Đến hết quý III/1967, các đảng bộ trong tỉnh phát triển được 1.966 đảng viên mới (có 31,5% nữ, 65,6% đoàn viên thanh niên, 31,65% dân tộc ít người, 29% trực tiếp sản xuất). Về công tác cán bộ, trong năm 1967, tỉnh đã đề bạt 10 đồng chí giữ các chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh, Ủy viên Ủy ban Hành chính tỉnh, Phó Bí thư Huyện ủy, Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, lãnh đạo các ngành Dân, Chính, Đảng tỉnh và 280 cán bộ từ Trưởng, Phó phòng các ty, công ty, huyện; Chánh, Phó Quản đốc các xí nghiệp, Hiệu trưởng, Hiệu phó các trường phổ thông... (tăng hơn 1,5 lần so với năm 1966).

Trước tình hình công tác xây dựng Đảng của các cấp bộ đảng trong tỉnh còn thiếu toàn diện, chưa chú ý đến lĩnh vực khoa học - kĩ thuật, ngày 12/10/1967, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp với các ban, ngành của tỉnh bàn chủ trương, biện pháp thực hiện Nghị quyết số 142-NQ/TW (ngày 22/6/1966) của Bộ Chính trị về việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kĩ thuật và cán bộ quản lí kinh tế - tài chính. Ngày 14/10/1967, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 269-NQ/BT thành lập Ban Quy hoạch đào tạo cán bộ khoa học - kĩ thuật và cán bộ quản lí kinh tế - tài chính tỉnh gồm 9 thành viên, do đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn (Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy) làm Trưởng ban và

các đồng chí Lương Ngọc Lâm (Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy), Đàm Văn Khê (Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh), Ma Quang Thuộc (Phó ty Giáo dục), làm Phó ban.

Sau khi tổ chức phản động *Hội nông dân liên hiệp Việt Nam* bị triệt phá, Tỉnh ủy và Đảng bộ huyện Định Hóa tập trung củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể trên địa bàn huyện. Ngày 21/1/1968, Huyện ủy Định Hóa họp tổng kết công tác năm 1967. Hội nghị đã nghiêm túc kiểm điểm, thẳng thắn chỉ rõ *“Huyện ủy và các đảng ủy, chi ủy cơ sở chưa quán triệt đầy đủ nhiệm vụ quân sự của Đảng trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước hiện nay; chưa thấy hết tầm quan trọng của công tác xây dựng, củng cố lực lượng bán vũ trang địa phương; có lúc, có nơi còn buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, không thận trọng trong việc xét duyệt chính trị khi đưa người vào lực lượng dân quân, du kích...”*⁽¹⁾.

Bước sang năm 1968, Đảng bộ tỉnh tập trung đẩy mạnh công tác củng cố tổ chức cơ sở đảng và công tác cán bộ. Từ ngày 10 đến ngày 14/1/1968, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp, phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy viên đặc trách một số công tác lớn năm 1968. Đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, trực tiếp phụ trách công tác chấn chỉnh tổ chức các bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể cấp huyện và cấp tỉnh, đảm bảo chất lượng tinh giản, đáp ứng được yêu cầu sau khi Trung ương phân cấp

⁽¹⁾ Báo cáo ngày 21/1/1968 của Huyện ủy Định Hoá, trang 29, 30.

toàn diện cho tỉnh. Sau Hội nghị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với các ngành liên quan nghiên cứu việc xây dựng bộ máy cấp huyện ở huyện Đại Từ.

Từ ngày 1 đến ngày 2/2/1968, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị thường kì bàn về công tác tổ chức cán bộ. Hội nghị nhận định: Vấn đề cán bộ có nhiều việc lớn, phải qua công tác bảo vệ Đảng, công tác chính huấn và qua kiểm điểm để nghiên cứu sắp xếp, đề bạt. Hội nghị thông qua chủ trương phân cấp quản lí cán bộ. Theo đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ xét duyệt điều động, đề bạt từ Chủ nhiệm công ty, Trưởng phòng trực thuộc Tỉnh ủy, Trưởng phòng trực thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh đến Trưởng - Phó ty, Trưởng - Phó ban; còn cán bộ lãnh đạo từ Phó Chủ nhiệm công ty, Phó phòng trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh trở xuống, sẽ giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy giải quyết. Nhằm tăng cường bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh, Hội nghị quyết định điều đồng chí Nguyễn Thị Thanh làm Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Được tăng cường thêm cán bộ lãnh đạo, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp tục tham mưu giúp Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy trong Đảng bộ tỉnh đẩy mạnh *Cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt*; gắn Cuộc vận động với các nhiệm vụ, công tác trung tâm của từng đảng bộ, chi bộ cơ sở. Sáu tháng đầu năm 1968, *Cuộc vận động xây*

dựng Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt của các cấp bộ đảng trong tỉnh đã có những chuyển biến tích cực. Chỉ trong quý II/1968, Tỉnh ủy đã mở 3 hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng. Thông qua đó, các cấp ủy huyện, thành phố, cũng như các ngành và cơ sở xã nhận thức rõ hơn tầm quan trọng và nội dung của công tác xây dựng Đảng gắn với nhiệm vụ chính trị của mỗi địa phương, mỗi ngành; liên hệ thấy rõ những mặt hạn chế, thiếu sót của phong trào; bình xét, phân loại các *Chi bộ, Đảng bộ 4 tốt* được nghiêm túc, đúng tiêu chuẩn, chất lượng bảo đảm hơn. *Số Chi bộ, Đảng bộ 4 tốt* từ 27% (cuối năm 1967), tăng lên 32% (6 tháng đầu năm 1968); số Tổ Đảng 4 tốt từ 35% (cuối năm 1967), tăng lên 42% (6 tháng đầu năm 1968). Công tác phát triển Đảng được các cấp bộ đảng chú trọng hơn trước⁽¹⁾. Kết thúc 6 tháng đầu năm 1968, các đảng bộ trong tỉnh kết nạp được 1.302 đảng viên mới, trong đó tỉ lệ nữ tăng 3% so với năm 1967; độ tuổi dưới 26 chiếm 53,7%, nâng tổng số đảng viên trong Đảng bộ tỉnh lên 29.336 đồng chí; tăng khoảng 9.000 đồng chí so với năm 1964.

Như vậy, trong những năm 1965 – 1968, công tác tổ chức xây dựng Đảng luôn gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Thông qua đó, tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ tỉnh ngày càng trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Trong bối cảnh cuộc chiến tranh

⁽¹⁾ Báo cáo (số 18 – BC/BT, ngày 22/7/1968) Sơ kết 6 tháng đầu năm 1968 của Tỉnh ủy Bắc Thái.

phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn tỉnh ngày càng ác liệt⁽¹⁾, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo quân, dân trên địa bàn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giữ vững sản xuất, làm tốt nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến thông suốt, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, làm tròn nhiệm vụ động viên sức người, sức của chi viện cho các chiến trường. Đó là cơ sở vững chắc cho công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh tiếp tục vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trong những năm tiếp theo.

(1) Trong cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ nhất, trên địa bàn tỉnh Bắc Thái, đế quốc Mỹ đã huy động 1.110 lần tốp, với 3.700 lần chiếc máy bay, đánh phá 573 trận (có 19 trận đánh đêm) vào 741 mục tiêu (chỉ có 23 mục tiêu quân sự) = 3,1% tổng số mục tiêu bắn phá. Trừ huyện Na Rì, còn 12 huyện, thành khác đều có vết tích của bom đạn Mỹ. Tổng số bom đạn giặc Mỹ ném xuống Bắc Thái tới 9.828 quả bom phá, bom hơi, bom từ trường và 918 quả bom bi mẹ, với 164.200 quả bom bi nhỏ và hàng trăm loạt tên lửa, giết hại hàng trăm người, làm bị thương hàng nghìn người; phá hủy và đốt cháy hàng nghìn ngôi nhà, hàng trăm tấn thóc và trâu bò; phá hoại hàng trăm mẫu lúa và hoa màu. Trên địa bàn các huyện, thành phố ở Thái Nguyên, đế quốc Mỹ đã huy động 1.042 lần tốp, với khoảng 3.455 lần chiếc máy bay các loại vào trinh sát và đánh phá toàn bộ 8 trên 8 huyện, thành phố thuộc địa bàn Thái Nguyên. Máy bay Mỹ đã ném và bắn 7.734 quả bom phá, 164 quả bom hơi, 514 quả bom bi mẹ, 81 quả đạn tên lửa, 254 loạt đạn rốc két xuống hầu hết các mục tiêu giao thông, quân sự, kinh tế, dân cư, bệnh viện, trường học, nhà thờ... trên địa bàn Thái Nguyên, làm thương vong 2.177 người, phá hủy 3.820 ngôi nhà, thiêu hủy 473,6 tấn xăng, dầu, mỡ.

II. Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong giai đoạn khôi phục kinh tế, tích cực chi viện chiến trường, trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1968 - 1972)

Sau ngày đế quốc Mỹ tuyên bố tạm ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (31/3/1968), nhân dân các dân tộc trong tỉnh tranh thủ thời gian hoà bình, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, tích cực chi viện chiến trường miền Nam. Tuy nhiên, trong Đảng bộ tỉnh lúc này có “... một số cấp ủy chưa thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, không bảo đảm vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nhiều việc giải quyết chậm trễ; khá nhiều cán bộ tỉnh, huyện (kể cả một số cán bộ lãnh đạo) thiếu gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, đạo đức kém, tự tư tự lợi nặng, ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao, thiếu đoàn kết nhất trí, tác phong quan liêu, mệnh lệnh, gia trưởng, thiếu dân chủ, ảnh hưởng không tốt đến phong trào chung”⁽¹⁾. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục đẩy mạnh *Cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, chi bộ 4 tốt*; củng cố, kiện toàn các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh xuống đến cơ sở.

Thực hiện Nghị quyết số 56/QN (ngày 31/5/1968) của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tiến hành kiểm tra dân chủ kỷ luật Đảng ủy Ty Kiến trúc. Thông qua công tác kiểm tra, Đảng ủy Ty Kiến trúc đã kiểm điểm về những hiện

⁽¹⁾ Báo cáo (số 33 - BC/BT) Tổng kết ba năm chống Mỹ cứu nước (1965 - 1968) của Tỉnh ủy Bắc Thái, trang 11.

tượng mặt đoàn kết, về lãnh đạo thực hiện chính sách cán bộ và quản lí kinh tế, tài chính; rút ra được những kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, vận dụng chính sách, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất, phục vụ chiến đấu và quản lí đời sống. Trên cơ sở đó, Đảng ủy Ty Kiến trúc đã đề ra được nội dung, biện pháp phát huy thành tích, ưu điểm và khắc phục, sửa chữa các thiếu sót, khuyết điểm, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ và các mặt công tác khác, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Tại huyện Định Hoá, tình hình Đảng bộ có nhiều mặt yếu kém: Một số đảng bộ cơ sở 3 năm không tổ chức được đại hội; có tổ đảng 12 năm không phát triển được đảng viên nào; có đảng bộ cơ sở số đảng viên tuổi đời từ 50 đến 70 chiếm tới 32%, còn hầu hết là tuổi trung niên, chỉ có 1 đảng viên trẻ nhất ở tuổi 32; có đảng viên dự bị 3 năm liền không được chuyển chính thức. Đảng bộ huyện 4 năm không tổ chức được đại hội để bầu lại Huyện ủy, số lượng Huyện uỷ viên chỉ còn 8 đồng chí, nên chưa thực sự là chỗ dựa vững chắc của các chi bộ, đảng bộ cơ sở.

Trước tình hình trên, ngày 20/5/1968, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 46-NQ/BT và Nghị quyết số 50-NQ/BT về việc tiến hành củng cố toàn diện phong trào huyện Định Hoá, với các mục đích và yêu cầu *“Đập tan tổ chức phản động và mọi âm mưu luận điệu tuyên truyền chiến tranh tâm lí của chúng, trấn áp kịp thời những hành động chống đối, phá rối trật tự trị an, bảo đảm đúng đắn chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không để*

lọt một kẻ địch, không làm oan một người ngay. Thông qua phát động tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng để xây dựng Đảng bộ vững mạnh về tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng bộ thật sự đoàn kết, nhất trí, trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, thông qua đó mà lựa chọn những cán bộ có đủ tiêu chuẩn đức, tài, được quần chúng tín nhiệm để kiện toàn các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến các xã, hợp tác xã, đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, phát huy đầy đủ chức năng của chính quyền chuyên chính vô sản và vai trò các đoàn thể quần chúng”.

Các đồng chí Lê Hoàng (Bí thư Tỉnh ủy) và đồng chí Nguyễn Hữu Uân (Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy) cùng với một số đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được phân công trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành của tỉnh và Đảng bộ huyện Định Hóa triển khai thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/BT và Nghị quyết số 50-NQ/BT. Từ sau đó trở đi, phong trào huyện Định Hoá có những chuyển biến tích cực; các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn; trấn áp và xóa bỏ hoàn toàn tổ chức phản động *Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam*. Đạt được kết quả này, có sự đóng góp rất quan trọng của công tác tổ chức xây dựng Đảng.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, yêu cầu chi viện sức người cho chiến trường miền Nam trở nên to lớn và cấp bách trong khi cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt, con số báo tử của tỉnh cũng ngày một gia

tăng. Tình hình này đã tác động không nhỏ đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng; các hiện tượng sợ hi sinh, gian khổ xuất hiện trong một bộ phận thanh niên. Trong khi đó, công tác lãnh đạo của các cấp bộ đảng, nhất là ở cấp cơ sở lại thiếu kiên quyết và nhạy bén. Một số cấp uỷ đảng và đảng viên chưa quán triệt đầy đủ, chưa thấy hết trách nhiệm của mình đối với công tác động viên tuyển quân; thậm chí còn có đảng viên chống lệnh động viên, một số cán bộ, đảng viên tìm cách trốn tránh không cho con em mình đi bộ đội, gây bất bình và suy bì, tị nạnh trong nhân dân.

Để đảm bảo chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 với số lượng lớn và yêu cầu về chất lượng cao hơn so với những năm trước, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh phối hợp với công tác kiểm tra Đảng các cấp kiểm tra, xử lý kỉ luật những cán bộ, đảng viên không thực hiện hoặc cản trở người khác thực hiện chính sách nghĩa vụ quân sự; kỉ luật những cán bộ, đảng viên xâm phạm hạnh phúc gia đình bộ đội⁽¹⁾. Các cấp uỷ đảng từ tỉnh đến cơ sở tăng

⁽¹⁾ Năm 1968, các cấp bộ Đảng trong tỉnh đã thi hành kỉ luật 29 cán bộ, đảng viên mắc các sai lầm, khuyết điểm về thực hiện chính sách động viên tuyển quân; 21 cán bộ, đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm xâm phạm hạnh phúc gia đình quân nhân (hủ hoá với vợ bộ đội). Trong số 73 cán bộ, đảng viên mắc các sai lầm, khuyết điểm về thực hiện các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước bị thi hành kỉ luật, số cán bộ, đảng viên mắc các sai lầm, khuyết điểm về thực hiện chính sách động viên tuyển quân bị thi hành kỉ luật chiếm trên 39,72%. Trong số 93 cán bộ, đảng viên bị thi hành kỉ luật vì mắc sai lầm, khuyết điểm hủ hoá, số cán bộ, đảng viên bị thi hành kỉ luật vì mắc sai lầm, khuyết điểm hủ hoá với vợ bộ đội chiếm tỉ lệ 22,58%.

cường lãnh đạo công tác tuyển quân. Nhờ đó, trong năm 1968, các cấp bộ đảng địa bàn Thái Nguyên đã lãnh đạo triển khai liên tục 4 đợt động viên tuyển quân, huy động được 10.625 người (bằng 2,6% dân số trên địa bàn) vào bộ đội, chiếm 89% tổng số người nhập ngũ trong toàn tỉnh Bắc Thái. So với chỉ tiêu tuyển quân trên giao, trừ huyện Võ Nhai không đạt, còn lại toàn bộ các huyện, thành ở Thái Nguyên đều hoàn thành vượt mức; trong đó, Thành phố vượt 4,52%, các huyện Phú Lương vượt 1,75%, Định Hoá vượt 0,61%, Phú Bình vượt 0,57%, Đại Từ vượt 0,56%, Đồng Hỷ vượt 0,28%, Phổ Yên vượt 0,22%. So với tổng số người vào bộ đội đánh Mỹ trong toàn tỉnh, số đảng viên lên đường nhập ngũ chiếm 11,2% (tăng 3,2% so với chỉ tiêu trên giao); so với các huyện, thành phố trong tỉnh, huyện Phú Bình đạt cao nhất (16,8%), thành phố Thái Nguyên đứng thứ nhì (15,14%), huyện Phổ Yên đứng thứ ba (13,76%). Đảng bộ các xã Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng (thành phố Thái Nguyên) có 100% đảng viên đủ điều kiện vào bộ đội đánh Mỹ.

Trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, thực hiện Nghị quyết 136-NQ/TW, Nghị quyết 175-NQ/TW và Chỉ thị 146-CT/TW của Trung ương Đảng, năm 1968, Tỉnh ủy đã chọn Đảng bộ huyện Đại Từ làm trọng điểm tiến hành cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy huyện đối với xã. Qua thực tiễn chỉ đạo ở Đảng bộ huyện Đại Từ, bước đầu giúp cho các cấp uỷ đảng từ tỉnh đến cơ sở xã nhận thức đúng đắn vị trí lãnh đạo của tỉnh đối với huyện và của huyện đối với xã. Trong việc xây dựng

Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã gắn *Cuộc vận động xây dựng Chi bộ, Đảng bộ 4 tốt* với cuộc động viên chính trị Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược và nhiệm vụ chính trị của địa phương, nên chất lượng xây dựng *Chi bộ, Đảng bộ 4 tốt* được nâng cao hơn so với năm 1967. Công tác phát triển Đảng tuy có bước chuyển biến hơn trước⁽¹⁾, nhưng vẫn còn yếu, chưa phù hợp với khí thế cách mạng sôi nổi của quần chúng.

Cuối năm 1968, đầu năm 1969, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng trong tỉnh tập trung vào việc chuẩn bị tổ chức đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên cơ sở. Đến hết quý I/1969, tất cả các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy trên địa bàn Thái Nguyên đã tiến hành xong đại hội vòng 1. Riêng Đảng bộ huyện Phổ Yên và Đảng bộ huyện Đại Từ đã tiến hành Đại hội vòng 2, bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ mới. Huyện ủy Đại Từ và Phổ Yên đã chú ý lãnh đạo cải tiến phương thức và lề lối làm việc theo tinh thần nội dung Nghị quyết 136 của Trung ương, nhiều xã đã thực hiện tốt chế độ “*dân cử, Đảng bầu*”; việc bầu cử cấp ủy đảng xã, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Hành chính xã được tiến hành tốt, khí thế lao động sản xuất của quần chúng được đẩy mạnh, chất lượng lãnh đạo của các chi bộ, đảng bộ xã được nâng cao...

Tháng 4/1969, Tỉnh ủy họp Hội nghị, quyết định

⁽¹⁾ Năm 1968 các cấp bộ Đảng trong tỉnh đã kết nạp được 2.457 đảng viên mới; trong đó, tỉ lệ nữ chiếm 34,8%, đoàn viên thanh niên 76%, dân tộc ít người 28,4%, công nhân trực tiếp sản xuất 21,7%.

hoãn Đại hội Đảng bộ tỉnh (dự kiến tổ chức vào giữa quý II/1969); đồng thời phân công đồng chí Hoàng Thanh Tiến giữ chức Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn.

Từ tháng 5/1969, ngoài việc thường xuyên đẩy mạnh phong trào xây dựng *Chi, Đảng bộ 4 tốt*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hợp riêng với Huyện ủy các huyện Võ Nhai, Phú Bình, Thành ủy Thái Nguyên để giải quyết những vướng mắc, củng cố đoàn kết nội bộ, giúp đỡ các huyện, thành phố ổn định tổ chức bộ máy sau bầu cử Hội đồng Nhân dân. Việc bình xét, phân loại đảng bộ, chi bộ và đảng viên 4 tốt được các cấp bộ đảng trong tỉnh tiến hành chặt chẽ hơn trước, nên chất lượng đạt cao hơn. Qua báo cáo của Huyện ủy Đại Từ và Huyện ủy Phổ Yên, chất lượng bình xét, phân loại *Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt* 6 tháng đầu năm 1969 đạt tốt hơn so với năm 1968. Tại Đảng bộ huyện Đại Từ, năm 1968 có 9 đảng bộ xã đạt 4 tốt, 6 tháng đầu năm 1969 xét kỹ chỉ còn 8 đảng bộ. Tại Đảng bộ huyện Phổ Yên, năm 1968 có 9 đảng bộ xã đạt 4 tốt, 6 tháng đầu năm 1969 xét kỹ chỉ có 4 đảng bộ.

Từ quý III/1969, công tác xây dựng *Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt* của các cấp bộ đảng trong tỉnh có nhiều nội dung mới. Một số cấp ủy đảng xã hết nhiệm kỳ đã tiến hành đại hội và bầu cử Ban Chấp hành đảng bộ theo phương pháp “*dân cử, Đảng bầu*” đạt kết quả tốt; phần lớn các đồng chí Bí thư đảng ủy mới đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Đối với cấp huyện, đa

số các huyện uỷ đã phân công Huyện uỷ viên và phái viên phụ trách xã có nội dung cụ thể hơn.

Tuy nhiên, công tác đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ trẻ, nhất là lực lượng cán bộ trẻ ở cơ sở chưa được coi trọng. Một số cấp uỷ đảng chưa quan tâm đầy đủ đến công tác rèn luyện, bồi dưỡng quần chúng tốt để phát triển Đảng, nên có nơi chất lượng đảng viên mới kết nạp còn hạn chế. Sáu tháng đầu năm 1969, ngay trong khu vực cơ quan, công trường, xí nghiệp Nhà nước đã có tới 6 trường hợp vừa mới được kết nạp đã phải đưa ra khỏi Đảng.

Từ sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần (2/9/1969), Đảng bộ tỉnh triển khai sâu rộng đợt học tập và làm theo Di chúc của Người kết hợp với việc thực hiện Chỉ thị 171-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp, đánh giá tình hình phẩm chất, đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Hội nghị cho rằng, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ căn bản là tốt, đại bộ phận vững vàng, đoàn kết nhất trí, tận tụy trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, có ý chí vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ của Đảng và nhân dân giao phó; nhiều đảng viên ở các Đảng bộ nông thôn đã lẫn lộn với phong trào, gắn bó với hợp tác xã, nêu cao tinh thần trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu trong lao động sản xuất và chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng. Bên cạnh đó, có một bộ phận đảng viên, cán bộ giảm sút ý chí chiến đấu, ngại gian khổ hi sinh; không chịu khó học tập; tinh thần trách nhiệm chưa cao, ý

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

thức tổ chức kỉ luật lỏng lẻo, dẫn đến tình trạng mất đoàn kết nội bộ tương đối phổ biến, có nơi nghiêm trọng. Tác phong lãnh đạo của cán bộ, đảng viên còn quan liêu, mệnh lệnh, thoát li quần chúng, chưa thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Vì thiếu tu dưỡng đạo đức cách mạng, nhiều đảng viên không giữ vững được lối sống trong sạch, cần cù giản dị, ngược lại còn lạm dụng chức quyền để tham ô, hủ hoá, biến chất⁽¹⁾.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, từng bước củng cố, xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục tổ chức cho đảng viên tự phê bình trước quần chúng. Công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh cũng có chuyển biến mới. Việc bầu cử cấp ủy đảng xã, hợp tác xã được tiến hành theo phương pháp “*dân cử, Đảng bầu*”, nên chất lượng lãnh đạo của các cấp ủy mới được tăng cường hơn; việc phân loại tổ chức đảng và đảng viên 4 tốt cũng được chính xác và chất lượng cao hơn. Kết quả phân loại năm 1969, trong tổng số 484 đảng bộ cơ sở, Đảng bộ 4 tốt đạt 25%, khá 39,4%, trung bình 30,2%, kém 5,3% và trong số 917 chi bộ, Chi bộ 4 tốt đạt 29,8%, khá 37,1%, trung bình 29%, kém 3,9%. Trong số 23.730/30.037 đảng viên của Đảng bộ tỉnh được phân loại, đảng viên 4 tốt đạt 48,5%, khá 27,8%, trung bình 20,3%, kém 3,2%.

Từ ngày 21/5 đến ngày 3/6/1970, Đại hội đại biểu

⁽¹⁾ Báo cáo số 23-BC/BT (ngày 5/1/1970) Tổng kết công tác năm 1969 của Tỉnh ủy Bắc Thái.

Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất được tổ chức. Đồng chí Lê Văn Lương (Bí thư Trung ương Đảng) và các đồng chí Chu Văn Tấn (Bí thư Khu ủy), Hoàng Bắc Dũng (Phó Bí thư Khu ủy) đã đến dự và chỉ đạo Đại hội. Đánh giá công tác tổ chức, xây dựng Đảng trong 5 năm (1965 - 1970), Đại hội cho rằng: Một bộ phận đảng viên trong Đảng bộ giảm sút tinh thần trách nhiệm, tính tiền phong gương mẫu, nhiệt tình cách mạng; lí tưởng cộng sản chủ nghĩa bị phai mờ, thậm chí một số ít đảng viên đã thoái hoá, biến chất, tham ô, hủ hoá, ảnh hưởng không tốt đến uy tín và thanh danh của Đảng. Bộ máy chính quyền các cấp còn công kênh, chưa phát huy đầy đủ chức năng chuyên chính vô sản trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hiệu lực của Ủy ban hành chính các cấp trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch và các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa mạnh. Có nơi, có lúc hoạt động của các đoàn thể quần chúng và sự phối hợp, kết hợp giữa các ngành còn rời rạc⁽¹⁾.

Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh 4 năm (1970 - 1973) và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, gồm 23 Ủy viên chính thức và 4 Ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí. Đồng chí Hoàng Thanh Tiến - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, được phân công tiếp tục giữ chức Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy.

⁽¹⁾ Báo cáo (số 05 - BC/BT, ngày 15/5/1970) của Tỉnh ủy (lâm thời) tại Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ nhất.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Huyện ủy Đại Từ chỉ đạo 3 Đảng bộ xã Bản Ngoại, Phú Thịnh và Khôi Kỳ triển khai *Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh* theo tinh thần Nghị quyết 195-NQ/TW của Bộ Chính trị. Trong quá trình triển khai cuộc vận động, từ cấp ủy đến đảng viên ở Đảng bộ 3 xã đã liên hệ kiểm điểm sâu sắc. Đảng bộ 3 xã đã tổ chức cho đảng viên tự phê bình trước quần chúng và lấy ý kiến quần chúng tham gia phân loại đảng viên; đồng thời phổ biến tiêu chuẩn đảng viên và điều kiện vào Đảng để quần chúng phát hiện, giới thiệu những quần chúng ưu tú cho Đảng bộ bồi dưỡng, kết nạp đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh*.

Đợt chỉ đạo thí điểm ở Đảng bộ 3 xã huyện Đại Từ bước đầu đạt kết quả tốt. Sau đợt triển khai cuộc vận động, đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ các xã này có nhiều chuyển biến tích cực, cùng quần chúng lao động tập thể, từng bước thanh toán nợ nần với hợp tác xã, được quần chúng tin tưởng. Từ đó, mối quan hệ giữa đảng viên và quần chúng gắn bó hơn; việc sinh hoạt phê bình, tự phê bình đi dần vào nền nếp; kết quả bình xét, phân loại đảng viên cũng chính xác hơn.

Cùng với Đảng bộ 3 xã huyện Đại Từ, Đảng bộ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ cũng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phối hợp với Đảng đoàn Bộ Công nghiệp nhẹ chọn làm thí điểm triển khai *Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh* theo

tinh thần Nghị quyết 195-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Từ các kết quả và kinh nghiệm chỉ đạo thí điểm triển khai *Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh* tại các đảng bộ nói trên, sau Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ nhất, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tập trung vào việc triển khai thực hiện 3 nghị quyết của Trung ương về 3 cuộc vận động lớn⁽¹⁾. Ngày 1/9/1970, Tỉnh ủy Bắc Thái ra Nghị quyết số 01-NQ/BT triển khai cuộc vận động thực hiện 3 nghị quyết lớn của Trung ương và Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ nhất, chỉ rõ nhiệm vụ của các cấp bộ đảng trong tỉnh đến hết năm 1971 phải nỗ lực phấn đấu đưa 70% số đảng bộ cơ sở, chi bộ, tổ đảng và đảng viên đạt 7 yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên; đồng thời thanh toán hết số đảng bộ cơ sở, tổ đảng và đảng viên kém.

Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, tại các vùng nông thôn, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu giúp Tỉnh ủy tập trung 140 cán bộ tỉnh và 152 cán bộ huyện đưa xuống các cơ sở trực tiếp làm nhiệm vụ củng cố tổ chức cơ sở đảng và củng cố phong trào hợp tác xã.

Đầu năm 1971, tại huyện Võ Nhai, nội bộ một số cấp

⁽¹⁾ Một là, Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị Về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên "Lớp Hồ Chí Minh". Hai là, Nghị quyết 196 của Bộ Chính trị Về cuộc vận động lao động sản xuất. Ba là, Nghị quyết 197 của Bộ Chính trị Về cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên nông thôn.

ủy đảng trong Đảng bộ huyện diễn ra tình trạng mất đoàn kết khá nghiêm trọng; sinh hoạt Đảng quá lỏng lẻo, nhiều chi bộ, chi ủy, đảng ủy cơ sở không sinh hoạt thường lệ; có nơi 6 tháng, một năm không họp, hoặc có họp cũng chỉ họp qua loa, đại khái, chiếu lệ, ít bàn đến sản xuất và củng cố hợp tác xã; có nhiều đảng viên không chấp hành chính sách, đường lối của Đảng; nhiều đảng viên vin vào khó khăn khách quan để tham ô, lợi dụng, tranh chấp ruộng đất của hợp tác xã..., dẫn đến phong trào hợp tác xã ngày càng sút kém. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho đồng chí Hoàng Thanh Tiến (Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy) trực tiếp chỉ đạo củng cố tổ chức Đảng và phong trào Võ Nhai. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường thêm 16 cán bộ xuống chỉ đạo củng cố tổ chức đảng và phong trào Võ Nhai. Tuy nhiên, phong trào vẫn ngày càng giảm sút nghiêm trọng hơn. Bộ máy lãnh đạo từ huyện đến cơ sở không được củng cố kiện toàn, đội ngũ cán bộ, đảng viên nhiệt tình không được đề cao. Một số tệ nạn cũ (cờ bạc, bắn mìn, mo theo, tào bụt...) tái hiện và phát triển; các hiện tượng vi phạm chính sách, gây mất trật tự trị an (tranh chấp, mua bán ruộng đất và trâu, bò của tập thể...) xuất hiện; các tập tục lạc hậu (ma chay, cưới xin, giỗ chạp, làm nhà... ăn uống lãng phí) cũng phục hồi dần và trở nên rất nặng nề⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo Báo cáo (ngày 1/12/1971) về kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Đảng và củng cố khôi phục phong trào Hợp tác xã của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Võ Nhai.

Tại các cơ quan tỉnh, thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ và chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, từ ngày 12 đến ngày 15/6/1971, Đảng uỷ Dân - Chính - Đảng tỉnh triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II, với sự có mặt của 126 đại biểu chính thức, thay mặt cho 2.896 đảng viên, sinh hoạt ở 52 đảng bộ, chi bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh khoá II gồm 13 đồng chí.

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh lần thứ II, công tác tổ chức tập trung vào việc xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng. Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ và hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Đảng uỷ Dân - Chính - Đảng tỉnh tổ chức thành lập các chi bộ trực thuộc Đảng uỷ, gồm Chi bộ Hội Đông y, Chi bộ Công ty Hoá chất - Vật liệu điện, Chi bộ Ban Phục vụ xây dựng hồ Núi Cốc. Ngày 24/1/1972, Đảng uỷ Dân - Chính - Đảng tỉnh ra quyết định thành lập Đảng bộ Khối Đảng tỉnh trực thuộc Đảng uỷ, gồm 7 chi bộ, với 214 đảng viên, do đồng chí Nguyễn Thị Thanh (Phó ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Phó Bí thư Đảng uỷ Dân - Chính - Đảng tỉnh) trực tiếp làm Bí thư Đảng uỷ.

Tháng 7/1971, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triệu tập Hội nghị lãnh đạo toàn tỉnh (gồm Bí thư, Phó Bí thư Thường trực, Trưởng các ban Tổ chức, Tuyên giáo, Kiểm tra, Nông nghiệp các huyện uỷ, thành uỷ và Chủ tịch Ủy ban Hành chính các huyện, thành phố; Bí thư, thủ trưởng các ban, Đảng đoàn, các ngành và các đảng uỷ trực thuộc) để kiểm

điểm đánh giá tình hình thực hiện 3 nghị quyết lớn của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I và nghiên cứu quán triệt Nghị quyết 19 của Trung ương. Hội nghị đã tham gia nhiều ý kiến về củng cố tổ chức cơ sở đảng và phong trào hợp tác hóa nông nghiệp; cải tiến công tác lãnh đạo, chỉ đạo và bố trí, sắp xếp cán bộ ... Trên cơ sở đó, nhiều cán bộ lãnh đạo, đảng viên đã nhận thức rõ hơn những yêu cầu cấp bách của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, bước đầu khắc phục tư tưởng nghỉ ngơi, mệt mỏi, ngại chiến tranh kéo dài, lơ là cảnh giác. Nhiều đảng bộ, đảng viên đã tận tụy, gắn bó với quần chúng, giải quyết những khó khăn do thiên tai, lũ lụt, sâu bệnh gây ra. Các đảng bộ, chi bộ Thành Công, Tiến Thành, Văn Yên (Đại Từ), Làng Mới, Kim Phụng (Định hóa), Văn Hữu, Tân Cương (Đồng Hỷ), Quang Vinh, Cam Giá (Thành phố)... phân công đảng viên đi vào từng khâu để giải quyết dứt điểm các khó khăn, kiên quyết đưa phong trào hợp tác hoá tiến lên.

Để phục vụ tốt các yêu cầu trước mắt và lâu dài, năm 1971, Tỉnh ủy cử 49 cán bộ đi học Trường Nguyễn Ái Quốc và Trường Hoàng Văn Thụ. Các Huyện ủy Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ, Thành ủy Thái Nguyên và Đảng ủy Công ty Gang thép đã cải tiến tác phong lãnh đạo, đi sâu sát cơ sở, định rõ chế độ sinh hoạt của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành; tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình được đẩy mạnh, bước đầu khắc phục các mặt yếu kém của phong trào.

Từ năm 1971, theo chỉ đạo của Trung ương, việc bình xét, phân loại chất lượng tổ chức đảng và đảng viên gồm 3 loại: Phần đầu tốt, phần đầu chưa tốt và phần đầu kém. Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn thí điểm bình xét, phân loại tổ chức đảng và đảng viên ở một số đảng bộ xã thuộc huyện Đại Từ và Chi bộ Xưởng bột giấy thuộc Đảng bộ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ... Kết quả, tỉ lệ đảng bộ, chi bộ cơ sở và đảng viên phần đầu tốt chiếm từ 30% đến 55%, loại phần đầu kém chiếm từ 9% đến 23%. Về kết nạp đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh*, các cấp bộ đảng trong tỉnh tổ chức kết nạp 4 đợt được 676 đồng chí (có 41% nữ, 87% đoàn viên thanh niên; 32% thành phần các dân tộc ít người; 41,8% công nhân trực tiếp sản xuất, 25% nông dân tập thể và thợ thủ công, 5,1% trí thức).

Thi hành Thông tri số 265-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Tổ chức phối hợp với Ban Kiểm tra Tỉnh ủy thí điểm kiểm tra 28 đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh* ở 2 Đảng bộ huyện Phổ Yên và Định Hóa. Kết quả, 23 đảng viên (82,2%) đủ tiêu chuẩn, 5 đảng viên (17,8%) không đủ tiêu chuẩn. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy phổ biến kinh nghiệm và chỉ đạo các cấp bộ đảng kiểm tra 430 đảng viên, kết quả có 43 trường hợp (10%) không đủ tiêu chuẩn. Từ các kết quả kiểm tra trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận: Nhìn chung, các đợt kết nạp đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh* về cơ bản bảo đảm nguyên tắc, thủ tục và tiêu chuẩn, lí lịch trong sạch, phần lớn là lớp người ưu tú, gương mẫu trong sản xuất và công

tác. Phương hướng và đối tượng kết nạp đúng với chủ trương của Trung ương⁽¹⁾.

Tuy nhiên, công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1971 của các cấp bộ đảng trong tỉnh cũng còn nhiều khuyết điểm. Sinh hoạt tổ đảng, chi bộ chưa gắn với việc nâng cao trình độ mọi mặt cho đảng viên; đấu tranh phê bình và tự phê bình chưa đi đôi với việc thiết thực sửa chữa dứt điểm những sai lầm, khuyết điểm của đảng viên trong việc thanh toán nợ với tập thể, lấn chiếm ruộng đất của hợp tác xã (ngoài đất 5%); thoái thác trách nhiệm hoặc không làm tròn nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Ngược lại, một số địa phương thiếu lãnh đạo, chuẩn bị không chu đáo khi đưa đảng viên ra tự phê bình trước quần chúng, để cho một số phần tử xấu lợi dụng, đả kích vào cán bộ, đảng viên tốt, gây khó khăn cho việc củng cố phong trào.

Trong công tác tổ chức cán bộ, vẫn còn biểu hiện rút rè, hữu khuynh, xử lý kỉ luật thiếu kịp thời đối với một số đảng viên là cán bộ lãnh đạo phạm sai lầm nghiêm trọng. Các đơn vị Báo Bắc Thái, Cơ khí 3-2, Cơ khí mỏ Việt Bắc, Huyện ủy Phú Bình mất đoàn kết nội bộ kéo dài, qua thực hiện Nghị quyết 195-NQ/TW của Bộ Chính trị không những không thanh toán được, mà còn nặng nề thêm và Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng chưa có những biện pháp kiên quyết để giải quyết. Tổ chức bộ máy các

⁽¹⁾ Báo cáo (số 16 - BC/TC, ngày 17/1/1972) Tổng kết năm 1971 của Tỉnh ủy Bắc Thái.

ngành, các cấp còn thiếu và yếu, nhưng chưa được kiện toàn đúng mức, do đó chưa bảo đảm các mặt công tác hoạt động được đều và tốt. Một số nơi chưa làm đúng thủ tục, nguyên tắc kết nạp đảng viên mới.

Sáu tháng đầu năm 1972, Đảng bộ tỉnh tiếp tục quán triệt và thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị; triển khai thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Ban Tổ chức các cấp bộ đảng trong tỉnh phối hợp với Ban Tuyên giáo cùng cấp tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết 19 (tháng 2/1971) của Trung ương Về các vấn đề kinh tế, nhằm đưa nền kinh tế miền Bắc lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; phối hợp với Ban Kiểm tra Đảng triển khai thực hiện Chỉ thị 192- CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Cùng thời gian trên, do bị đòn giáng mạnh của quân, dân miền Nam trong cuộc Tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972, đế quốc Mỹ gây trở lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không và hải quân lần thứ hai đối với miền Bắc nước ta. Ngày 24/5/1972, đế quốc Mỹ cho máy bay ném bom, bắn phá Nhà máy điện Thái Nguyên, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ hai trên địa bàn Thái Nguyên.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu, động viên sức người, sức của

chi viện chiến trường, ngày 15/6/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 17-NQ/BT *Về những công tác cấp bách trong thời gian trước mắt*, chỉ rõ: Xử lý nghiêm đối với những đảng viên thoái thác trách nhiệm, cầu an, dao động, bỏ nhiệm vụ, thiếu tiên phong gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng như cố ý ra hợp tác xã, ngăn cản không cho con em đi bộ đội, vô tổ chức, vô kỷ luật, chia rẽ mất đoàn kết, tham ô, hủ hoá, biến chất, v.v... Đối với những trường hợp gây cản trở lớn đến việc phát động tư tưởng quần chúng và làm cho uy tín của Đảng bị giảm sút, thì phải kiểm điểm nghiêm khắc và đối chiếu với Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng để thi hành kỷ luật thích đáng, kể cả trường hợp khai trừ hoặc đưa ra khỏi Đảng.

Thực hiện hai nhiệm vụ Trung ương giao cho tỉnh⁽¹⁾, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định rõ nhiệm vụ của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang trong tỉnh phải *“Tập trung toàn lực phục vụ giao thông vận tải. Đảm bảo giao thông và các phương tiện vận tải thông suốt, kịp thời trong mọi tình huống là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất số một”*. Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh quyết định khôi phục lại Ban Đảm bảo giao thông vận tải

⁽¹⁾ Một là, tiếp nhận hàng (chủ yếu là lương thực và hàng quốc phòng) từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn về và từ Hà Bắc sang, khối lượng từ 30.000 tấn đến 50.000 tấn một tháng, vừa để dự trữ, vừa để tiếp chuyển cho chiến trường và các tỉnh trong khu vực. Hai là, đảm bảo giao thông, vận tải thông suốt trong mọi tình huống trên các trục đường, đặc biệt là trên các trục đường chiến lược.

thời chiến, phân công đồng chí Lê Quảng (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Trưởng ban; quyết định trung tập một số cán bộ ở các ban, ngành của tỉnh sang làm nhiệm vụ chuyên trách giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh làm nhiệm vụ tiếp nhận và trung chuyển lương thực, hàng hoá. Tỉnh Đoàn Thanh niên tổ chức tuyển chọn được 673 đội viên thanh niên xung phong, kiện toàn xong Đội 91 Thanh niên xung phong chống Mĩ cứu nước tập trung đủ 5 đại đội (từ Đại đội 911 đến Đại đội 915), làm nhiệm vụ xung kích phục vụ chiến đấu và đảm bảo giao thông vận tải thời chiến tại các trọng điểm giao thông trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết 17 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác tổ chức của các cấp bộ đảng trong tỉnh cùng với các công tác tuyên giáo, kiểm tra của Đảng bộ tổ chức tiên hành đột sinh hoạt chính trị quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới một cách sâu rộng, làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng, các tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang trong tỉnh nhận thức sâu sắc tình hình và nhiệm vụ, biến khẩu hiệu "*Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*" thành hành động cụ thể của mỗi người...

Được sự chỉ đạo, giúp đỡ trực tiếp của Ban Tổ chức Khu ủy, Tỉnh ủy thành lập Đoàn Nghiên cứu cấp huyện và Điều tra cơ bản công tác xây dựng Đảng. Ngay sau khi được thành lập, trên địa bàn Thái Nguyên, Đoàn đã tiến hành điều tra cơ bản công tác xây dựng Đảng ở các xã Kim Phụng (Định Hoá), Lâu Thượng (Võ Nhai), Đồng

Quang (Thành phố), Tân Hương (Phổ Yên) và tiến hành nghiên cứu cấp huyện ở huyện Định Hóa.

Cuối tháng 9/1972, việc điều tra cơ bản về công tác xây dựng Đảng ở các xã trên kết thúc. Tại xã Kim Phượng (huyện Định Hoá), số lượng đảng viên đi, đến bao nhiêu xã và huyện đều nắm không chính xác, thậm chí có đảng viên chỉ có giấy giới thiệu sinh hoạt tạm thời, nhưng đã sinh hoạt Đảng tới 6 năm và được bầu vào Ban Chi ủy. Việc bình xét, phân loại đảng viên ở các xã cũng chưa được chính xác. Trong số 45 đảng viên dự bình xét, xã phân loại có 26 đảng viên (57,78%) phần đầu tốt, 18 đảng viên (40 %) phần đầu chưa tốt, 1 đảng viên (2,22%) phần đầu kém. Đoàn điều tra, xác minh lại có 31,7% đảng viên phần đầu tốt, 61% đảng viên phần đầu chưa tốt, 7,3% đảng viên phần đầu chưa tốt (so với phân loại của xã số đảng viên phần đầu tốt giảm 26,08%, số đảng viên phần đầu chưa tốt tăng 21%, số đảng viên phần đầu kém tăng 5,08%). Trong số 45 đảng viên ở xã, chỉ có 10 đồng chí (22%) đảm đương được yêu cầu công tác hiện tại, 18 đồng chí (40%) không phạm sai lầm về phẩm chất đạo đức cách mạng, còn nói chung đều vi phạm mặt này, mặt khác (tổng số nợ 3 hợp tác xã Nông nghiệp, Múa bán, Tín dụng của đảng viên lên tới 7.178 đồng); 17 đảng viên nghi vấn chính trị hoặc liên quan vấn đề chính trị, bị địch bắt chưa được xác minh hoặc làm việc trong bộ máy thống trị cũ.

Từ các kết quả điều tra của Đoàn, Tỉnh ủy kết luận: Tuy tình hình từng nơi có khác nhau, nhưng vấn đề chung

nổi lên là công tác tổ chức xây dựng Đảng ở cơ sở trong những năm qua bị buông lỏng cả về mặt kết nạp và quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên. Việc bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đảng viên theo yêu cầu cách mạng không làm được thường xuyên, nhất là việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cốt cán không được quy hoạch cụ thể. Tổ chức kiểm tra dân chủ kỉ luật của Đảng bộ cấp trên đối với cơ sở thiếu chặt chẽ⁽¹⁾.

Để khắc phục tình trạng trên, công tác tổ chức xây dựng Đảng của các cấp bộ đảng trong tỉnh tập trung đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh* và thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Thông qua đó, Đảng bộ tỉnh ngày càng trưởng thành, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lãnh đạo quân, dân trong tỉnh vừa sản xuất, vừa chiến đấu, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến kịp thời, thông suốt, động viên sức người, sức của chi viện chiến trường.

Tuy nhiên, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh trong thời kì này nói chung còn yếu và chưa gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhất là ở khu vực nông thôn. Tổ chức bộ máy vừa chưa hợp lí, lại vừa yếu. Bộ máy huyện chưa được củng cố, hiệu quả giúp đỡ cơ sở còn bị hạn chế. Nhiều ngành cấp tỉnh tuy cũng cố gắng, nhưng chưa giúp cho cấp uỷ nắm vững và chỉ đạo

⁽¹⁾ Báo cáo (số 11 – BC/BT, ngày 27/10/1972) về công tác quý 3 và tình hình chung 9 tháng năm 1972 của Tỉnh uỷ Bắc Thái.

tốt công tác của ngành mình, chưa giúp đỡ đắc lực cho các huyện. Nội bộ lãnh đạo (chủ yếu là nội bộ một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt) thiếu đoàn kết nhất trí là hiện tượng phổ biến ở nhiều huyện; trong đó, nghiêm trọng nhất là các huyện Võ Nhai, Phú Bình và các ban, ngành Khoa học - Kỹ thuật và Kiến trúc của tỉnh. Một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu chấp hành chính sách của Đảng; tùy tiện trong việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên; có cán bộ lãnh đạo ý thức tổ chức kỉ luật kém và rất kém. Vai trò lãnh đạo của một số chi bộ, đảng bộ chưa được phát huy tốt, thậm chí có một số chi bộ, đảng bộ không còn tác dụng lãnh đạo. Việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ chưa thật đầy đủ⁽¹⁾.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên, trước hết là do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ không tập trung lãnh đạo giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu sự đoàn kết nhất trí nội bộ ở một số cơ quan tỉnh, huyện và việc củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở khu vực nông thôn. Công tác lãnh đạo của Thường vụ mới chỉ dừng lại ở chủ trương, phương hướng, không được bàn cụ thể, bàn sâu về mục tiêu phấn đấu và biện pháp tổ chức thực hiện. Mặt khác, việc chỉ đạo của Thường vụ đối với các ban xây dựng Đảng chưa chặt chẽ, nhất là việc tổ chức phối hợp hoạt động giữa các ban để cụ thể hoá chủ trương của Thường vụ thành kế hoạch thực hiện cụ thể của từng ban⁽²⁾.

^{(1) (2)} Theo Báo cáo số 03-BC/BT, ngày 25/5/1973 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 1972.

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo vừa sản xuất, vừa chiến đấu và nhất là từ những yếu kém, khuyết điểm về công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm từ 1968 đến 1972 mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhận thấy và chỉ ra, các cấp bộ Đảng trong tỉnh có thêm kinh nghiệm lãnh đạo công tác tổ chức xây dựng Đảng đạt kết quả cao hơn trong giai đoạn tiếp theo.

III. Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong giai đoạn đẩy mạnh sản xuất, dồn sức chi viện chiến trường, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (1973 - 1975).

Sau thất bại nặng nề trong cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B.52 ném bom xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác (18-29/12/1972), ngày 27/1/1973, đế quốc Mỹ buộc phải kí *Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*. Từ đó, nhân dân miền Bắc có điều kiện hòa bình để khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. Ở miền Nam, tuy đã phải rút hết quân viễn chinh và quân đồng minh về nước, nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh*. Được đế quốc Mỹ viện trợ, ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu ra sức phá hoại Hiệp định Pari, bất chấp lệnh ngừng bắn, xua quân đi thực hiện kế hoạch “*Tràn ngập lãnh thổ*”. Bởi vậy, nhiệm vụ của quân và dân ta vẫn phải tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh cách mạng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày Hiệp định Pari được kí kết, Đảng bộ tỉnh có

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH.

31.770 đảng viên, đa số có phẩm chất ,
nhiên, một bộ phận không nhỏ thiếu tíc
trách nhiệm không cao, thiếu gương mẫu
và chấp hành chính sách, nghĩa vụ đối
thức tổ chức kỉ luật chưa cao, đoàn kết
sinh hoạt Đảng thất thường, ít tín nhiệm
Một bộ phận đảng viên yếu, kém, chẳng
nhân, ít quan tâm đến lợi ích của tập thể
tư tưởng ngại khó, ngại khổ, ỷ lại, bảo
thực, thiếu ý thức tổ chức và kỉ luật, đầu t
né, thậm chí một số ít cán bộ, đảng viên
chất, không chấp hành đường lối, chính s
hợp tác xã, đốt phá rừng bừa bãi, không c
không làm nghĩa vụ lương thực, thực pl
nước, bỏ sinh hoạt Đảng ...).

Trước tình trạng trên, việc nâng cao cl
đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trở thà
cấp bách, vừa thường xuyên của các cấ
tỉnh. Từ ngày 1 đến ngày 20/2/1973, thụ
26-CT/BT (ngày 31/1/1973) của Ban Thu
Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng với các ban T
tra giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đ
chức toàn Đảng, toàn quân, toàn dân troi
đợt sinh hoạt chính trị học tập, quán triệ
CT/TW của Trung ương, Lời kêu gọi ng
Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ch
Thông qua đợt sinh hoạt chính trị n

tình hình, nhiệm vụ cách mạng cũng như về ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng lên một bước. Tuy nhiên, do công tác tuyên truyền, giáo dục trong đợt sinh hoạt chính trị chưa sâu sắc, thường xuyên, lại gặp khó khăn về đời sống, nên cán bộ, đảng viên (nhất là cán bộ, đảng viên trong khu vực Nhà nước và hợp tác xã thu nhập thấp), tư tưởng chưa thật phấn khởi, ít nhiều ảnh hưởng đến khí thế của phong trào chung⁽¹⁾.

Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ, các cấp bộ đảng trong tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện *Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lốp Hồ Chí Minh* theo tinh thần Nghị quyết 195-NQ/TW của Bộ Chính trị; đồng thời phối hợp với công tác kiểm tra Đảng đẩy mạnh thực hiện việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng theo Chỉ thị 192/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Sáu tháng đầu năm 1973, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Đảng tỉnh chỉ đạo các cấp bộ đảng trên địa bàn tỉnh tiến hành triển khai thực hiện Chỉ thị 192 ở 34 tổ chức cơ sở đảng (trong đó, riêng Đảng bộ thành phố Thái Nguyên triển khai 15 đơn vị, Đảng bộ Gang thép triển khai 10 đơn vị).

Thông qua việc thực hiện Chỉ thị 192, đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng cao một bước lòng nhiệt tình cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm.

⁽¹⁾ Báo cáo (số 04-BC/BT, ngày 27/7/1973) Sơ kết 6 tháng đầu năm 1973 của Tỉnh ủy Bắc Thái.

Chất lượng lãnh đạo của Chi bộ Ty Tài chính (Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh) và các Đảng bộ xã Hùng Sơn (Đại Từ), Tân Hương (Phổ Yên) đều có chuyển biến rõ rệt. Các cấp ủy bước đầu rút được một số kết luận và kinh nghiệm giúp cho việc triển khai Chỉ thị 192 trong thời gian tới tốt hơn.

Cũng trong 6 tháng đầu năm 1973, các cấp bộ đảng trên địa bàn tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo 124 tổ chức cơ sở đảng (gồm 101 tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn, 23 tổ chức cơ sở đảng các cơ quan, xí nghiệp) tiến hành đại hội nhiệm kì, kiện toàn cấp ủy. Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu và giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn Huyện ủy Định Hóa và Thành ủy Thái Nguyên tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ nhiệm kì. Công tác phát triển Đảng đạt kết quả khá hơn so với 6 tháng đầu năm 1972. Toàn Đảng bộ tỉnh kết nạp 148 đảng viên mới và mở lớp bồi dưỡng đảng viên mới cho 54 đồng chí. Các cấp bộ đảng trong tỉnh cử 43 cán bộ đi học các trường của Trung ương, 56 đồng chí đi học Trường Đảng của Khu và 30 đồng chí đi học lớp văn hóa tập trung của tỉnh; sắp xếp xong 211 cán bộ đi tăng cường nông thôn trở về các cơ quan, đơn vị; điều động 55 cán bộ cho các ngành của tỉnh và cho các huyện; điều động 84 cán bộ vào Nam công tác; đề bạt 6 đồng chí giữ chức Trưởng - Phó ty, Trưởng - Phó ban và 25 đồng chí giữ các chức vụ từ Trưởng phòng cấp tỉnh trở xuống.

Tuy nhiên, công tác tổ chức xây dựng Đảng của các cấp bộ đảng trong tỉnh thời gian trên còn nhiều hạn chế,

khuyết điểm. Công tác tổ chức kiện toàn cấp ủy đảng các cấp làm được rất ít so với yêu cầu. Trong vùng nông thôn của tỉnh còn tới 34 tổ chức cơ sở đảng, cấp ủy quá nhiệm kì 2 năm trở lên. Đảng bộ huyện Võ Nhai đã 7 năm không tổ chức được đại hội để bầu lại Huyện ủy (kể từ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X họp tháng 6/1966). Tình hình đó đã vi phạm nguyên tắc sinh hoạt dân chủ nội bộ, hạn chế kết quả công tác lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Ở những nơi chi bộ, đảng bộ cơ sở yếu kém, phong trào gặp rất nhiều khó khăn. Công tác phát triển Đảng làm không tích cực; các đảng bộ huyện Đại Từ, Võ Nhai không phát triển được đảng viên mới nào⁽¹⁾.

Ngày 18/9/1973, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị kiểm điểm tình hình thực hiện *Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh*. Hội nghị khẳng định: Cuộc vận động đã có chuyển biến đáng kể về vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng bộ và chi bộ cơ sở; vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên được phát huy. Nhiều chi bộ, đảng bộ phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, được công nhận đạt yêu cầu 4 tốt nhiều năm liền. Ở nhiều đảng bộ, số cơ sở đảng 4 tốt và khá chiếm tỉ lệ khá cao, từ 60 đến 90%, đảng viên 4 tốt đạt từ 70% đến 80%. Đảng bộ huyện Đại Từ, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên cơ bản đã xoá xong tổ chức cơ sở đảng kém; Đảng bộ các huyện Phú Bình,

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 1973 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái.

Phổ Yên, số cơ sở đảng kém cũng giảm đáng kể... Tuy nhiên, nhiều nơi chưa đẩy mạnh thực hiện *Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh*, chưa có biện pháp giải quyết số đảng viên kém một cách tích cực và triệt để; không gắn công tác giáo dục chính trị, tư tưởng với công tác tổ chức, thường mới chú ý phát động tư tưởng, động viên chung chung, mà không đi sâu vào thực chất tiêu chuẩn và 10 nhiệm vụ của người đảng viên để xem xét, đánh giá chất lượng đảng viên. Trong công tác phát triển Đảng, vẫn còn nhiều nơi sợ sai, sợ trách nhiệm, nên cả 4 đợt kết nạp đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh* đã không kết nạp được một đảng viên nào, hoặc chỉ kết nạp được 1, 2 đồng chí, nhưng không bảo đảm chất lượng, phải xoá tên. Năm 1972, trong Đảng bộ tỉnh có tới 94 đảng bộ nông thôn, 86 chi bộ cơ quan và trên 50 đảng bộ xí nghiệp không kết nạp được đảng viên mới. Công tác phát triển Đảng của các cấp bộ đảng trong tỉnh còn nặng tư tưởng “ăn sẵn”, ở nơi ít đảng viên hoặc chưa có đảng viên, chưa tích cực tạo nhân tố mới để kết nạp vào Đảng, làm cho phân bổ lực lượng đảng viên giữa các cơ sở trong Đảng bộ không đồng đều cả về số lượng và chất lượng. Công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên dự bị của các cấp bộ đảng trong tỉnh làm chưa tốt, nhiều nơi hầu như không làm, không có kế hoạch, biện pháp giáo dục, giúp đỡ thiết thực, đảng viên dự bị nào có những mặt nổi lên trong công tác thì chuyển lên chính thức, đảng viên dự bị nào có thiếu sót cứ để kéo dài hết năm này qua

năm khác, thậm chí bỏ quên, không được xem xét đến. Vì vậy, trong Đảng bộ có hàng nghìn đảng viên thời gian dự bị kéo dài tới 4 năm, 5 năm, vi phạm nghiêm trọng *Điều lệ Đảng*. Đến tháng 3/1973, ở Đảng bộ thành phố Thái Nguyên và Đảng bộ huyện Đồng Hỷ, riêng đảng viên kết nạp *Lớp Hồ Chí Minh* vẫn còn một số trường hợp chưa xét chuyển chính thức và cũng không giải quyết dứt điểm.

Mặc dù sau 4 đợt kết nạp đảng viên *Lớp Hồ Chí Minh*, Tỉnh ủy đã có thông tri hướng dẫn tiếp tục chỉ đạo phát triển Đảng thường xuyên, nhưng các cấp ủy đảng trong tỉnh vẫn chưa nhận thức đầy đủ. Đây là vấn đề rất nghiêm trọng, nếu không tích cực khắc phục kịp thời để đưa công tác phát triển Đảng đi vào nền nếp thường xuyên, thì nhiều chi bộ không thể phát huy được vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của mình.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, các cấp bộ đảng trong tỉnh bước đầu rút được một số kinh nghiệm về việc vận dụng tiêu chuẩn, phương châm, nguyên tắc, chính sách đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, xây dựng được ý thức về Đảng và tinh thần trách nhiệm của người đảng viên. Tuy nhiên, tốc độ triển khai chậm, thời gian kéo dài (có nơi chỉ đạo điểm hơn một năm nhưng vẫn còn dở dang).

Về chất lượng tổ chức cơ sở đảng, tính đến tháng 9/1973, toàn Đảng bộ tỉnh có 43,8% đơn vị phấn đấu tốt (khá), 44,46% đơn vị phấn đấu chưa tốt (trung bình),

11,74% đơn vị phần đầu kém. Riêng khu vực nông thôn, tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng kém là 14%. Ở những tổ chức cơ sở đảng khá, nội bộ đoàn kết, cán bộ, đảng viên gương mẫu, khắc phục khó khăn, tận tụy lẫn lộn với phong trào, trung thực và liêm khiết. Nhờ đó, phong trào ổn định, sản xuất phát triển, đời sống quần chúng từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, cũng còn có những mặt yếu, nổi lên là trình độ, năng lực quản lí cán bộ, đảng viên của cấp ủy còn thấp; phần lớn vẫn chưa phát huy hết vai trò lãnh đạo của tập thể chi bộ, chi ủy, đảng ủy. Ở những tổ chức cơ sở đảng trung bình và yếu kém, chi ủy, đảng ủy chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo của tập thể cán bộ, đảng viên trong chi bộ, đảng bộ. Việc chấp hành nguyên tắc, Điều lệ Đảng còn tùy tiện trên nhiều mặt, nhất là không tổ chức đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở theo đúng nhiệm kì (6 tháng đầu năm 1973, trong Đảng bộ tỉnh, số tổ chức cơ sở đảng quá hạn từ 6 tháng đến 3 năm mới tổ chức đại hội chiếm tới 75%).

Nguyên nhân của các hạn chế, khuyết điểm trên đây là do các cấp bộ đảng cơ sở chưa nhận thức đúng đắn, chưa chú ý chỉ đạo việc tổ chức thực hiện *Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh* và không gắn Cuộc vận động với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo từ tỉnh đến cơ sở thiếu tập trung, thiếu kiểm tra đôn đốc, thiếu sơ - tổng kết rút kinh nghiệm để phát huy mặt tích cực, uốn nắn kịp thời những lệch lạc của cấp dưới,

của cơ sở. Công tác chỉ đạo của Ban Tổ chức Đảng các cấp chưa tập trung và thiếu sự phối hợp, kết hợp với các ban Tuyên giáo, Kiểm tra để thống nhất thành một mối giúp cấp uỷ theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo cuộc vận động.

Để khắc phục tình trạng trên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương tiếp tục quán triệt và thực hiện *Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lốp Hồ Chí Minh* theo tinh thần Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 192 của Ban Bí thư; gắn Cuộc vận động với việc thực hiện Nghị quyết số 33 của Tỉnh uỷ *Về xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp*.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã hướng công tác tổ chức xây dựng Đảng vào việc nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp uỷ và chi bộ; củng cố và tăng cường vai trò lãnh đạo của các đảng bộ, chi bộ cơ sở. Các cấp bộ đảng ở các Đảng bộ huyện Định Hoá, Đại Từ, Phú Bình và thành phố Thái Nguyên đã kết hợp chặt chẽ công tác xây dựng Đảng với củng cố, phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, đem lại nhiều hiệu quả thiết thực. Tại Đảng bộ huyện Đại Từ, Huyện uỷ chọn Đảng bộ xã Phú Lạc làm điểm chỉ đạo gắn công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng với việc củng cố phong trào hợp tác xã và đẩy mạnh sản xuất. Phú Lạc là một xã miền núi, có dân số trên 2.800 người (trong đó, 70% là dân tộc Kinh, trên 20% là dân tộc Nùng, còn lại gần 10% là dân tộc Tày và Hoa). Trước khi được chọn làm điểm chỉ đạo, tổ chức cơ sở

đảng và phong trào hợp tác xã ở xã Phú Lạc rất yếu kém. Trong Đảng bộ xã có nhiều chi bộ 4, 5 tháng không sinh hoạt, 1/3 số đảng viên trong Đảng bộ không hoạt động, 2 hợp tác xã ở 2 xóm bị tan vỡ, tình trạng cá nhân lấn chiếm ruộng đất của tập thể hợp tác xã diễn ra rất nghiêm trọng (160 mẫu), kinh tế tập thể suy yếu, đời sống quần chúng giảm sút, các nghĩa vụ lương thực, thực phẩm nhiều năm không hoàn thành. Nhờ có sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, sau đợt xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với việc củng cố phong trào hợp tác xã, tình hình mọi mặt ở Phú Lạc có nhiều chuyển biến tốt. Năm 1973, lần đầu tiên xã Phú Lạc đạt năng suất lúa bình quân 800 kg/mẫu Bắc Bộ (trước đây năm cao nhất đạt không quá 700 kg/mẫu), sản lượng lúa của hợp tác xã tăng thêm 109 tấn so với năm 1972, mức thu nhập bình quân đầu người mỗi tháng từ 12 kg thóc (năm 1972), tăng lên 17,5 kg thóc (năm 1973). Năm 1973, xã hoàn thành nghĩa vụ đóng góp 125 tấn lương thực đối với Nhà nước. Từ kết quả chỉ đạo điểm ở Đảng bộ xã Phú Lạc của Huyện ủy Đại Từ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy rút ra kết luận: Công tác xây dựng tổ chức Đảng phải trên cơ sở thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, hai mặt đó không thể tách rời⁽¹⁾.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Võ Nhai triệu tập Hội nghị đảng viên toàn huyện bàn về xây dựng, củng cố phong trào hợp tác hóa (Hội nghị đảng viên đợt 1

⁽¹⁾ Báo cáo (số 02 - BC/BT, ngày 25/1/1974) Tổng kết công tác năm 1973 của Tỉnh ủy Bắc Thái.

họp từ ngày 4 đến ngày 8/12/1973, đợt 2 họp từ ngày 21 đến ngày 24/12/1973, với sự tham dự của toàn bộ đảng viên ở 18 chi bộ, đảng bộ xã và 19 chi bộ, đảng bộ các cơ quan, đơn vị trong huyện). Sau Hội nghị, Huyện ủy ra Nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, chỉ rõ: Đảng bộ tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 192 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng đảng viên. Các cấp bộ đảng trong huyện tiến hành giáo dục đảng viên kết hợp với củng cố, xây dựng lại phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, bước đầu làm cho mỗi đảng viên thấy rõ hơn những thiếu sót của mình trước sự tan vỡ của phong trào hợp tác hoá trên địa bàn huyện.

Chấp hành chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc gắn *Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh* với việc thực hiện Nghị quyết số 33 của Tỉnh ủy về xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, Đảng ủy Dân - Chính - Đảng tỉnh ra nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở đảng và của toàn thể cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ là *"Phải nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mình đối với phong trào hợp tác hóa của tỉnh. Từng ngành, từng cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ phải lấy công tác chuyên môn phục vụ đắc lực cho việc xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của tỉnh"*.

Tháng 12/1973, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 225-NQ/TW

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác cán bộ. Trên cơ sở đó, Ban Tổ chức Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy lập danh sách từng loại cán bộ do Tỉnh ủy quản lý (từ cán sự 4 trở lên) và phân tích chỗ yếu, chỗ mạnh của từng cán bộ một cách toàn diện về năng lực, phẩm chất đạo đức, sức khỏe; xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ một cách hệ thống. Đến ngày 25/1/1974, ngoài huyện Võ Nhai, còn lại các huyện, thành phố ở Thái Nguyên đều đã lập xong quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ kế cận của huyện, thành phố. Ban Tổ chức Tỉnh ủy còn tham mưu và giúp Tỉnh ủy từng bước bố trí, sắp xếp, đề bạt cán bộ phù hợp với trình độ, năng lực của từng người⁽¹⁾.

Từ ngày 3 đến 9/1/1974, Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở Hội nghị cán bộ lãnh đạo (gồm Bí thư cấp ủy Đảng, Chủ tịch Ủy ban Hành chính các huyện, thành phố và Trưởng - Phó các ban, ngành cấp tỉnh và Bí thư các đảng ủy, chi bộ trực thuộc) để học tập, quán triệt Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tại Hội nghị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã báo cáo những nét cơ bản về tình hình các mặt công tác năm 1973 của địa phương. Theo đó, trong

⁽¹⁾ Thực hiện Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị, từ năm 1973 đến năm 1975, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã tham mưu và giúp Tỉnh ủy sắp xếp và đề bạt 215 cán bộ từ Trưởng, Phó ban – phòng cấp huyện trở lên đến Trưởng – Phó ban, Ty và tương đương cấp tỉnh. Trong đó, năm 1973, sắp xếp và đề bạt 68 cán bộ (có 7 cán bộ đại học, 26 cán bộ dân tộc ít người); năm 1974, sắp xếp và đề bạt 105 cán bộ (có 10 cán bộ đại học); năm 1975, sắp xếp và đề bạt 42 cán bộ (có 15 cán bộ đại học).

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

năm các cấp bộ đảng kết nạp được 348 đảng viên (có 25% nữ), đảm bảo đúng các nguyên tắc, thủ tục, tăng gần 4 lần so với 1972. Công tác tiếp nhận, chuyển đi và quản lý đảng viên bước đầu được chấn chỉnh, đi vào nền nếp. Chất lượng đảng viên được nâng cao. Theo báo cáo sơ bộ của các đảng bộ huyện Đại Từ, Thành phố và 21/38 đảng bộ cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy, số đảng viên phấn đấu tốt ở khu vực nông thôn đạt 56% (tăng 3% so với năm 1972); ở khu vực cơ quan, xí nghiệp đạt 63,4% (tăng 7% so với năm 1972). Công tác xử lý, kỷ luật đảng viên được tiến hành nghiêm túc; hình thức kỷ luật đảm bảo nghiêm minh và thận trọng, có xem xét, cân nhắc toàn diện. Toàn tỉnh có 2 đảng bộ cấp huyện, 84,21% tổ chức cơ sở đảng cơ quan, xí nghiệp và 60% tổ chức cơ sở đảng xã hoàn thành tổ chức đại hội, bầu lại cấp ủy. Từ sau đại hội, hoạt động của cấp ủy nhiều nơi được tăng cường, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tuy nhiên, công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ của tỉnh vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Việc chấp hành đường lối, chính sách cán bộ của Đảng còn biểu hiện thiếu toàn diện, chấp vá, chưa vững chắc. Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ chưa tốt, trong đó có một số cán bộ lãnh đạo các ngành ở tỉnh đến nay vẫn chưa có công tác rõ ràng. Một số ban, ngành (Tổ chức, Lịch sử, Tài - Mậu, Công nghiệp, Thể dục - Thể thao, v.v...) chưa được tăng cường đúng mức...

Ngày 25/1/1974, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với

Ban Tuyên giáo và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết lần thứ nhất thực hiện Chỉ thị 192- CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Sau khi khẳng định những kết quả và thành tích đã đạt được, Hội nghị chỉ rõ: Dưới sự chỉ đạo của cấp ủy, việc phối hợp giữa các Ban Tổ chức, Tuyên giáo, Kiểm tra còn yếu và có chỗ chưa nhất trí trong vấn đề đánh giá đội ngũ cán bộ, đảng viên, đánh giá tình hình tổ chức cơ sở đảng và xem xét, xử lý đảng viên, nên kết quả còn bị hạn chế.

Sau Hội nghị, Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các Ban Tuyên giáo, Kiểm tra của Tỉnh ủy tham mưu và giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung 682 cán bộ các cơ quan tỉnh, huyện đưa xuống cơ sở trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng thực hiện Chỉ thị 192; đồng thời tổ chức bộ phận tổng hợp giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn các đảng bộ trực thuộc lãnh đạo triển khai thực hiện Chỉ thị 192. Các huyện ủy, Thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy cũng tập trung chỉ đạo, phân công nhiều đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy trực tiếp theo dõi, chỉ đạo cơ sở thực hiện Chỉ thị 192. Nhờ đó, số tổ chức cơ sở đảng triển khai thực hiện Chỉ thị 192 so với tổng số tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ tỉnh tăng từ 14% (tháng 5/1974), lên 73% (tháng 12/1974) và 85,2% (cuối quý I/1975). Chế độ sinh hoạt Đảng của nhiều chi bộ đi vào nền nếp; tình trạng

tham ô, tư lợi, nợ nần dây dưa, vay mượn nhập nhằng và lấn chiếm ruộng đất của tập thể, rượu chè bê tha, hủ hoá, quan liêu hống hách, mất đoàn kết... trong cán bộ, đảng viên được khắc phục một bước.

Những bước chuyển biến trong công tác tổ chức xây dựng Đảng đã góp phần thúc đẩy các mặt hoạt động trên địa bàn tỉnh phát triển đi lên. Chỉ riêng 4 tháng đầu năm 1975, các cấp bộ đảng đã tập trung cao độ, lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang trên địa bàn Thái Nguyên tiến hành liên tiếp 3 đợt, động viên 4.103 thanh niên lên đường đánh Mỹ, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân nhanh gọn, đúng thời gian, vượt chỉ tiêu quân số trên giao 1,8%. Cùng với việc động viên tuyển quân và hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm (gồm trên 150 tấn thịt lợn và thịt gà, vịt) đối với Nhà nước, cấp bộ đảng các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên còn lãnh đạo, động viên cán bộ và nhân dân các dân tộc đóng góp và bán thêm cho Nhà nước 1.800 tấn thóc. Những thành tích đó đã góp phần to lớn cùng với quân và dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua 10 năm (1965 - 1975) trực tiếp chống Mỹ cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ có nhiều chuyển biến mới. Thông qua đó, tổ chức đảng các cấp trong Đảng bộ ngày càng lớn mạnh, phát huy được vai trò lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang trên địa bàn Thái Nguyên trực

tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên 400 trận, góp phần cùng với quân và dân miền Bắc đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ; huy động 43.858 thanh niên nhập ngũ; mỗi năm đóng góp cho Nhà nước được gần 20.000 tấn lương thực và hàng nghìn tấn thực phẩm, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của tiền tuyến, đảm bảo *Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*.

Những đóng góp to lớn của các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, quân và dân Thái Nguyên trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng *Huân chương Sao vàng*; tuyên dương danh hiệu *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* cho 16 tập thể, 7 cá nhân và danh hiệu *Anh hùng Lao động* cho 3 cá nhân. Trong thành tích to lớn đó, có sự đóng góp không nhỏ của công tác tổ chức xây dựng Đảng. Bởi vậy, đây là nguồn cổ vũ, động viên đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng của các cấp bộ đảng địa bàn Thái Nguyên tiếp tục phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời kì cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chương V

**CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG
TRONG THỜI KÌ 1975 – 1985**

I- Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm đầu cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội (1975 – 1978)

Thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã đưa đất nước ta bước sang một kỉ nguyên mới: Kỉ nguyên độc lập, thống nhất và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, hoà bình xây dựng đất nước “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” là một sự nghiệp lớn lao, đặt toàn Đảng, toàn dân trước những thử thách thực sự to lớn và nặng nề.

Xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước, việc xây dựng và củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách. Nhưng trước hết là giải quyết những vấn đề đặt ra sau khi chiến tranh kết thúc. Đó là gần 1.000 cán bộ, đảng viên quê ở các tỉnh miền Nam tập kết ra miền Bắc được bố trí công tác tại các cơ quan, xí nghiệp thuộc tỉnh Thái Nguyên từ sau tháng 7/1954. Khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tất cả số cán bộ, đảng viên nói trên đều muốn nhanh chóng trở về xây dựng quê hương và gặp lại người thân sau cuộc chia li kéo dài hơn 20 năm.

Đáp ứng nguyện vọng và tình cảm thiêng liêng đó, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã tham mưu giúp Tỉnh uỷ có kế hoạch bố trí cán bộ thay thế cho những đồng chí quê ở miền Nam

lần lượt được trở lại quê nhà trong niềm vui chiến thắng. Đồng thời, Tỉnh ủy điều động cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ các ngành kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế cho các tỉnh miền Nam, giúp đồng bào khắc phục hậu quả chiến tranh ở các vùng mới giải phóng. Tính đến tháng 12/1975, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã lựa chọn 228 cán bộ tăng cường cho miền Nam. Mặt khác, tỉnh cũng tiếp nhận hàng trăm cán bộ, chiến sĩ bị địch giam giữ tại các nhà tù trong thời gian chiến tranh. Bộ phận bảo vệ Đảng của Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với cơ quan Công an khẩn trương xác minh và có kết luận khách quan, minh bạch.

Ngay sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, ngày 5/5/1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 40-NQ/BT nêu rõ những định hướng và giải pháp ổn định tư tưởng, chuyển hướng nhiệm vụ, động viên và tổ chức quần chúng đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Đồng thời, Tỉnh ủy phát động một đợt thi đua trong toàn tỉnh với chủ đề: *Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng*.

Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra chủ trương cải tiến việc phân công và phân cấp quản lý cán bộ⁽¹⁾. Nghị quyết nhấn mạnh: Trong bất kì trường hợp nào, công tác cán bộ phải đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo

⁽¹⁾ Trước khi có Nghị quyết 40, Tỉnh ủy quản lý trực tiếp từ Trường, Phòng cấp huyện và cán sự bậc 3 trở lên. Sau khi có Nghị quyết 40, Tỉnh ủy quản lý từ Cán sự 4 trở lên; còn lại do các ngành, các huyện trực tiếp quản lý.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

trực tiếp; tăng cường quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác quản lý, sử dụng, bồi dưỡng cán bộ; gắn công tác cán bộ với lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ chính trị; đưa công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ vào nề nếp.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, năm 1975, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã lựa chọn 252 cán bộ đi học các trường chính trị, nghiệp vụ, văn hoá (trong đó có 38 cán bộ học Trường Nguyễn Ái Quốc, 66 cán bộ học Trường Hoàng Văn Thụ); tuyển chọn 64 cán bộ các ngành Nông, Lâm nghiệp theo học đại học tại chức; đồng thời phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ mở 3 lớp chính trị trung cấp tại chức cho 417 học viên, 1 lớp sơ cấp cho 136 học viên; bồi dưỡng 81 cán bộ làm giảng viên cơ sở. Nhờ có đội ngũ giảng viên này, trong năm 1975 đã có 4.127 cán bộ, đảng viên cơ sở hoàn thành chương trình lí luận cơ bản theo quy định của Trung ương..

Tháng 6/1975, Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương. Đến hết tháng 8/1975, có 94,9% cơ sở đảng trong Đảng bộ đã triển khai thực hiện; hơn 91% đảng viên trong Đảng bộ tham gia cuộc vận động và viết kiểm điểm cá nhân như nội dung Chỉ thị 192 quy định⁽¹⁾.

Thông qua cuộc vận động, *“bước đầu làm trong sạch về tổ chức đảng, nâng cao giác ngộ giai cấp cho mỗi đảng*

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo của Tỉnh ủy Bắc Thái. Số 14-BC/BT, ngày 18/11/1975.

viên. Đặc biệt nơi nào gắn chặt cuộc vận động với thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhất là với củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp, với sản xuất của xí nghiệp như huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Công ty gang thép, Công ty Xây lắp luyện kim..., thì đa số đảng viên phát huy vai trò gương mẫu trong lao động sản xuất và làm nghĩa vụ khác... Nhiều nơi qua làm 192, phong trào chuyển biến rất chậm, nhiệm vụ chính trị không hoàn thành”⁽¹⁾. Tỉnh ủy chỉ rõ: Thiếu sót này là do sự chỉ đạo của cấp ủy không chặt chẽ, quyết tâm không cao; nhất là cấp cơ sở chỉ có khoảng 29,8% cấp ủy chỉ đạo chặt chẽ, 34% cấp ủy tuy có phân công chuyên trách theo dõi cuộc vận động, nhưng thiếu kế hoạch cụ thể, 36,2% cấp ủy không phân công cấp ủy viên chuyên trách theo dõi cuộc vận động. Bản thân một số cấp ủy viên, một số đồng chí là thủ trưởng cơ quan, đơn vị khi tự kiểm điểm thiếu gương mẫu, không nghiêm túc, né tránh khuyết điểm.

Là cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy về công tác tổ chức xây dựng Đảng, đồng thời là nòng cốt của bộ phận chỉ đạo thực hiện cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 kết hợp triển khai Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị về mở đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã đề xuất và được Hội nghị bàn về công tác xây dựng Đảng của Tỉnh ủy họp tháng 1/1976 nhất trí. Trong năm 1976, các cấp ủy tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 kết hợp

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo của Tỉnh ủy Bắc Thái. Số 15-BC/BT, ngày 5/12/1975.

triển khai Nghị quyết 23 và mở đại hội đảng cấp cơ sở, tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II. Đảng bộ huyện Phú Bình được chọn làm điểm để rút kinh nghiệm trước khi triển khai trên diện rộng.

Sau Hội nghị, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tập trung phân lớn lực lượng cán bộ trong Ban xuống các đảng bộ trực thuộc làm nhiệm vụ đôn đốc, đẩy mạnh việc chấp hành Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy; đồng thời tăng cường cho 3 xã điểm huyện Đồng Hỷ 5 cán bộ (trong đó có 2 cán bộ Ban Tổ chức, 1 cán bộ Ban Tuyên giáo, 1 cán bộ Ban Kiểm tra và 1 cán bộ Ban Nông nghiệp) nhằm giúp huyện có thêm lực lượng để chỉ đạo phong trào.

Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245 về việc bỏ cấp khu và hợp nhất tỉnh. Theo đó, Khu Tự trị Việt Bắc được giải thể. Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã giúp Tỉnh ủy thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị. Trên cơ sở đó, từ tháng 4/1976, tỉnh Bắc Thái đã tiếp nhận hơn 2.000 cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức và 7 đảng bộ, 17 chi bộ cơ sở⁽¹⁾ với hơn 1.000 đảng viên của Khu Tự trị Việt Bắc.

(1) Gồm 7 đảng bộ của các trường Trung học miền núi: Giao thông, Thủy lợi, Bưu điện, Công nghiệp, Kinh tế - tài chính, Thương nghiệp và Trường Bỏ tức công nông;

17 chi bộ cơ sở gồm có: Trường Đoàn, Trường Công an, Bệnh viện Lao, Trường Văn hoá - Nghệ thuật, Nhà in Việt Bắc, Đoàn Văn công Khu Việt Bắc, Phòng Xuất bản giáo dục, Phòng Bưu điện đặc biệt, Nhà Xuất bản dân tộc, Bảo tàng Việt Bắc, Điện đài Việt Bắc, Giao tế Khu, Thư viện Tổng hợp, Đài Phát thanh Khu, Xí nghiệp Xây dựng, Phân viện Nghiên cứu lâm nghiệp và Trường Công nhân Kỹ thuật cơ điện.

Việc ổn định tư tưởng, làm cho hàng trăm cán bộ tiếp nhận từ các cơ quan Khu Tự trị trở về tỉnh yên tâm công tác trên cương vị mới là sự nỗ lực trên nhiều phương diện của Ban Tổ chức Tỉnh ủy lúc bấy giờ đang triển khai nhiều công việc quan trọng, như chuẩn bị nhân sự để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội sẽ được bầu cử thống nhất trong toàn quốc vào ngày 25/4/1976; theo dõi, hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng và các đảng bộ trực thuộc tiến hành đại hội vào quý II năm 1976.

Đến đầu tháng 11/1976, tất cả các đảng bộ cơ sở và các đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh đã hoàn thành chương trình đại hội theo sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và kế hoạch hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Trên cơ sở đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ II (vòng 1) được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 18/11/1976. Nhiệm vụ chính của Đại hội là thảo luận, đóng góp ý kiến vào các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương khoá III sẽ trình bày trước Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV và bầu đại biểu của Đảng bộ tỉnh đi dự đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

Tỉnh ủy xác định tổ chức cơ sở đảng là đơn vị chiến đấu cơ bản, có vị trí quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Vì vậy, Ban Tổ chức đã cùng với cấp uỷ đảng trực thuộc chỉ đạo cấp uỷ cơ sở trong khi tiến hành đại hội phải làm rõ mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của mỗi tổ chức cơ sở đảng. Tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn phải xác định rõ

phương hướng sản xuất nông nghiệp, gắn với nhiệm vụ củng cố phong trào hợp tác xã. Tổ chức cơ sở đảng trong các xí nghiệp cần phải làm rõ hạt nhân lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở xí nghiệp...

Bước chuyển giai đoạn cách mạng đòi hỏi phải nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy và đảng viên. Thông qua đại hội đảng cấp cơ sở, thành phần nhân sự Ban Chấp hành được đổi mới: 31% cấp ủy mới, 45% Bí thư đảng ủy, Bí thư chi bộ mới; nhưng số cấp ủy viên trẻ còn quá ít, bình quân tuổi đời của cấp ủy cơ sở nhiệm kỳ 1976 – 1980 là 47,5; trình độ văn hoá, chính trị, chuyên môn quá thấp (74% văn hoá cấp I). Ở cấp huyện, số huyện ủy viên có trình độ trung học chuyên nghiệp và đại học chiếm 24%; trình độ văn hoá cấp III là 46%, cấp II là 25% và cấp I là 5%).

Cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 tiếp tục được triển khai. Đến cuối năm 1976, đã có trên 94% đảng viên, 100% tổ chức đảng thuộc Đảng bộ tỉnh học tập, quán triệt Chỉ thị 192 và tự kiểm điểm cá nhân. Qua học tập, kiểm điểm và phân loại đảng viên, trong 2 năm (1975 – 1976), Đảng bộ tỉnh đã xử lý hơn 5.000 đảng viên (gần 18% số đảng viên toàn Đảng bộ), trong số này có 25% là cấp ủy viên; trong đó khai trừ và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác gần 3.000 đảng viên. Riêng Đảng bộ Phú Bình xử lý kỉ luật 583 đảng viên (có 128 cấp ủy viên), chiếm tỉ lệ 21% số đảng viên của Đảng bộ; trong số này có 167 trường hợp bị khai trừ, 99 trường hợp lưu Đảng và 83 trường hợp đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác.

Đảng bộ Phú Lương xử lý kỷ luật 415 đảng viên (22,7% số đảng viên của Đảng bộ). Đảng ủy Dân - Chính - Đảng xử lý kỷ luật 212 đảng viên (21% số đảng viên của Đảng bộ), trong đó khai trừ 56 trường hợp, lưu Đảng 67 trường hợp, cách chức 2 trường hợp, cảnh cáo 58 trường hợp, khiển trách 29 trường hợp... Trong 2 năm 1977 - 1978, số đảng viên bị xử lý kỷ luật là 1.058 người, bằng 1/5 của 2 năm trước; trong số này có 542 trường hợp (51%) bị khai trừ và đưa ra khỏi Đảng.

Như vậy, trong 4 năm (1975 - 1978), thực hiện cuộc vận động đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng theo tinh thần Chỉ thị 192 và Thông tư 22 (5/9/1977) của Ban Bí thư Trung ương, Đảng bộ tỉnh Bắc Thái đã đưa hơn 3.500 đảng viên (bằng 11,9% tổng số đảng viên của Đảng bộ) ra khỏi Đảng. Những đảng viên này đã từng là tấm gương sáng trong phong trào quần chúng, đã từng đi đầu trong đấu tranh cách mạng, trong kháng chiến; nhiều người đã từng đổ máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc; nhưng đến giai đoạn mới, họ đã đánh mất mình: 47% vi phạm về chính sách, pháp luật; 20% vi phạm phẩm chất, lối sống; 41% vi phạm nguyên tắc Đảng.

Những kết quả trên đây mới chỉ là bước đầu, chưa nâng cao được sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên. Vì vậy, phong trào vẫn chậm phát triển; đời sống nhân dân ngày càng gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Thực tế đã chỉ rõ: Qua phân loại đảng viên năm 1978,

chỉ có 60 – 70% là đảng viên tích cực; có nơi con số này chỉ chiếm 10% đến 15%. Số đảng viên phải xem xét và không đủ tư cách chiếm tỉ lệ cao, ở khu vực nông thôn từ 25% đến 30%; ở khu vực cơ quan Nhà nước chiếm khoảng từ 20% đến 25%. Tính chung, các đơn vị đã phân loại còn tới 27% đảng viên không đủ tư cách. Thậm chí, có đảng bộ đã xử lí kỉ luật tới 67% số đảng viên trong đảng bộ, nhưng chất lượng đảng viên và tổ chức đảng vẫn không được nâng lên; thực hiện nhiệm vụ chính trị không những không tăng lên, mà còn yếu kém hơn trước⁽¹⁾.

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II (vòng 2), Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội về công tác xây dựng đảng; hướng dẫn Ban Tổ chức các đảng bộ trực thuộc và cơ sở; trong đó nêu rõ cấp uỷ cơ sở phải thường xuyên làm tốt công tác đảng viên trên cả ba mặt: Giáo dục, bồi dưỡng, chỉnh đốn và phát triển đảng viên. Nhờ đó, trong 2 năm (1977 – 1978), công tác đảng viên được coi trọng hơn trước, tạo ra một số chuyển biến mới. Cấp uỷ và tổ chức đảng đã chú trọng kiểm tra, phân tích tình hình đảng viên để có hướng bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, tiến hành phân công công tác, giao nhiệm vụ cho từng đảng viên. Cuối năm 1978, tỉ lệ đảng viên được phân công công tác tăng hơn trước; có đảng bộ đạt tới 70%.

Việc tổ chức và hướng dẫn đảng viên học tập, bồi

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo đánh giá tình hình công tác xây dựng Đảng 2 năm (1977 – 1978) của Tỉnh uỷ Bắc Thái. Số 012-BC/BT, ngày 11/1/1979.

duỡng nâng cao trình độ về mọi mặt được các cấp đảng bộ chú ý. Gần 100% đảng viên thuộc đảng bộ cơ quan, xí nghiệp, trường học và ở các xã gần trung tâm huyện lỵ, thành phố đã học xong chương trình lí luận cơ bản; ở các xã miền núi cũng đạt trên 60%. Nhiều lớp học bổ túc văn hoá được mở ở các xã, phường, thị trấn, góp phần nâng cao trình độ văn hoá cho hàng ngàn cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Ý thức tự giác vươn lên trong học tập và tu dưỡng của đảng viên ở một số nơi, nhất là trong số đảng viên trẻ, có chuyển biến tích cực.

Công tác phát triển Đảng chưa được các cấp đảng bộ quan tâm đúng mức. Nhìn chung trong 4 năm (1975 – 1978), số đảng viên kết nạp năm sau thấp hơn năm trước. Nhiều đảng bộ trong 10 năm không kết nạp đảng viên mới. Đảng bộ Phú Bình trong 3 năm (1975 – 1977) chỉ kết nạp được 20 đảng viên, trong khi khai trừ và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác là 252 người. Các Đảng bộ Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương, Thành phố..., số đảng viên mới được kết nạp chỉ bằng trên 1/10 số đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng. Theo nhận xét của Tỉnh ủy, công tác phát triển Đảng thời kì này chưa đạt yêu cầu cả về số lượng và chất lượng.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do “*cấp ủy các cấp, nhất là cấp ủy cơ sở và đảng viên chưa nhận thức đúng vị trí, trách nhiệm công tác phát triển đảng viên của mỗi cấp ủy và là một nhiệm vụ của đảng viên. Do quan điểm lập trường giai cấp công nhân thiếu kiên định,*

vững vàng dẫn đến lúc tả khuynh, lúc hữu khuynh trong xem xét, đánh giá quần chúng. Trách nhiệm của Đoàn Thanh niên chưa làm tốt nhiệm vụ giáo dục về Đảng cho đoàn viên và lớp trẻ. Cơ quan tổ chức cấp tỉnh, cấp huyện và đảng bộ cấp trên của chi bộ chưa đề xuất kịp thời cho cấp ủy chỉ đạo, thiếu hướng dẫn cụ thể. Số đảng viên sa sút về phẩm chất đạo đức chiếm tỉ lệ cao, do đó chưa làm gương được cho quần chúng, vì thế, không làm được nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục quần chúng, trái lại còn làm mất ảnh hưởng Đảng... ”⁽¹⁾. Một nguyên nhân quan trọng khác là sau khi đất nước thống nhất, nhân dân phấn khởi; nhưng kinh tế ngày một khó khăn, sản xuất công nghiệp đình đốn, lưu thông phân phối ách tắc, có lúc rối loạn... Trong khi đó, vẫn mở rộng quy mô hợp tác xã toàn xã, công hữu triệt để mọi tư liệu sản xuất, làm cho sản xuất càng sa sút, đời sống nhân dân ngày một khó khăn... Tình hình này làm cho một bộ phận quần chúng ở nông thôn, xí nghiệp, nông, lâm trường không thu hút được lực lượng trẻ vào Đảng.

Ngày 20/2/1978, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 14 về hệ thống chỉ đạo và một số vấn đề về tổ chức, chức trách của Đảng bộ cơ quan. Thực hiện quyết định trên, tháng 4/1978, Tỉnh ủy có Nghị quyết giải thể Đảng ủy Dân - Chính - Đảng tỉnh và chuyển giao các tổ chức Đảng và đảng viên thuộc Đảng ủy Dân - Chính -

⁽¹⁾ Dẫn theo: Báo cáo đánh giá tình hình công tác xây dựng Đảng 2 năm 1977-1978, Tlđđ.

Đảng về sinh hoạt tại Đảng bộ Thành phố. Như vậy, Đảng bộ Thành phố từ chỗ có 85 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc với 2.534 đảng viên (cuối năm 1975), đến thời điểm này, đã tăng lên 186 tổ chức trên cơ sở và cơ sở, với 15.301 đảng viên.

Tháng 4/1978, Ban Tổ chức Tỉnh ủy giúp tỉnh lựa chọn gần 500 cán bộ làm công tác đối tiền, (từ ngày 3 đến ngày 6/5). Đây là một nhiệm vụ chính trị có ý nghĩa chiến lược, khẳng định vị trí của đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quán triệt sâu sắc và bám sát nội dung đường lối, chính sách cán bộ của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy trong thời kì mới, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu cho Tỉnh ủy có chủ trương gắn công tác cán bộ của địa phương với các cuộc vận động chính trị, nhất là với dịp tổ chức đại hội đảng các cấp. Qua đó, sàng lọc, lựa chọn để đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Thông qua đợt sinh hoạt chính trị và tiến hành đại hội cuối năm 1975, đội ngũ cán bộ được sắp xếp, đổi mới theo tinh thần Nghị quyết 225 và Nghị quyết 23. Cấp ủy huyện, thành đổi mới 51,2%; cấp ủy các đảng bộ trực thuộc đổi mới 49%. Tuổi đời bình quân của cấp ủy huyện, thành và các đảng bộ trực thuộc từ 47 trước đại hội, xuống còn 39. Tuy nhiên, trình độ văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ của cấp ủy huyện, thành và các đảng bộ trực thuộc còn thấp: 65,8% cấp ủy viên có trình độ văn hoá cấp II, 7,1% có trình độ văn hoá cấp III; số còn lại (27%) có trình độ văn hoá cấp I.

Đội ngũ cán bộ cấp xã và hợp tác xã cũng được kiện toàn, đổi mới. Chủ tịch, Phó Chủ tịch đổi mới 65%; Ban Quản trị hợp tác xã nông nghiệp đổi mới 50%.

Trong 2 năm (1977 – 1978), được Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Trung ương và địa phương, nên công tác cán bộ có bước chuyển biến tích cực.

Trước hết, để tạo nguồn cán bộ, tỉnh cho thành lập mới, mở rộng, nâng cấp các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong tỉnh: Trường Trung học Kinh tế với quy mô 1.000 học sinh; Trường Cao đẳng Nông – Lâm nghiệp có lớp dự bị đại học 140 học sinh; mở lại Trường Hợp tác hoá nông nghiệp, Trường Hành chính tỉnh; nâng Trường Đảng tỉnh từ đào tạo hệ sơ cấp, lên trung cấp, đồng thời xây dựng hệ thống Trường Đảng huyện; củng cố các trường thuộc ngành Y tế, Giáo dục, v.v... Ngoài ra, tỉnh còn mở rộng hệ thống trung học chuyên tu, tại chức về kinh tế, chính trị. Riêng năm 1977, toàn Đảng bộ tỉnh có 3.856 cán bộ được cử đi học tập trung và tại chức, tăng gấp 5 lần so với tổng số cán bộ được cử đi học trong 2 năm (1973 – 1974).

Cũng trong 2 năm (1977 – 1978), tỉnh đề bạt hơn 700 cán bộ; trong số đó, có 51 là Trưởng, Phó cấp tỉnh; số người có trình độ trung học và đại học về kinh tế, kỹ thuật chiếm 78%; tuổi đời từ 40 trở xuống chiếm 54,5%. Cùng thời gian này, thực hiện chủ trương của tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch để Tỉnh ủy điều động 1.047 cán bộ từ tỉnh xuống cơ sở, từ cơ quan hành chính sự nghiệp xuống khu vực sản xuất; đồng thời tiếp nhận hơn 1.000 cán bộ ngoài tỉnh về các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Bắc Thái là một tỉnh trung du và miền núi, có nhiều

thành phần dân tộc cùng sinh sống. Trong nhiều năm trước, Tỉnh uỷ đã chú trọng xây dựng kế hoạch đào tạo và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số. Trong những năm 1977 – 1978, số cán bộ dân tộc thiểu số chiếm khoảng 30% tổng số cán bộ của tỉnh; ở cấp xã, tỉ lệ này còn cao hơn. Trong số cán bộ cấp xã, có hơn 65% mới học hết cấp I, nên năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cũng như trình độ chính trị và quản lý Nhà nước còn nhiều hạn chế.

Bên cạnh kết quả đã đạt được, công tác cán bộ của Đảng bộ tỉnh trong những năm 1975 – 1978 còn bộc lộ nhiều mặt hạn chế, yếu kém. Công tác cán bộ chưa được quan tâm đúng mức, thiếu đồng bộ. Công tác quản lý cán bộ còn yếu, chưa phân cấp quản lý cán bộ một cách cụ thể. Tổ chức bộ máy và đội ngũ giáo viên các trường đào tạo cán bộ của tỉnh, huyện còn thiếu và yếu; cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo chưa được đáp ứng đầy đủ. Tổ chức bộ máy các ty, ngành cấp tỉnh còn chồng chéo; chức năng từng tổ chức, từng người chưa rõ ràng. Một số ty có tới 15 phòng, ban; nhưng mỗi phòng chỉ có 2 đến 3 cán bộ, chất lượng thấp.

Dù còn nhiều hạn chế, yếu kém, nhưng công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh đã góp phần tích cực làm chuyển biến các mặt kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, tạo tiền đề cho bước phát triển trong những năm tiếp theo.

II- Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm chi viện các tỉnh biên giới phía Bắc chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc (1979 – 1980)

Vào những năm cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, tình hình trong nước có nhiều diễn biến phức tạp. Tháng 5/1978 việc thu hồi tiền là một chủ trương đúng đắn và cần thiết

khi nước nhà đã thống nhất; nhưng kèm theo đó là một chiến dịch kiểm tra hành chính, nhằm ngăn ngừa “sự ngóc đầu dậy” của giai cấp tư sản ở miền Bắc và cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam đã gây xáo trộn trong cán bộ, đảng viên. Trong khi đó, các thế lực thù địch tăng cường hoạt động tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Do bị kẻ xấu lừa gạt, ép buộc, nhiều người Hoa sinh sống, gắn bó lâu đời trên địa bàn Thái Nguyên (trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên)⁽¹⁾ đã bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn, kéo nhau về Trung Quốc, gây hoang mang trong số cán bộ, đảng viên còn lại và cộng đồng người Hoa.

Trước tình hình trên, ngày 14/9/1978, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 13 về “Tăng cường công tác bảo vệ Đảng trong tình hình mới”, nêu rõ: “Công tác bảo vệ Đảng hiện nay cần thiết hơn lúc nào hết”; đồng thời yêu cầu cấp ủy đảng và Ban Tổ chức cấp ủy các cấp thực hiện đầy đủ 5 quản⁽²⁾ trong công tác quản lý cán bộ, đảng viên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho đồng chí Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy nắm tổng hợp về công tác bảo vệ Đảng và thường xuyên báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác bảo vệ Đảng.

Chỉ thị *Tăng cường công tác bảo vệ Đảng trong tình*

⁽¹⁾ Tính đến đầu năm 1979, trên địa bàn Thái Nguyên có khoảng 3.000 người Hoa cư trú ở 125/180 xã, phường, thị trấn. Đông nhất là huyện Định Hóa, khoảng 1.500 người.

⁽²⁾ Năm quản gồm: Quản lý tư tưởng; Quản lý công tác; Quản lý hồ sơ lý lịch; Quản lý quan hệ xã hội; Quản lý sinh hoạt.

hình mới có ý nghĩa rất quan trọng, gắn liền với các cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên trong Đảng bộ.

Trong khi toàn Đảng bộ đang chuẩn bị mọi điều kiện để thực hiện kế hoạch công tác xây dựng Đảng năm 1979 dưới sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, thì xảy ra chiến tranh ở biên giới phía Bắc (17/2/1979). Mọi hoạt động của Đảng bộ lúc này là dồn sức cho cuộc chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Nhiệm vụ của Ban Tổ chức Tỉnh ủy lúc đó là tập trung cán bộ của Ban xuống các đảng bộ trực thuộc cùng với cấp ủy làm việc với cơ quan quân sự nắm danh sách sĩ quan dự bị, cán bộ chỉ huy quân sự xã, phường và đảng viên trong độ tuổi tái ngũ, nhập ngũ...

Trong 2 năm (1979 – 1980), toàn tỉnh đã gọi nhập ngũ 15.622 thanh niên; trong đó có 305 nữ, hơn 1.000 đảng viên. Cùng thời gian này, Ban Tổ chức Tỉnh ủy thống nhất với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh gọi tái ngũ hơn 500 sĩ quan; trong đó 90,42% là đảng viên, có trình độ văn hoá từ cấp II trở lên là 99%...

Song song với nhiệm vụ trên, trong 2 năm (1979 – 1980), Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã lựa chọn để Tỉnh ủy điều động hơn 320 cán bộ đi tăng cường cho nước bạn Campuchia và xuống các xã xung yếu cùng với cấp ủy cơ sở củng cố địa bàn.

Trong hai cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Tây Nam và phía Bắc, Thái Nguyên đã huy động hơn 30.000 con em các dân tộc (có 10% là đảng viên) trực tiếp tham

gia. Hàng ngàn người con ưu tú của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã ngã xuống hoặc để lại một phần xương máu trên chiến trường. Bên cạnh đó, hơn 50.000 lượt người gồm đủ các lứa tuổi, các giới tự nguyện tham gia xây dựng tuyến phòng thủ ngay sát chiến trường phía Bắc⁽¹⁾.

Thái Nguyên cũng chia sẻ hậu quả chiến tranh với các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn không chỉ bằng hàng trăm tấn lương thực, hàng trăm con trâu, bò, 20.000 m² nhà ở và các nhu cầu thiết yếu khác, mà còn cưu mang hàng ngàn bà con đến sơ tán.

Vai trò tham mưu và sức đóng góp của tập thể Ban Tổ chức Tỉnh ủy vào hai cuộc chiến tranh biên giới là rất to lớn; trước hết là lựa chọn cán bộ cho các cấp chỉ huy đơn vị mà tỉnh có trách nhiệm xây dựng. Những cán bộ này quyết định sự thành, bại ở mỗi đơn vị trên chiến trường.

Hai cuộc chiến tranh, nhất là cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc đã làm cho mọi kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động khác của tỉnh bị đảo lộn, phần nào đó cuốn theo nhu cầu chiến tranh. Nhiều xí nghiệp công nghiệp, các hợp tác xã cơ khí chuyển sang sản xuất vũ khí (đạn dược, chông, mìn...); 80% năng lực vận tải của tỉnh được huy động cho chiến trường v.v...

⁽¹⁾ Theo Báo cáo về tình hình quân sự địa phương của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái, năm 1979, số dân quân tự vệ chiến đấu của tỉnh chiếm 21,65% dân số; số dân quân chiếm 13,4% dân số. Đến năm 1980, số dân quân tự vệ chiến đấu tăng lên 22,02% và dân quân là 12,8%. Đó là chưa kể số tham gia quân thường trực khoảng từ 4-5% dân số.

Công tác tổ chức xây dựng Đảng cũng không ngoại lệ. Song, trừ 2 tháng (tháng 2 và tháng 3/1979) nóng bỏng bởi chiến tranh biên giới phía Bắc, từ cuối tháng 3/1979, các công tác về tổ chức xây dựng Đảng tiếp tục được triển khai. Đầu năm 1979, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp Hội nghị đề ra mục tiêu, nhiệm vụ của công tác tổ chức xây dựng Đảng trong hai năm 1979 – 1980 nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II. Hội nghị nhấn mạnh ba mục tiêu trong hai năm (1979 – 1980) phải tập trung sức nâng cao chất lượng đảng viên; xây dựng tổ chức đảng thật sự vững mạnh, trong sạch; phải đẩy mạnh xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ. Từ nhận thức đúng đắn: Chất lượng của người đảng viên, người cán bộ là sự thống nhất giữa phẩm chất chính trị và năng lực công tác, thể hiện ở kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị theo chức trách được giao, các cấp đảng bộ thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục chính tư tưởng và bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.

Từ khi có Chỉ thị 72-CT/TW (8/5/1979) của Ban Bí thư Trung ương về *Tăng cường công tác phát triển Đảng và kiện toàn tổ chức đảng*, kết hợp với nhiều cuộc vận động, dựa vào các ban xây dựng Đảng, trong đó Ban Tổ chức là cơ quan thường trực, Tỉnh ủy đã tổ chức nhiều cuộc vận động học tập, kiểm tra, phân loại và có hình thức xử lý thích hợp đối với từng loại đảng viên. Những người vi phạm kỉ luật được xử lý nghiêm khắc; những người không đủ tiêu chuẩn đảng viên được đưa ra khỏi Đảng;

những đảng viên yếu kém, ý chí phấn đấu trung bình được bồi dưỡng, diu dặt. Những đảng viên tiên phong gương mẫu, có đức, có tài, được động viên, bồi dưỡng, sử dụng thoả đáng.

Nhìn chung, đội ngũ đảng viên của Đảng bộ tỉnh có những ưu điểm cơ bản về lòng trung thành và kiên định với mục tiêu, lí tưởng; về tinh thần khắc phục khó khăn, tận tụy với nhiệm vụ được giao. Số đông đảng viên trong Đảng bộ tiếp tục phát huy được tính tiên phong gương mẫu, làm nòng cốt và lãnh đạo quần chúng trên các lĩnh vực.

Tuy nhiên, chất lượng đội ngũ đảng viên của Đảng bộ tỉnh có một số nhược điểm. Đó là, một bộ phận lớn đảng viên được vào Đảng trong hai cuộc kháng chiến, gần 70% số này sinh sống ở các vùng nông thôn, miền núi, trình độ văn hoá thấp, ít được đào tạo, bồi dưỡng có hệ thống. Do vậy, trình độ, năng lực công tác còn nhiều hạn chế, hoặc có nhiều khó khăn về hoàn cảnh gia đình, sức khoẻ giảm sút, chưa phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu. Bên cạnh đó, một bộ phận suy thoái về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền tham nhũng, làm giàu bất chính nhưng chưa được giáo dục, đấu tranh và xử lí đúng mức. Độ tuổi bình quân trong đội ngũ đảng viên ngày càng cao. Năm 1978, độ tuổi bình quân của đảng viên trong Đảng bộ là 43; lứa tuổi từ 40 trở xuống chiếm 18% (ở nông thôn là 12,9%). Đảng viên thành phần công nhân chiếm tỉ lệ rất thấp (6,9%).

Trong tất cả các cuộc vận động có mục tiêu nâng cao

chất lượng đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy vừa là cơ quan tham mưu, vừa là cơ quan chỉ đạo, đã thường xuyên hướng dẫn cấp ủy trên cơ sở và cơ sở thực hiện. Ban Tổ chức các huyện, thành, thị ủy và các đảng ủy trực thuộc, khi bàn công tác đảng viên phải tiến hành đồng thời cả 3 mặt: Giáo dục, bồi dưỡng, chỉnh đốn và phát triển đội ngũ đảng viên.

Trong mỗi bước ngoặt của lịch sử, công tác giáo dục chính trị tư tưởng có tầm quan trọng đặc biệt. Kinh nghiệm thực tế của Đảng bộ tỉnh trong hàng chục năm qua cho thấy, mỗi khi cách mạng gặp khúc quanh, tư tưởng đội ngũ cán bộ, đảng viên ít nhiều bị chao đảo. Nếu phía trước là thuận lợi dễ sinh tư tưởng lạc quan tếu; nếu phía trước là thách thức, dễ bi quan dao động. Một bài học rút ra từ việc chỉ đạo, củng cố cơ sở đảng ở Phú Bình năm 1977 cũng cho thấy, nếu không làm chuyển biến mạnh mẽ tính Đảng để từ đó nâng cao nhận thức về Đảng, nâng cao sức chiến đấu của mỗi cấp ủy viên, thì công tác củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đảng viên sẽ đạt kết quả thấp.

Sau 2 năm (1975 – 1976) thực hiện Chỉ thị 192, Đảng bộ Phú Bình đã xử lý trên 20% số đảng viên của Đảng bộ; trong đó đưa ra khỏi Đảng bằng mọi hình thức chiếm 72%. Để đẩy mạnh cuộc vận động lên một bước mới, nhằm giúp Đảng bộ Phú Bình có nhiều tổ chức cơ sở Đảng khá, đầu năm 1977, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã trung tập 43 cán bộ có năng lực công tác cơ sở ở các cơ quan khối Đảng và các ngành xung quanh tỉnh cùng với 149 cán bộ do Huyện

ủy Phú Bình điều động, lập thành 21 tổ công tác đi xuống 21 xã. Sau 11 tháng hoạt động của các tổ công tác, kết quả phân loại cuối năm 1977, có 7 đảng bộ loại khá, 7 đảng bộ loại trung bình và 7 đảng bộ loại yếu kém, hoàn toàn giống như trước khi có tổ công tác xuống củng cố. Riêng số đảng viên yếu kém giảm được 2%, từ 24% năm 1976, xuống còn 22% năm 1977.

Thông qua đợt củng cố, một số đảng bộ có chuyển biến tích cực trong công tác vận động củng cố hợp tác xã, trong sản xuất và ổn định đời sống nhân dân hoặc trong kiện toàn tổ chức chi bộ dưới cơ sở. Trong số đó, điển hình là các Đảng bộ Đào Xá, Đồng Liên, Diềm Thụy, Nga My...; nhưng vẫn không chuyển biến từ kém lên khá.

Từ thực tế trên, Ban Tổ chức Tỉnh ủy nhận thấy cần thiết phải tập trung củng cố trước hết các Ban Chấp hành đảng bộ xã, các Ban Chi ủy chi bộ dưới cơ sở. Trình độ chính trị và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở - nhất là nông thôn và xí nghiệp, trước hết là ở đảng ủy và các chi ủy; trong đó vai trò của Bí thư có ý nghĩa quan trọng. Bản lĩnh chính trị vững vàng và năng lực trí tuệ của cấp ủy là yếu tố đảm bảo cho vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở được phát huy đầy đủ.

Nhận thức rõ điều đó, ngay từ đầu năm 1979, Ban Tổ chức Tỉnh ủy xác định: *Năm 1979 là năm đại hội cấp cơ sở* của Đảng bộ. Trong quá trình chuẩn bị đại hội, vấn đề nhân sự cấp ủy được coi là trọng điểm. Ban Tổ chức phối hợp với các huyện, thành, thị ủy và đảng ủy trực thuộc

lãnh đạo, chỉ đạo các cơ sở khi đại hội phải lựa chọn và bầu những người có lập trường chính trị vững vàng, có kiến thức và năng lực tham gia xác định các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở... Tính đến hết quý III năm 1979, tất cả các đảng bộ cơ sở trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành kế hoạch tổ chức đại hội.

Sau đại hội, *“hầu hết những chi, đảng bộ cơ sở... đều có những chuyển biến tốt; tổ chức được kiện toàn, chất lượng cấp ủy, năng lực lãnh đạo được nâng lên”*⁽¹⁾. Trong Ban Chấp hành đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 1979 - 1980, có 50% Bí thư đảng ủy cơ sở được thay thế.

Không chỉ riêng cấp ủy đảng, sau đại hội, cơ quan chính quyền, các đoàn thể quần chúng cũng được kiện toàn phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ phát triển sản xuất, củng cố quốc phòng, ổn định và từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

Trong quá trình sắp xếp đội ngũ cán bộ, quán triệt nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy chú trọng cả 3 thành phần cán bộ. Đó là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chỉ đạo và cán bộ khoa học kỹ thuật trên cả 3 cấp: Tỉnh, huyện và cơ sở. Việc đưa cán bộ từ tỉnh về tăng cường cho cơ sở được thực hiện tích cực và có hiệu quả. Hơn 810 cán bộ, trong đó 25% là cán bộ chuyên môn có trình độ trung học chuyên nghiệp và đại học được điều về công tác ở huyện và cơ sở.

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo tổng kết công tác năm 1979. Số 04-BC/BT, ngày 20/3/1980.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được Đảng bộ chú ý. Trong 2 năm (1979 – 1980), toàn tỉnh có hơn 1.100 cán bộ được cử đi học bổ túc văn hoá tập trung; 900 cán bộ được đào tạo tại các trường chính trị; 1.200 cán bộ được đào tạo hoặc bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Nhận thức rõ vấn đề xây dựng và phát triển kinh tế là yêu cầu số một từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, trong 2 năm (1979 – 1980), Đảng bộ đã cử gần 100 cán bộ chủ chốt của tỉnh và huyện được bồi dưỡng một số môn kinh tế theo chương trình đại học; hơn 5.000 lượt cán bộ quản lý hợp tác xã và cán bộ xã được bồi dưỡng về công tác quản lý hợp tác xã và tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp... Sau đó, tỉnh liên tục mở 4 lớp bồi dưỡng; trong đó có 2 lớp về kinh tế và 2 lớp về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5 (khoá IV) về tăng cường củng cố cấp huyện, trong quá trình chuẩn bị nhân sự cấp ủy các đảng bộ trực thuộc, Ban Tổ chức Tỉnh ủy căn cứ vào chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy, đã định hướng tiêu chuẩn những đồng chí tham gia cấp ủy khoá 1980 – 1981 phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, kinh nghiệm công tác, am hiểu về quản lý kinh tế và có sức khỏe...

Sau đại hội, cấp ủy viên huyện, thành, thị có số lượng tăng hơn khoá trước khoảng 8,7%; tuổi đời bình quân là 41; số có trình độ lý luận chính trị trung – cao cấp chiếm 34,4%; trình độ văn hoá cấp III là 34,5%, cấp II 41% và

cấp I là 8%. Số cán bộ có trình độ đại học và trên đại học là 19%.

Để kiện toàn bộ máy cấp huyện và để huyện có lực lượng thành lập các tổ công tác đưa về củng cố cơ sở yếu kém và vùng xung yếu, trong 2 năm (1979 – 1980), tỉnh đã điều động bổ sung cho cấp huyện 1.193 cán bộ đa lĩnh vực; trong đó có 131 cán bộ được đưa về các phòng, ban; đồng thời Tỉnh uỷ phân công 6 Tỉnh uỷ viên (trong đó có 3 Uỷ viên Ban Thường vụ) về làm Bí thư hoặc Phó Bí thư huyện uỷ.

Cùng thời gian trên, tỉnh đề bạt 1.602 cán bộ từ Giám đốc, Phó Giám đốc công ty, xí nghiệp; trong đó có 63 là Trưởng, Phó ban, ngành cấp tỉnh. Trong số cán bộ được đề bạt, có 28% là người dân tộc thiểu số; 10% là cán bộ nữ... Ban Tổ chức Tỉnh uỷ lựa chọn, lập hồ sơ, trao đổi với các trường đào tạo của Trung ương và địa phương để cử cán bộ đi học. Trên cơ sở đó, trong 3 năm (1978 – 1980), Tỉnh uỷ cử 6.758 cán bộ đi học tại Trường Nguyễn Ái Quốc, các trường quản lý kinh tế, bổ túc văn hoá...⁽¹⁾.

Từ năm 1979 đến năm 1980 là những năm Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tích cực tham mưu giúp Tỉnh uỷ sắp xếp đội ngũ cán bộ từ tỉnh xuống đến cơ sở với số lượng lớn nhất.

Ngày 26/11/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 83-CT/TW Về việc phát Thẻ Đảng viên, nêu rõ: “*Thẻ Đảng viên chỉ phát cho đảng viên đủ tư cách và làm*

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (30/6 – 5/7/1980).

tròn nhiệm vụ như Điều lệ Đảng quy định”; “Việc phát Thẻ Đảng viên là một công tác quan trọng, có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc để nâng cao hơn nữa ý thức Đảng, tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỉ luật và đoàn kết nội bộ, thúc đẩy thực hiện cuộc vận động xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch; đưa công tác quản lí đảng viên đi vào nền nếp, ngăn chặn kẻ địch, phần tử xấu chui vào Đảng...”

Như vậy, việc phát Thẻ Đảng viên cũng là công tác xây dựng tổ chức Đảng, làm cho tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên thực sự trong sạch vững mạnh, nâng cao chất lượng và tăng cường quản lí chặt chẽ đội ngũ đảng viên.

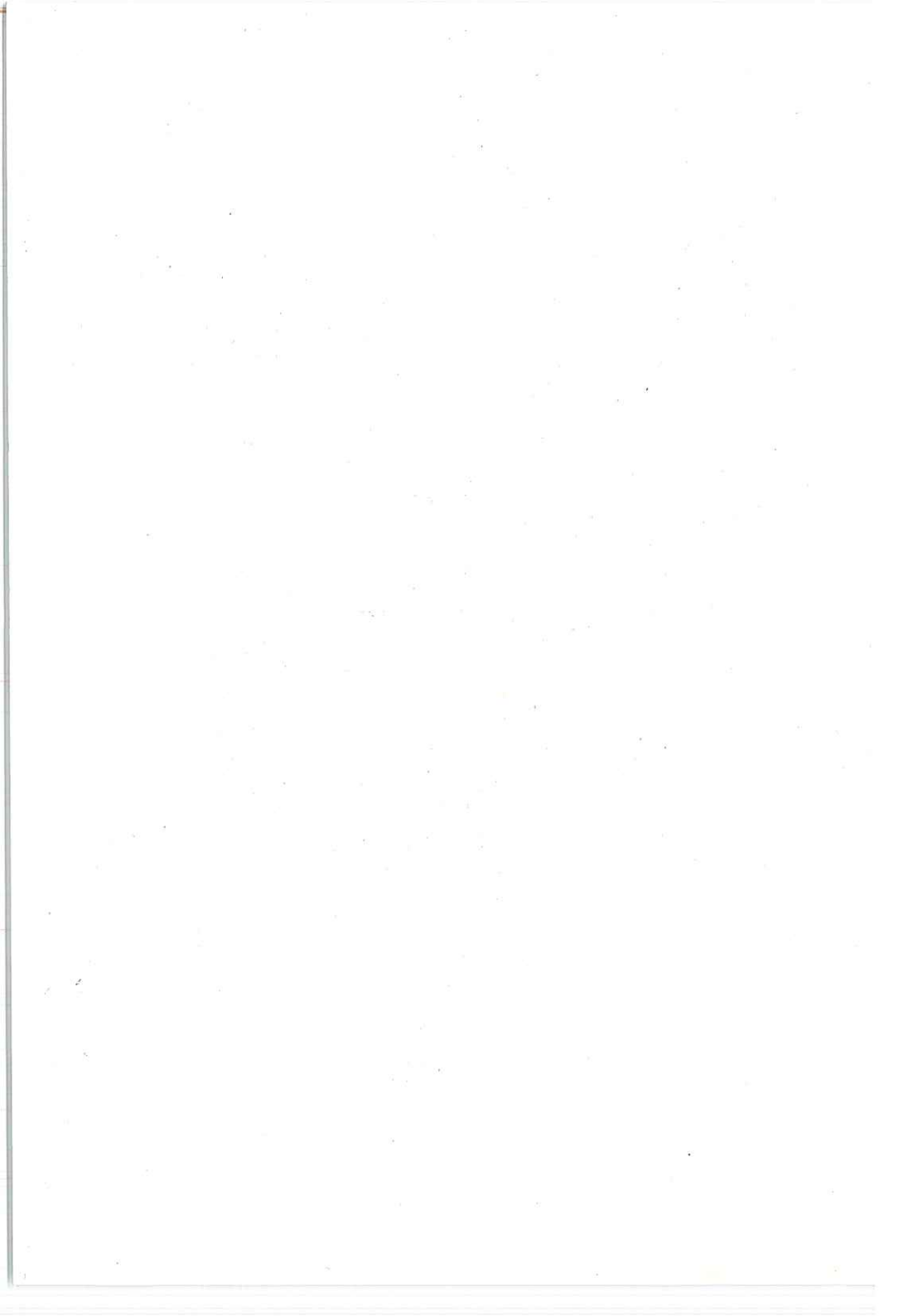
Ngay sau khi nhận được Chỉ thị 83 của Ban Bí thư Trung ương, Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch thực hiện trong Đảng bộ và đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho làm thí điểm ở một số đảng bộ mạnh, đội ngũ đảng viên đã được sàng lọc thông qua cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 và Chỉ thị 72.

Theo đề xuất của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chọn 3 ban xây dựng Đảng (Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên giáo) và Văn phòng Tỉnh ủy tiến hành công tác phát Thẻ Đảng viên, vào ngày 3/2/1980 nhân kỉ niệm 50 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban Tổ chức Tỉnh ủy là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo.

Sau hơn 2 tháng khẩn trương chuẩn bị, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã lựa chọn 54 chi bộ, đảng bộ cơ sở, bao gồm



Các đảng viên nhận thẻ Đảng đợt đầu tiên, năm 1980.



2.647 đảng viên được nhận Thẻ Đảng viên đợt đầu đúng ngày 3/2/1980. Đây là những chi bộ, đảng bộ cơ sở đã được củng cố trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng, đều có từ 80% số đảng viên đủ tư cách nhận *Thẻ Đảng viên*.

Vừa kết thúc đợt phát Thẻ thí điểm, Ban Chỉ đạo phát Thẻ Đảng viên khẩn trương họp sơ kết và chuẩn bị văn kiện trình Hội nghị Tỉnh ủy họp vào ngày 15/5/1980. Hội nghị ra Nghị quyết số 25 *Về việc tăng cường củng cố cơ sở Đảng, làm tốt công tác phát Thẻ Đảng viên*. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy nhấn mạnh: “Các cấp ủy đảng, cán bộ và đảng viên trong toàn Đảng bộ cần có nhận thức sâu sắc ý nghĩa, mục đích, tính chất, tầm quan trọng của việc phát Thẻ Đảng viên; tình hình đặc điểm của đội ngũ đảng viên và yêu cầu cấp bách về xây dựng Đảng bộ trong tình hình mới”. Nghị quyết cũng nêu rõ: “Những đảng bộ được xét, quyết định phát Thẻ Đảng viên phải là những đảng bộ luôn phấn đấu thực hiện tốt cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý, phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, nâng cao cảnh giác, chống chiến tranh tâm lý của địch, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Trong cơ quan Nhà nước phải thực hiện tốt 4 chế độ trách nhiệm, tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể trong đơn vị được củng cố vững mạnh, tăng cường được đội ngũ lãnh đạo cốt cán của Đảng...”.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng với cấp ủy trực thuộc đơn đốc, hướng dẫn các tổ chức cơ sở, các chi bộ tiến hành một đợt tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng, phát động quần chúng tham gia phê bình đảng viên; qua đó giúp chi bộ, cấp ủy có cơ sở xác định tư cách đảng viên và phân loại đảng viên. Ban Tổ chức Tỉnh ủy còn định rõ yêu cầu, nội dung và thời gian để mỗi đảng viên phấn đấu vươn lên; trước hết đối với số đảng viên yếu kém còn triển vọng phấn đấu trở thành đảng viên đủ tư cách nhận Thẻ Đảng. Đối với đảng viên thực sự không còn tác dụng, không đủ tư cách đảng viên thì kiên quyết đưa ra khỏi Đảng, trước khi tiến hành phát *Thẻ Đảng viên*.

Ngày 19/5/1980, đúng vào dịp kỉ niệm 90 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 41 chi, đảng bộ cơ sở tổ chức phát *Thẻ Đảng viên* cho 2.323 đảng viên. Đây là đợt phát Thẻ Đảng viên đợt 2 của Đảng bộ tỉnh.

Qua các cuộc vận động thực hiện Thông tri 22, Chỉ thị 72 và bước đầu thực hiện Chỉ thị 83 của Ban Bí thư Trung ương, chất lượng đội ngũ đảng viên của Đảng bộ được nâng lên một bước. Nhiều đảng viên đã có ý thức vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Kết quả phân loại chất lượng đảng viên năm 1979 và 6 tháng đầu năm 1980 ở một số đảng bộ đã chứng minh điều ấy. Đảng bộ huyện Đồng Hỷ có 98% số đảng viên đủ tư cách; Đảng bộ huyện Phú Bình có 97%; Đảng bộ Công ty Gang thép có 92,2%; Đảng bộ Công ty Xây lắp cơ khí có 95,5% đảng viên đủ

tư cách, v.v... Những đảng viên vi phạm được kịp thời xử lý. Tính chung trong 3 năm (1977 – 1979), Đảng bộ đã thi hành kỉ luật 1.766 đảng viên; trong đó có 935 trường hợp bị khai trừ hoặc đưa ra khỏi Đảng. Riêng 6 tháng đầu năm 1980, Đảng bộ tỉnh xử lý 125 đảng viên bằng các hình thức: Khai trừ 37, lưu Đảng 31, đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác: 22, cách chức 3, cảnh cáo 22 và khiển trách 10 trường hợp.

Những số liệu trên cho thấy, số đảng viên bị xử lý kỉ luật trong 6 tháng đầu năm 1980 giảm rất nhiều so với các năm trước. Năm 1979, toàn Đảng bộ tỉnh có 585 đảng viên bị xử lý kỉ luật; trong đó, gần 340 người không đủ tư cách phải đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức. Trong số đảng viên bị xử lý kỉ luật, đảng viên ở khu vực nông thôn chiếm 43%, khu vực công nghiệp 24%, cơ quan hành chính sự nghiệp 7%...

Công tác phát triển Đảng từ giữa năm 1979 trở đi có bước chuyển biến mới cả về số lượng và chất lượng so với các năm trước. Nếu trong 3 năm (1977 – 1979), toàn Đảng bộ kết nạp 1.285 đảng viên, thì số đảng viên được kết nạp năm 1979 đã chiếm trên 50% (678 người). Trong số đảng viên kết nạp năm 1979, có 40% là công nhân, 89% dưới độ tuổi 35, 68,7% là đoàn viên thanh niên; 70% có trình độ văn hoá cấp III và đại học. Riêng 6 tháng đầu năm 1980, toàn Đảng bộ kết nạp 587 đảng viên mới, bằng số đảng viên được kết nạp trong cả 2 năm (1977 – 1978).

Dù có bước chuyển biến mới, nhưng số đảng viên mới

kết nạp trong 3 năm (1978 – 1980) vẫn chưa bù đắp được số đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng. Một số đảng bộ xã trong suốt 10 năm không kết nạp được đảng viên mới. Ngược lại, có đảng bộ chạy theo số lượng, không đảm bảo chất lượng, dẫn đến tình trạng một số trường hợp kết nạp vào Đảng, nhưng sau đó không đủ điều kiện để công nhận đảng viên chính thức, buộc phải xoá tên danh sách đảng viên dự bị.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do “*Nhiều cấp ủy, đảng viên và cán bộ lãnh đạo chưa nắm vững đường lối, phương châm xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền; công tác xây dựng Đảng không gắn chặt thường xuyên với thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ; củng cố tổ chức đảng không gắn với phong trào cách mạng của quần chúng ở cơ sở, không mạnh dạn phát động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp ý kiến phê bình công tác lãnh đạo của chi bộ, của đảng ủy, phê bình cán bộ, đảng viên ở cơ sở...*”.

Từ thực tế trên, Đảng bộ nhận thấy trong việc xây dựng Đảng vững mạnh trong sạch, vai trò chỉ đạo của cấp trên tổ chức cơ sở đảng (tức cấp huyện ủy và tương đương) rất quan trọng, phải được kiện toàn và đủ sức chỉ đạo cơ sở làm tốt công tác xây dựng Đảng. Thời gian qua, khâu yếu này chưa được coi trọng. Các ban tham mưu của cấp ủy từ tỉnh xuống đến huyện vừa yếu, vừa thiếu những cán bộ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết để giúp cấp ủy chỉ đạo công tác xây dựng Đảng. Đó cũng chính là những vấn đề

đặt ra cho các cấp uỷ đảng có phương hướng và biện pháp giải quyết nhằm nâng cao chất lượng công tác tổ chức xây dựng Đảng trong thời gian tới.

III- Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong giai đoạn thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 – 1985)

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, nhân dân ta đã thu được nhiều thắng lợi quan trọng trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức gay gắt. Sau thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, các thế lực thù địch tăng cường chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta.

Trong khi đó, kết quả phát triển kinh tế những năm 1975 – 1980 không cao; nền kinh tế quốc dân còn ở trong tình trạng mất cân đối nghiêm trọng. Sản xuất lương thực tăng chậm, nguồn viện trợ từ bên ngoài không còn, trong khi dân số tăng nhanh làm cho những khó khăn về lương thực ngày càng trở nên gay gắt.

Trong bối cảnh ấy, Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ III, từ ngày 30/6 đến ngày 5/7/1980. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ II, Đại hội xác định nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong 3 năm (1981- 1983) là: Đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc... Để hoàn thành

thắng lợi nhiệm vụ chính trị, Đại hội chỉ rõ: “*Ra sức xây dựng Đảng bộ mạnh về ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền và chất lượng hoạt động của các đoàn thể quần chúng. Phấn đấu xây dựng tỉnh ta trở thành tỉnh nông - lâm- công nghiệp phát triển toàn diện*”⁽¹⁾.

Như vậy, công tác tổ chức xây dựng Đảng, nhất là công tác cán bộ và tổ chức cơ sở có ý nghĩa then chốt, quyết định thắng lợi việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III.

Ngày 21/10/1980, Ban Bí thư Trung ương ra Thông báo số 22 ghi nhận những ưu điểm của khoán sản phẩm trong nông nghiệp và đồng ý để các địa phương làm thử hình thức khoán sản phẩm với cây lúa. Ngày 5/1/1981, Tỉnh ủy Bắc Thái ra Nghị quyết số 03 chỉ đạo các huyện, thành chọn một số hợp tác xã làm thử, có tổng kết rút kinh nghiệm để mở rộng ra toàn tỉnh.

Từ tháng 3/1981, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Ban Nông nghiệp và hệ thống các Trường Đảng trong tỉnh liên tiếp mở nhiều lớp bồi dưỡng cho hơn 990 cán bộ chủ chốt của xã và hợp tác xã về Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 (12/1989) Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV) về mở rộng việc thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp, Chỉ thị 100 (13/1/1981) của Ban Bí thư Trung ương và Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy.

Được sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng và sự hướng

⁽¹⁾ Dẫn theo: Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ III.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

dẫn của gần 1.000 cán bộ đã được bồi dưỡng tương đối đầy đủ về khoán sản phẩm, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương và Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy là động lực cổ vũ nông dân các dân tộc trong tỉnh phấn khởi, mạnh dạn đầu tư thâm canh tăng năng suất, thúc đẩy sản xuất phát triển. Ngay trong vụ đông – xuân 1980 – 1981, toàn tỉnh có 170 hợp tác xã (29,5%) thực hiện khoán mới. Đến vụ đông – xuân 1981 – 1982, nơi khoán sản phẩm trong nông nghiệp thấp nhất là huyện Phú Lương cũng đạt 63%; cao nhất là thành phố Thái Nguyên đạt 100%; tiếp đến là các huyện Phở Yên: 98%, Phú Bình: 97%, v.v... Nhờ thực hiện khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100, từ năm 1981 trở đi, mỗi năm toàn tỉnh có thêm gần 3 vạn tấn lương thực⁽¹⁾.

Đầu năm 1981, Hội đồng Chính phủ ban hành hai Quyết định số 25/CP và 26/CP về đổi mới quản lý trong các xí nghiệp quốc doanh⁽²⁾. Do có sự thay đổi cơ chế quản lý, nên sự lãnh đạo của tổ chức Đảng trong các xí nghiệp công nghiệp cũng cần có sự đổi mới cho phù hợp. Từ cơ chế *Đảng uỷ lãnh đạo toàn diện, giám đốc quản lý, công nhân làm chủ*, đã chuyển dần sang cơ chế tập trung cao quyền quyết định của giám đốc trong các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và công tác cán bộ ở các xí nghiệp.

⁽¹⁾ Theo số liệu thống kê: Sản lượng lương thực của tỉnh năm 1982 tăng hơn năm 1981 là 28.156 tấn; Sản lượng lương thực năm 1985 tăng hơn năm 1981 là 43.716 tấn...

⁽²⁾ Quyết định 25/CP và 26/CP của Chính phủ ban hành tháng 1/1981 về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và mở rộng hình thức khoán trả lương sản phẩm trong các đơn vị sản xuất công nghiệp.

Cơ chế này có tác dụng phát huy quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh của cơ sở, nhưng do nhận thức chưa đầy đủ của không ít cán bộ, đảng viên, cùng với một số nguyên nhân khác đã dần dần hạ thấp vai trò của tổ chức Đảng, buông lỏng công tác chính trị, tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ ở một số xí nghiệp trong Công ty Gang thép, Công ty Kim khí hoá chất...

Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã kịp thời báo cáo để Tỉnh uỷ có chủ trương uốn nắn những lệch lạc trên đây. Mặt khác, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã hướng dẫn các cơ sở tiến hành đại hội (cuối năm 1981 đầu năm 1982) cần thảo luận để làm sáng tỏ vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở các đơn vị sản xuất kinh doanh trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý và bố trí nhân sự cấp uỷ.

Chấp hành nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá VI và quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về việc chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VII và đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1981 - 1985, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ban Cán sự Đảng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh hướng dẫn các huyện, thành, thị giới thiệu cán bộ trong và ngoài Đảng có đủ tiêu chuẩn đức, tài vào danh sách ứng cử.

Qua hiệp thương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã giới thiệu 127 đại biểu ra ứng cử để nhân dân lựa chọn. Kết quả nhân dân đã bầu 110 đại biểu vào Hội đồng Nhân dân tỉnh khoá 1981 - 1985; trong đó có 30% đại biểu nữ,

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

38,18% đại biểu trẻ (dưới 35 tuổi), 27% đại biểu ngoài Đảng và 39% đại biểu dân tộc thiểu số.

Tại kì họp đầu tiên, Hội đồng Nhân dân tỉnh đã bầu 17 thành viên Ủy ban Nhân dân tỉnh. Đồng chí Doanh Hằng được bầu làm Chủ tịch. Cùng thời gian này, Hội đồng Nhân dân các huyện, xã cũng họp để bầu Ủy ban Nhân dân cùng cấp⁽¹⁾. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ cùng với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh góp phần tích cực vào việc củng cố, hoàn thiện chính quyền từ tỉnh đến cơ sở sau bầu cử Hội đồng Nhân dân. Qua đó đã giúp cho sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền được thuận lợi, đảm bảo mối quan hệ trực tiếp giữa chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh ngày càng gắn bó sâu sắc.

Từ giữa năm 1981 trở đi, tình hình kinh tế - xã hội trong nước nói chung và tỉnh Bắc Thái nói riêng ngày càng khó khăn. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đình đốn; lưu thông phân phối ách tắc, thiếu tiền mặt, thiếu lương thực trầm trọng. Đời sống của cán bộ, công nhân viên chức và phi nông nghiệp rất khó khăn. Hiện tượng tiêu cực phát sinh; an ninh trật tự xã hội ở thành phố Thái Nguyên và các thị trấn trong tỉnh có nhiều diễn biến xấu.

⁽¹⁾ Ngày 3/1/1981, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành quyết định về tên gọi thống nhất của các đơn vị hành chính cơ sở nội thành, nội thị các thành phố, thị xã là quận và phường. Chính quyền cấp phường có Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân. các tiểu khu hành chính của thành phố Thái Nguyên được chuyển thành phường và được bầu Hội đồng Nhân dân khoá đầu tiên vào ngày 26/4/1981.

Trước tình hình đó, Tỉnh uỷ chủ trương đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, đảm bảo mỗi đảng viên là một chiến sĩ tiên phong trên mặt trận chính trị tư tưởng, giáo dục, động viên quần chúng không hoài nghi, dao động, dững cãm vượt qua khó khăn gian khổ.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 83 của Ban Bí thư Trung ương, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đẩy mạnh công tác phát *Thẻ Đảng viên*, coi đó là một trong những biện pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đảng viên. Tính đến ngày 3/2/1983, Đảng bộ tỉnh đã tiến hành 12 đợt phát *Thẻ Đảng viên* ở 679 đảng bộ cơ sở (bằng 97,6% tổng số cơ sở đảng), 36.275 Thẻ đảng viên chính thức (bằng 88,5% tổng số đảng viên chính thức của Đảng bộ) và 329 Thẻ đảng viên dự bị. Đây là đợt sinh hoạt, giáo dục chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, có tác dụng nâng cao một bước ý thức Đảng, ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần trách nhiệm của cấp uỷ và đảng viên.

Công tác phát *Thẻ Đảng viên* được tiến hành đồng bộ với việc củng cố chi, đảng bộ; kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo; tăng cường công tác quản lí đảng viên, nâng cao tính chiến đấu trong sinh hoạt Đảng; kiên quyết thi hành kỉ luật và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Trong 3 năm (1981 – 1983), Đảng bộ đã xem xét xử lí 3.279 đảng viên; trong đó khai trừ và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 1.373 người không

còn đủ tư cách đảng viên.

Cùng với việc nâng cao chất lượng đảng viên, trong quá trình chỉ đạo cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 83, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã giúp cấp uỷ các Đảng bộ trực thuộc - nhất là các huyện uỷ, thành uỷ coi trọng củng cố tổ chức cơ sở đảng. Riêng 2 năm 1981 – 1982, các đảng bộ đã củng cố được 46 cơ sở từ yếu kém lên trung bình và khá, đưa phong trào từng bước đi lên.

Theo kết quả phân loại cơ sở đảng của 9 huyện, thành và 1 đảng bộ trực thuộc cuối năm 1982, có khoảng 20% số cơ sở ở 640 chi, đảng bộ trực thuộc đạt trong sạch vững mạnh; khoảng 65 – 70% đạt loại khá. Nhìn chung trong 3 năm (1981 – 1983), diện cơ sở đảng yếu kém được thu hẹp dần; những cơ sở trong sạch vững mạnh ngày càng nhiều.

Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, công tác phát *Thẻ Đảng viên* còn nhiều khó khăn, hạn chế. Về khách quan, cơ chế quản lí kinh tế - xã hội ở nhiều loại hình tổ chức chưa rõ, ảnh hưởng đến việc xem xét tư cách đảng viên. Về chủ quan, nhiều nơi chưa quán triệt đầy đủ Chỉ thị 83 của Ban Bí thư Trung ương và nghị quyết của Tỉnh uỷ. Sự chỉ đạo từ tỉnh xuống cơ sở thiếu tập trung; nhiều tổ chức cơ sở đảng, nhiều cấp uỷ thực hiện chưa nghiêm túc. Một số tổ chức cơ sở đảng có biểu hiện hữu khuynh, hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên, chưa thực hiện tốt yêu cầu phân loại đảng viên, sàng lọc đảng viên; việc xử

lí kỉ luật chưa kịp thời, thiếu kiên quyết⁽¹⁾. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương tiếp tục thực hiện các biện pháp đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; đồng thời tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền về Đảng trong quần chúng, nhất là lớp trẻ, bám sát phong trào cách mạng của quần chúng, thu hút những phần tử tiên tiến của phong trào vào Đảng.

Nhờ đó, năm 1982, toàn Đảng bộ kết nạp được 967 đảng viên mới, tăng 0,8% so với năm 1981, nhưng còn

(¹) Ngay sau Hội nghị sơ kết công tác phát Thẻ Đảng viên (5/1983), tháng 6 cùng năm, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh khảo sát một số đảng bộ cơ sở đã thực hiện công tác phát Thẻ Đảng viên; trong đó có Đảng bộ xã La Hiên (thuộc Đảng bộ Võ Nai), được Huyện uỷ xếp loại trung bình (1982). Qua khảo sát, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh nhận thấy:

Đảng bộ xã La Hiên có 83 đảng viên thuộc 5 thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao và Mông. Đảng bộ có 9 chi bộ, lãnh đạo 29 hợp tác xã. 75% đảng viên của Đảng bộ có độ tuổi từ 50 trở lên; một số đảng viên dưới độ tuổi 40 được kết nạp từ trong quân đội; 84% đảng viên có trình độ văn hoá cấp I, chưa có đảng viên nào học hết cấp III. Từ năm 1970 đến tháng 6/1983, Đảng bộ kết nạp được 2 đảng viên. Năm 1982, Đoàn Thanh niên giới thiệu lên Chi bộ La Đồng 4 đoàn viên ưu tú để Chi bộ xem xét kết nạp. Chi bộ chỉ chọn 1 trường hợp với lí do “kết nạp thế thì nhiều quá”.

Đảng bộ lãnh đạo thực hiện cơ chế khoán ở 29 hợp tác xã thì 27 hợp tác xã khoán sai (khoán trắng). Có hợp tác xã chi bộ có 15 đảng viên thì 9 đảng viên (trong đó có Bí thư Chi bộ) từ năm 1981 đến năm 1983 không nộp sản, không đóng thuế và cũng không làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đảng bộ đã học Chi thị 192, Chi thị 72 mà chưa bao giờ phân loại đảng viên; nhưng đến khi phát Thẻ Đảng viên, chỉ có 3 người không được nhận Thẻ, “do không đủ tư cách, phải khai trừ Đảng”.

thấp so với yêu cầu. Hơn nữa, số đảng viên mới được kết nạp tập trung nhiều ở lực lượng vũ trang và các cơ quan hành chính sự nghiệp; số đảng viên được kết nạp ở xí nghiệp và nông thôn chiếm tỉ lệ thấp.

Ngay sau bầu cử Hội đồng Nhân dân tỉnh khoá VI (4/1981) và Hội đồng Nhân dân huyện, xã, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ cùng với Ban Tổ chức chính quyền tập trung chỉ đạo kiện toàn chính quyền cấp huyện và xã theo tinh thần chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; đồng thời hướng dẫn Uỷ ban Nhân dân cấp huyện, xã hoạt động theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lí, nhân dân làm chủ. Sinh hoạt Hội đồng Nhân dân được bảo đảm như luật định. Trong năm 1982, tỉnh mở 3 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động cho hầu hết cán bộ trong Thường trực Uỷ ban Nhân dân xã; đồng thời thành lập một số phòng, ban chuyên môn của cấp huyện theo tinh thần Quyết định 152 của Hội đồng Bộ trưởng; sáp nhập và giải thể một số phòng, ban, sở của tỉnh; phân cấp mạnh cho huyện và thành phố, giảm bớt đầu mối ở tỉnh.

Cùng với việc chỉ đạo kiện toàn bộ máy chính quyền cấp huyện và xã, năm 1982, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã lập hồ sơ trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề bạt 38 cán bộ thuộc diện Tỉnh uỷ quản lí. Trong số đó có 1 Trưởng ban, 8 Phó Trưởng ban, 7 Phó Giám đốc sở, 12 Giám đốc xí nghiệp, Chủ nhiệm công ty.

Tháng 7/1983, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá IV) họp Hội nghị lần thứ 3. Hội nghị ra Nghị quyết về việc

thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) “*Những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức, đảm bảo thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội trước mắt*”⁽¹⁾. Nghị quyết của Tỉnh uỷ nêu rõ: “*Vấn đề then chốt trong công tác tổ chức của Đảng hiện nay là phải quán triệt và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, bảo đảm sức mạnh thống nhất và ý chí hành động của toàn Đảng bộ. Đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu mỗi cấp trong việc ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách, thải hồi những nhân viên nhà nước thoái hoá, biến chất, không hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự trong sạch. Kịp thời bổ trí lại đối với những cán bộ cốt cán tuy không mắc khuyết điểm sai lầm lớn, nhưng ở vị trí đó không đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao*”.

Nghị quyết của Tỉnh uỷ yêu cầu bổ sung vào đội ngũ của Đảng những nhân tố mới tiêu biểu của phong trào quần chúng; đưa vào đội ngũ cốt cán của tỉnh những cán bộ đã được thử thách, có đức, có tài, có trách nhiệm cao trong công tác.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương, ngày 24/3/1983, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra quyết định thành lập Ban Xây dựng cấp huyện, gồm 9 thành viên, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ là cơ quan thường trực. Ban có nhiệm vụ căn cứ vào chủ

⁽¹⁾ Dẫn theo Nghị quyết số 04-NQ/BT, ngày 31/7/1983.

trương của cấp trên, vận dụng vào điều kiện cụ thể của từng huyện để xây dựng bộ máy cấp huyện đảm bảo về nhân sự và vật chất kỹ thuật ban đầu cho mỗi huyện từ chỗ là cấp trung gian hành chính đơn thuần, trở thành cấp hành chính đồng thời là một đơn vị kinh tế, cấp kế hoạch. Ban tham mưu đề Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân dân tỉnh quyết định chế độ công tác và sinh hoạt của Uỷ ban Nhân dân các huyện, thành phố; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và bộ máy các phòng, ban chuyên môn của Uỷ ban Nhân dân huyện. Sau đó, tỉnh tiến hành phân cấp, giao cho huyện quản lý một số cơ sở kinh tế - văn hoá, như trạm máy kéo và cơ khí, trạm vật tư nông nghiệp, hiệu sách nhân dân, v.v...⁽¹⁾.

Để đảm bảo cho bộ máy các huyện hoạt động có hiệu quả theo mô hình mới, trong hai năm 1983 - 1984, tỉnh đã tăng cường cho các huyện hơn 640 cán bộ, phần lớn đều có trình độ đại học và một số cán bộ quản lý và nhân viên nghiệp vụ.

Đồng thời với việc nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao tinh thần phụ trách của các cấp uỷ, từ cuối năm 1982, Tỉnh uỷ đã chọn 17 cơ sở thuộc các huyện Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương... chỉ đạo làm thí điểm công tác lãnh đạo có kiểm tra, có chương trình, có kế hoạch, có hiệu quả. Tại những cơ sở thí điểm, các cấp uỷ đảng có chuyển biến về phong cách lãnh đạo phát huy sức mạnh tập thể của cấp uỷ và trách nhiệm cá nhân. Nhận thức

⁽¹⁾ Trước đó, từ ngày 28/5/1982, tỉnh đã phân cấp.

chính trị của đảng viên được nâng lên, ý thức làm chủ của quần chúng được phát huy, thiết thực góp phần nâng cao hiệu quả trong sản xuất, công tác và thực hành tiết kiệm.

Tuy nhiên, tại một số cơ sở, chủ trương lãnh đạo có kiểm tra chưa được quán triệt đầy đủ đến cán bộ, đảng viên và quần chúng; việc xây dựng chương trình kế hoạch thực hiện không sát thực tế, không tập trung kiểm tra vào những khâu trọng yếu, những nhiệm vụ cơ bản ở địa phương, đơn vị... Sau khi sơ kết các cơ sở chỉ đạo điểm, tỉnh mở lớp tập huấn cho hơn 80 cán bộ từ Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy huyện, thành, các đảng bộ trực thuộc và cán bộ chủ chốt các ngành, đoàn thể cấp tỉnh về lãnh đạo có kiểm tra. Trên cơ sở đó, công tác lãnh đạo có kiểm tra được triển khai ở tất cả các cơ sở trong Đảng bộ tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, ngày 19/12/1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị 06 *Về việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh*. Theo đó, Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp và cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ nêu cao tinh thần trách nhiệm, có kế hoạch thực hiện Chỉ thị 06. Cuộc vận động này được tiến hành sâu rộng và toàn diện trong thời gian hai năm (1984 - 1985); phấn đấu đến cuối năm 1985 không còn cơ sở yếu kém.

Đảng bộ thành phố Thái Nguyên là một Đảng bộ lớn, đã được Tỉnh ủy tăng cường nhiều cán bộ có năng lực, có trình độ và kinh nghiệm công tác tổ chức xây dựng Đảng. Thành ủy Thái Nguyên cũng tự vươn lên, tập trung sức

lực và trí tuệ để lãnh đạo 196 tổ chức cơ sở đảng với gần 15.000 đảng viên (chiếm 47% tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh), tham gia tất cả các cuộc vận động xây dựng Đảng theo các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy. Năm 1983, Đảng bộ Thành phố có 93,42% đảng viên được nhận Thẻ Đảng viên; 19,3% tổ chức cơ sở đạt trong sạch vững mạnh; 69,8% cơ sở đạt loại khá và 1,09% cơ sở thuộc loại yếu kém. Khi chuyển đổi cơ chế quản lý mới, thì sự lãnh đạo của Thành ủy đối với các cơ sở công nghiệp lớn, các trường đại học là không thích hợp, nhất là trong điều kiện kinh tế - xã hội đang trong thời kì khủng hoảng, nhiều cơ sở thuộc các ngành trên địa bàn tỉnh cũng tìm cách “bung ra” không đúng hướng, tiêu cực phát sinh trầm trọng. Trong khi đó, Thành ủy chỉ quản lý về công tác Đảng, không lãnh đạo toàn diện, dẫn đến tình trạng vừa hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng trong các cơ quan, xí nghiệp, vừa không sát với cơ sở ngay trong cả quá trình chỉ đạo xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Chính vì lẽ đó, quán triệt tinh thần Chỉ thị số 12 (ngày 8/11/1982) của Ban Bí thư Trung ương về hệ thống các đảng bộ cơ quan, theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Đảng bộ Công ty Gang thép Thái Nguyên, Công ty Xây lắp luyện kim, Công ty Xây lắp cơ khí, Đảng bộ các trường đại học trở lại trực thuộc Tỉnh ủy như trước năm 1978. Đồng thời, ngày 11/4/1984, Tỉnh ủy ra Quyết định số 59 về việc thành lập Đảng bộ các cơ quan tỉnh, gồm 52 chi bộ và 1.743 đảng viên từ Đảng bộ Thành phố chuyển

về. Sau một thời gian không lâu, Tỉnh uỷ cho thành lập Đảng bộ khối doanh nghiệp, bao gồm các tổ chức cơ sở đảng thuộc khối sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Trong những năm 1982 - 1985, với chức năng, nhiệm vụ của mình, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã giúp Tỉnh uỷ trong công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy các cơ quan đảng từ tỉnh đến cấp huyện; phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền nghiên cứu xây dựng đề án để trình Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân dân tỉnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy thuộc khối chính quyền.

Thực hiện Nghị quyết 34 của Bộ Chính trị và Quyết định 41 của Ban Bí thư về kiện toàn tổ chức các ban Đảng, giảm bớt đầu mối, giảm biên chế, khắc phục tình trạng tổ chức chồng chéo, phân tán, làm cho bộ máy gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ cùng lãnh đạo các ban Đảng tiến hành xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của từng ban để trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành các quyết định về tổ chức bộ máy của các ban. Theo đó, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng giải thể và sáp nhập vào Ban Tuyên giáo; Ban Dân tộc, Ban Mặt trận sáp nhập vào Ban Dân vận; Ban Mậu - Tài, Ban Công nghiệp đổi thành Ban Kinh tế... Đợt sắp xếp này đã giảm được 30% đầu mối và 10% biên chế khối Đảng.

Trước những bước đi và thành tựu hơn 10 năm phát triển khu Công nghiệp cơ khí Gò Dầu (huyện Phổ Yên), mô hình tổ chức quản lý hành chính Nhà nước ở cấp trị trấn của khu lúc này không còn phù hợp. Vì vậy, theo tờ trình của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái, ngày 11/4/1985, Hội

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Quyết định số 113-QĐ/HĐBT, thành lập thị xã Sông Công, gồm 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các phường Mỏ Chè, Lương Châu, Thắng Lợi và các xã Cải Đan, Tân Quang và Bá Xuyên. Đảng bộ thị xã Sông Công được thành lập gồm 23 tổ chức cơ sở đảng, với 1.632 đảng viên.

Với chức năng là cơ quan tổ chức xây dựng Đảng, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã góp phần trực tiếp giúp Thị uỷ Sông Công sớm ổn định bộ máy, nhanh chóng đi vào hoạt động.

Cùng với việc thành lập thị xã Sông Công, ngày 2/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 102-QĐ/HĐBT, điều chỉnh địa giới tỉnh Bắc Thái. Việc điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện và thành phố Thái Nguyên lần này phù hợp hơn, giúp cho chính quyền những nơi này có điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý cũng như việc đi lại của nhân dân. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ khẩn trương làm thủ tục cho việc bàn giao để các địa phương nhanh chóng ổn định tổ chức, đảm bảo sự lãnh đạo liên tục của cấp trên với cơ sở.

Năm 1985, cùng với cả nước, nhân dân các dân tộc trong tỉnh tham gia bầu cử Hội đồng Nhân dân 3 cấp. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, thông qua việc chuẩn bị nhân sự, đã góp phần trực tiếp vào việc củng cố, kiện toàn Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Nhân dân; *“bộ phận Thường trực Uỷ ban Nhân dân tỉnh có thêm lực lượng nữ, trẻ, có trình độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội”*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Dẫn theo: Báo cáo công tác năm 1985. Số 17-BC/BT, ngày 3/1/1986.

Ngày 1/2/1985, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 15, xác định công tác xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, củng cố cơ sở yếu kém là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Nghị quyết nhấn mạnh: *“Năm 1985 là năm củng cố để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ từ cơ sở”*. Bám sát Nghị quyết của Tỉnh uỷ và tư tưởng chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, trong năm 1985, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đặt trọng tâm công tác vào việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng, giải quyết các cơ sở yếu kém; trong đó, Đảng bộ Võ Nhai là nơi được giúp đỡ tích cực.

Sau một năm nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, có sự đóng góp quan trọng của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ cùng Ban Tổ chức các huyện uỷ, thành uỷ và các đảng bộ trực thuộc, chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng đã có chuyển biến rõ rệt. Theo kết quả phân loại cuối năm 1985, số cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh chiếm 24,6% tổng số cơ sở đảng của toàn Đảng bộ tỉnh; loại khá chiếm 60,4%, loại yếu 15%, không còn cơ sở loại kém. Riêng Đảng bộ Phú Bình trước đây có 33% trong tổng số 21 đảng bộ xã đạt loại khá, 33% loại trung bình, 33% loại yếu kém; đến năm 1985, đã có 84,8% cơ sở đạt từ khá trở lên, 15,2% loại trung bình và không còn loại yếu kém; 11/21 đảng bộ xã được Tỉnh uỷ tặng *Cờ Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 2 năm 1984 - 1985*. Đảng bộ Định Hoá năm 1981 có số đảng viên đủ tư cách là 85,7% và số phải xem xét là 5,57%; đến năm 1985, số đảng viên đủ tư cách tăng lên 98,5% và số phải xem xét giảm xuống còn 1,5%, v.v...

Năm 1985 cũng đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của công tác phát triển Đảng. Toàn Đảng bộ kết nạp 1.154 đảng viên mới; trong đó đảng viên nữ chiếm 22,6% (tăng 1,6% so với năm 1984), đảng viên thuộc dân tộc ít người chiếm 20,7% (tăng 4,7% so với năm 1984), đảng viên là đoàn viên thanh niên chiếm 52,3%, công nhân chiếm 28% (tăng 4% so với năm 1984), nông dân chiếm 23%... Số đảng viên mới có trình độ đại học chiếm 26%, tốt nghiệp cấp III chiếm 70%. Số đảng viên bị xử lý kỉ luật giảm xuống còn 445 người (chưa bằng 50% so với số đảng viên bị xử lý kỉ luật năm 1982).

Trong năm 1985, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã khảo sát, điều tra giúp Tỉnh uỷ phân loại cán bộ. Theo đó, 27% cấp Trưởng và 33% cấp Phó các sở, ban, ngành của tỉnh và 30% Bí thư, Chủ tịch cấp huyện cần được thay đổi vị trí cho phù hợp với năng lực của mỗi người.

Bên cạnh thành tích và ưu điểm, công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm 1981 - 1985 còn bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót. Đó là số cán bộ lãnh đạo nữ trong tỉnh giảm dần theo năm tháng. Nếu tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I (1970), số đại biểu nữ được bầu vào Tỉnh uỷ chiếm tỉ lệ 7,4% số Tỉnh uỷ viên, thì đến Đại hội lần thứ III và IV giảm xuống còn 6,6%. Cấp uỷ huyện cũng giảm nhiều, từ 12,1% năm 1968, xuống 7% năm 1982. Số nữ tham gia vào Uỷ ban Nhân dân huyện từ 14,4% năm 1971, giảm xuống còn 5,2% năm 1984. Đặc biệt, số nữ Phó Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân huyện từ 11 người (năm 1968), giảm

xuống còn 2 người (1985). Số nữ Chủ tịch xã từ 18 người (năm 1971), giảm xuống còn 3 người (năm 1984).

Tỉ lệ đảng viên nữ cũng giảm dần, từ 16,1% trong số đảng viên của Đảng bộ (năm 1981), giảm xuống còn 15,7% (năm 1984)... Số phụ nữ được kết nạp vào Đảng năm sau chiếm tỉ lệ thấp hơn năm trước. Nếu năm 1969, số nữ được kết nạp vào Đảng chiếm tỉ lệ 45,2%, thì đến năm 1985, đã giảm xuống còn 22,6%...

Những hạn chế trên từng bước được khắc phục trong các thời kì tiếp theo.

Tóm lại, trải qua 10 năm sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (1975 – 1985), trong điều kiện cả nước và địa phương có nhiều biến động, nhiều khó khăn, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ đã tự vươn lên hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Ban Tổ chức các cấp uỷ đã làm tròn chức năng tham mưu cho cấp uỷ trong công tác xây dựng Đảng, từng bước nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, thu hẹp dần và tiến tới xoá bỏ các cơ sở đảng yếu kém. Dù còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém, công tác tổ chức xây dựng Đảng trong thời kì 1975 – 1985 đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đồng thời cung cấp kinh nghiệm cho Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo tốt hơn khi bước vào thời kì đổi mới.

Chương VI

CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG THỜI KÌ 1986 – 1996

I- Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V (1986 - 1990)

Vào nửa đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX, tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp. Trong khi các nước tư bản đã vượt qua khủng hoảng để phát triển đi lên, thì các nước xã hội chủ nghĩa vẫn đang trong tình trạng khó khăn về kinh tế - xã hội. Ở trong nước, nhân dân ta đã thực hiện hai kế hoạch 5 năm (1976 – 1980), (1981 - 1985) và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Cơ cấu kinh tế có những bước chuyển biến mới theo chiều hướng tích cực. Tuy nhiên, những khó khăn về kinh tế - xã hội ngày càng lớn. Đặc biệt, từ sau cuộc Tổng điều chỉnh giá - lương - tiền cuối năm 1985, đất nước ta lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, nhất là về kinh tế - xã hội.

Tất cả tình hình trên đều tác động đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu lần thứ V Đảng bộ tỉnh được tổ chức (21 – 25/10/1986). Vận dụng những quan điểm đổi mới được trình bày trong Dự thảo văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Đại hội đề ra mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (1986 – 1990) là “... *nhANH chóng ổn định sản xuất, ổn định thị trường giá cả, ổn định đời sống của nhân dân, nhất là công nhân*

viên chức và lực lượng vũ trang... Khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, xây dựng nếp sống văn hoá mới, tăng thêm cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, trước hết là cơ sở hạ tầng sản xuất... Thường xuyên đề cao cảnh giác, giữ vững an ninh chính trị và đảm bảo trật tự an toàn xã hội”⁽¹⁾.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật và thực hiện đổi mới tư duy, Đại hội khẳng định: Công tác củng cố cơ sở đảng đã được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Công tác phát triển Đảng, nhất là đảng viên ở lứa tuổi thanh niên, công nhân và nữ được chú ý. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ đã có sự kết hợp chặt chẽ, bước đầu hình thành đội ngũ cán bộ chủ chốt ở một số cấp, ngành, cơ sở có cách nghĩ, cách làm phù hợp với quy chế quản lý mới.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng về cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức còn nhiều khuyết điểm. Bộ máy các cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể từ cơ sở đến huyện và tỉnh chồng chéo, nhiều đầu mối trung gian, nhiệm vụ chồng chéo nhau, qua quá nhiều tầng lớp, làm cho chỉ đạo điều hành kém nhanh nhạy, kịp thời; sản xuất kinh doanh phải đi qua nhiều đường vòng, lãng phí lớn. Chức năng quản lý Nhà nước và chức năng quản lý sản xuất kinh

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V (10/1986). Lưu tại Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

doanh chưa được phân định rõ ràng. Đội ngũ cán bộ chủ chốt trong các cấp, các ngành chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lí, đồng thời lại bị thay đổi quá nhiều, nhất là Ban Tổ chức tỉnh, huyện... Việc sử dụng bố trí cán bộ còn chắp vá, nhiều cán bộ chưa qua đào tạo lại đưa vào vị trí chủ chốt của huyện và tỉnh; hoặc có đào tạo cũng là manh mún, làm cho cán bộ vất vả khi nhận nhiệm vụ mà vẫn không đáp ứng được yêu cầu. Chất lượng đội ngũ đảng viên còn yếu. Tính chiến đấu để bảo vệ cái đúng và đấu tranh vạch rõ sai trái, tiêu cực, lạc hậu trong đội ngũ đảng viên và các cấp uỷ còn yếu kém. Trong nhiệm kì 1983 – 1985, toàn Đảng bộ đã thi hành kỉ luật 2.616 đảng viên, chiếm 6% số đảng viên cả tỉnh; 12 cơ sở đảng phải xử lí 422 đảng viên giữ các chức vụ từ cơ sở trở lên, trong đó có 2 đồng chí Tỉnh uỷ viên bị thi hành kỉ luật. Cơ sở đảng kém nát chưa được giải quyết dứt điểm và cũng chưa có kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã, phường tương xứng với vị trí chiến lược của nó.

Số cơ sở đảng yếu còn nhiều. Trong nhiệm kì 1983 – 1985, toàn Đảng bộ mới có 1/7 số cơ sở đạt tiêu chuẩn vững mạnh. Tình trạng mất đoàn kết trong nội bộ lãnh đạo của một số huyện và một số ngành kéo dài đã ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, nhưng chậm ngăn chặn và xử lí. Một số cán bộ chủ chốt từ cơ sở đến huyện và tỉnh thoái hoá, biến chất, đã bị thi hành kỉ luật; song vẫn còn nhiều trường hợp xuê xoa, nể nang hoặc xử lí kéo dài không kết luận; còn có biểu hiện hữu khuynh trong việc xử lí cán bộ,

đảng viên vi phạm pháp luật...

Nhằm khắc phục tình trạng trên, Đại hội đã đề ra một số nội dung cụ thể về công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ trong những năm 1986 - 1990:

Thứ nhất, việc củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên phải được coi là nhiệm vụ hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Các cấp uỷ đảng phải kiên quyết và có biện pháp dứt điểm xoá bỏ các cơ sở đảng kém nát, giảm nhanh số cơ sở đảng yếu kém; phải xác định rõ nhiệm vụ chính trị, đưa sinh hoạt Đảng vào nền nếp.

Thứ hai, phải bố trí đúng cán bộ chủ chốt và phát động phong trào quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Kiên quyết không bố trí vào bộ máy quản lý những cán bộ trì trệ, bảo thủ. Không bố trí vào vị trí chủ chốt những cán bộ có tác phong quan liêu, thiếu tôn trọng quần chúng và không trung thực. Việc củng cố cơ sở đảng phải gắn liền với cơ sở sản xuất, các cơ quan, đơn vị... Phải hết sức quan tâm củng cố cơ sở đảng trong các cơ quan kinh tế, lập lại kỷ cương, góp phần ổn định sản xuất và phân phối lưu thông. Phải chăm lo xây dựng quy hoạch cán bộ ở mỗi cấp, mỗi ngành, thực hiện các bước đào tạo và kiểm nghiệm một cách chặt chẽ; từng bước nghiên cứu giải quyết chính sách cho đội ngũ cán bộ cơ sở xã, phường...

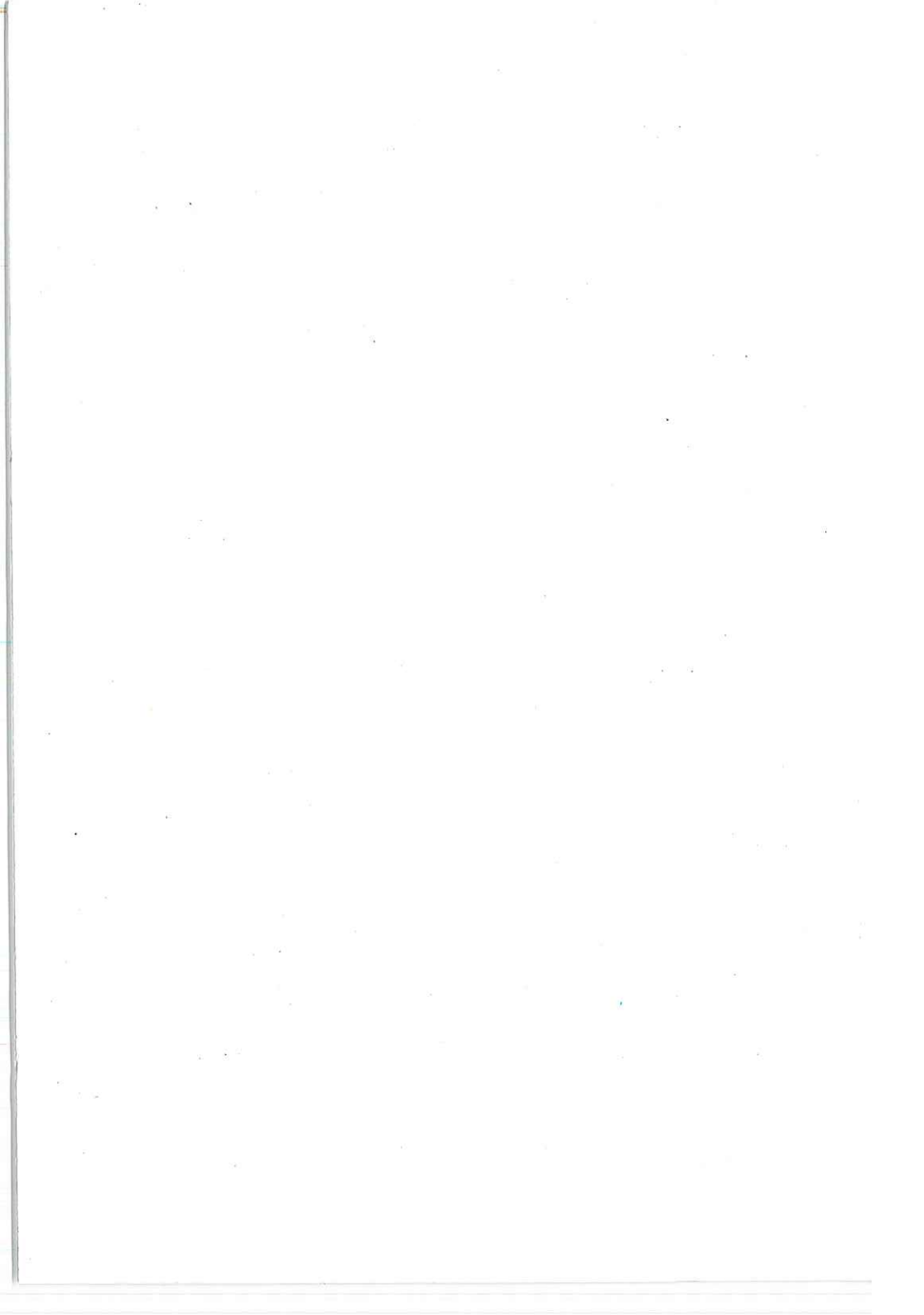
Thứ ba, tiếp tục mở các khoá bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ chủ chốt cơ sở tại Trường Đảng tỉnh, nghiên cứu để mở lớp tại huyện; công tác củng cố cơ sở đảng

phải gắn với xây dựng huyện. Phần đầu đến năm 1990 có một nửa số cơ sở đảng vững mạnh.

- *Thứ tư*, nâng cao chất lượng đảng viên, phải căn cứ vào tiêu chuẩn và nhiệm vụ của đảng viên để rèn luyện, phấn đấu. Dù ở cương vị nào, mỗi đảng viên phải tôn trọng nguyên tắc sinh hoạt Đảng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến phê bình có tính chất xây dựng của tập thể và quần chúng. Ngoài nhiệm vụ chính, mỗi đảng viên đều được giao giúp đỡ, phụ trách một số quần chúng hoặc một số hộ gia đình...

Những nội dung trên đã được Tỉnh uỷ triển khai thực hiện phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời gian cụ thể. Nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng năm 1986 là tập trung chỉ đạo các cấp bộ đảng thực hiện phê bình, tự phê bình và tổ chức đại hội đảng các cấp theo chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương. Việc kiểm điểm phê bình và tự phê bình tuy đạt được yêu cầu do Trung ương đề ra, nhưng sự chỉ đạo thực hiện sửa chữa khuyết điểm chuyển biến còn chậm. Công tác phê bình và tự phê bình chưa thành nền nếp trong sinh hoạt Đảng.

Việc tổ chức đại hội đảng các cấp được chỉ đạo chặt chẽ, đúng chương trình, kế hoạch thời gian và đạt kết quả tốt. Nét nổi bật của việc tổ chức đại hội đảng các cấp trong năm 1986 là các cấp uỷ chú trọng đổi mới cả về nội dung và cách thức tiến hành. Hầu hết các đảng bộ đã đánh giá đúng mức mặt mạnh và những mặt yếu kém của phong trào. Việc đổi mới cách nghĩ, cách làm còn được thể hiện



nhất trí, ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Công tác xây dựng, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đảng viên chưa được chú trọng. Qua phân loại 138 cơ sở đảng và hơn 9.500 đảng viên trong Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, số đảng bộ trong sạch vững mạnh chỉ chiếm 26,8%; số đảng viên tiên phong gương mẫu chiếm 30%, số đảng viên giữ được phẩm chất là 40% và số đảng viên không đủ tư cách chiếm tới 30% (trong đó có 20% phải xem xét và 10% phải đưa ra khỏi Đảng).

Năm 1987 cũng là năm diễn ra cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII và bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân hai cấp (huyện và xã). Đây là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn cần được lãnh đạo tốt nhằm phát huy quyền dân chủ của toàn dân. Vì vậy, ngày 4/2/1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 44-CT/TU *Về lãnh đạo cuộc bầu cử Quốc hội khoá VIII và bầu cử Hội đồng Nhân dân hai cấp huyện xã*, trong đó nêu rõ một số yêu cầu cụ thể cho các cấp uỷ đảng:

- Một là, các cấp uỷ đảng phải thực sự có chuyển biến, đổi mới trong nhận thức và phương pháp chỉ đạo công tác bầu cử, thấm nhuần sâu sắc quan điểm lấy dân làm gốc, tạo điều kiện cho cử tri được làm chủ lá phiếu của mình, đóng góp thực sự vào việc xây dựng chính quyền các cấp. Kiên quyết khắc phục tình trạng vi phạm quyền dân chủ, nặng áp đặt, gò ép quần chúng phải chấp thuận ý định chủ quan của lãnh đạo.

- *Hai là*, phải lãnh đạo tốt công tác nhân sự. Những người tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân huyện, xã phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn được nêu trong chỉ thị của Bộ Chính trị. Số người được giới thiệu ra ứng cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu để mọi cử tri được quyền tự do lựa chọn.

- *Ba là*, các cấp uỷ đảng phải coi công tác bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân hai cấp huyện, xã là một trong những công tác trọng tâm của Đảng bộ. Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng được chặt chẽ, cấp uỷ huyện, xã phải cử một đồng chí trong Ban Thường vụ trực tiếp làm Chủ tịch Hội đồng Bầu cử của địa phương. Đảng đoàn chính quyền tỉnh phải xây dựng kế hoạch cụ thể và phân công các ngành có liên quan làm tốt các mặt công tác chuẩn bị để tổ chức thực hiện công tác bầu cử của địa phương.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ cùng với Ban Tuyên giáo, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng của tỉnh đã xây dựng kế hoạch cụ thể để chỉ đạo công tác bầu cử. Nhờ đó, cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tốt.

Ngay từ đầu năm 1988, tỉnh tập trung chỉ đạo các Đảng bộ triển khai quán triệt Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị về *cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*. Để làm tốt công tác này, tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo và trung tập một số cán bộ của một số

ban, ngành để giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, nắm tình hình thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị. Đến tháng 8/1988, hầu hết các đảng bộ đã tổ chức quán triệt xong nội dung và kế hoạch thực hiện Nghị quyết. Một số đảng bộ trong khối cơ quan, trường học tổ chức học tập Nghị quyết nhanh và có chất lượng. Có nơi đã tổ chức triển khai học tập trong quần chúng.

Tuy nhiên, việc chỉ đạo rà soát, phân loại, tổ chức tự phê bình và phê bình nhiều nơi làm chưa chặt chẽ, còn tình trạng nể nang, chưa dám nói thẳng, nói thật; do đó đã hạn chế đến kết quả thực hiện cuộc vận động. Trong 6 tháng đầu năm 1988, trong số 146 trường hợp cán bộ, đảng viên có đơn thư tố cáo của quần chúng, các cấp bộ đảng mới giải quyết được 56,2%, còn tồn đọng 43,8%. Trong số cán bộ, đảng viên có đơn, thư tố cáo, 14,45% là cán bộ thuộc diện Tỉnh uỷ quản lý, 85,5% là cán bộ do cấp huyện, cơ sở quản lý. Trong số các trường hợp bị xử lý kỉ luật, có 0,4% là vi phạm tiêu chuẩn chính trị, 44,39% vi phạm chính sách pháp luật, 46,1% vi phạm nguyên tắc sinh hoạt Đảng, 5,14% thoái hoá đạo đức và 3,9% là diện yếu kém không có tác dụng lãnh đạo⁽¹⁾.

Xuất phát từ tình hình trên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương kiểm tra lại và kiên quyết chỉ đạo làm thật tốt khâu quán triệt Nghị quyết, sau đó gắn với việc thực hiện Nghị quyết 05 của Ban Chấp hành Trung ương về công

⁽¹⁾ Theo Báo cáo công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh uỷ 6 tháng đầu năm 1988. Số 22-BC/BT, ngày 12/8/1988.

tác xây dựng Đảng để tiến hành rà soát phân loại, đánh giá đội ngũ cán bộ, đảng viên; tiến hành xử lý những trường hợp đảng viên không đủ tư cách, sắp xếp bố trí lại đội ngũ cán bộ.

Thực hiện Thông tri số 11 của Ban Bí thư về *Sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể*, các cấp ủy đảng đã tiến hành đánh giá thực trạng bộ máy, nghiên cứu xây dựng phương án sắp xếp lại tổ chức ở từng đơn vị. Một số ban, ngành cũng được sắp xếp, tổ chức lại: Ngành Lao động và Thương binh - Xã hội, Ngoại thương và Nội thương, Kế hoạch và Thống kê, Sở Tài chính và Chi cục Thuế công - thương nghiệp, Sở Xây dựng và Ủy ban Xây dựng cơ bản, Ban Kinh tế và Ban Nông nghiệp; Sở Lương thực chuyển thành Công ty kinh doanh lương thực. Qua đó, bộ máy tổ chức từ tỉnh xuống huyện giảm đáng kể. Cấp huyện, từ bình quân 20 phòng, ban, nay còn 12 phòng; cấp tỉnh, khối Đảng từ 10 ban, nay còn 7 ban (kể cả văn phòng cấp ủy); khối chính quyền từ 28 sở, ban ngành, nay còn 23.

Các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh đã xây dựng và thông qua phương án tổ chức, bộ máy của cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể. Việc sắp xếp bộ máy tổ chức và bố trí cán bộ đã làm giảm bớt đầu mối, song biên chế chưa giảm được bao nhiêu; số dôi ra còn lúng túng cách giải quyết.

Đi đôi với công tác tổ chức, việc phát triển đảng viên mới được đẩy mạnh. Trong 6 tháng đầu năm 1988, toàn Đảng bộ đã phát triển 255 đảng viên, trong đó có 56 nữ và

40 đồng chí là người dân tộc, 69 công nhân trực tiếp sản xuất; đồng thời tiếp nhận 745 đảng viên và chuyển đi 455 đảng viên, làm thủ tục công nhận cho 413 đồng chí nhận *Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng*. Tính đến tháng 8/1988, toàn Đảng bộ có 796 cơ sở đảng, với 49.672 đảng viên; trong đó 30% đảng viên khu vực nông thôn, 70% đảng viên là cán bộ, công nhân viên chức, quân đội, công an, hưu trí; số đảng viên là dân tộc ít người chiếm 29%⁽¹⁾. Cơ cấu này phản ánh sự phát triển với tốc độ nhanh về số lượng đảng viên ở một tỉnh trung du, miền núi; đồng thời cũng phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ đã chuyển sang một giai đoạn mới, đa dạng, phong phú, nhưng cũng hết sức khó khăn, nhất là trên lĩnh vực phát triển kinh tế trong hoàn cảnh nền sản xuất nông - lâm nghiệp còn mang nặng tính tự cấp tự túc.

Như vậy, từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, quán triệt đường lối đổi mới, cùng với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Đảng bộ đã có một số nghị quyết, chủ trương về sắp xếp lại bộ máy tổ chức cán bộ, thay đổi nhiều cán bộ cấp trưởng, phó ban, ngành của tỉnh; kiện toàn một bước cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các huyện, thành, thị ủy, góp phần làm *trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*. Tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê

⁽¹⁾ Dẫn theo: Nghị quyết Một số nhiệm vụ trọng tâm về công tác xây dựng Đảng bộ 1988 - 1990 để thực hiện Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng - Số 09-NQ/BT, ngày 10/10/1988.

binh được đẩy mạnh, bước đầu khơi dậy không khí dân chủ, thẳng thắn trong sinh hoạt của các tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước và trong nhân dân.

Bên cạnh thành tích và ưu điểm, công tác tư tưởng và tổ chức trong những năm 1986 - 1988 chậm được đổi mới cả về nội dung và phương pháp để thích ứng với tình hình, nhiệm vụ mới. Trong chỉ đạo chưa chú trọng xây dựng mô hình để nhân rộng; tư tưởng bảo thủ, trì trệ còn phổ biến. Kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất; vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng còn yếu... Công tác cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới; chưa có quy hoạch và tiêu chuẩn hoá cho các loại cán bộ; chưa thực hiện tốt phương châm dân chủ hoá và công khai hoá. Trong chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở còn nhiều bất hợp lý; chậm thay đổi những cán bộ không đủ năng lực đảm đương các chức vụ được giao. Cơ chế đánh giá, đề bạt cán bộ còn quan liêu, chưa quán triệt đầy đủ phương châm lấy dân làm gốc. Nhìn chung, công tác cán bộ còn bị động, chắp vá, thiếu quy hoạch... *“Công tác tổ chức rất trì trệ, nhất là công tác cán bộ, việc đào tạo, sắp xếp, sử dụng, đề bạt, nhận xét chưa thống nhất; đã một nửa nhiệm kỳ nhưng chậm thay đổi con người, trước hết ngay cả đối với cơ quan làm công tác tổ chức. Về nội dung, phương pháp công tác tổ chức chưa theo kịp yêu cầu”*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Dẫn theo: Kết luận Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá V - Số 09-KL/BT, ngày 24/1/1989.

Nhằm khắc phục những hạn chế trên, ngày 10/10/1988, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 09-NQ/BT Một số nhiệm vụ trọng tâm về công tác xây dựng Đảng bộ 1988 - 1990 để thực hiện Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nghị quyết nêu rõ phải quán triệt sâu sắc 5 yêu cầu về công tác xây dựng Đảng mà Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra; nhấn mạnh vấn đề sắp xếp lại một cách có hệ thống và hợp lý bộ máy tổ chức Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng; xây dựng quy hoạch cán bộ, kiện toàn một bước quan trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, mở rộng dân chủ, lập lại kỷ cương, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng...

Nghị quyết nêu lên những nhiệm vụ cụ thể về đổi mới công tác tổ chức, cán bộ:

- *Một là*, phải khẩn trương sắp xếp lại một bước về tổ chức và điều chuyển cán bộ cho phù hợp với nhiệm vụ để thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đề ra; thực hiện năng động và nhạy bén việc luân chuyển cán bộ. Những cán bộ nào qua thực tiễn đã được thể hiện mà không phát huy được tác dụng, hiệu quả thấp thì phải được thay thế, không chờ hết nhiệm kì.

- *Hai là*, đến năm 1990, hoàn thành việc lập quy hoạch cán bộ các cấp và hoàn thành xây dựng tiêu chuẩn hoá cán bộ các loại theo Quyết định 128 của Ban Thường vụ

Tỉnh uỷ về phân cấp quản lí cán bộ. Sau đó sẽ từng bước thực hiện tiêu chuẩn hoá và quy hoạch cán bộ. Trong quy hoạch và đào tạo, cần chú ý cán bộ nữ và cán bộ dân tộc.

Ba là, kiện toàn các ban của Đảng, bộ máy chính quyền và đoàn thể các cấp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực điều hành của bộ máy Nhà nước và vai trò tập hợp, giáo dục, vận động của các đoàn thể quần chúng.

Bốn là, tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các loại theo quy hoạch; phần đầu sau 5 - 7 năm sẽ có đội ngũ cán bộ được tiêu chuẩn hoá.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 09 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp bộ đảng đã quan tâm chỉ đạo việc chuẩn bị nhân sự cho đại hội đảng hai cấp trong quý I/1989 và bầu cử Hội đồng Nhân dân ba cấp trong quý II/1989.

Đại hội hai cấp lần này được tiến hành sau gần 3 năm thực hiện đường lối đổi mới và đã qua một bước đột sinh hoạt chính trị quan trọng theo tinh thần Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị. Do đó, tất cả 23 đảng bộ trực thuộc và 800 tổ chức cơ sở đảng của Đảng bộ đã tiến hành đại hội xong vào cuối tháng 6/1989. Nhìn chung, đại hội đảng lần này thể hiện không khí dân chủ và đổi mới, chỉ đạo công tác nhân sự khá chặt chẽ, không gò ép và áp đặt, được đảng viên và quần chúng đồng tình. Nhiều đơn vị sau đại hội bắt đầu có sự chuyển biến tích cực.

Tính đến tháng 6/1989, toàn Đảng bộ có 49.347 đảng viên; trong đó có 2.398 đảng viên dự bị, sinh hoạt ở 800

chi, đảng bộ cơ sở. Đại hội đảng bộ cơ sở lần này đã bầu 3.885 đồng chí vào Ban Chấp hành khoá mới, giảm 36 uỷ viên so với khoá trước (bằng 9%). Số tham gia cấp uỷ mới là 1.146 đồng chí (bằng 29,5%). Số Bí thư mới có 256 đồng chí (bằng 32%). Riêng Bí thư đảng uỷ phường, xã, thị trấn đổi mới 150 đồng chí (59,2%), thay đổi Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân cơ sở 87 đồng chí (33%).

Qua đại hội lần này, số Uỷ viên Ban Chấp hành các Đảng bộ trực thuộc nhiệm kì mới gồm 555 đồng chí (giảm 118 đồng chí so với nhiệm kì trước); trong đó có 51 đồng chí nữ (9,1%), 149 đồng chí là dân tộc ít người (26,2%), tuổi đời bình quân là 43, trình độ văn hoá tốt nghiệp cấp III có 374 đồng chí (67%). So với khoá trước, số đồng chí đã học qua lí luận chính trị cao cấp tăng 2,9%, đại học và trung học chuyên nghiệp tăng 14,3%. Nhìn chung, chất lượng uỷ viên Ban Chấp hành được nâng lên rõ rệt.

Trong năm 1989, tỉnh đã sắp xếp lại một số cơ quan, tổ chức Đại hội Liên hiệp xã thủ công nghiệp, thành lập Liên hiệp sản xuất và dịch vụ tiêu thụ công nghiệp, sáp nhập Uỷ ban Vật giá vào Sở Tài chính thành một phòng nghiệp vụ giá của Sở, tách Ban Dân vận khỏi Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Cùng với việc sắp xếp lại một số ban, ngành, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã điều động cán bộ cấp tỉnh quản lí từ huyện về tỉnh, từ ngành này sang ngành khác và từ huyện lên ngành tỉnh.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được Đảng bộ coi

trọng. Trong năm 1989, Tỉnh uỷ đã cử 6 đồng chí đi học Trường Đảng cao cấp, 109 đồng chí (trong đó có 79 cán bộ xã, phường) đi học trung cấp lí luận. Công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh. Trong 6 tháng đầu năm, Đảng bộ kết nạp 488 đảng viên mới, trong đó gần 30% là nữ, đa số có trình độ văn hoá cấp III, số có trình độ đại học và cao đẳng chiếm 20%.

Vào những năm cuối thập kỉ 80 của thế kỉ XX, tình hình quốc tế có những biến động phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước Đông Âu lần lượt sụp đổ, khủng hoảng chính trị ở Liên Xô, sự kiện Thiên An Môn ở Trung Quốc (1989)... tác động đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân. Một số không ít cán bộ, đảng viên có biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác trước âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Trong bối cảnh ấy, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (15 – 24/8/1989) ra Nghị quyết *Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay*. Tháng 9/1989, Ban Bí thư ra Chỉ thị chỉ đạo chặt chẽ quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 trong cán bộ chủ chốt của Đảng.

Tháng 10/1989, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triệu tập Hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh nhằm quán triệt Nghị quyết Trung ương 7, thống nhất nhận thức về chính trị, tư tưởng trên những nội dung cơ bản: Những sai lầm về nguyên tắc trong cải tổ, cải cách ở một số nước xã hội chủ nghĩa, nguyên nhân khủng hoảng chính trị dẫn đến sự sụp đổ chế

độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước Đông Âu; âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc...

Nhân dịp kỉ niệm 60 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/1990), Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ thị các cấp uỷ trực thuộc tiến hành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ và trong nhân dân; thảo luận thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và diễn văn của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, kết hợp góp ý kiến vào Dự thảo văn kiện về công tác quần chúng của Đảng.

Cùng thời gian trên, Tỉnh uỷ họp Hội nghị lần thứ 14 bàn về *Phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1990*. Nghị quyết Hội nghị khẳng định: Muốn đổi mới thành công, điều quan trọng là phải đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước và hoạt động của các đoàn thể trên hai lĩnh vực tư tưởng và tổ chức.

Ngày 21/2/1990, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 28-CT/TU *Về việc mở đợt sinh hoạt chính trị nâng cao năng lực lãnh đạo và rèn luyện phẩm chất đảng viên*, nhằm đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị; trong đó đổi mới sự lãnh đạo của cấp uỷ và nâng cao phẩm chất đảng viên có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Đợt sinh hoạt chính trị lần này tiến hành trong năm 1990.

Ngày 27/7/1990, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 31/CT-TU về Thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ

trường về đấu tranh chống tham nhũng. Chỉ thị nêu rõ: *“Tất cả các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện, xí nghiệp... kể cả Trung ương và địa phương đóng trên địa bàn tỉnh phải nghiêm túc thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng”; “... phải gắn với việc thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 28 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, với việc rà soát đội ngũ cán bộ, đảng viên, đồng thời phải coi đây là việc làm thường xuyên ở mọi cấp, mọi ngành và đơn vị”.*

Quán triệt tinh thần các chỉ thị, nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp bộ đảng đã coi trọng nhiệm vụ củng cố cơ sở đảng, triển khai nhiều đợt học tập chính trị. Nhiều đơn vị triển khai Chỉ thị 28 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ liên tục chặt chẽ đạt kết quả, nên từng bước lấy lại niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Nhiều chi bộ thông qua triển khai học tập, đã củng cố được tổ chức, đi vào sinh hoạt nền nếp hơn, hạn chế và ngăn chặn những hiện tượng tham nhũng, cố ý làm sai chế độ, chính sách Nhà nước. Tuy nhiên, công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều thiếu sót, *“thiếu một phương án quy hoạch gắn với cơ cấu kinh tế mới, quan điểm đánh giá cán bộ chưa đầy đủ. Việc xem xét, bố trí và xử lý cán bộ còn tỏ ra hữu khuynh, còn nặng chủ quan và cảm tính...”*⁽¹⁾.

Nhìn chung trong 5 năm (1986 – 1990), công tác tổ

⁽¹⁾ Dẫn theo: Báo cáo công tác năm 1990 - Số 02-BT/TU, ngày 31/1/1991, trang 8.

chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh có nhiều chuyên biến tích cực. Trong bối cảnh các nước xã hội chủ nghĩa có những diễn biến phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, về chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ đã kịp thời triển khai học tập, quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị, định hướng nhận thức và do đó khắc phục những tư tưởng mơ hồ, lệch lạc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc.

Về công tác tổ chức, các cấp bộ đảng đã chú trọng chấn chỉnh, sắp xếp lại cơ sở sản xuất kinh doanh và bộ máy quản lý Nhà nước, bộ máy lãnh đạo Đảng theo yêu cầu cơ chế quản lý mới. Trong thời gian này, tỉnh đã cho giải thể hoặc sáp nhập một số cơ sở sản xuất kinh doanh hình thành từ thời kì bao cấp, nay không còn phù hợp; đồng thời điều chỉnh và sắp xếp một số ban Đảng, các ngành quản lý Nhà nước, các phòng ban của huyện nhằm giảm bớt các đầu mối trung gian hoặc chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Thông qua đại hội đảng các huyện, thành, thị và các đảng bộ trực thuộc, công tác cán bộ được kiện toàn một bước, 70% cán bộ chủ chốt ở cơ sở được bố trí lại. Ở cấp huyện và cấp tương đương đã thay đổi 22 Phó Chủ tịch, 11 Chủ tịch, 17 Phó Bí thư, 20 Bí thư; đồng thời điều chuyển và đề bạt, bố trí lại 27 cán bộ cấp phó và 32 cán bộ cấp trưởng các ban, ngành của tỉnh.

Việc đào tạo, bồi dưỡng, tham quan thực tế trong và ngoài nước để nâng cao trình độ lý luận cũng như về quản

lí Nhà nước, quản lí xã hội và nghiệp vụ chuyên môn được chú ý hơn trước. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ của tỉnh trẻ, có kiến thức, bước đầu có sự chuyển biến tốt, nội bộ đoàn kết thống nhất.

Sự đổi mới lãnh đạo của Đảng bộ còn thể hiện bằng việc cải tiến lề lối làm việc của cấp uỷ. Hầu hết các cấp uỷ đều có quy chế làm việc và quy định mối quan hệ giữa Ban Thường vụ các cấp với Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân. Sự bao biện làm thay của các cấp uỷ đối với hoạt động quản lí của Nhà nước các cấp và hoạt động của các đoàn thể nhân dân đã giảm bớt. Không khí dân chủ và tính chiến đấu trong sinh hoạt của các tổ chức Đảng, nhất là cấp uỷ các cấp đã được chú trọng và có tiến bộ.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của công cuộc đổi mới, công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm 1986 – 1990 còn bộc lộ nhiều mặt hạn chế, yếu kém. Các cấp uỷ đảng chưa thấy hết những diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên trước tình hình thế giới đang có những diễn biến phức tạp. Việc đánh giá chất lượng đảng viên thiếu chính xác; chậm xử lí đảng viên vi phạm pháp luật và kỉ luật Đảng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên mang nặng nhận thức của cơ chế quản lí cũ; lúc gặp khó khăn, phức tạp tỏ ra dao động, muốn quay về cách làm của thời bao cấp. Tư tưởng bảo thủ, cục bộ địa phương trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đã và đang gây khó khăn cho sự đổi mới lãnh đạo ở các cấp, đặc biệt ở tổ chức cơ sở. Bộ máy lãnh đạo của tổ chức Đảng, quản lí Nhà nước và các

tổ chức quần chúng còn công kênh, nặng nề; chức năng trùng lặp nhau và chậm thay đổi theo cơ chế quản lý mới. Công tác cán bộ tuy đã tích cực thay đổi, nhưng số cán bộ chủ chốt phát huy được tác dụng chưa nhiều. Quy trình làm công tác cán bộ vẫn theo nếp cũ. Do đó, việc phát hiện, đánh giá thường cảm tính, thiếu cơ sở khách quan, thông tin một chiều. Một số cán bộ thiếu tu dưỡng, rèn luyện, bị tha hoá về phẩm chất đạo đức; một số cán bộ giữ được phẩm chất, nhưng năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực hiện yếu, song chậm thay thế... Số lượng đảng viên đông, nhưng chưa mạnh, chủ yếu là do trình độ nhận thức chưa theo kịp với sự chuyển biến giai đoạn của cách mạng, đặc biệt là thiếu kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý xã hội trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Việc kết nạp bổ sung lớp đảng viên trẻ ở các chi bộ có chiều hướng giảm. Cơ sở đảng ở một số nơi không sinh hoạt, hoặc sinh hoạt không đều, nhưng chưa được các cấp quan tâm nhắc nhở để khắc phục...

Tình hình trên đòi hỏi công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ trong những năm tiếp theo phải có những chuyển biến mạnh mẽ hơn.

II- Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI (1991 – 1996)

Bước vào thập kỷ 90 thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều biến động to lớn, tác động sâu sắc đến đời sống chính trị và công cuộc đổi mới của nhân dân ta. Chủ nghĩa

xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu ngày càng lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, đi đến sụp đổ. Các thế lực thù địch tăng cường thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, kích động việc thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng, truyền bá tư tưởng, văn hoá đồi trụy, độc hại; đưa lực lượng gián điệp, biệt kích vào phá hoại cách mạng nước ta; câu kết với bọn phản động và các phần tử xấu trong nước tăng cường hoạt động chống phá, hòng gây bạo loạn, lật đổ chế độ...

Trong bối cảnh ấy, việc nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được Đảng bộ coi trọng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 (17 – 19/1/1991) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá V) nhấn mạnh phải tiếp tục thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 28 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; gắn việc kiểm tra đảng viên chấp hành với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị; kiên quyết xử lý kỷ luật những đảng viên thoái hoá, biến chất, những đảng viên giác ngộ thấp qua bồi dưỡng giáo dục mà không có chuyển biến, không còn tác dụng thì dùng hình thức xoá tên.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh còn nêu rõ: Việc nâng cao chất lượng đảng viên vừa phải được thực hiện thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, nhất là các nghị quyết để nâng cao lập trường, quan điểm cho đảng viên, vừa phải coi trọng công tác quản lý đảng viên chấp hành nghị quyết, chính sách, biểu dương đảng viên tốt; duy trì sinh hoạt các tổ đảng, chi bộ

bảo đảm tính giáo dục, tính chiến đấu. Việc kiểm tra đảng viên chấp hành phải được thực hiện thường xuyên, mỗi năm một lần đánh giá phân loại lại đảng viên để có kế hoạch giúp đỡ sửa chữa các thiếu sót, khuyết điểm.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991), Đại hội đại biểu lần thứ VI Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (9/1991) đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm (1991 – 1995) là: “*Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, hình thành về cơ bản cơ cấu kinh tế nhiều thành phần nhằm cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, xây dựng Đảng có bản lĩnh, phẩm chất, trí tuệ và sức chiến đấu cao, phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước và đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới*”⁽¹⁾.

Để đạt được mục tiêu trên, vấn đề cơ bản là phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Vì vậy, phương hướng đổi mới và chỉnh đốn Đảng được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI xác định trong 5 năm tới là “... *nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường quan điểm Mác – Lênin cho từng đảng viên... Tiếp tục tiến hành cuộc vận động làm trong sạch Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên trên cả ba mặt...; đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng và kết nạp đảng viên mới*...”⁽²⁾.

Về công tác tổ chức, Đại hội nêu rõ “*phải tiến hành*

^{(1) (2)} Dẫn theo: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI, trang 16, 29, 31..

kiện toàn cấp uỷ các cấp bảo đảm thật sự có đủ phẩm chất chính trị đạo đức cách mạng, trí tuệ và năng lực lãnh đạo phù hợp với yêu cầu của mỗi cấp; xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở Đảng thật sự trong sạch vững mạnh đủ sức lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong công cuộc đổi mới... Quyết tâm thu hẹp diện cơ sở yếu kém, chú trọng phân loại đặc điểm từng vùng để có biện pháp tập trung củng cố cụ thể”⁽¹⁾. Đại hội nhấn mạnh phải đổi mới công tác cán bộ, từ các khâu quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, phát hiện nhân tài, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ sức đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của công cuộc đổi mới...

Việc sắp xếp tổ chức theo hướng tinh giản và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ luôn luôn được Đảng bộ quan tâm. Ngay từ đầu năm 1991, Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá V) đã xác định: Năm 1991 phấn đấu giảm khoảng 20% biên chế hành chính sự nghiệp; sắp xếp tổ chức bố trí cán bộ, xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chức và cá nhân. Cán bộ cấp nào tự xây dựng cấp đó, cấp trên kiểm tra uốn nắn. Trong năm 1991, phấn đấu làm rõ một bước mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng, trách nhiệm quản lý Nhà nước và vai trò của tổ chức quần chúng trong việc đề ra các chủ trương, chính sách và giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách ở địa phương, đơn vị.

⁽¹⁾ Dẫn theo: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI, trang 16, 29, 31.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, công tác tổ chức và cán bộ được kiện toàn một bước. Trong năm 1991, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo sắp xếp, sáp nhập và thành lập mới một số tổ chức, như: Văn hoá - Thông tin và Thể dục thể thao; Công ty khoáng sản; Công ty chè; Công ty chăn nuôi; sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm vào Trường Đại học Sư phạm; thành lập trường Nội trú vùng cao. Gắn liền với sắp xếp tổ chức, tỉnh đã bố trí lại đội ngũ cán bộ cốt cán cho phù hợp hơn với yêu cầu của cơ chế quản lí mới; đồng thời đề bạt, điều động bố trí 7 đồng chí cấp trưởng, phó ngành và 13 đồng chí giám đốc các cơ sở sản xuất kinh doanh... Bộ máy các ban Đảng, các tổ chức đoàn thể, các ngành chuyên môn được sắp xếp lại phù hợp với điều kiện thực tế địa phương theo hướng cần đến đâu làm đến đó; từng bước thực hiện tiêu chuẩn hoá cán bộ, giảm biên chế hành chính gián tiếp theo quy định của Trung ương.

Từ ngày 10 đến ngày 13/8/1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá VI) họp Hội nghị lần thứ 3 để quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 (6/1992) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định lấy Đảng bộ Phú Lương làm điểm chỉ đạo cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Các đảng bộ trực thuộc cũng chọn từ 3 đến 5 tổ chức cơ sở đảng chỉ đạo thí điểm trước khi mở rộng diện.

Tháng 8/1992, bước 1 cuộc vận động chỉnh đốn Đảng bắt đầu được triển khai thực hiện trong Đảng bộ. Vào thời

điểm này, toàn Đảng bộ có 49.716 đảng viên; trong đó có 12.383 đảng viên là cán bộ hưu (chiếm 24%); tuổi đời dưới 30 chiếm 10%, từ 31 đến 50 tuổi chiếm 54%, từ 51 tuổi trở lên chiếm 35%; số đảng viên có trình độ đại học, cao đẳng chiếm 7%, trung cấp chuyên nghiệp chiếm 8%; trình độ lý luận chính trị cao cấp chiếm 8%, trung cấp lý luận 16,3%.

Cuộc vận động đổi mới chính đồn Đảng gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở mỗi cơ sở đảng. Thông qua cuộc vận động, trình độ nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên được nâng lên; sự thống nhất trong Đảng và trong nhân dân được củng cố một bước. Trong công tác tổ chức, các cấp đã tiến hành sắp xếp một bước các cơ quan Đảng, bộ máy Nhà nước và các đoàn thể. Đội ngũ cán bộ chủ chốt được bố trí lại theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu lực điều hành của bộ máy. Tỉnh uỷ chỉ đạo Đảng đoàn chính quyền thực hiện nghiêm túc Quyết định 315 và Nghị định 388 (20/11/1991) của Hội đồng Bộ trưởng. Kết quả, từ 200 doanh nghiệp đã được sắp xếp lại còn 67 doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh ở nhiều cơ sở sau khi sắp xếp lại đã có hiệu quả, không những trả được nợ cho ngân hàng, mà còn có tích lũy, đời sống của người lao động được cải thiện.

Bên cạnh những cố gắng và kết quả đạt được, công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm 1991 – 1992 còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém. Công tác chính trị tư tưởng của Đảng bộ chậm đổi mới về hình thức và phương

pháp, không đồng đều và thiếu chiều sâu, chưa theo kịp với yêu cầu công cuộc đổi mới. Ở nhiều nơi, các chỉ thị, nghị quyết, chính sách chưa được phổ biến kỹ, ít tổ chức thảo luận. Thậm chí có một số cơ sở, các chủ trương, chính sách chỉ được triển khai ở huyện với cán bộ chủ chốt xã, không được quán triệt tới cán bộ, đảng viên và quần chúng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn, thành thị, doanh nghiệp Nhà nước và trường học buông lỏng vai trò lãnh đạo và bị giảm sút uy tín đối với quần chúng. Số cơ sở đảng yếu kém so với các năm trước không giảm (chiếm 30% tổng số cơ sở Đảng toàn tỉnh). Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và kỉ luật Đảng ở một số cơ sở trong Đảng bộ không nghiêm...

Từ năm 1993, Đảng bộ tập trung chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và đạt nhiều kết quả quan trọng trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triệu tập Hội nghị gồm các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư các đảng bộ trực thuộc, các đồng chí lãnh đạo ba ban xây dựng Đảng tỉnh và huyện nhằm kiểm điểm, đánh giá kết quả bước 1 thực hiện cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng và chuẩn bị thực hiện bước 2.

Trên cơ sở đánh giá rút kinh nghiệm bước 1, từ tháng 6/1993, cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng chuyển sang bước 2, với yêu cầu chủ yếu là xử lý những đảng viên có khuyết điểm (loại 4). Đến giữa tháng 10/1993, bước 2 cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng đã được tiến hành ở 11 đảng bộ trực thuộc.

Trong quá trình triển khai thực hiện bước 2 Nghị quyết Trung ương 3 ra diện rộng, Thường trực Tỉnh uỷ nêu rõ: Đi đôi với chỉnh đốn Đảng, cần chú trọng thực hiện những yêu cầu về đổi mới và nâng cao chất lượng, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng, cụ thể là:

- Tập trung vào phân tích phân loại đảng viên theo kế hoạch của tỉnh đã hướng dẫn nhưng cần chú ý về xử lý và thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng đảng viên, bồi dưỡng đảng viên và kết nạp đảng viên mới.

- Đánh giá tình hình và có biện pháp nâng cao năng lực tổ chức đảng cơ sở, gắn chỉnh đốn Đảng với đổi mới, gắn xây dựng Đảng với phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ sở. Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị là thước đo để đánh giá năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng và chất lượng đảng viên, coi phát triển kinh tế và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị là nội dung quan trọng của bước 2 thực hiện Nghị quyết 3 Trung ương.

- Đồng thời với phân tích, phân loại chất lượng đảng viên, sẽ tiến hành đánh giá chất lượng cán bộ các cấp. Tất cả uỷ viên và cán bộ chủ chốt các cấp (ở tỉnh từ Trưởng phòng sở trở lên) đều được đánh giá chất lượng trong tháng 12/1993... Tiến hành quy hoạch và có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ theo yêu cầu của mỗi cấp. Việc phân loại cán bộ phải được thực hiện theo tư tưởng chỉ đạo: *Công khai - Dân chủ - Đoàn kết - Ổn định*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Dẫn theo: *Kết luận của Thường trực Tỉnh uỷ về tiếp tục thực hiện bước 2 Nghị quyết Trung ương 3. Số 144/KL-TU, ngày 2/11/1993.*

Ban Tổ chức Tỉnh uỷ được giao nhiệm vụ hướng dẫn cụ thể về nội dung và tổng hợp kết quả phân loại chất lượng cán bộ của Uỷ viên Ban Chấp hành đảng bộ và Trưởng, Phó ban ngành, Bí thư, Chủ tịch các huyện, thành, thị uỷ, các Bí thư đảng uỷ trực thuộc để trình lên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Các đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ sẽ trực tiếp nắm kết quả phân loại của đảng bộ do mình được phân công phụ trách.

Qua bước 2 cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tinh thần tự phê bình và phê bình trong nhiều cơ sở được đẩy mạnh. Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, chấp hành *Điều lệ Đảng* có chuyển biến tích cực; vai trò lãnh đạo của đảng viên và của tổ chức cơ sở đảng được nâng cao, có tác dụng thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị và cơ sở. Công tác tổ chức cán bộ đã được chỉ đạo chỉnh đốn và đổi mới theo tinh thần Nghị quyết 3 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đến cuối năm 1993, toàn tỉnh đã có 9/13 huyện, thành, thị và 10/11 đảng bộ trực thuộc tiến hành xong việc kiểm điểm phân tích chất lượng, phân loại đảng viên và tổ chức cơ sở đảng. Trên cơ sở phân tích chất lượng và phân loại đảng viên kết hợp với đánh giá, phân loại, những cán bộ kém về phẩm chất, năng lực công tác đã được thay thế. Quy hoạch và kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cũng được xúc tiến. Trong năm 1993, toàn Đảng bộ mở được 79 lớp với 4.075 học viên, trong đó có 2 lớp trung cấp lý luận, 8 lớp chương trình chính trị phổ thông, 20 lớp

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

cấp uỷ cơ sở, 49 lớp đối tượng Đảng⁽¹⁾. Ngoài ra, Trung tâm tại chức của tỉnh còn mở lớp cho 300 cán bộ học các chương trình đại học và sau đại học. Tỉnh uỷ đã cử 33 cán bộ lãnh đạo các ban, ngành, huyện, thành đi học các trường của Trung ương; đồng thời đề bạt 6 Trưởng, Phó ngành (và tương đương)⁽²⁾.

Phát huy những kết quả đạt được trong năm 1993, từ năm 1994, cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng tiếp tục được đẩy mạnh. Đây cũng là năm tiến hành hội nghị đảng các cấp giữa nhiệm kì và đại hội đảng bộ cơ sở; là năm tiến hành cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân ba cấp. Do đó, công tác tổ chức xây dựng Đảng thời gian này bao gồm một khối lượng công việc rất lớn và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Công tác tổ chức cán bộ có bước chuyển biến tích cực so với các năm trước. Qua đại hội đảng bộ cơ sở, hội nghị giữa nhiệm kì và bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp, đội ngũ cán bộ được bố trí sắp xếp lại. Hầu hết những cán bộ chủ chốt yếu về trình độ, năng lực, phẩm chất, được thay bằng những cán bộ có trình độ, có tín nhiệm trong Đảng và trong quần chúng. Công tác điều động, đề bạt cán bộ được quan tâm và có bước tiến bộ về thực hiện quy trình, bảo đảm dân chủ. Trong năm 1994, Tỉnh uỷ đã cử 11 cán bộ đi học các lớp tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; đồng thời mở 25 lớp đào tạo và bồi dưỡng 1.946

^{(1) (2)} Dẫn theo: Báo cáo công tác năm 1993 - Số: 26/ BC-TU, ngày 17/1/1994, trang 9.

cán bộ làm công tác Đảng, quản lí Nhà nước và công tác đoàn thể⁽¹⁾.

Xây dựng đội ngũ cán bộ nữ là nhiệm vụ có tính chiến lược trong toàn bộ công tác cán bộ của Đảng. Nhận thức rõ điều này, ngày 28/7/1994, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã xây dựng *Chương trình hành động số 11-CT/TU* yêu cầu các cấp, các ngành trong tỉnh phổ biến và tuyên truyền Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới*. Thông qua đó, tạo sự chuyển biến về quan điểm, cơ cấu cán bộ nữ trong hàng ngũ lãnh đạo và quản lí các cấp, các ngành; đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, tuyển chọn cán bộ nữ; phát triển đảng viên là nữ để tạo nguồn cán bộ; thực hiện chính sách xã hội hóa đối với cán bộ nữ...

Bước sang năm 1995 là năm có nhiều ngày lễ kỉ niệm lớn ở trong nước: 60 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 20 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; 105 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 50 năm Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Toàn Đảng bộ tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Trong chỉ đạo, các cấp uỷ đảng tập trung vào các vấn đề: Rèn luyện và nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp, đổi mới công tác

⁽¹⁾ Dẫn theo: Báo cáo công tác năm 1994 - Số: 46/BC-TU, ngày 22/12/1994, trang 8.

cán bộ gắn với quá trình đổi mới tổ chức bộ máy các cấp và đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng.

Cùng với cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được đẩy mạnh. Trong năm 1995, toàn Đảng bộ mở được 18 lớp gồm 1.283 học viên; trong đó có 7 lớp trung, cao cấp về lí luận cho 545 cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành trong tỉnh; 11 lớp với 738 học viên⁽¹⁾, bồi dưỡng kiến thức quản lí Nhà nước, công tác xây dựng Đảng và đoàn thể. Đến hết tháng 10/1996, số lớp đã tăng lên 111, với 7.844 học viên tham gia học tập các chương trình và các lớp chuyên đề⁽²⁾. Cũng vào thời gian này, toàn tỉnh đã có 10/13 huyện, thành, thị thành lập Trung tâm Chính trị. Ngoài ra, Tỉnh uỷ còn cử hàng trăm cán bộ của tỉnh và huyện, thành, thị đi đào tạo bồi dưỡng tại các lớp do Trung ương mở.

Từ cuối năm 1995, các cấp đảng bộ tổ chức đại hội, tiến tới Đại hội lần thứ VII Đảng bộ tỉnh. Công tác tổ chức xây dựng Đảng đã được các cấp uỷ tập trung chỉ đạo trong quá trình đại hội. Việc chuẩn bị báo cáo chính trị và chuẩn bị nhân sự đại hội được chỉ đạo chặt chẽ, đảm bảo quy trình, do đó nhìn chung, đại hội đảng các cấp đã đảm bảo được yêu cầu đề ra là: *Trí tuệ - Đổi mới - Dân chủ - Kỷ cương - Đoàn kết*. Sau đại hội, đội ngũ cán bộ chủ

⁽¹⁾ Dẫn theo: Báo cáo tổng kết năm 1995 - Số 67/BC-TU, ngày 8/12/1995, trang 9.

⁽²⁾ Dẫn theo: Báo cáo công tác năm 1996 - Số 07-BC/TU, ngày 23/12/1996.

chốt các cấp, các ngành được kiện toàn một bước. Nhiều đảng bộ cấp huyện tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức cơ sở đảng, phát động phong trào thi đua xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh đối với cơ sở đảng và cấp trên cơ sở trong toàn tỉnh.

Ngày 5/5/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII được khai mạc trọng thể tại Rạp chiếu bóng nhân dân thành phố Thái Nguyên. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đã nêu phương hướng công tác tổ chức xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ mới là chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực trên các mặt công tác, nhất là công tác cán bộ. Phải củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng kết hợp chặt chẽ với nâng cao chất lượng đảng viên, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt của công tác tổ chức để thực hiện mục tiêu xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, từng bước thu hẹp và tiến tới không còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng trong các tổ chức đảng. Mở rộng dân chủ trong Đảng, khắc phục tình trạng độc đoán, chuyên quyền, hoặc buông lỏng về tổ chức, kỷ luật. Thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên. Nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, quản lý chặt chẽ đảng viên. Có kế hoạch phát triển đảng viên mới nhằm

vào các đối tượng tuổi trẻ có thành tích trong lao động sản xuất, công tác và học tập, chú ý thành phần công nhân, dân tộc ít người, phụ nữ.

Công tác cán bộ là một vấn đề được Đảng bộ coi trọng. Bản Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ chỉ rõ: Phải làm tốt công tác tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp, các ngành; không ngừng nâng cao kiến thức, năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt. Phải đổi mới về đánh giá, nhận xét, đề bạt và giải quyết chính sách cán bộ; mạnh dạn bổ nhiệm những cán bộ trẻ có phẩm chất, trình độ, năng lực phù hợp với yêu cầu của công cuộc đổi mới. Thực hiện tốt nguyên tắc Đảng trực tiếp và thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ.

Để đạt được những mục tiêu đó, trước hết các tổ chức đảng và cấp uỷ đảng trong toàn Đảng bộ phải thực sự chăm lo tới công tác tổ chức xây dựng Đảng; tăng cường công tác bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lí luận chính trị cho đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức ở các cấp, các ngành.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1996 - 2000.

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII chưa được bao lâu thì tình hình có những chuyển biến mới. Ngày 6/11/1996, tại kì họp lần thứ 10, Quốc hội (khoá IX) nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết chia tách và điều chỉnh địa giới một

số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được tách thành hai tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên, có địa giới như trước khi hợp nhất (7/1965) và hoạt động theo đơn vị hành chính mới kể từ ngày 1/1/1997.

Ngay sau khi có nghị quyết của Quốc hội, ngày 20/11/1996, Tỉnh uỷ Bắc Thái đã họp Hội nghị lần thứ 5, nhằm quán triệt chỉ thị của Bộ Chính trị, Nghị quyết kì họp thứ 10 của Quốc hội khoá IX và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc chia tách tỉnh. Hội nghị nêu rõ phải làm tốt công tác tư tưởng để cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhận thức đầy đủ yêu cầu khách quan những lợi ích lâu dài cũng như các khó khăn ban đầu của việc chia tách tỉnh. Trong quá trình tiến hành chia tách tỉnh, phải bảo đảm các mặt kinh tế, xã hội phát triển bình thường, đẩy mạnh sản xuất, giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Hội nghị nhấn mạnh phải tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết hơn 30 năm hợp nhất tỉnh, tăng cường đoàn kết hợp tác, giúp đỡ nhau trong và sau thời gian chia tỉnh để hai tỉnh cùng phát triển; kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện tư tưởng cục bộ, hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa. Hội nghị thông qua Nghị quyết (số 02-NQ/TU) *Về lãnh đạo việc chia tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, đề ra yêu cầu chủ yếu cần đạt được khi tiến hành chia tách tỉnh là: Đoàn kết - Tiết kiệm - Phát triển.*

Hội nghị Tỉnh uỷ còn nêu lên một số nguyên tắc chỉ đạo công tác chia tách tỉnh: *"Không nhất thiết tỉnh cũ có tổ chức gì thì tỉnh mới có đủ tổ chức đó. Quy mô của tổ*

chức căn cứ vào nhiệm vụ chính trị và điều kiện thực tế để lựa chọn và xây dựng cụ thể. Cần quán triệt tinh thần đổi mới, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính trong xây dựng bộ máy Đảng, chính quyền các đoàn thể gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả cao”⁽¹⁾. Việc bố trí cán bộ bảo đảm thực hiện được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Mỗi cơ quan đơn vị căn cứ vào số lượng cán bộ hiện có để điều chuyển về tỉnh Bắc Kạn cho phù hợp với yêu cầu công tác. Hội nghị Tỉnh uỷ chỉ rõ: Đối với cán bộ lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, nên phân công về một đồng chí lãnh đạo, để lãnh đạo cơ quan làm việc được ngay. Trường hợp đặc biệt, thì điều động đề bạt cán bộ đủ tiêu chuẩn để điều hành công việc theo phân cấp về công tác quản lý cán bộ. Đối với cán bộ, công nhân viên thì phân chia theo hướng chuyển khoảng 1/3 số biên chế hiện có lên Bắc Kạn công tác, những bộ phận có yêu cầu thì phải bố trí nhiều hơn. Trong quá trình làm việc, tiếp tục hoàn chỉnh và sắp xếp đủ yêu cầu biên chế. Nguồn tuyển bổ sung lấy từ cấp huyện, thị là chính...

Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ nhấn mạnh: Khi chọn, cử cán bộ, công nhân viên về công tác tại hai tỉnh, phải bảo đảm nguyên tắc: Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, theo phân cấp quản lý cán bộ và tiêu chuẩn cán bộ. Tránh cách

⁽¹⁾ Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ 5 về lãnh đạo việc chia tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Số 02-NQ/TU, ngày 20/11/1996.

làm giản đơn, máy móc, phân chia biên chế, cán bộ đơn thuần căn cứ vào nguồn gốc quê quán của cán bộ, v.v... Cần chọn cử các đồng chí có khả năng, điều kiện và nghiệp vụ để công tác có hiệu quả cao. Cần xem xét hoàn cảnh của từng cán bộ để bố trí điều chuyển cho thấu lý - đạt tình.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo trên đây, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ khẩn trương tiến hành sắp xếp bộ máy và phân công cán bộ hai tỉnh. Nhờ đó, việc chia tách tỉnh diễn ra nhanh chóng và đảm bảo những yêu cầu do Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ 5 đề ra.

Như vậy, từ năm 1991 đến năm 1996, trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, công tác tổ chức xây dựng Đảng càng trở nên hết sức quan trọng. Được sự quan tâm thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh trong giai đoạn này có nhiều chuyển biến mới. Cùng với việc tổ chức học tập các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, toàn Đảng bộ đã mở 254 lớp cho 12.885 lượt cán bộ các cấp nghiên cứu những vấn đề cơ bản về lí luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những chính sách quan trọng khác của Đảng và Nhà nước. Tỷ lệ phát triển Đảng ngày một tăng, từ 400 - 500 đảng viên mới mỗi năm trong những năm 1990 - 1991, đã tăng lên trên 1.000 đảng viên mới mỗi năm trong những năm 1994 - 1995⁽¹⁾. Cấp uỷ đảng các cấp

⁽¹⁾ Dẫn theo: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, ngày 5/5/1996, trang 9, 10.

được trẻ hoá một bước, chất lượng cũng được nâng lên, tỉ lệ đảng viên có trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ tham gia cấp uỷ, Hội đồng nhân dân và các đoàn thể cao hơn nhiệm kì trước. Tỉ lệ cấp uỷ có trình độ văn hoá cấp 3 trở lên ở cơ sở chiếm 45%, cấp uỷ huyện và tương đương chiếm 79,8%, cấp uỷ tỉnh chiếm 97,9%⁽¹⁾.

Bên cạnh thành tích và ưu điểm, công tác quy hoạch và kế hoạch đào tạo cán bộ chưa đáp ứng kịp với yêu cầu phát triển của tình hình; chưa có một chiến lược cơ bản giải quyết vấn đề tổ chức cơ sở cả về Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Từ việc thực hiện tiêu chuẩn hoá từng chức danh đến quy chế làm việc và chính sách chế độ, đội ngũ cán bộ nhiều nơi còn thiếu cả về số lượng và trình độ, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thời kì mới. Nhiều tổ chức cơ sở đảng sinh hoạt không đều, nội dung sinh hoạt chưa bảo đảm tính lãnh đạo, tính chiến đấu và tính giáo dục. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hoá biến chất chậm được xử lí...

Những hạn chế, thiếu sót trên đây đã ảnh hưởng không tốt đến chất lượng các mặt công tác của Đảng bộ. Yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm trước mắt đòi hỏi phải có biện pháp khắc phục nhằm đưa công tác tổ chức và xây dựng Đảng của Đảng bộ đạt nhiều kết quả tốt hơn.

⁽¹⁾ Dẫn theo: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, ngày 5/5/1996, trang 9, 10.

Tóm lại, trải qua 10 năm (1986 - 1996), công tác tổ chức và xây dựng Đảng của Đảng bộ có nhiều chuyển biến. Dù còn có nhiều mặt hạn chế, yếu kém, nhưng công tác tổ chức và xây dựng Đảng thời kì này đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng trong Đảng bộ. Đây chính là một trong những nhân tố có tính quyết định đảm bảo hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V và VI đề ra, tạo tiền đề vững chắc khi bước sang thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Chương VII

**CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG
TRONG THỜI KÌ 1997 – 2010**

I- Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV (1997 – 2000)

Vào nửa sau những năm 90 thế kỉ XX, tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp. Sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào. Trong khi đó, các cuộc xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất. Nhân loại đứng trước nhiều vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu. Đó là tình trạng ô nhiễm môi trường, sự bùng nổ dân số, các bệnh tật hiểm nghèo... Sự tham gia của các quốc gia vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại... ngày càng tăng; đồng thời sự cạnh tranh cũng rất gay gắt.

Ở trong nước, trải qua 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, nhân dân ta đã đạt được nhiều kết quả to lớn. Đất nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng và kéo dài, tạo tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kì phát triển mới: Thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Quan hệ giữa nước ta với các nước trên thế

giới ngày càng mở rộng.

Đó chính là những thời cơ, thuận lợi lớn cho đất nước tiếp tục phát triển đi lên. Tuy nhiên, đất nước ta cũng đứng trước nhiều khó khăn, trở ngại. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu Đảng giữa nhiệm kì (1/1994) nêu lên đến lúc này vẫn là những thách thức lớn. Những thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu *diễn biến hoà bình*, thường xuyên dùng chiêu bài “*dân chủ*”, “*nhân quyền*” để can thiệp vào nội bộ nước ta. Tình trạng tham nhũng, suy thoái ở một bộ phận không ít trong cán bộ, đảng viên rất nghiêm trọng.

Tỉnh Thái Nguyên sau khi được tái lập vừa có nhiều thuận lợi, vừa có nhiều khó khăn không nhỏ. Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh biết khai thác thế mạnh, phát huy nội lực, từng bước khắc phục khó khăn. Nhờ đó, trong gần một năm kể từ sau ngày tái lập tỉnh, các mặt kinh tế - xã hội vẫn giữ vững nhịp độ phát triển; hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 1997 đều tăng hơn năm 1996.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 14/11/1997. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tại Đại hội đã khẳng định: “*Việc tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, chủ trương, chính sách của Chính phủ nghiêm túc, kịp thời, được đông đảo các tầng lớp nhân dân đồng tình ủng hộ. Một số chính sách mới đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo ra không khí phấn*

khởi thúc đẩy hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế xã hội của địa phương”; “... Công tác xây dựng chính quyền từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm, việc cải cách thủ tục hành chính đã có chuyển biến bước đầu, tổ chức chỉ đạo bầu cử đại biểu Quốc hội khoá X đạt kết quả tốt, bảo đảm an toàn, tiết kiệm và đúng luật”; “Việc sắp xếp kiện toàn bộ máy, bố trí cán bộ chủ chốt của các địa phương, đơn vị được tập trung chỉ đạo tiến hành khẩn trương theo hướng trẻ hoá và nâng cao năng lực lãnh đạo trên các lĩnh vực. Đáp ứng yêu cầu ổn định và từng bước chuẩn bị đội ngũ cán bộ cho giai đoạn tới”.

Trên cơ sở đánh giá tình hình, đồng thời quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996), Đại hội lần thứ XV Đảng bộ tỉnh đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là: “Tập trung mọi nguồn lực, tranh thủ thời cơ, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tạo sự phát triển về kinh tế - xã hội với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, xây dựng tỉnh Thái Nguyên giàu đẹp với cơ cấu kinh tế Công - Nông, Lâm nghiệp - Dịch vụ; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh để cùng với cả nước tiến vào thời kì công nghiệp hoá - hiện đại hoá, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Dẫn theo: Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV, tháng 11/1997, trang 25, 26.

Bám sát mục tiêu chung đó, trong 4 năm sau ngày tái lập tỉnh, các cấp uỷ đảng tích cực chỉ đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng; tiếp tục quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, các nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 2, 3, 4 và các chỉ thị của Bộ Chính trị tới cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Công tác tổ chức và cán bộ tập trung chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng cơ sở.

Đầu năm 1998, Đảng bộ tập trung lãnh đạo việc kiện toàn Thường trực Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân tỉnh, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học - Công nghệ & Môi trường, Tư pháp, Ban Kinh tế, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ, Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Kho bạc tỉnh, Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh; thành lập Ban Cán sự Đảng Sở Thể dục thể thao. Uỷ ban Nhân dân các huyện Phú Bình, Đồng Hỷ, Phú Lương cũng được củng cố và kiện toàn. Tỉnh uỷ đã chỉ đạo đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức đoàn thể Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nhà báo, Hội Văn học - Nghệ thuật; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc đại hội chi, đảng bộ cấp cơ sở nhiệm kỳ 5 năm 2 lần. Nhìn chung đại hội cấp cơ sở được chỉ đạo chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu nội dung, đúng nguyên tắc thủ tục theo quy định của *Điều lệ Đảng* và hướng dẫn của Trung ương.

Sau 2 năm thực hiện các mục tiêu chủ yếu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, đến cuối năm 1999, về

tổ chức bộ máy, các cơ quan khối Đảng có 10 đơn vị trực thuộc Tỉnh uỷ: Văn phòng Tỉnh uỷ, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ, Ban Dân vận Tỉnh uỷ, Ban Kinh tế Tỉnh uỷ, Ban Nội chính Tỉnh uỷ, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh uỷ, Báo Thái Nguyên và Trường Chính trị tỉnh. Riêng Văn phòng Tỉnh uỷ có 1 xí nghiệp trực thuộc là Xí nghiệp nước khoáng liên doanh với nước ngoài⁽¹⁾.

Khối đoàn thể chính trị có 6 đơn vị trực thuộc: Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân và Hội Cựu chiến binh tỉnh. Khối quản lý Nhà nước có 22 đầu mối thuộc tỉnh: Văn phòng Uỷ ban Nhân dân tỉnh, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Thanh tra tỉnh, các Sở: Tư pháp, Giao thông vận tải, Thương mại - Du lịch, Địa chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính vật giá, Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Công nghiệp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá - Thông tin, Thể dục - Thể thao, Chi cục Kiểm lâm, Uỷ ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Uỷ ban Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, Hội đồng Liên minh các hợp tác xã.

Đơn vị sự nghiệp có Đài Phát thanh - Truyền hình. Các Hội nghề nghiệp cấp tỉnh được hưởng biên chế gồm có: Hội Y học dân tộc cổ truyền, Hội Chữ thập đỏ, Hội

⁽¹⁾ Cuối năm 2009, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã có quyết định chuyển giao xí nghiệp này về Sở Công nghiệp quản lý.

Văn học - Nghệ thuật, Hội Làm vườn, Hội Nhà báo.

Bên cạnh các cơ quan quản lý Nhà nước do tỉnh quản lý, còn có hệ thống các đơn vị thuộc Trung ương quản lý, đóng trên địa bàn, gồm có: Công an, Quân sự, Kiểm sát, Tòa án, Kho bạc, Thuế, Ngân hàng, Bảo hiểm, v.v...

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Cán bộ là cái gốc của mọi công việc,... công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”*, trong những năm 1997 – 2000, công tác cán bộ được các cấp ủy Đảng quan tâm lãnh đạo. Riêng trong năm 1998, Tỉnh ủy đã điều động, đề bạt, phân công 17 đồng chí Trưởng, Phó ngành cấp tỉnh; chỉ đạo bầu Bí thư Huyện ủy; 2 Phó Bí thư Huyện ủy, 4 Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình; chỉ định bổ sung 5 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ cấp huyện⁽¹⁾. Cùng năm này, 60 cán bộ được tuyển dụng vào khối Đảng, đoàn thể trong toàn tỉnh. Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã xây dựng chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt tỉnh đến năm 2005.

Tính đến cuối năm 1999, đã có 23/45 ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và các huyện, thành, thị xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ. Tổng số cán bộ trong biên chế Khối Đảng toàn tỉnh có 546 người, khối Đoàn thể có 456 người, khối quản lý Nhà nước có 1.568 người, khối Sự nghiệp có 15.417 người. Ủy viên Ban Chấp hành đảng

⁽¹⁾ Dẫn theo: Báo cáo công tác năm 1998. Số 25-BC/TU ngày 9/12/1998.

bộ các cấp gồm có 2.300 người; trong đó có 46 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và 289 Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ cấp huyện. Tổng số cán bộ thuộc diện tỉnh quản lý (bao gồm Trưởng, Phó các ban, ngành, đoàn thể các cấp) có 162 người⁽¹⁾.

Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải có đầy đủ phẩm chất chính trị và kiến thức, phải hết sức kiên định, vững vàng, thông minh, sáng tạo. Mặt khác, trong số 13 Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khoá XV (nhiệm kì 1997 – 2000), có 10 đồng chí sẽ nghỉ hưu vào năm 2000; do vậy, hơn lúc nào hết, công tác cán bộ đối với Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lúc này trở thành một vấn đề rất cấp bách. Nhận thức rõ điều ấy, Tỉnh uỷ và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết quan trọng về công tác cán bộ. Trong đó, đáng chú ý là Nghị quyết số 01-NQ/TU (26/2/1997) về *Một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cán bộ từ nay đến năm 2000*, Chỉ thị số 03-CT/TU (15/1/1998) về *Công tác quy hoạch cán bộ*... Nguồn cán bộ chủ yếu lấy từ các huyện lên và các trường đại học đóng trên địa bàn tỉnh.

Từ sau các chỉ thị, nghị quyết nêu trên, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được các cấp Đảng bộ tích cực thực hiện. Riêng trong năm 1997, Trường Chính trị tỉnh đã đào tạo, bồi dưỡng 1.340 cán bộ; trong đó, có 170 chuyên viên

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo tình hình sau 2 năm thực hiện các mục tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV. Số: 46-BC/TU, ngày 11/11/1999.

chính, 170 cán bộ lý luận trung cấp, 200 cán bộ quản lý Nhà nước, 160 cán bộ Phụ nữ, 240 cán bộ Đoàn, 100 cán bộ Mặt trận, 200 cán bộ Chính quyền cấp cơ sở và 100 cán bộ Hội Nông dân⁽¹⁾. Sang năm 1998, các trung tâm giáo dục chính trị cấp huyện đã được củng cố và kiện toàn, mở 115 lớp cho 9.700 lượt học viên học tập các chương trình lý luận và nghiệp vụ. Cùng năm này, tỉnh phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh mở một lớp cử nhân chính trị tại chức cho 128 cán bộ chủ chốt của các cấp, các ngành trong Đảng bộ; cử 63 cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các trường chính trị của Trung ương; đồng thời mở lớp bồi dưỡng cán bộ chủ chốt ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Tính chung trong 3 năm (1997 – 1999), số cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh là 2.804 người (trong đó, có 211 người theo học hệ Cao cấp và Cử nhân chính trị, 671 người hệ Trung cấp chính trị, 715 người được bồi dưỡng về quản lý Nhà nước, 262 người được bồi dưỡng kiến thức cơ bản và 945 người được bồi dưỡng nghiệp vụ các đoàn thể); số cán bộ được đào tạo bồi dưỡng tại các trường của Trung ương là 113 người (trong đó, có 14 người được bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác tổ chức)⁽²⁾.

Cùng với việc chăm lo đào tạo, bồi dưỡng để không

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1997 và một số nhiệm vụ chủ yếu năm 1998. Số 02/BC-TC, ngày 16/1/1998, trang 8.

⁽²⁾ Theo: Báo cáo tình hình sau 2 năm thực hiện các mục tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV. Tlđd.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

ngừng nâng cao trình độ lí luận và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ các cấp, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tích cực tham mưu cho Tỉnh uỷ giải quyết chế độ, chính sách cán bộ một cách kịp thời. Đến cuối năm 1999, số cán bộ được công nhận Cán bộ lão thành cách mạng trên địa bàn tỉnh là 174 người, số cán bộ tiền khởi nghĩa là 343 người. Số cán bộ đã được tặng thưởng Huân chương bậc cao có 56 người; trong đó, có 2 người được trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh, 12 người được tặng *huân chương Độc lập hạng Nhất*, 8 người được tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì, 34 người được tặng *Huân chương Độc lập hạng Ba*.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, cùng với việc chỉ đạo kiện toàn cấp uỷ ở các Đảng bộ: Thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Công ty Gang thép Thái Nguyên, Đại học Thái Nguyên..., Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiếp tục chỉ đạo triển khai chương trình công tác xây dựng Đảng, tập trung vào chuyên đề *Đánh giá thực trạng và đề ra các giải pháp nhằm nâng cao vai trò và năng lực lãnh đạo của chi bộ Đảng ở cơ sở trong toàn tỉnh*. Tính đến cuối năm 1999, toàn tỉnh có 18 đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ (trong đó 1 đảng bộ thành phố, 1 đảng bộ thị xã, 7 đảng bộ huyện và 9 đảng bộ khác); 678 tổ chức cơ sở đảng (trong đó có 324 đảng bộ cơ sở và 354 chi bộ cơ sở). Tổng số đảng viên toàn tỉnh có 46.148 người; trong đó có 44.068 đảng viên chính thức, 2.080 đảng viên dự bị và 2.996 đảng viên được miễn công tác, sinh hoạt Đảng. Trong năm 1999,

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

Tỉnh uỷ tổ chức đánh giá 30 chi bộ thuộc các loại hình: Chi bộ nông thôn, chi bộ đường phố, chi bộ khối cơ quan, chi bộ khối doanh nghiệp địa phương, khối văn hoá - xã hội, khối lực lượng vũ trang.

Thông qua khảo sát, hầu hết các chi bộ bộc lộ nhiều mặt hạn chế, yếu kém về chất lượng sinh hoạt, nội dung chưa sâu sắc, chưa bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để bàn biện pháp lãnh đạo cụ thể. Nguyên nhân của những mặt hạn chế này chủ yếu do năng lực công tác Đảng của Ban Chi uỷ, nhất là của đồng chí Bí thư chi bộ còn yếu.

Đó cũng chính là vấn đề đặt ra để các cấp đảng bộ trong tỉnh quan tâm đến công tác bồi dưỡng năng lực công tác Đảng cho cán bộ cấp uỷ. Nhiều đảng bộ trực thuộc đã tổ chức các lớp bồi dưỡng Bí thư chi bộ, điển hình là Đảng bộ các cơ quan tỉnh (từ ngày 1/7/2003, gọi là Đảng bộ Khối cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh). Vào thời điểm năm 2000, Đảng bộ các cơ quan tỉnh có 57 chi, đảng bộ trực thuộc (trong đó có 16 đảng bộ cơ sở với 105 chi, đảng bộ bộ phận dưới đảng bộ cơ sở). Trong số này, 84% Bí thư các chi, đảng bộ có trình độ từ đại học trở lên, gần 100 Bí thư là cán bộ lãnh đạo Trưởng, Phó ban, ngành của tỉnh. Trong 4 năm (1997 – 2000), Đảng uỷ các cơ quan tỉnh đã tổ chức 2 lớp bồi dưỡng cho 150 Bí thư chi bộ trực thuộc và Bí thư chi bộ dưới đảng bộ cơ sở⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Dẫn theo: *Lịch sử Đảng bộ Khối cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh Thái Nguyên (1954 – 2004)*; xuất bản 2004, trang 161.

Thực hiện các Kế hoạch số 03-KH/TW ngày 10/2/1999, số 04-KH/TW ngày 13/5/1999 của Bộ Chính trị, từ năm 1999, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Các đảng bộ trực thuộc đã tổ chức quán triệt nhanh đến hầu hết các chi bộ và đảng viên trong toàn tỉnh. Đặc biệt bước sang quý II/1999, việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tích cực chuẩn bị theo tinh thần Kế hoạch 03 của Bộ Chính trị.

Ngày 28/6/1999, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra Kế hoạch số 13-KH/TU và Hướng dẫn số 15-HD/TU Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong toàn Đảng bộ. Trong các văn kiện trên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nêu rõ mục đích, yêu cầu cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng là nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí lãnh đạo của các tổ chức đảng, của từng đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng; thông qua tự phê bình và phê bình, mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng từ tỉnh xuống đến cơ sở thấy được những ưu điểm, khuyết điểm để có biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, các chi, đảng bộ; củng cố mối quan hệ mật thiết gắn bó giữa Đảng với quần chúng...

Thực hiện Kế hoạch số 13 và Hướng dẫn số 15 của

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp uỷ trong toàn Đảng bộ đã phổ biến tới cán bộ, đảng viên những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đồng thời cung cấp các tài liệu (Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khoá VIII) phần nói về phẩm chất, đạo đức lối sống; *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*; *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Điều văn của Ban chấp hành Trung ương tại lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh; bài *Nâng cao đạo đức Cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân* của Bác Hồ...) phục vụ cho cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nhận thức rõ điều này, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), lập Tổ Công tác giúp Ban Chỉ đạo hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp thông tin, phản ánh kịp thời những việc làm được, chưa làm được, những vướng mắc ở các địa phương, đơn vị để Tỉnh uỷ chỉ đạo sâu sát, kịp thời hơn. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã chọn Đảng bộ huyện Phú Lương và Đảng bộ Công an tỉnh để làm chỉ đạo điểm sinh hoạt tự phê bình và phê bình. Kinh nghiệm ở những nơi làm điểm của tỉnh và của các địa phương đã góp phần khắc phục những lúng túng, sai sót trong quá trình triển khai ra diện rộng, trong công tác chuẩn bị cũng như khi tiến hành tự phê bình và phê bình.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phổ biến quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Trung

ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác chuẩn bị kiểm điểm tự phê bình và phê bình của các tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ được tiến hành nghiêm túc, theo quy trình chặt chẽ. Việc quán triệt Nghị quyết và các văn bản được các cấp uỷ đảng, Ban Cán sự đảng, Đảng đoàn tổ chức thực hiện nghiêm túc và đầy đủ. Số cán bộ, đảng viên được quán triệt học tập đạt tỉ lệ cao; nhiều đơn vị đạt tỉ lệ 100%. Đợt học tập đã tạo được những chuyển biến quan trọng về nhận thức, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng cũng như cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nhờ đó đã khắc phục được khuynh hướng tư tưởng trong một số cán bộ, đảng viên muốn làm nhanh, làm lướt, không chú trọng đến chất lượng và hiệu quả khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Bước 1 của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng diễn ra với tinh thần khẩn trương, tích cực, sâu sắc. Đội ngũ cán bộ đảng viên, trước hết là cán bộ chủ chốt, thấy được tầm quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng lần này là sự “sống còn” của Đảng ta và chế độ ta, thấy rõ trách nhiệm của các cấp bộ đảng phải làm cho cuộc vận động đi vào cuộc sống, nắm được mục đích, yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp và kế hoạch triển khai cuộc vận động từ tỉnh đến cơ sở. Ban Chỉ đạo cuộc vận động của tỉnh được thành lập ngay trong bước 1; từ đầu tháng 7 năm 1999, bước 2 (là bước trọng tâm - tiến

hành tự phê bình và phê bình) được triển khai ở các cấp trong toàn Đảng bộ.

Theo sự chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị, tập thể Ban Thường vụ và cá nhân các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ những ưu điểm, những mặt cố gắng, tích cực; đồng thời cũng thấy rõ những khuyết điểm, thiếu sót và nguyên nhân của khuyết điểm, đề ra các biện pháp sửa chữa, khắc phục. Trong tự phê bình và phê bình, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, chân thành thẳng thắn, góp ý với tinh thần xây dựng, giữ được sự đoàn kết thống nhất.

Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành tự phê bình và phê bình, rút kinh nghiệm chỉ đạo ở Đảng bộ huyện Phú Lương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị chỉ đạo các huyện, thành, thị ủy, các đảng ủy trực thuộc, các Ban Cán sự đảng, Đảng đoàn, các sở, ban ngành, đoàn thể trong việc chuẩn bị cũng như tiến hành tự phê bình và phê bình; phân công cụ thể các đồng chí Ủy viên Thường vụ, các thành viên Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo, nghe, tham gia ý kiến từ khâu chuẩn bị cho đến khi tiến hành kiểm điểm, đảm bảo yêu cầu, nội dung, thời gian đã đề ra.

Đến ngày 15/6/2000, toàn Đảng bộ có 70/70 đơn vị trực thuộc (trong đó có 18/18 Đảng bộ; 52/52 sở, ban, ngành, đoàn thể), 610/672 (90,77%) tổ chức cơ sở đảng đã hoàn thành đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình với tinh thần dân chủ, thẳng thắn.

Sau một năm triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), qua 2 bước thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã đạt được một số kết quả bước đầu:

- *Một là*, đã tạo được chuyển biến tích cực trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên về xây dựng Đảng và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong tự phê bình và phê bình đã thể hiện tính xây dựng, không có biểu hiện lợi dụng để giải quyết các mắc mưu cá nhân, gây mất đoàn kết.

- *Hai là*, các tổ chức đảng đã hiểu rõ hơn, sâu hơn tình hình và những vấn đề nổi cộm ở từng tập thể, cá nhân; các cấp uỷ hiểu rõ hơn, nắm chắc hơn tình hình đội ngũ cán bộ, đảng viên ở đơn vị mình, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành.

- *Ba là*, những thiếu sót trong đạo đức, lối sống của nhiều cán bộ, đảng viên được đưa ra để đấu tranh, phê phán, ngăn chặn. Tình trạng lãng phí, quà cáp trong dịp lễ tết, chơi bời, quan liêu, tham nhũng... được răn đe, hạn chế. Thông qua cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 79 cán bộ, đảng viên; trong đó có 28 cán bộ thuộc diện Tỉnh uỷ quản lý⁽¹⁾.

- *Bốn là*, công tác tổ chức bước đầu được củng cố, nhận thức của cán bộ, đảng viên về nguyên tắc tập trung

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo sơ kết một năm thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Số 59 -BC/TU, ngày 26/6 /2000.

dân chủ được đầy đủ và thực hiện tốt hơn; đoàn kết nội bộ ở nhiều nơi được tăng cường; nền nếp làm việc bước đầu có đổi mới.

- *Năm là*, thông qua đợt triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ có đủ cơ sở để sắp xếp, điều chỉnh đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) trong Đảng bộ còn bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót:

- *Thứ nhất*, trong chuẩn bị tự kiểm điểm bổ sung, một số ít tập thể, cá nhân chưa nghiêm túc, còn hời hợt, nêu thành tích nhiều, khuyết điểm đổ lỗi cho khách quan, chưa thấy hết trách nhiệm của chính mình; cá biệt có trường hợp phải yêu cầu làm lại.

- *Thứ hai*, trong tự phê bình và phê bình, còn có biểu hiện né tránh, chưa chỉ rõ địa chỉ, chỉ rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với những thiếu sót, khuyết điểm; chưa thấy hết nguyên nhân chủ quan, trách nhiệm của chính tập thể, cá nhân mình.

- *Thứ ba*, việc xây dựng chương trình, biện pháp cụ thể để sửa chữa khuyết điểm của tập thể, cá nhân ở nhiều địa phương, đơn vị không sát thực tế và chưa cụ thể...

Những hạn chế, thiếu sót trên đây từng bước được

khắc phục trong quá trình thực hiện bước 3 cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Tuy có một số hạn chế, thiếu sót nêu trên, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã góp phần nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên trong Đảng bộ. Số cơ sở đảng trong sạch vững mạnh từ năm 1997 đến năm 2000 đều tăng. Năm 1997, trong số 652/653 cơ sở đảng được phân loại, có 424 cơ sở (65,03%) đạt trong sạch vững mạnh; 207 cơ sở (31,74%) đạt loại khá và 21 cơ sở (3,22%) loại yếu kém. Sang năm 1998, trong số 670/678 cơ sở đảng được phân tích chất lượng, có 497 cơ sở (74%) đạt trong sạch vững mạnh; 165 cơ sở (24%) loại khá; 8 cơ sở (gần 2%) yếu kém⁽¹⁾. Đến năm 2000, trong số 672/673 cơ sở được phân loại, có 508 cơ sở (75,6%) đạt trong sạch vững mạnh, 152 cơ sở (22,61%) loại khá và 10 cơ sở (1,49%) loại yếu kém.

Số đảng viên đủ tư cách qua các năm cũng tăng lên. Năm 1998, trong số 42.553/46.148 đảng viên được phân loại, có 37.208 đảng viên (87,43%) đủ tư cách; 5001 đảng viên (11,75%) đủ tư cách nhưng có hạn chế từng mặt; 219 đảng viên (0,52%) có vi phạm tư cách; 97 đảng viên (0,22%) không đủ tư cách, phải đưa ra khỏi Đảng. Sang năm 1999, số đảng viên đủ tư cách tăng lên 90,88%. Đến năm 2000, theo tiêu chuẩn mới, trong số 45.216/48.338

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo tình hình sau 2 năm thực hiện các mục tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV. Tlđđ.

đảng viên được phân loại, có 40.583 đảng viên (89,8%) đủ tư cách loại I, 4.261 đảng viên (9,5%) đủ tư cách loại II, 310 đảng viên (0,7%) đủ tư cách loại III; số đảng viên không đủ tư cách, phải đưa ra khỏi Đảng giảm xuống còn 0,12%.

Cùng với việc củng cố nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, công tác phát triển đảng viên được các cấp uỷ trong Đảng bộ thường xuyên quan tâm. Nhờ đó, số đảng viên mới kết nạp qua các năm trong nhiệm kì đều vượt chỉ tiêu. Năm 1997, kết nạp 1.682 đảng viên (tăng 16,73% so với năm 1996); năm 1998 kết nạp 2.008 đảng viên (tăng 19,44% so với năm 1997); năm 1999 kết nạp 1.890 đảng viên (vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV và nghị quyết của Tỉnh uỷ đầu năm); năm 2000 kết nạp 1.990 đảng viên (vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV và nghị quyết của Tỉnh uỷ đầu năm).

Năm 2000, là năm có nhiều ngày lễ kỉ niệm lớn; là năm kết thúc thế kỉ XX, chuẩn bị bước vào thế kỉ XXI. Đây cũng là năm kết thúc nhiệm kì Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XV. Từ thời điểm này, 10/13 Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lần lượt nghỉ hưu theo chế độ. Trong tình hình ấy, nhằm “... *tạo chuyển biến mới trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cấp Huyện, Thành phố, thị xã và các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh đảm bảo sự kế thừa, liên tục và đồng bộ của đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ chính trị trong*

giai đoạn mới”⁽¹⁾, ngày 25/5/2000, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra bản Kết luận số 544-KL/TU V/v sắp xếp, điều chỉnh một bước cán bộ lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện và cơ sở.

Theo bản Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đối tượng sắp xếp, điều chỉnh là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; lãnh đạo chủ chốt cấp huyện; lãnh đạo chủ chốt cấp cơ sở, Giám đốc doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh và một số cán bộ khoa học kỹ thuật. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ được giao trách nhiệm phối hợp với các ban, ngành địa phương có liên quan xây dựng đề án cụ thể để trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định.

Sự lớn mạnh của Đảng bộ cả về số lượng và chất lượng là một trong những nhân tố quyết định làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2000, hoạt động của các ngành kinh tế quan trọng về cơ bản đã đi vào thể ổn định và phát triển với tốc độ đạt gần bằng mức bình quân chung của cả nước; GDP tăng 6,3%, vượt chỉ tiêu kế hoạch và cao hơn nhiều so với năm trước; giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng tăng 14,5%, nông nghiệp tăng 4,7%, dịch vụ tăng 8%, xuất khẩu địa phương tăng 18% so với năm 1999. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ có nhiều chuyển biến tích cực. Sản lượng lương thực quy thóc đạt trên 32 vạn tấn, là mức cao nhất

⁽¹⁾ Dẫn theo: Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ V/v sắp xếp, điều chỉnh một bước cán bộ lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện và cơ sở. Số 544-KL/TU, ngày 25/5/2000, trang 1.

từ trước đến lúc bấy giờ. Các chương trình kinh tế - xã hội được thực hiện với quy mô rộng hơn, tạo ra được sự phát triển nhanh hơn về kết cấu hạ tầng, nhất là về giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế. Đời sống của nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh được cải thiện và nâng lên rõ rệt...

Bên cạnh những thành tích, ưu điểm, công tác tổ chức xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ 1997 - 2000 còn một số mặt hạn chế. Năng lực đội ngũ cán bộ và công tác tổ chức cán bộ chưa theo kịp yêu cầu đổi mới; chưa làm tốt công tác tạo nguồn cán bộ nên còn bị động, chắp vá trong bố trí cán bộ và thiếu những chuyên gia giỏi trên nhiều lĩnh vực. Bộ máy của hệ thống chính trị chưa tinh gọn. Một số cán bộ thiếu rèn luyện, kém gương mẫu, tham nhũng, cá nhân chủ nghĩa. Những hạn chế này đã ảnh hưởng không tốt đến chất lượng lãnh đạo các mặt công tác của Đảng bộ. Đó cũng chính là yêu cầu đặt ra cần phải được giải quyết trong những năm tiếp theo.

II- Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI (2001 - 2005)

Bước vào năm 2001 - năm đầu tiên của thế kỷ XXI, đất nước ta đã trải qua 15 năm đổi mới với những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội. Đây là năm Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVI theo tinh thần “Trí tuệ - Dân chủ - Đoàn kết - Đổi mới”, với niềm tự hào và khí thế cách mạng của một tỉnh vừa mới được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu

Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tiếp đến là Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX (4/2001) nhằm đi sâu tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc để từ đó phát triển và hoàn thiện đường lối, định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập kỉ đầu thế kỉ XXI.

Đối với tỉnh Thái Nguyên, bước sang năm 2001, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực sản xuất đã có những dấu hiệu phục hồi và đạt mức tăng trưởng khá; đời sống nhân dân ổn định, mức thu nhập của nhân dân nhiều vùng được nâng lên. Nhìn chung, thái độ chính trị của các tầng lớp nhân dân có nhiều biểu hiện tích cực: Tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, quan tâm nhiều đến các sự kiện quan trọng của đất nước, của địa phương...

Bên cạnh những thuận lợi kể trên, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên phải đối mặt với nhiều *khó khăn, thách thức*, mà lớn nhất là đi lên từ một tỉnh nghèo, kinh tế kém phát triển, công nghệ và thiết bị sản xuất lạc hậu. Trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt, khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế của tỉnh so với cả nước còn lớn. Năng lực của đội ngũ cán bộ còn yếu so với yêu cầu đổi mới; lực cản của nếp nghĩ cũ, cách làm cũ còn nhiều. Một bộ phận cán bộ sa sút về phẩm chất đạo đức, quan liêu, tham nhũng. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc cần phải tập trung giải quyết...

Trong bối cảnh ấy, Đại hội đại biểu lần thứ XVI Đảng

bộ tỉnh Thái Nguyên được tổ chức (3 – 5/1/2001). Xuất phát từ đặc điểm tình hình của địa phương, Đại hội đã đề ra mục tiêu tổng quát trong nhiệm kì 2001 – 2005 là: *“Phát huy cao độ mọi nguồn lực để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, củng cố vững chắc quốc phòng – an ninh; tăng cường đoàn kết, giữ vững kỉ cương, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh”*⁽¹⁾.

Nhận thức rõ vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng là nhiệm vụ then chốt, Đại hội nêu rõ: Trong nhiệm kì 2001 – 2005, toàn Đảng bộ tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với 10 công việc lớn đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), phấn đấu tạo được những chuyển biến sâu sắc hơn, đạt kết quả rõ nét hơn trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Theo hướng ấy, ngay từ đầu năm, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XVI) đã ra Nghị quyết số 01-NQ/TU *Về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng năm 2001*. Trong công tác xây dựng Đảng, đi đôi với việc giáo dục rèn luyện đảng viên, các cấp uỷ Đảng đã chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, đặc biệt là phương thức lãnh đạo của cấp uỷ cơ sở: Đổi mới phương pháp và quy trình ra các nghị quyết, chỉ thị; đổi mới về

⁽¹⁾ Dẫn theo: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI. Tháng 1/2001, trang 20.

nội dung lãnh đạo, phong cách công tác; phân biệt rõ chức năng lãnh đạo của tổ chức Đảng với chức năng quản lý Nhà nước; đồng thời nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng. Sau Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2001 - 2005, các cấp uỷ đều tiến hành xây dựng quy chế và chương trình làm việc. Việc xây dựng và ban hành các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của các cấp uỷ từ tỉnh đến cơ sở có sự đổi mới và tiến bộ, tổ chức thực hiện có hiệu quả, sát với thực tế cuộc sống. Công tác lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng đã tập trung vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và phát huy vai trò của các đoàn thể trong thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và chất lượng sinh hoạt Đảng có bước tiến bộ rõ nét. Các bước trong quy trình phân tích chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng hằng năm được các cấp uỷ lãnh đạo thực hiện chặt chẽ, có nền nếp.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên được chú trọng. Các cấp uỷ và các tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ đã chủ động tuyên truyền, giáo dục, trước hết là tập trung vào Nghị quyết và các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh; các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế - xã hội, về quốc phòng - an ninh, về củng cố, xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là về công cuộc đổi mới, chỉnh

đồn Đảng. Các cấp đảng bộ kịp thời tổ chức học tập quán triệt và tuyên truyền đến đảng viên, quần chúng tình hình thế giới, tình hình trong nước và tình hình của tỉnh; phổ biến rộng rãi kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá xã hội và đời sống; động viên phong trào thi đua lao động sản xuất nhân các ngày kỉ niệm lớn trong năm.

Thực hiện Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 29/6/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc tổ chức nghiên cứu, phổ biến, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI theo phương châm *Thiết thực - Sâu sắc - Rộng khắp*, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững những quan điểm cơ bản và những nội dung chủ yếu trong các văn kiện Đại hội IX của Đảng, văn kiện Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh; nâng cao nhận thức, thống nhất tư tưởng và hành động, quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Theo kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các lớp nghiên cứu, học tập quán triệt Nghị quyết đã được mở ở tỉnh và các huyện, thành, thị uỷ, các đảng uỷ trực thuộc. Việc nghiên cứu, học tập và tuyên truyền Nghị quyết Đại hội được chỉ đạo chặt chẽ từ tỉnh đến cơ sở.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước được tổ chức nghiên cứu, quán triệt cho cán bộ chủ chốt của tỉnh,

các Giám đốc, Bí thư đảng uỷ, Chủ tịch công đoàn các doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh. Sau đó, Nghị quyết tiếp tục được tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện ở các đảng bộ trực thuộc, trong các doanh nghiệp Nhà nước.

Chế độ thông tin 2 chiều trong Đảng và thông qua các tổ chức của hệ thống chính trị, các phương tiện thông tin đại chúng được quan tâm, giúp cho cấp uỷ các cấp chỉ đạo sát hơn về công tác tư tưởng, uốn nắn những nhận thức lệch lạc về đường lối, chính sách, những hiểu biết thiết thực về tình hình thế giới, tình hình trong nước và thực tiễn của địa phương.

Thông qua việc giáo dục lý luận chính trị rộng rãi trong toàn Đảng bộ, đa dạng hoá các phương thức tuyên truyền, vận động, công tác tư tưởng đã làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức sâu sắc hơn về đường lối, chính sách của Đảng; góp phần quan trọng vào việc động viên quần chúng phấn khởi tham gia thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trên địa bàn tỉnh.

Chăm lo đến việc rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, các cấp bộ đảng trong toàn Đảng bộ đã tiến hành triển khai đợt sinh hoạt chính trị theo tinh thần Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII; quán triệt *Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm, Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Pháp lệnh cán bộ công chức.*

Thực hiện Kế hoạch 07-KH/TU của Ban Thường vụ

Tỉnh uỷ, các cấp uỷ và tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị đã xây dựng thành kế hoạch cụ thể, sát hợp với tình hình của đảng bộ, cơ quan, đơn vị. Việc kiểm điểm trong toàn Đảng bộ được chỉ đạo chặt chẽ. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đã tiến hành kiểm điểm tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên tiến hành kiểm điểm ở cơ quan và tổ chức đảng nơi công tác. Có một số cấp uỷ làm chưa kỹ, chưa đầy đủ các bước theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo đã được gợi ý kiểm điểm lại. Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã gợi ý kiểm điểm lại 9 đơn vị, 105 cơ sở (92,10%). Đảng bộ Đồng Hỷ, Phú Lương... đã tiến hành gợi ý kiểm điểm cho cán bộ chủ chốt.

Qua kiểm điểm, những vi phạm, khuyết điểm của đảng viên được làm rõ, vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật đều được xử lý nghiêm minh. Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, Đồng Hỷ, Sông Công, Đại Từ, Phú Lương, Định Hoá, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Đảng bộ các cơ quan tỉnh có kế hoạch và chỉ đạo thực hiện đợt sinh hoạt chính trị chặt chẽ, thu kết quả tốt. Nhìn chung, đợt sinh hoạt chính trị đã có tác dụng tích cực về giáo dục rèn luyện, nâng cao chất lượng đảng viên và vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng.

Việc xây dựng, củng cố tổ chức đảng là một nội dung quan trọng luôn được Đảng bộ quan tâm. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiến hành sắp xếp lại các cơ quan thuộc khối Đảng ở tỉnh, từ

10 cơ quan, giảm xuống còn 7 cơ quan; chỉ đạo khối Nhà nước sắp xếp các sở, ngành bình quân từ 6 phòng, giảm xuống còn 4 phòng; ở cấp huyện từ 12 phòng, ban, giảm xuống còn 10 phòng, ban. Nội bộ các cơ quan đảng từ tỉnh đến huyện, thành, thị và các đảng bộ trực thuộc được sắp xếp hợp lý, tinh gọn, nâng cao một bước về chất lượng và năng lực làm việc. Quá trình cải cách bộ máy được tiến hành nghiêm túc theo sự chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ. Với việc giảm 465 người trong khối quản lý Nhà nước, các tổ chức đảng, đoàn thể và đơn vị sự nghiệp (năm 2001), Thái Nguyên là tỉnh thực hiện tinh giản biên chế theo đúng kế hoạch Trung ương giao.

Các cơ quan tham mưu của các cấp ủy đảng cũng được sắp xếp, tổ chức lại theo hướng tinh giản. Ở cấp tỉnh, trước đây có 10 đơn vị, sau khi sắp xếp, giải thể 3 ban (Nội chính, Kinh tế, Bảo vệ chính trị nội bộ), nay còn 7 đơn vị: Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên giáo, Dân vận, Văn phòng, Báo Thái Nguyên và Trường Chính trị tỉnh. Ở cấp huyện còn 6 đơn vị: Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên giáo, Dân vận, Văn phòng và Trung tâm bồi dưỡng chính trị. Hầu hết các đảng bộ trực thuộc còn lại đều có 2 cơ quan tham mưu là Ủy ban Kiểm tra và Ban Xây dựng Đảng (Văn phòng Đảng ủy). Nhìn chung các ban tham mưu cho cấp ủy đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

Sau đại hội đảng các cấp, tổ chức và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh xuống đến cơ sở được kiện

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

toàn theo hướng tinh gọn hơn, hiệu quả hơn. Các cấp uỷ và tổ chức đảng từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo, xây dựng được quy chế và chương trình làm việc cụ thể; làm rõ hơn chức năng nhiệm vụ của tập thể và cá nhân; giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của tổ chức đảng với vai trò quản lý của các cơ quan Nhà nước, vai trò của các cơ quan tham mưu và các đoàn thể. Các chỉ thị, nghị quyết của cấp uỷ và tổ chức đảng được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo chất lượng và có tính khả thi hơn.

Điều đáng chú ý là công tác xây dựng Đảng từ năm 2001 đã tập trung hướng mạnh về cơ sở, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Việc triển khai công tác xây dựng cơ sở đảng trong sạch vững mạnh được đẩy mạnh. Thông qua đó, hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng có nhiều chuyển biến tích cực, thể hiện rõ vai trò hạt nhân lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Công tác chính trị, tư tưởng của các cơ sở Đảng được tăng cường. Công tác tổ chức, phương thức lãnh đạo và phương pháp công tác có nhiều chuyển biến. Công tác phát triển Đảng có nhiều tiến bộ. Riêng năm 2001, toàn Đảng bộ kết nạp được 2.657 đảng viên, vượt 47,6 1 % so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra.

Cùng với việc tổ chức, sắp xếp lại hệ thống các cơ quan khối Đảng, công tác kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền các cấp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) cũng được đẩy mạnh. Trên cơ sở rà soát lại

chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ chế hoạt động và quy chế làm việc, cơ quan Nhà nước các cấp của tỉnh đã tiến hành sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn; đồng thời thực hiện giảm biên chế theo sự chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ; thực hiện mạnh hơn việc phân cấp quản lí, định rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng công chức và tổ chức; khắc phục tình trạng chồng chéo về nhiệm vụ, chức năng; tập trung kiện toàn hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn.

Đối với các cơ quan tư pháp, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo triển khai đồng bộ các nội dung về cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị; rà soát đánh giá lại đội ngũ, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp; đồng thời sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, tập trung làm tốt công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan tư pháp.

Thực hiện Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú, các đảng bộ trực thuộc tỉnh đã mở hội nghị quán triệt Quy định của Bộ Chính trị, Hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ về mục đích, yêu cầu, nội dung và phương pháp tiến hành. Đến hết năm 2001, các Đảng bộ Đại học Thái Nguyên, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên đã hoàn thành việc giới thiệu đảng viên về giữ mối liên hệ với cấp

ủy nơi cư trú. Đảng bộ thành phố Thái Nguyên và Đảng bộ các cơ quan tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc giới thiệu đảng viên về cơ sở theo quy định. Việc thực hiện Quy định giới thiệu đảng viên giữ mối liên hệ với cấp ủy nơi cư trú bước đầu được sự đồng tình của cán bộ, quần chúng ở cơ sở, có tác dụng thiết thực trong việc nêu cao tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên không những ở cơ quan, mà cả ở nơi cư trú.

Để tập trung thực hiện mục tiêu về tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ do Đại hội XVI đề ra, cùng với việc củng cố, tăng cường về cơ sở vật chất, điều kiện và phương tiện hoạt động cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên địa bàn tỉnh, từ năm 2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có quy định và kế hoạch cụ thể về chế độ học tập của đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ chuyên môn các cấp, các ngành. Số lượt học viên được bồi dưỡng trong năm tăng nhanh so với năm 2000. Tỉnh đã phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức lớp Đại học chính trị tại chức khoá II cho 117 học viên, bao gồm cán bộ chủ chốt của tỉnh và cán bộ kế cận. Trường Chính trị tỉnh mở được 9 lớp Trung cấp chính trị cho 855 học viên, 6 lớp bồi dưỡng cán bộ cơ sở cho 486 học viên; 5 lớp bồi dưỡng kiến thức về quản lí Nhà nước cho 384 học viên. Các Trung tâm bồi dưỡng chính trị của các huyện, thành, thị ủy và đảng ủy trực thuộc được kiện toàn, đã mở được 224 lớp với 19.678 học viên, bao gồm: 25 lớp bồi dưỡng cho Bí thư và cấp ủy viên cơ sở, trong đó có 1 lớp bồi dưỡng

cán bộ chủ chốt cho 36 xã vùng cao, vùng xa gồm 60 học viên; 1 lớp bồi dưỡng Trưởng thôn, xóm, bản, tổ dân phố; 101 lớp bồi dưỡng công tác Mặt trận, công tác của các hội, công tác Đoàn, Đội ...; 29 lớp bồi dưỡng đảng viên mới. Ngoài ra, Tỉnh uỷ còn cử đi học tại các trường của Trung ương: 54 cán bộ học các lớp cao cấp, cử nhân chính trị; 14 cán bộ học các lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; 12 cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; 15 cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ⁽¹⁾.

Từ năm 2001, công tác cán bộ tiếp tục có những đổi mới trong việc đánh giá, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt và luân chuyển, tạo được những chuyển biến tích cực trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành Quy định 03-QĐ/TU về quy trình, thủ tục bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý; thực hiện bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị thời hạn 5 năm kể từ năm 2001.

Quy hoạch cán bộ nói chung và cán bộ nữ nói riêng được cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở coi là một trong những nội dung quan trọng của công tác cán bộ, quyết định hiệu quả hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị Đảng bộ. Đến năm 2001, ở cấp tỉnh đã có 5/7 ban Đảng và Đảng uỷ

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2001 và nhiệm vụ chủ yếu về công tác xây dựng Đảng năm 2002. Số 29-BC/T ngày 10/5/2002.

các cơ quan, 4/6 đoàn thể nhân dân, 10/23 ngành và 4/9 huyện, thành phố, thị xã đã xây dựng được quy hoạch cán bộ dự nguồn. Việc giới thiệu cán bộ nguồn đã được các đơn vị thực hiện đúng quy trình hướng dẫn của Trung ương, đảm bảo tiêu chuẩn, khách quan, dân chủ. Trong tổng số 133 cán bộ dự nguồn của 23 đơn vị nêu trên, có 22 nữ, chiếm 16,54%⁽¹⁾.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ - trong đó có cán bộ nữ đưa vào quy hoạch dự nguồn, tuổi đời còn trẻ; hầu hết đã được đào tạo cơ bản cả về văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, lí luận chính trị; nhiều cán bộ có năng lực thực tiễn, có triển vọng phát triển.

Trong công tác cán bộ, các cấp uỷ đã giữ đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lí đội ngũ cán bộ; nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân, trước hết là người đứng đầu của cấp uỷ, cơ quan, đơn vị đúng theo phân công, phân cấp quản lí cán bộ. Trong năm 2001, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã đề bạt 16 đồng chí giữ chức Trưởng, Phó các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; điều động, luân chuyển 9 đồng chí cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lí; tham gia ý kiến đề các ngành Trung ương đề bạt 8 đồng chí; kiện toàn các chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh, 2 đồng chí cấp

⁽²⁾ Theo Báo cáo tổng kết thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII) “Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới”. Số 75-BC/TU, ngày 10/10/2003.

Trưởng đoàn thể của tỉnh, 2 đồng chí Bí thư Ban Cán sự, 6 uỷ viên Ban Cán sự đảng, Đảng đoàn ở tỉnh, 1 Phó Bí thư huyện uỷ, 2 Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân huyện, 1 Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân huyện và 1 Phó Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân huyện. Các huyện, thành, thị uỷ và đảng uỷ trực thuộc đã kiện toàn, bổ nhiệm, đề bạt 93 đồng chí giữ chức Trưởng, Phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc⁽¹⁾.

Những năm tiếp theo, công tác cán bộ tiếp tục có những đổi mới về việc đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt và luân chuyển, tạo ra chuyển biến tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Trong năm 2003, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tiếp tục tham mưu cho Tỉnh uỷ kiện toàn một số chức danh chủ chốt ở cấp tỉnh và cấp huyện; bổ nhiệm mới 12 đồng chí, bổ nhiệm lại 10 đồng chí, điều động, phân công công tác, thực hiện luân chuyển 20 cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lí. Tỉnh uỷ chọn cử trên 70 cán bộ đi học cử nhân, cao cấp lí luận chính trị và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng.

Một tiến bộ mới trong công tác cán bộ là sau 9 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW, các cấp uỷ đảng đã chú ý quan tâm tới việc nâng cao tỉ lệ cán bộ nữ trong các cấp, các ngành. Năm 2003 so với năm 1994, đội ngũ cán bộ nữ được tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Trên các lĩnh vực Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Bưu điện,

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2001 và nhiệm vụ chủ yếu về công tác xây dựng Đảng năm 2002. Số 29-BC/TU ngày 10/5/2002.

Ngân hàng..., “*sự tham gia của đội ngũ cán bộ nữ có tính chất quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị. Số chị em tham gia công tác quản lý đều có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với đường lối quan điểm của Đảng, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có ý thức tổ chức kỉ luật, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao*”⁽¹⁾.

Tuy nhiên, tỉ lệ cán bộ nữ trong các cấp, các ngành còn thấp. Một số cấp uỷ đảng các cấp chưa thực sự quan tâm và nhận thức đúng về sự cần thiết xây dựng đội ngũ cán bộ nữ của cấp mình... Tháng 6/2003, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã có kế hoạch tổng kết Chỉ thị 37-CT/TW (16/5/1994) của Ban Bí thư Trung ương Đảng Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới trong phạm vi toàn tỉnh; thành lập đoàn khảo sát thực trạng tình hình công tác cán bộ nữ theo tinh thần Chỉ thị 37/CT-TW tại 4 đơn vị: Huyện Đại Từ, thành phố Thái Nguyên, Sở Y tế và Sở Giáo dục - Đào tạo. Ngày 11/8/2003, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ ra bản Hướng dẫn số 16-HD/TC *Về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, trong đó có yêu cầu chú trọng đến quy hoạch cán bộ nữ. Từ sau đó, việc quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ được chú trọng hơn.

Thực tế cho thấy, công tác cán bộ trong những năm

⁽¹⁾ Dẫn theo Báo cáo tổng kết thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII) “Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới”. Số 75-BC/TU, ngày 10/10/2003.

đầu nhiệm kì 2001 - 2005 có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thiết thực vào việc ổn định tình hình, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng ở từng địa phương, đơn vị và toàn tỉnh. Các cấp uỷ Đảng đã thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lí đội ngũ cán bộ, nguyên tắc tập trung dân chủ; đảm bảo đúng các quy định, quy trình, thủ tục trong nhận xét đánh giá cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng quy hoạch cán bộ, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, thực hiện chính sách đối với cán bộ ở các cấp, các ngành, đoàn thể. Những nội dung về công tác cán bộ đều do tập thể cấp uỷ, Ban Thường vụ cấp uỷ, Ban Cán sự đảng, Đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị bàn bạc dân chủ thảo luận và quyết định. Tuy nhiên, việc kiện toàn, bổ sung cán bộ lãnh đạo ở một số huyện, ban, ngành tiến hành chậm, do phải thực hiện nhiều công đoạn theo quy trình quy định, do những yếu tố khách quan từ cơ sở. Công tác tư tưởng trong công tác cán bộ làm chưa thật tốt, dẫn đến có trường hợp cán bộ khi được điều động, phân công nhiệm vụ mới chưa thật sự yên tâm, phấn khởi.

Bước sang năm 2004 - năm có nhiều sự kiện quan trọng, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ và đạt được những kết quả to lớn, góp phần tích cực vào thành tích chung toàn tỉnh.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ năm 2004 là lãnh đạo công tác tổ chức bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kì 2004 – 2009. Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp đã chủ động, tích cực tham mưu giúp Ban

Thường vụ cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo công tác hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Hội đồng Nhân dân, giới thiệu nhân sự các chức danh chủ chốt của Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân cùng cấp; xét duyệt nhân sự các chức danh chủ chốt của Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân cấp dưới trực tiếp; thực hiện luân chuyển, điều động cán bộ phục vụ công tác nhân sự bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp.

Ngày 29/1/2004, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ ban hành Hướng dẫn số 01-HD/TC về công tác nhân sự Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân huyện, thành, thị nhiệm kì 2004 – 2009; đồng thời theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy trình; thẩm định danh sách giới thiệu nhân sự của các huyện, thành, thị uỷ trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; thẩm định hồ sơ đối với người ra ứng cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ.

Ban Tổ chức các huyện, thành, thị uỷ ra văn bản hướng dẫn quy trình nhân sự các chức danh chủ chốt chính quyền cấp xã; theo dõi, hướng dẫn thực hiện quy trình, thẩm định danh sách nhân sự dự kiến các chức danh chủ chốt các xã, phường, thị trấn trước khi trình Ban Thường vụ cấp uỷ.

Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ, công tác bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp thu được kết quả tốt đẹp. Sau ngày bầu cử (25/4/2004), Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp tập trung nắm và phân tích kết quả bầu cử, kịp thời tham mưu cho cấp uỷ điều chỉnh, bổ sung nhân sự dự kiến của một số chức danh chủ chốt chính quyền các cấp; đề xuất nhân sự

cấp Trưởng, Phó các ban, Đoàn Thư kí kì họp Hội đồng Nhân dân (cấp tỉnh và huyện), các thành viên khác của Ủy ban Nhân dân; tham mưu giúp cấp ủy lãnh đạo công tác bầu cử các chức danh theo luật định tại kì họp thứ nhất của Hội đồng Nhân dân mỗi cấp.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, đơn vị; thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, Ban Tổ chức cấp ủy các cấp đã làm tốt công tác tham mưu và công tác chuyên môn, nghiệp vụ giúp cấp ủy lãnh đạo công tác cán bộ và quản lí đội ngũ cán bộ.

Năm 2005, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu và làm thủ tục giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai công tác đánh giá cán bộ năm 2004; bổ nhiệm và bổ nhiệm lại 25 đồng chí; điều động, luân chuyển 10 đồng chí, trong đó từ huyện về tỉnh 2 đồng chí; cử 35 đồng chí đi học lí luận chính trị tại Hà Nội, phối hợp với Trường Chính trị tỉnh tham mưu tổ chức 1 lớp Cao cấp lí luận chính trị cho 112 đồng chí, 24 lớp Trung cấp lí luận chính trị cho 1.734 đồng chí; cử 81 đồng chí đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh; hoàn chỉnh quy hoạch A3, xây dựng Đề án nhân sự và thực hiện quy trình công tác nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

Ban Tổ chức các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc tham mưu và làm thủ tục giúp Ban Thường vụ cấp ủy kiến toàn cấp ủy, lãnh đạo chủ chốt chính quyền, đoàn thể, lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; tham mưu và làm thủ tục giúp cấp ủy rà soát, bổ sung quy hoạch A3, nhận xét cán bộ diện cấp ủy quản lí, xây dựng và thực hiện

đề án nhân sự cấp uỷ nhiệm kì 2005-2010; hướng dẫn các cấp uỷ cơ sở xây dựng quy hoạch A3, xây dựng và thực hiện quy trình nhân sự cấp uỷ đại hội nhiệm kì tổ chức cơ sở đảng; chọn cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng về lí luận chính trị; phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, lớp sơ cấp lí luận chính trị cho cán bộ cơ sở. Năm 2005, các huyện, thành, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc đã tổ chức 12 lớp bồi dưỡng công tác Đảng cho 791 Bí thư chi bộ và cấp uỷ viên cơ sở, 9 lớp sơ cấp chính trị cho 632 đảng viên, 33 lớp lí luận chính trị cho 2.635 đảng viên mới, 48 lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng cho 4.001 quần chúng ưu tú...

Nhìn chung, Ban Tổ chức các cấp đã có nhiều cố gắng tham mưu cho cấp uỷ lãnh đạo công tác cán bộ và quản lí đội ngũ cán bộ, đảm bảo thực hiện đúng thẩm quyền, nguyên tắc, quy trình, quy định; một số nội dung mới như việc nhận xét cán bộ và công tác nhân sự cấp uỷ nhiệm kì 2005-2010 đã được tham mưu thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự chỉ đạo của cấp trên, chất lượng cấp uỷ và đội ngũ cán bộ lãnh đạo chính quyền, đoàn thể các cấp được nâng cao.

Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW (17/10/2003) của Ban Bí thư Trung ương và các hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về đổi Thẻ Đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tham mưu cho Tỉnh uỷ thành lập Ban Chỉ đạo đổi *Thẻ đảng viên*; đồng thời giúp Ban Chỉ đạo đổi *Thẻ Đảng viên* xây dựng Kế hoạch số 31-KH/TU (17/12/2003) về đổi Thẻ Đảng viên; tổ chức Hội nghị quán triệt công tác

đổi *Thẻ Đảng viên* đến các đồng chí Thường trực cấp uỷ, lãnh đạo và cán bộ nghiệp vụ Ban Tổ chức các huyện, thành, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc. Đảng bộ thành phố Thái Nguyên và Đảng bộ Khối cơ quan Dân - Chính - Đảng được chọn làm điểm rút kinh nghiệm đổi *Thẻ Đảng viên* trong toàn Đảng bộ.

Để công tác đổi *Thẻ Đảng viên* đạt kết quả, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ xây dựng Hướng dẫn số 03-HD/TC (8/3/2004) về quy trình đổi Thẻ và Kế hoạch số 11-KH/TC (9/3/2004) về làm điểm đổi Thẻ; đồng thời tổ chức tập huấn nghiệp vụ đổi Thẻ cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ Ban Tổ chức các cấp uỷ trực thuộc... Kết quả, trong năm 2004, toàn Đảng bộ tỉnh có 49.240 đảng viên được đổi và phát *Thẻ Đảng viên*, đạt tỉ lệ 92,93% so với tổng số đảng viên chính thức⁽¹⁾. Năm 2005, toàn Đảng bộ có 6.099 đảng viên được đổi và phát Thẻ (trong đó 3.660 đảng viên được đổi Thẻ và 2.439 đảng viên được phát Thẻ), đưa tổng số đảng viên của Đảng bộ được đổi Thẻ và phát Thẻ theo Chỉ thị 29-CT/TW trong 2 năm (2004, 2005) là 55.339 đồng chí (trong đó 52.032 đảng viên được đổi Thẻ, 3.307 đảng viên được phát Thẻ)⁽²⁾.

Công tác đổi *Thẻ Đảng viên* đã góp phần củng cố và

⁽¹⁾ Theo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên: Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2004. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2005. Số 93-BC/BTCTU, ngày 14/1/2005.

⁽²⁾ Theo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên: Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2005. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2006. Số 06 - BC/BTCTU, ngày 18/1/2006, trang 9.

nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng; sàng lọc và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, phẩm chất chính trị, đạo đức và tính tiên phong gương mẫu của từng đảng viên trong toàn Đảng bộ. Công tác đổi *Thẻ Đảng viên* của Đảng bộ đã thực hiện tốt mục đích, yêu cầu của Ban Bí thư Trung ương đề ra trong Chỉ thị số 29 – CT/TW.

Các Ban Tổ chức cấp ủy đã chủ động, tích cực tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện công tác đổi *Thẻ Đảng viên*, làm tốt công tác hướng dẫn quy trình, nghiệp vụ đổi *Thẻ* và tổ chức Lễ đổi *Thẻ*; kịp thời tổng hợp kết quả, tham mưu giúp cấp ủy xây dựng báo cáo, tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm sau mỗi đợt đổi *Thẻ*.

Công tác kiểm tra thi hành *Điều lệ Đảng* cũng là một nhiệm vụ trọng tâm được các cấp ủy đảng quan tâm chỉ đạo. Thực hiện Kế hoạch số 24-KH/TCTW (9/10/2003) của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch số 30-KH/TU (24/11/2003) về kiểm tra thi hành *Điều lệ Đảng*; thành lập 2 đoàn kiểm tra của Tỉnh ủy, chỉ đạo các đảng bộ thực hiện.

Kết quả kiểm tra và tự kiểm tra cho thấy: Việc tổ chức quán triệt *Điều lệ Đảng* khoá IX, Quy định số 14-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Hướng dẫn số 04-HD/TCTW của Ban Tổ chức Trung ương được các cấp ủy từ tỉnh xuống đến cơ sở thực hiện nghiêm túc, đúng đối tượng, nội dung,

thời gian với nhiều hình thức, phương pháp phù hợp, có hiệu quả; tổ chức đảng và đảng viên giữ vững nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ; lãnh đạo địa phương, đơn vị hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Bên cạnh đó, một số cấp uỷ chưa nhận thức đầy đủ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác nghiên cứu, quán triệt Điều lệ Đảng, nên các biện pháp tổ chức thực hiện chưa hiệu quả; công tác kiểm tra nhận thức và chấp hành Điều lệ Đảng ở một số tổ chức đảng chưa được coi trọng...

Trong những năm 2004 – 2005, bộ máy tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể tiếp tục được kiện toàn. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiến hành quy trình kiện toàn Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ khoá XVI; kiện toàn cấp uỷ ở 14 đảng bộ trực thuộc; thành lập Đảng đoàn Hội đồng Nhân dân tỉnh, Ban Cán sự đảng Uỷ ban Nhân dân tỉnh khoá XI; lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Thái Nguyên, Văn phòng Hội đồng Nhân dân tỉnh, Văn phòng Uỷ ban Nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc trực thuộc Uỷ ban Nhân dân tỉnh... Ban Tổ chức các huyện, thành, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc tham mưu giúp Ban Thường vụ kiện toàn cấp uỷ một số tổ chức cơ sở đảng; thành lập mới 14 chi bộ, đảng bộ cơ sở; đổi tên đảng bộ cơ sở cho phù hợp với mô hình quản lý mới; chia tách các chi bộ xóm, phố, thành lập các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở và cấp trên cơ sở...

Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Kế hoạch số 44-KH/TU (ngày 6/12/2004) về tổ chức đại hội đảng các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; thành lập các tiểu ban, tổ công tác giúp việc Tỉnh uỷ; tổ chức hội nghị quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh uỷ về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã rà soát, bổ sung Quy hoạch A3, nhận xét cán bộ; xây dựng và thực hiện Đề án nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ khoá XVII; luân chuyển, điều động, bố trí cán bộ, xem xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo phục vụ công tác nhân sự Đại hội; xem xét và cho ý kiến về đề án nhân sự, chuẩn y cấp uỷ trực thuộc nhiệm kì 2005-2010; đồng thời chuẩn bị, tham mưu cho Thường trực, Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện quy trình nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương khoá X.

Trước yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, công tác cán bộ tiếp tục được triển khai đồng bộ trên tất cả các nội dung, liên quan đến đội ngũ cán bộ ở nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều địa phương, đơn vị. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đôn đốc, hướng dẫn các ngành ở tỉnh xây dựng quy hoạch cán bộ; tổng hợp báo cáo kết quả dự nguồn quy hoạch 8 chức danh lãnh đạo các huyện, thành, thị; đồng thời tham mưu giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ sau bầu cử Hội đồng Nhân dân. Ban Tổ chức một số huyện, thành, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc tham mưu cho

cấp uỷ ban hành, triển khai thực hiện quy định về đánh giá cán bộ, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ; đồng thời phối hợp với các cơ sở đào tạo trong tỉnh tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, lí luận chính trị cho cán bộ.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng tiếp tục được đẩy mạnh. Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp tích cực tham mưu cho cấp uỷ thực hiện nhiều giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; củng cố các tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, thu hẹp tổ chức cơ sở đảng yếu kém, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

Từ kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên năm 2004, gắn với công tác đổi *Thẻ Đảng viên*, các đảng bộ triển khai nhiều biện pháp khắc phục tổ chức cơ sở đảng yếu kém, nâng cao chất lượng hoạt động của chi bộ.

Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tham mưu cho Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị toạ đàm Hội thi Bí thư chi bộ giỏi, chọn cử 1 đồng chí Bí thư chi bộ tham gia Hội nghị toạ đàm Hội thi Bí thư chi bộ giỏi khu vực phía Bắc do Ban Tổ chức Trung ương tổ chức.

Nhờ có nhiều biện pháp tích cực, chất lượng của các tổ chức đảng và đảng viên được nâng lên. Trong số 703/706 tổ chức cơ sở đảng được đánh giá chất lượng (năm 2004), có 599 tổ chức cơ sở (85,21%) đạt trong sạch vững mạnh, tăng 3,49% so với năm 2003; trong đó có 228 cơ sở (32,43%) đạt trong sạch vững mạnh tiêu

biểu; 100 tổ chức cơ sở (14,22%) hoàn thành nhiệm vụ; 4 tổ chức cơ sở (0,57%) loại yếu kém (giảm 50% so với năm 2003)⁽¹⁾.

Trong số 52.713/57.281 đảng viên được đánh giá (năm 2004)⁽²⁾, có 36.927 đảng viên (70,05%) đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 7.384 đảng viên (14,01%) đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 15.386 đảng viên (29,19%) đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ; 400 đảng viên (0,76%) vi phạm tư cách⁽³⁾.

Việc giới thiệu đảng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị về giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú đã đi vào nền nếp.

Công tác kết nạp đảng viên mới tiếp tục được đẩy mạnh. Thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW của Ban Bí thư và Chỉ thị số 35-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh nhân kỉ niệm 115 năm Ngày sinh của Người, Ban Tổ chức cấp uỷ các đảng bộ trực thuộc tham mưu cho cấp uỷ ban hành chỉ thị, kế hoạch; tổ chức hội nghị quán triệt các văn bản chỉ đạo,

⁽¹⁾ Theo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên: Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2004. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2005. Số 93-BC/BTCTU, ngày 14/1/2005.

⁽²⁾ Có 3.435 đảng viên được miễn đánh giá, 1.133 đảng viên chưa được đánh giá chất lượng.

⁽³⁾ Theo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên: Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2004. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2005. Tlđđ.

hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh uỷ và cấp uỷ đến các tổ chức cơ sở đảng, tiến hành tổng kết công tác kết nạp đảng viên 4 năm 2001-2004 để rút kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện. Các cấp uỷ cơ sở triển khai nhiều biện pháp tạo nguồn, bồi dưỡng kết nạp Đảng, bảo đảm phương châm chú trọng chất lượng, không chạy theo số lượng. Trong năm 2005, toàn Đảng bộ kết nạp 2.844 đảng viên mới, đạt 94,8% kế hoạch năm 2005⁽¹⁾.

Việc xét, công nhận đảng viên chính thức được thực hiện đúng quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn, về cơ bản đảm bảo thời gian theo quy định của Điều lệ Đảng. Công tác quản lý hồ sơ đảng viên, tiếp nhận và giới thiệu sinh hoạt Đảng cho đảng viên được thực hiện nghiêm túc. Công tác khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên thực hiện đúng đối tượng, tiêu chuẩn, có tác dụng động viên, cổ vũ đảng viên và tổ chức đảng phấn đấu rèn luyện, công tác.

Dự án *Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đảng viên* tiếp tục được thực hiện có kết quả. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tập huấn cài đặt, đồng bộ cơ sở dữ liệu về đảng viên cho cán bộ nghiệp vụ của Ban Tổ chức cấp uỷ các đảng bộ trực thuộc. Qua kiểm tra của Vụ Đảng viên - Ban Tổ chức Trung ương, Thái Nguyên được đánh giá là đảng bộ thực hiện tốt Dự án, chủ động cài đặt chương trình cơ sở dữ liệu, bảo mật và quản trị an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện

⁽¹⁾ Theo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên: *Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2005. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2006... Tlđđ, trang 13.*

đồng bộ giữa các đảng bộ với Tỉnh uỷ và sớm đồng bộ dữ liệu về đảng viên của Đảng bộ với Trung ương. Ban Tổ chức các cấp uỷ làm tốt công tác chỉnh sửa, thường xuyên cập nhật, bổ sung dữ liệu về đảng viên, thực hiện đồng bộ dữ liệu với Tỉnh uỷ. Năm 2005, toàn Đảng bộ đã chỉnh sửa trên 25.000 phiếu, nhập mới trên 6.000 phiếu đảng viên⁽¹⁾. Một số đảng bộ đã tiến hành khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ công tác cán bộ, công tác đảng viên. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tham mưu xây dựng Báo cáo tổng kết thực hiện Dự án “*Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đảng viên*” trong Đảng bộ.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp triển khai thực hiện, phục vụ có hiệu quả công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Năm 2004, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ ban hành một số văn bản hướng dẫn công tác bảo vệ chính trị nội bộ phục vụ công tác bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp. Trong năm 2005, Ban Tổ chức các cấp uỷ tập trung triển khai thực hiện quy chế phối hợp với ngành Công an và Đảng uỷ Quân sự cùng cấp; tiến hành tổng kết thực hiện Quy định số 75-QĐ của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 24 của Thường vụ Bộ Chính trị khoá VIII và một số vấn đề về công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Ban

⁽¹⁾ Theo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên: Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2005. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2006... Tlđđ, trang 13.

Tổ chức Tỉnh uỷ hướng dẫn các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ phục vụ đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII...

Nhìn chung, công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm cuối nhiệm kì 2001 – 2005 có nhiều chuyển biến tích cực, đã quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Tỉnh uỷ, bám sát nhiệm vụ chính trị và chỉ đạo của cấp trên, triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên, góp phần hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI đề ra. Trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, cấp uỷ và Ban Tổ chức các cấp đã tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy trình, thủ tục; đồng thời đề ra và thực hiện nhiều giải pháp phù hợp, mang lại hiệu quả cao.

Nhờ đó, công tác tổ chức xây dựng Đảng trong nhiệm kì 2001 – 2005, nhất là trong những năm cuối, đã tạo ra những chuyển biến mới trên một số mặt công tác. Công tác cán bộ được thực hiện một cách chủ động, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cấp, các ngành... Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, công tác đảng viên được tiến hành bằng nhiều giải pháp đồng bộ, đạt được nhiều kết quả. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được đẩy mạnh.

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm 2001 – 2005 còn có một số mặt hạn chế, thiếu sót. Tiến độ một số nhiệm vụ còn chậm, hiệu quả một số nội dung công tác chưa cao. Trong

công tác cán bộ, việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý một số đơn vị đóng trên địa bàn chưa bảo đảm quy định về sự phối hợp giữa cấp và ngành; có đơn vị chưa hoàn thành quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đảng viên ở một số tổ chức chưa phản ánh đúng thực trạng, chưa gắn với công tác đổi Thẻ Đảng viên...

Từ những thành tích, ưu điểm và những hạn chế, thiếu sót nêu trên, Đảng bộ tỉnh rút được nhiều bài học kinh nghiệm để lãnh đạo công tác tổ chức và xây dựng Đảng đạt kết quả tốt hơn trong thời kì tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

III- Công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII (2006 – 2010)

Cuối năm 2005, sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề vững chắc để phát triển trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên, trong thời gian trước mắt, tỉnh Thái Nguyên còn nhiều khó khăn, thách thức do nền kinh tế có nhiều mặt yếu kém, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, thu nhập bình quân đầu người thấp; trình độ, năng lực một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong bối cảnh đó, Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên được tổ chức từ ngày 15 đến ngày 17/12/2005. Báo cáo chính trị tại Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm (2006 – 2010) là: *“Huy động tối đa mọi nguồn lực, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo sự phát triển nhanh và bền vững, phấn đấu đến năm 2010 đưa tỉnh ta thoát khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao một bước rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo tiền đề quan trọng để Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp trước năm 2020”*⁽¹⁾.

Về công tác tổ chức xây dựng Đảng, Đại hội nêu rõ phải nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí...

Được sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ, công tác tổ chức và xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh đạt được nhiều kết quả.

Ngày từ đầu năm 2006, Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hoá các nội dung quan trọng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đã chỉ đạo xây dựng Đề án số 05-ĐA/TU về *“Nâng cao năng lực*

⁽¹⁾ Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, tháng 1/2006, trang 34.

lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn” và Nghị quyết số 04-NQ/TU “*Về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng, giai đoạn 2006-2010*”. Thông qua các phiên họp định kì, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện một số chương trình, đề án giai đoạn 2001 - 2005; tiếp tục chỉ đạo thực hiện 16 công trình trọng điểm; xây dựng và thông qua 5 chương trình và 14 đề án trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị. Đến cuối năm, hầu hết các chương trình, đề án được thông qua và triển khai thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã làm việc với Ban Thường vụ của 8/9 huyện, thành, thị uỷ và 2 đảng bộ trực thuộc để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của từng địa phương, đơn vị.

Năm 2007 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Đây cũng là năm có nhiều sự kiện quan trọng: Bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XII, thực hiện cuộc vận động *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, kỉ niệm 60 năm ngày Bác Hồ về An toàn khu Định Hoá cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; là năm tỉnh Thái Nguyên đăng cai tổ chức *Năm Du lịch Quốc gia với chủ đề: Về Thủ đô gió ngàn - Chiến khu Việt Bắc*. Trên phạm vi cả nước diễn ra nhiều sự kiện trọng đại, có ý nghĩa lịch sử và là bước ngoặt lớn cho sự hoà nhập của

dân tộc ta; đó là Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Việt Nam đăng cai tổ chức Hội nghị Diễn đàn Châu Á – Thái Bình Dương (APEC)...

Tất cả những sự kiện nêu trên đều có ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm và thái độ chính trị của cán bộ, đảng viên và do đó quan hệ đến công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ. Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW (26/1/2007) của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 11-CT/TU (11/2/2007) của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XII, Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tham mưu cho cấp uỷ ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo cuộc bầu cử. Ngày 2/3/2007, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ ban hành văn bản số 337-CV/BTCTU hướng dẫn công tác bảo vệ chính trị nội bộ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XII; thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công tác nhân sự đại biểu Quốc hội.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XII trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã thành công tốt đẹp, bảo đảm dân chủ, đúng Luật, an toàn, tiết kiệm, thực sự là ngày hội của nhân dân; tỉ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu đạt 99,86%; bầu đủ số lượng 7 đại biểu Quốc hội, bảo đảm chất lượng, cơ cấu theo định hướng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công tác cán bộ là một nhiệm vụ trọng tâm luôn luôn được Đảng bộ quan tâm. Trong nhiệm kì 2006 – 2010, công tác quy hoạch cán bộ được triển khai đồng bộ. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quy hoạch cán bộ,

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp đã tham mưu xây dựng văn bản hướng dẫn chi tiết về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Do vậy, việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đã trở thành nền nếp, cơ bản khắc phục tình trạng bị động, lúng túng trong việc bố trí sắp xếp cán bộ.

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW (30/11/2004) của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 47-HD/BTCTW (24/05/2005) của Ban Tổ chức Trung ương, Thông báo số 14-TB/TU (29/12/2006) của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ngày 29/12/2006, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ xây dựng Hướng dẫn số 10-HD/BTCTU về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lí thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, Ban thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả quy hoạch cán bộ của các đảng bộ trực thuộc, các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh; tham mưu rà soát, bổ sung quy hoạch A2 cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lí cấp tỉnh.

Theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, các huyện, thành, thị, các đảng bộ trực thuộc, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh đã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các xã, phường, thị trấn, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quy hoạch cán bộ cấp mình quản lí và các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ cấp uỷ quản lí. Đến cuối năm 2007, các huyện, thành, thị uỷ và hầu hết các sở, ban, ngành ở tỉnh đã hoàn thành việc xây

dựng quy hoạch A1, triển khai xây dựng quy hoạch A2. Sang năm 2008, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã tiến hành 2 lần rà soát, bổ sung Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2005-2010 và xây dựng Quy hoạch cán bộ A2 giai đoạn 2010-2015. Trong năm 2009, các cấp uỷ đảng, các sở, ban, ngành, đoàn thể tập trung hoàn thành rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ A3 phục vụ công tác nhân sự đại hội đảng bộ các cấp giai đoạn 2010-2015 theo đúng hướng dẫn, yêu cầu của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ. Số cán bộ được đưa vào quy hoạch cơ bản đảm bảo về số lượng, chất lượng, các tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; về cơ cấu cán bộ nữ, dân tộc ít người, cơ cấu các độ tuổi. Trong năm này, số lượng cán bộ được quy hoạch cấp uỷ tỉnh có 84 đồng chí (đạt 1,53 lần); cấp uỷ huyện có 558 đồng chí (đạt 1,76 lần); cấp uỷ xã, phường, thị trấn 1.976 đồng chí (đạt 2,57 lần)⁽¹⁾. Số lượng cán bộ được quy hoạch Ban Thường vụ, các chức danh chủ chốt đều bảo đảm mỗi chức danh có từ 2 đến 3 cán bộ, mỗi cán bộ được quy hoạch ở 2-3 chức danh.

Nhìn chung, trong những năm 2006 – 2010, “... công tác quy hoạch cán bộ của tỉnh đã đi vào nền nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, đã cơ bản khắc phục tình trạng hẫng hụt, bị động,

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2009. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2010. Số 171-BC/BTCTU, ngày 10/1/2010, trang 4.

lúng túng trong việc chuẩn bị, xây dựng đội cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh thường xuyên được củng cố kiện toàn đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, cơ bản bảo đảm tính kế thừa, phát triển và sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ, tạo tiền đề quan trọng đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh của địa phương”⁽¹⁾.

Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp chủ động, tích cực tham mưu cho cấp uỷ kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị và thực hiện các khâu quản lý cán bộ. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, Ban đã tham mưu và làm thủ tục cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện đánh giá, nhận xét, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu ứng cử, thực hiện chính sách đối với cán bộ. Ở một số đảng bộ, Ban Tổ chức tham mưu chỉ đạo tiếp tục thực hiện các nghị quyết, đề án, chương trình, giải pháp của cấp uỷ về xây dựng đội ngũ cán bộ; cụ thể hoá chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về một số nội dung quản lý cán bộ; tham mưu cho cấp uỷ, phối hợp với các ban xây dựng Đảng và trung tâm bồi dưỡng chính trị tổ chức các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ công tác cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tham mưu xây dựng dự thảo

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo Tổng kết nghị quyết 42-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ thời kì đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước và Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý của Tỉnh uỷ Thái Nguyên - Ngày 25/9/2011, trang 5.

Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, quản lý cán bộ, dự thảo Quy chế bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử vào các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý; ban hành chính sách động viên, khuyến khích đối với cán bộ; giúp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện quy trình kiện toàn các chức danh: Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh và Uỷ viên Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh; kiện toàn cấp uỷ ở 7 đảng bộ trực thuộc; kiện toàn Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh tỉnh; chỉ đạo công tác nhân sự Đại hội Hội Cựu chiến binh và Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh nhiệm kỳ 2007 – 2012; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 26 cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý ở 11 đơn vị; tổng hợp tình hình biên chế năm 2007, dự kiến biên chế năm 2007 đến năm 2011; tham mưu triển khai thực hiện Nghị định 132/2007/NĐ-CP về thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong khối Đảng, đoàn thể tỉnh; tiếp nhận, tuyển dụng và hợp đồng 66 trường hợp vào công tác tại khối Đảng, đoàn thể tỉnh.

Cùng với việc tham mưu xây dựng dự thảo Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, quản lý cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã triển khai các thể chế mới của Trung ương, của tỉnh, các văn bản về cải cách hành chính trong công tác tổ chức, cán bộ tới các đảng bộ trực thuộc và quán triệt đến cán bộ, đảng viên trong cơ quan. Ban cũng tích cực tham mưu, giúp cấp uỷ chỉnh sửa nội dung về công tác tổ chức

và cán bộ trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; tham mưu cho Tỉnh uỷ ban hành quy định mới về phân cấp quản lý tổ chức, quản lý cán bộ và quy chế bổ nhiệm cán bộ, giới thiệu cán bộ ứng cử vào các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý.

Việc đào tạo, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ lý luận và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ thường xuyên luôn luôn được các cấp uỷ coi trọng. Riêng trong năm 2007, các đảng bộ trực thuộc đã tổ chức 278 lớp bồi dưỡng cho 25.003 lượt học viên, trong đó có 10 lớp sơ cấp lý luận chính trị cho 544 cán bộ cơ sở, 13 lớp bồi dưỡng công tác Đảng cho 1.025 cấp uỷ viên cơ sở và Bí thư chi bộ, 56 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ 5.649 cho cán bộ đoàn thể cơ sở, 37 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho 2.777 đảng viên mới kết nạp, 46 lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng cho 3.731 quần chúng ưu tú; làm thủ tục cử 26 đồng chí đi học cao cấp lý luận và cử nhân chính trị tại Hà Nội, 60 đồng chí cán bộ thuộc đối tượng II đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, 12 đồng chí đi bồi dưỡng công tác Kiểm tra Đảng, 33 đồng chí đi bồi dưỡng công tác Tổ chức xây dựng Đảng, 9 đồng chí đi học cao học...⁽¹⁾.

Từ năm 2009, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được đẩy mạnh theo hướng thực hiện đào tạo gắn với quy hoạch cán bộ; vừa chú trọng cử cán bộ trẻ trong quy hoạch

⁽¹⁾ Theo Báo cáo tổng kết công tác Tổ chức xây dựng Đảng năm 2007. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2008, ngày 25/1/2008, trang 4.

đi bồi dưỡng lí luận chính trị tập trung theo phân bổ của Trung ương, vừa quan tâm đào tạo tại chức, bồi dưỡng lí luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; khuyến khích cán bộ, công chức tự học tập để nâng cao trình độ. Việc chọn cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn với quy trình xét duyệt dân chủ, công khai. Trong năm, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã tham mưu với Thường trực Tỉnh uỷ chọn cử 25 đồng chí đi học Cao cấp lí luận chính trị hệ tập trung, 117 đồng chí học Cao cấp lí luận chính trị hệ tại chức của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh; chọn cử 79 cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lí đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, trong đó cử 11 đồng chí đi đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn ở nước ngoài, 7 đồng chí cán bộ, công chức khối Đảng đi học sau đại học, 27 đồng chí đi bồi dưỡng kiến thức an ninh - quốc phòng, 9 đồng chí đi bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra. Ban Tổ chức các đảng bộ trực thuộc đã phối hợp với các Trung tâm bồi dưỡng chính trị trên địa bàn tỉnh mở 311 lớp đào tạo, bồi dưỡng lí luận chính trị, nghiệp vụ cho 26.467 lượt học viên; Trường Chính trị tỉnh mở 49 lớp với 3.145 học viên tham gia⁽¹⁾.

Nhìn chung, *“Công tác đào tạo, bồi dưỡng có nhiều cố gắng, kết hợp đào tạo tập trung dài ngày với đào tạo*

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2009. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2010. Số 171-BC/BTCTU, ngày 10/1/2010, trang 4, 5.

ngăn ngừa và đào tạo tại chức. Các cán bộ cử đi học đều đảm bảo đúng tiêu chuẩn, số lượng, đối tượng”⁽¹⁾.

Đi đôi với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, các cấp uỷ đảng cũng thường xuyên chăm lo giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ và những người có công. Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp tham mưu và làm thủ tục đề nghị thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chế độ, chính sách về tiền lương và bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, khám sức khoẻ và nghỉ dưỡng, khen thưởng đối với cán bộ.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và công tác đảng viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Nhận thức rõ điều đó, trong tất cả các thời kì, đặc biệt là trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, Đảng bộ luôn coi trọng công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh và nâng cao chất lượng đảng viên. Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp đã kịp thời tham mưu làm tốt công tác củng cố kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, xây dựng kế hoạch cụ thể, tiến hành rà soát, chỉ đạo việc chia tách, thành lập mới các tổ chức cơ sở đảng đảm bảo phù hợp với đặc thù của địa phương và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Các đảng bộ huyện, thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công triển khai thành lập chi bộ cơ quan văn phòng

⁽¹⁾ Theo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên: Báo cáo Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII về lĩnh vực công tác Tổ chức, Cán bộ, Đảng viên và Bảo vệ chính trị nội bộ - Tháng 1/2010, trang 5.

xã, phường, thị trấn. Với việc thành lập mới 19 tổ chức cơ sở đảng, nâng cấp 2 chi bộ cơ sở thành đảng bộ cơ sở, chia tách, thành lập mới 102 chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở, đến ngày 31/12/2007, Đảng bộ tỉnh có 63.811 đảng viên, sinh hoạt trong 751 tổ chức cơ sở đảng. Trong năm 2009, trên phạm vi toàn tỉnh, có thêm 12 đảng bộ, chi bộ cơ sở mới được thành lập. Như vậy, từ thời điểm này, toàn tỉnh có 753 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 351 đảng bộ cơ sở và 402 chi bộ cơ sở. Các tổ chức cơ sở đảng mới thành lập đều kiện toàn cấp uỷ, xây dựng quy chế làm việc, hoạt động của cấp uỷ đi vào nền nếp và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Tiếp tục thực hiện Đề án 05-ĐA/TU (7/12/2006) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn* giai đoạn 2006 - 2010, các đảng bộ trực thuộc tỉnh đã cụ thể hoá thành chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện. Huyện uỷ Đại Từ với kế hoạch tập trung vào việc tạo nguồn, phát triển đảng viên ở những xóm chưa có đảng viên, nơi chưa có chi bộ. Huyện uỷ Phú Lương với đề án Xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh; Đảng uỷ khối Doanh nghiệp với đề án *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong công ty cổ phần thuộc Đảng bộ khối Doanh nghiệp tỉnh*; Thành uỷ Thái Nguyên với đề án *Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh...*, là những biểu hiện sinh động về công tác tổ chức, xây dựng Đảng

trong Đảng bộ tỉnh.

Việc đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án 05-ĐA/TU đã tạo được chuyển biến tích cực ở nhiều đảng bộ xã, phường, thị trấn. Các cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở cơ bản thực hiện nghiêm túc, giữ vững nền nếp chế độ sinh hoạt Đảng định kì. Chất lượng hội họp, ban hành chỉ thị, nghị quyết lãnh đạo được nâng lên, trong đó chú trọng giải quyết kịp thời các nhiệm vụ trọng tâm, các vấn đề bức xúc ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Vai trò trách nhiệm của nhiều cấp ủy, của cán bộ, đảng viên được nâng cao. Ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng cũng từng bước được nâng lên; việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ, đảng viên được duy trì nghiêm túc.

Trong những năm 2006 – 2010, công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên có nhiều tiến bộ. Hằng năm, các cấp ủy tập trung xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, củng cố tổ chức cơ sở đảng yếu kém và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Các cấp ủy đảng, trước hết là cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn từng loại hình tổ chức cơ sở đảng thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ, đổi mới phương thức lãnh đạo thông qua xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc, chế độ sinh hoạt, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Đầu năm, các chi, đảng bộ và đảng viên đều đăng kí thi đua với kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể; cuối năm, tổ chức kiểm điểm, đánh giá chất lượng.

Nhờ có sự quan tâm chỉ đạo của cấp uỷ và cố gắng tu dưỡng rèn luyện của đảng viên, nên chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được nâng lên; số tổ chức cơ sở đảng yếu kém và số đảng viên vi phạm tư cách giảm dần. Năm 2006, có 621 tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh (chiếm 85,07% tổng số cơ sở đảng được đánh giá chất lượng), trong đó có 164 tổ chức cơ sở đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh tiêu biểu (22,46%); 102 tổ chức cơ sở hoàn thành nhiệm vụ (13,97%); 6 tổ chức cơ sở yếu kém (0,82%)⁽¹⁾. Trong số 55.977/61.568 đảng viên được đánh giá chất lượng⁽²⁾, có 41.512 đảng viên (74,16%) đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 7.095 đảng viên (11,52%) đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 14.145 đảng viên (25,27%) đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có 5.425 đảng viên đủ tư cách nhưng có mặt còn hạn chế; 320 đảng viên (0,57%) vi phạm tư cách⁽³⁾. Đến năm 2010, trong số 766/766 tổ chức cơ sở đảng được đánh giá chất lượng, có 592 cơ sở đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh (77,28%), trong đó có 172 cơ sở trong sạch vững mạnh tiêu biểu (29,05%); 136 cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ (17,75%); 34 cơ sở hoàn thành nhiệm vụ

⁽¹⁾ Theo Báo cáo tổng kết công tác Tổ chức xây dựng Đảng năm 2007. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2008, ngày 25/1/2008, trang 5.

⁽²⁾ Có 1.484 đảng viên (2,41 %) chưa được đánh giá chất lượng; 4.107 đảng viên (6,67%) được miễn đánh giá chất lượng.

⁽³⁾ Theo Báo cáo tổng kết công tác Tổ chức xây dựng Đảng năm 2007. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2008, ngày 25/1/2008, trang 5.

(4,44%); 4 cơ sở yếu kém (0,52%, giảm 0,3% so với năm 2006). Trong số 63.532/70.134 đảng viên được đánh giá chất lượng, có 48.401 đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ (76,18%, tăng 2,02% so với năm 2006), trong đó có 8.859 đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (18,83%, tăng 7,31% so với năm 2006); 6.043 đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ (9,51%); 229 đảng viên vi phạm tư cách (0,36%, giảm 0,21% so với năm 2006)⁽¹⁾.

Công tác quản lý hồ sơ đảng viên, giới thiệu sinh hoạt Đảng được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng thủ tục, nguyên tắc. Công tác quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên được quan tâm thực hiện đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương. Riêng trong năm 2008, Đảng bộ đã nhập liệu 15.335 hồ sơ thường, 918 hồ sơ mật, 399 hồ sơ tuyệt mật. Cũng trong năm này, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy tổ chức 2 lớp tập huấn cho 36 cán bộ trực tiếp thực hiện Bộ chương trình cơ sở dữ liệu đảng viên và cán bộ quản trị mạng các đảng bộ trực thuộc⁽²⁾.

Những năm 2006 – 2010 đánh dấu bước tiến mới trong công tác phát triển Đảng. Nhiều đảng bộ trực thuộc đã ban hành chỉ thị về công tác kết nạp đảng viên để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; chú trọng phát triển Đảng ở vùng

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên năm 2010. Số 13-BC/BTCTU, ngày 28/3/2011, trang 1, 2, 3.

⁽²⁾ Theo: Báo cáo tổng kết công tác năm 2008. Phương hướng nhiệm vụ năm 2009. Số 124-BC/BTCTU, ngày 15/12/2008, trang 3.

sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người, trong học sinh, sinh viên, trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần... Năm 2007, toàn Đảng bộ đã kết nạp 3.012 đảng viên mới, vượt 0,4% so với kế hoạch năm. Đến năm 2010, với kết quả kết nạp 2.821 đảng viên mới (vượt 0,2% so với nghị quyết đề ra), tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh có 70.504 người⁽¹⁾. Điều đáng chú ý là, việc xóa xóm, tổ dân phố chưa có đảng viên, khắc phục tình trạng 1 chi bộ lãnh đạo nhiều xóm, được quan tâm tích cực. Tính đến ngày 31/12/2010, toàn Đảng bộ còn 306 xóm, tổ dân phố chưa có chi bộ đang sinh hoạt ghép, giảm 395 xóm, tổ dân phố so với đầu nhiệm kì. Đến thời điểm này, toàn tỉnh còn 4 xóm và tổ dân phố chưa có đảng viên⁽²⁾.

Công tác điều động, luân chuyển cán bộ cũng có những chuyển biến tích cực. Ngày 23/11/2006, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XVII) đã ban hành Kết luận số 17-KL/TU *Về một số nội dung trong công tác cán bộ*, xác định rõ mục đích, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, độ tuổi và chính sách luân chuyển cán bộ trên địa bàn tỉnh. Sau 5 năm thực hiện, công tác luân chuyển cán bộ của tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng.

Trên cơ sở Kết luận số 17-KL/TU, các cấp uỷ đảng

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2010. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2011. Số 10-BC/BTCTU, ngày 13/1/2011, trang 10.

⁽²⁾ Theo: Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2010. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2011. Số 10-BC/BTCTU, ngày 13/1/2011, trang 10.

tập trung làm tốt công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, xây dựng kế hoạch, phương án luân chuyển cán bộ hằng năm, đồng thời làm tốt công tác đánh giá cán bộ trước khi luân chuyển. Trong 5 năm (2007 – 2011), toàn Đảng bộ tỉnh đã luân chuyển được 202 lượt cán bộ từ tỉnh xuống huyện, từ huyện xuống cơ sở và ngược lại; 59 lượt cán bộ từ huyện xuống xã, phường, thị trấn và từ xã, phường, thị trấn lên huyện; còn lại là luân chuyển ngang giữa các phòng, ban, ngành cấp huyện⁽¹⁾.

Nhìn chung, công tác điều động, luân chuyển cán bộ được thực hiện nghiêm túc, dân chủ, công khai, gắn với làm tốt công tác tư tưởng nên đã động viên, phát huy tinh thần gương mẫu, tự giác của cán bộ thuộc diện luân chuyển. Các địa phương, đơn vị có cán bộ được luân chuyển đến đều chấp hành nghiêm sự chỉ đạo của cấp uỷ cấp trên, nội bộ đoàn kết, thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi về nơi ở, công tác. Các chế độ về tiền lương, phụ cấp... đều được giải quyết theo hướng có lợi cho cán bộ luân chuyển yên tâm công tác. Việc đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ đã góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong công tác cán bộ; từng bước điều chỉnh, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ hợp lý hơn, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị có cán bộ luân chuyển.

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo Tổng kết 5 năm thực hiện Kết luận số 17-KL/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XVII) về một số nội dung trong công tác cán bộ; Kết luận số 57- KL/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện chế độ chính sách động viên, khuyến khích đối với cán bộ - Số 68-BC/TU, ngày 1/11/2011, trang 2.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác điều động, luân chuyển cán bộ trong những năm 2006 – 2010 còn bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót. Một là, số lượng cán bộ được luân chuyển còn ít và chưa trở thành nền nếp thường xuyên, nhất là luân chuyển từ cấp huyện xuống cơ sở, luân chuyển từ cấp dưới lên cấp trên, luân chuyển cán bộ từ địa phương này sang địa phương khác trong tỉnh. Hai là, chưa có kế hoạch luân chuyển cán bộ gắn với quy hoạch sử dụng cán bộ một cách cơ bản, lâu dài ở các cấp, các ngành; một số trường hợp luân chuyển mới chỉ đáp ứng yêu cầu cấp bách trước mắt và có tính chất giải quyết tình thế về công tác cán bộ. Ba là, đối tượng luân chuyển chủ yếu là cán bộ nam, thời gian luân chuyển của một số đồng chí còn ngắn, nên chưa phát huy hết hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ...

Được sự chỉ đạo thường xuyên của các cấp uỷ đảng, Ban Tổ chức các cấp tiếp tục giải quyết những vấn đề lịch sử chính trị, chú trọng nắm tình hình và giải quyết vấn đề chính trị của cán bộ, đảng viên; rà soát về chính trị theo quy định mới; phối hợp chặt chẽ hơn trong công tác nắm tình hình chính trị, diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên. Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác hồ sơ, thẩm định tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác cán bộ và kết nạp đảng viên. Việc phối hợp công tác bảo vệ chính trị nội bộ với Uỷ ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Đảng uỷ Quân sự, Công an tỉnh thường xuyên hơn, kịp thời tham mưu với cấp uỷ xử lý các trường hợp có

vướng mắc về chính trị nội bộ theo đúng Quy định 57-QĐ/TW về một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ trong Đảng.

Nhằm tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên khi đi nước ngoài, năm 2009, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 1127-QĐ/TU ngày 16/2/2009 thay thế Quy định số 05-QĐ/TU không còn phù hợp với tình hình hiện tại. Cùng năm này, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với các ban, ngành liên quan tiến hành thẩm định, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy giải quyết cho 124 lượt cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đi học tập, công tác nước ngoài.

Trong những năm 2006 – 2010, Ban Tổ chức cấp ủy các cấp và cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ trong toàn tỉnh tiếp tục được kiện toàn và từng bước đổi mới phong cách, lề lối làm việc; chỉ đạo, điều hành tập trung theo các nhiệm vụ trọng tâm; làm việc theo kế hoạch, chương trình công tác; đồng thời có sự điều chỉnh linh hoạt, xử lý kịp thời những nhiệm vụ đột xuất. Ban Tổ chức các cấp thực hiện nghiêm túc quy chế tập trung dân chủ, phát huy tinh thần chủ động, tích cực của cán bộ, công chức. Đến cuối năm 2009, 100% cơ quan tổ chức của các cấp ủy đã xây dựng và thực hiện nền nếp Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; xây dựng chức trách, nhiệm vụ từng chức danh cán bộ, công chức; xây dựng quy định về công tác thi đua khen thưởng trong ngành Tổ chức xây dựng Đảng tỉnh. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức gắn với việc thực hiện cuộc vận động *Học tập*

và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được tăng cường. Nhờ đó, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức và xây dựng Đảng của Đảng bộ không ngừng được nâng lên. Đây là một trong những nhân tố cơ bản có tính quyết định giúp cho công tác tổ chức và xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

Tóm lại, trong nhiệm kì 2006 - 2010, công tác tổ chức và xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh có nhiều chuyển biến mới. Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp đã chủ động tham mưu cho cấp uỷ tổ chức thành công đại hội đảng các cấp. Công tác chuẩn bị nhân sự cấp uỷ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Quá trình bầu cử tại đại hội được tiến hành nghiêm túc, bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục quy định và tạo được sự thống nhất cao; không khí dân chủ trong Đảng được đẩy mạnh. Công tác đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và thực hiện chính sách đối với cán bộ có những chuyển biến tích cực.

Công tác tổ chức, xây dựng Đảng tập trung vào việc đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Công tác kết nạp đảng viên mới vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên sát thực hơn. Các nghiệp vụ đảng viên, phát *Thẻ Đảng viên*, trao tặng *Huy*

hiệu Đảng, quản lý hồ sơ đảng viên, quản lý hồ sơ cán bộ đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc, thủ tục theo quy định của *Điều lệ Đảng*.

Việc chỉ đạo, điều hành và triển khai công việc trong cơ quan làm công tác tổ chức các cấp tiếp tục có những đổi mới theo hướng giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của cán bộ, công chức. Sự phối hợp với các cơ quan liên quan chặt chẽ, hiệu quả hơn, có tác dụng nâng cao chất lượng công tác tham mưu và sự trao đổi thông tin trong công tác...

Với những đóng góp to lớn vào công tác tổ chức, xây dựng Đảng, năm 2010, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã được Đảng và Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Nhì*; đồng chí Trưởng ban vinh dự được đón nhận *Huân chương Lao động hạng Ba*; tập thể Ban Tổ chức Tỉnh uỷ được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tặng *Bằng khen*. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên được các đơn vị thi đua trong cụm các tỉnh vùng Đông Bắc suy tôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đề nghị Ban Tổ chức Trung ương tặng *Bằng khen*. Đó chính là nguồn cổ vũ, động viên đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức cấp uỷ các cấp tích cực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong những năm tiếp theo.

KẾT LUẬN

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 là một sự kiện chính trị hết sức quan trọng, mở ra bước ngoặt mới trong tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Đảng ra đời *“... sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng để đấu tranh cho quyền lợi của toàn thể nhân dân bị áp bức, bóc lột...”*⁽¹⁾.

Để thực hiện sứ mệnh vẻ vang của mình trong bất kì hoàn cảnh nào, Đảng cũng phải tự chỉnh đốn, xây dựng chính trị, tư tưởng và tổ chức; trong đó thường xuyên xây dựng Đảng về tổ chức thực sự vững mạnh, đủ khả năng lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách và giành thắng lợi, là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Ngay từ năm 1931, khi còn hoạt động ở nước ngoài, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nhắc nhở: *“Cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng công nông ngày càng quyết liệt, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo toàn diện và sát sao của Đảng. Do đó phải ra sức củng cố và phát triển Đảng”*⁽²⁾.

Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo của Trung ương và Xứ uỷ Bắc Kỳ, công tác tổ chức xây dựng Đảng được tiến hành chặt chẽ với nội dung phong phú, đa dạng; hình thức hoạt động phù hợp với từng thời kì cách mạng.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà Nội 1970, trang 40.

⁽²⁾ Chủ tịch Hồ Chí Minh: *Tóm tắt tiểu sử và sự nghiệp*, Nxb Sự thật, Hà Nội 1970, trang 42.

Ngay từ khi tổ chức cơ sở đảng đầu tiên của tỉnh được nhen nhóm ở huyện Đại Từ và sau đó là sự ra đời các chi bộ đảng ở Võ Nhai (1937), Phú Bình (1943 – 1944)... , dù hoạt động trong điều kiện bị kẻ thù đặt ra ngoài vòng pháp luật, luôn cận kề cái chết, nhưng tất cả các đảng viên vẫn tích cực tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, gây dựng phong trào cách mạng. Các chi bộ đều chú trọng công tác củng cố tổ chức đảng và phát triển đảng viên. Thực tế cho thấy, nơi nào có tổ chức đảng và đảng viên hoạt động mạnh, thì nơi đó phong trào cách mạng phát triển.

Từ chỗ chỉ có vài đảng viên trong những năm cuối thập kỉ 30 của thế kỉ XX, đến đầu tháng 8/1945, toàn tỉnh Thái Nguyên đã có gần 60 đảng viên⁽¹⁾. Tuy số lượng đảng viên ít và toàn tỉnh chỉ có 3 chi bộ (huyện Võ Nhai có 1 chi bộ và huyện Phú Bình có 2 chi bộ), lại chưa có hệ thống tổ chức đảng thống nhất từ tỉnh xuống đến cơ sở, nhưng các chi bộ và đảng viên đã lãnh đạo phong trào cách mạng phát triển đi lên. Khi thời cơ đến, chỉ trong vòng 5 ngày (20 – 25/8/1945), những đảng viên ấy đã lãnh đạo toàn dân nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở 233 xã thuộc 56 tổng của 7 châu, huyện trên địa bàn tỉnh.

Sau khi giành chính quyền thắng lợi, tháng 9/1945, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh họp Hội nghị cán

⁽¹⁾ Số đảng viên nói trên gồm Võ Nhai khoảng 40 người, Phú Bình có 9, Đại Từ có 5, Định Hóa có 2 và Phú Lương có 2. Sau Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945, Trung ương điều động hơn 20 đồng chí (chủ yếu cho Quân Giải phóng) và điều về tỉnh một số đồng chí (như các đồng chí Lê Trung Đình, Ngô Nhị Quý...)

bộ toàn tỉnh lần thứ nhất. Hội nghị bàn và quyết định nhiều vấn đề quan trọng và cần kíp. Trong đó có nhiệm vụ thống nhất hệ thống tổ chức của Đảng bộ từ tỉnh xuống cơ sở; mở cuộc vận động xây dựng Đảng, nhanh chóng kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, xây dựng và củng cố các đoàn thể từ tỉnh xuống các làng xã; tích cực xây dựng lực lượng vũ trang...

Để đáp ứng yêu cầu tăng cường sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ trước sự phát triển phong trào, ngay từ cuối năm 1945 và trong năm 1946, khi nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ đã có 728 đảng viên sinh hoạt trong 28 chi bộ. Số đảng viên này chẳng những tăng cường lực lượng của Đảng bộ, mà còn là vốn quý của công tác xây dựng Đảng nói chung và nhiệm vụ phát triển đảng viên mới nói riêng. Sau khi vào Đảng, nhiều đồng chí được bổ sung ngay vào chi uỷ, huyện uỷ và được phân công làm công tác phát triển Đảng, thành lập tổ chức đảng ở những nơi chưa có cơ sở trong các làng xã, cơ quan, đoàn thể.

Trong suốt 9 năm kháng chiến, công tác tổ chức xây dựng Đảng đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc; tổ chức nhiều hoạt động nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Các cuộc vận động xây dựng Đảng, như *“Thi đua phát triển Đảng”*, *“Tuần lễ rèn luyện Đảng tính”*, *“Chấn chỉnh cấp xã”*, *“Tuần lễ giáo dục nội bộ”*, *“Tuần lễ kiểm thảo sửa chữa các bệnh của cấp uỷ”*... đã gây được ảnh hưởng khá

sâu rộng trong Đảng bộ.

Nhờ có sự tham mưu tích cực của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ và sự cố gắng của các cấp uỷ từ huyện xuống cơ sở, công tác xây dựng, củng cố và phát triển Đảng của Đảng bộ đạt được nhiều kết quả quan trọng. Từ chỗ có hơn 700 đảng viên với 28 chi bộ trong thời kì đầu kháng chiến, đến cuối năm 1954, Đảng bộ đã có trên 5.000 đảng viên sinh hoạt ở 163 chi bộ.

Sau Hiệp định Giơnevơ, cùng với miền Bắc, tỉnh Thái Nguyên bước vào thời kì mới. Công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ thời kì này tập trung vào nhiệm vụ tăng cường đoàn kết toàn dân, sửa chữa sai lầm cải cách ruộng đất, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên địa bàn tỉnh, góp sức chi viện cách mạng giải phóng miền Nam, tiến tới hoà bình thống nhất đất nước.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trên, trước tiên phải kiện toàn tổ chức và lề lối làm việc của các cơ quan đảng, chính quyền và đoàn thể trong tỉnh; tham mưu giúp Tỉnh uỷ và hướng dẫn cấp uỷ trực thuộc thực hiện các cuộc vận động xây dựng *Chi bộ 4 tốt*, gắn với cuộc vận động “*Ba xây*”, “*Ba chống*”; cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

Khi đế quốc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh xâm lược miền Nam và phát động chiến tranh phá hoại miền Bắc, thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh Thái Nguyên hợp nhất với tỉnh Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái. Công tác tổ chức xây dựng Đảng lúc này tập trung vào

việc tăng cường củng cố tổ chức cơ sở đảng về mọi mặt để có đủ khả năng lãnh đạo nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu và chi viện chiến trường theo khẩu hiệu: *“Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược”*. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ hướng dẫn các ngành, các cấp nhanh chóng ổn định tổ chức và cán bộ ở các cơ quan mới sáp nhập, để bộ máy trong tỉnh sẵn sàng phục vụ sản xuất và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của giặc Mĩ.

Trong khi đó, theo yêu cầu của Trung ương, của Bộ Quốc phòng, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã lựa chọn hàng ngàn cán bộ, đảng viên có phẩm chất chính trị vững vàng để Tỉnh uỷ điều động tăng cường cho miền Nam, góp phần làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975.

Sau khi đất nước thống nhất và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ vừa phải lựa chọn hàng trăm cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn tăng cường cho các tỉnh miền Nam để ổn định tình hình; vừa tiếp nhận hàng trăm người quê ở Thái Nguyên bị địch giam giữ trong các nhà tù thời kì chiến tranh trở về quê hương; đồng thời tiếp nhận hàng trăm thương binh, quân nhân chuyển ngành, v.v...

Là cơ quan tham mưu của Tỉnh uỷ, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ còn là cơ quan thường trực của những cuộc vận động lớn về xây dựng Đảng, tiếp tục thực hiện Chỉ thị 192-CT/TW (5/1972) của Ban Bí thư Trung ương về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; Thông tri 22-TT/TW (5/9/1977) về việc đưa những người

không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng; Chỉ thị 72-CT/TW (8/5/1979) về tăng cường công tác phát triển Đảng và kiện toàn tổ chức đảng; Chỉ thị 83-CT/TW (26/11/1979) về phát Thẻ Đảng viên, v.v... Ban Tổ chức Tỉnh uỷ nghiên cứu, đề xuất và chuẩn bị các nội dung cơ bản để Tỉnh uỷ ra chỉ thị cho cấp uỷ trong Đảng bộ thực hiện.

Dưới ánh sáng các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), VII (1991), VIII (1996)...., được sự chỉ đạo của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ thực hiện có kết quả chức năng tham mưu giúp Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân dân tỉnh đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, phong cách lãnh đạo và công tác cho phù hợp với sự chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hoá tập trung bao cấp, sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần từng bước ổn định đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Để làm tròn sứ mệnh cao cả mà lịch sử giao phó, từ khi thành lập đến nay, nhất là từ khi khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta coi việc tự chỉnh đốn, đổi mới là nhiệm vụ hàng đầu và thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đảm đương các nhiệm vụ tham mưu xây dựng nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của Tỉnh uỷ; hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ cấp bách của Đảng bộ. Trong 20 năm trở lại đây, công tác

tổ chức xây dựng Đảng, công tác cán bộ của tỉnh tập trung vào nhiệm vụ xây dựng cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của Đảng và Nhà nước vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân.

Hơn 60 năm qua, công tác tổ chức của Đảng bộ có nhiều đóng góp to lớn vào việc xây dựng Đảng bộ không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Từ chỗ chỉ có 3 chi bộ được thành lập trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), đến năm 2010, Đảng bộ đã xây dựng được hệ thống tổ chức đảng từ tỉnh xuống đến xã, phường, thị trấn, các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện..., bao gồm 766 tổ chức cơ sở đảng của 18 đảng bộ trực thuộc, với 70.504 đảng viên.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng tổ chức đảng của Đảng bộ, tỉnh Thái Nguyên thường xuyên có biến động về điều chỉnh địa giới. Từ năm 1948 đến năm 2010, Thái Nguyên đã có 10 lần điều chỉnh địa giới⁽¹⁾ và nhiều lần

⁽¹⁾ Năm 1948, hợp nhất từ 2 đến 3 xã thành đại xã; đến năm 1953, trước khi cải cách ruộng đất, chia lại xã. Năm 1962, nâng cấp thị xã Thái Nguyên lên thành phố, điều chỉnh địa giới các huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Phú Lương. Năm 1965 hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn thành Bắc Thái. Năm 1967, cắt 10 xã của huyện Bạch Thông về huyện Phú Lương (năm 1997 lại trả về huyện Bạch Thông). Năm 1981 điều chỉnh địa giới để thành lập các phường của thành phố Thái Nguyên. Năm 1985 thành lập thị xã Sông Công, điều chỉnh địa giới các huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ, Võ Nhai, thành phố Thái Nguyên. Năm 1997, tái lập tỉnh Thái Nguyên.

thành lập, sáp nhập, chia tách, tái lập các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Qua mỗi lần như thế, công tác tổ chức xây dựng Đảng một mặt phải đảm bảo nguyên tắc, thủ tục theo quy định của Đảng và Nhà nước; mặt khác phải sắp xếp bộ máy, nhanh chóng ổn định tổ chức, trước hết là tổ chức đảng.

Một nhiệm vụ xuyên suốt trong 60 năm qua của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ là vai trò chủ đạo giúp Tỉnh uỷ củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng bộ. Trước hết là cùng với cấp uỷ hướng dẫn chỉ đạo các đảng bộ trực thuộc, các tổ chức cơ sở đảng tiến hành đại hội các cấp theo quy định của *Điều lệ Đảng*; qua đó, kiện toàn và nâng cao chất lượng của cấp uỷ huyện và tương đương xuống đến cơ sở. Phối hợp với các ban Đảng, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ xác định chức năng, nhiệm vụ của các ban; xây dựng chương trình, quy chế làm việc của từng ban, giúp cho các ban Đảng hoàn thành chức năng tham mưu đối với cấp uỷ.

Sau ngày thành lập chính quyền cách mạng (20/8/1945), số cán bộ từ tỉnh xuống đến các làng xã, hằm mỏ trên địa bàn tỉnh rất ít, chưa đến 800 người, chủ yếu là cán bộ hoạt động chính trị ở nông thôn; số cán bộ thoát li ở tỉnh và huyện chỉ khoảng vài trăm người, cũng chủ yếu là cán bộ chính trị. Ngày nay, tỉnh Thái Nguyên có đội ngũ cán bộ đông tới hàng vạn người, hoạt động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây chính là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của phong trào cách mạng ở địa phương...

Thành tích trong 60 năm của công tác tổ chức xây dựng Đảng nói chung, của Ban Tổ chức cấp uỷ các cấp nói riêng đóng góp vào sự trưởng thành của Đảng bộ là rất to lớn. Đó là sự phấn đấu đầy hi sinh gian khổ của các thế hệ cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng trong tỉnh. Trong 60 năm hoạt động, công tác tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ đã để lại những bài học kinh nghiệm rất quý báu:

1- Tổ chức gốc rễ của Đảng là chi bộ.

Chi bộ là đồn lũy của Đảng chiến đấu ở trong quần chúng. Đó là cầu nối giữa Đảng và quần chúng, là nơi trực tiếp tổ chức và lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị cụ thể của mỗi cơ sở; là nơi tạo nguồn cơ bản cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

Thực tế lịch sử phát triển của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên cho thấy rõ, trong chiến tranh hay trong hoà bình, nơi nào có tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, thì nơi đó kháng chiến tốt, phong trào tốt. Nơi nào tổ chức yếu kém thì nơi đó phong trào sa sút, đời sống quần chúng gặp khó khăn. Từ thực tế này, hơn 60 năm qua, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh luôn coi trọng công tác xây dựng, củng cố cơ sở đảng, coi đó là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp uỷ. Thông qua hàng trăm cuộc vận động về xây dựng tổ chức cơ sở đảng, trong đó có những cuộc vận động lớn, như *Thi đua xây dựng Chi bộ*

kiểu mẫu (1948 – 1950), Thi đua xây dựng Chi bộ 4 tốt (1962 – 1980) và trong những năm gần đây là cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch vững mạnh. Số cơ sở đảng yếu kém ngày càng giảm và số tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh ngày càng tăng; chất lượng đảng viên cũng được nâng lên. Đây chính là nhân tố đảm bảo cho Đảng bộ tỉnh thường xuyên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của địa phương trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cũng như trong hoà bình xây dựng.

2- Công tác tổ chức xây dựng Đảng luôn có mối quan hệ chặt chẽ với các mặt xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng và công tác kiểm tra kỉ luật của Đảng.

Trên chặng đường dài làm công tác xây dựng Đảng và tổ chức, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ luôn sát cánh phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Trường Đảng tỉnh (nay là Trường Chính trị) để mở hàng trăm lớp, đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với Đảng, với nhân dân, có ý thức trách nhiệm trước mọi công việc, có kiến thức, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức về mọi mặt cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; coi đó là nhiệm vụ thường xuyên của Đảng bộ.

Việc kiểm tra giữ gìn kỉ luật của Đảng được Tỉnh uỷ giao cho Uỷ ban Kiểm tra. Song, trong công tác củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội

ngũ cán bộ, đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Uỷ ban Kiểm tra về việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ, chấp hành chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và việc giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên. Đặc biệt, trong các cuộc vận động lớn, như cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192, Thông tri 72, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ cùng với Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ phối hợp chỉ đạo xử lý hàng ngàn đảng viên vi phạm kỉ luật Đảng; trong đó có hơn 2.000 đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng, góp phần làm cho tổ chức đảng trong sạch vững mạnh.

3- Phải thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Đội ngũ đảng viên của Đảng bộ tỉnh đã từng được rèn luyện thử thách trong chiến tranh rất khốc liệt; cũng có người được rèn luyện trong hoà bình xây dựng đất nước đầy gian nan, nghiệt ngã của quy luật hoạt động kinh tế thị trường, vững vàng tìm ra lối đi, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Đây là vốn quý của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Trong công tác cán bộ, nhìn chung các cấp uỷ đảng đều chú ý mở rộng dân chủ. Trong công tác đảng viên, Đảng bộ đã chú trọng 3 mặt: Giáo dục, bồi dưỡng, chỉnh đốn và phát triển đội ngũ đảng viên. Sau mỗi kì đại hội Đảng bộ, công tác đảng viên được tăng cường một bước, tạo ra bước chuyển biến mới. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ cùng với cấp uỷ trực thuộc luôn chú trọng kiểm tra, phân tích

tình hình đảng viên để có hướng bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, phân công công tác, giao nhiệm vụ cho đảng viên. Nhờ đó, chất lượng đảng viên của Đảng bộ ngày càng được nâng cao về mọi mặt.

Công tác phát triển đảng viên được quan tâm và có chuyển biến. Từ năm 2000 đến năm 2010, số lượng đảng viên mới được kết nạp liên tục tăng, đảm bảo chất lượng.

4- Phải xây dựng Ban Tổ chức có đủ năng lực để làm tròn chức năng tham mưu cho các cấp ủy trong công tác tổ chức xây dựng Đảng bộ.

Để làm tròn chức năng tham mưu cho cấp ủy về công tác tổ chức xây dựng Đảng, trước hết Ban Tổ chức các cấp ủy phải được thường xuyên củng cố và kiện toàn. Thực tế lịch sử đã cho thấy, nơi nào và lúc nào Ban Tổ chức được củng cố, kiện toàn, cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực, thì nơi ấy, lúc ấy sẽ làm tốt công tác tổ chức xây dựng Đảng. Nhận thức rõ điều này, nhìn chung trong quá trình lãnh đạo các mặt công tác qua các thời kì, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên luôn quan tâm xây dựng và củng cố Ban Tổ chức các cấp từ tỉnh xuống đến cơ sở.

Ban Tổ chức các cấp, nhất là Ban Tổ chức Tỉnh ủy, đã bám sát đường lối chính trị của Đảng, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kì. Ban đã quán triệt quan điểm giai cấp trong công tác cán bộ. Mỗi kì đại hội đảng các cấp, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đều làm rõ mối quan hệ giữa tiêu chuẩn cấp ủy và cơ cấu, coi tiêu chuẩn là quan trọng. Do

đó, cấp uỷ khoá sau thường có chất lượng khá hơn khoá trước. Trong quá trình thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ có những ưu tiên đối với những cán bộ thuộc dân tộc ít người, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, quân nhân chuyển ngành, v.v...

Trong 15 năm trở lại đây, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã tham mưu để Tỉnh uỷ thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ, tạo điều kiện rèn luyện, thử thách cán bộ trong phong trào quần chúng, nhất là cán bộ trẻ có triển vọng, giúp cán bộ trưởng thành nhanh hơn, vững vàng hơn. Thành công của công tác luân chuyển cán bộ ở tỉnh đã góp phần từng bước điều chỉnh việc bố trí cán bộ hợp lý hơn, tăng cường được cán bộ cho những nơi có nhu cầu cấp bách, nhất là cấp cơ sở; đồng thời góp phần đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý.

Bên cạnh những thành công, công tác cán bộ trong hơn 60 năm (1948 - 2010) không tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm. Đó là chiến lược đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ít thu được kết quả, dẫn đến tình trạng bị động trong việc bố trí cán bộ, nặng về cơ cấu, nhẹ về tiêu chuẩn. Cũng từ đó, một số cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ do năng lực kém. Đã có lúc bố trí cán bộ theo xu thế, theo phong trào, muốn “bằng cấp hoá” đội ngũ cán bộ; xem nhẹ những cán bộ không có bằng cấp nhưng đã trưởng thành từ trong thực tiễn công tác, thực sự có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ. Thực tế lịch sử cũng cho thấy, trong đội ngũ cán bộ tỉnh Thái Nguyên có nhiều người, từ

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

cấp tỉnh xuống đến cấp huyện, yếu kém cả về năng lực, phẩm chất, nhưng không bị xử lí. Tình trạng mất đoàn kết nội bộ tuy không trầm trọng, nhưng kéo dài tới 10 năm sau khi hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên (1965 - 1975), v.v...

Tuy có những hạn chế, yếu kém, nhưng những thành công của công tác cán bộ trong hơn 60 năm qua là to lớn và căn bản. Chính đó là một trong những nguyên nhân giúp cho Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên có đủ khả năng lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị qua các thời kì lịch sử.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

**DANH SÁCH
BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG BỘ TỈNH
(1945 - 1965)**

**I. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên khóa lâm thời
(1945 - 8/1947)**

- 1- Ngô Nhị Quý
- 2- Lê Trung Đình
- 3- Hoàng Bá Sơn

**II. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên khóa I
(8/1947 - 6/1948)**

- 1- Lê Trung Đình
- 2- Ngô Nhị Quý
- 3- Lê Văn Lương

**III. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên khóa II
(6/1948 - 7/1949)**

- 1- Lê Thanh
- 2- Lê Trung Đình
- 3- Trần Quốc Trung

**IV. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên khóa III
(7/1949 - 4/1951)**

- | | |
|------------------|-------------------|
| 1- Lê Trung Đình | 4- Lê Hải An |
| 2- Vũ Thu | 5- Lê Vũ (tức Ba) |
| 3- Trần Lê Nhân | |

**V. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên khóa IV
(1951 - 1959)**

- | | |
|-------------|-----------------|
| 1- Hoàng Cừ | 2- Trần Lê Nhân |
|-------------|-----------------|

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

- 3- Hải Bằng
- 5- Lê Vũ (tức Ba)
- 4- Nguyễn Đình Lim

**VI. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên khóa V
(1959 – 1961)**

- 1- Phan Tĩnh
- 5- Nguyễn Thế Đạt
- 2- Lê Dục Tôn
- 6- Nguyễn Đình Lim
- 3- Lê Đức Chính
- 7- Lê Đình Nhậm
- 4- Nguyễn Hữu Uẩn

**VII. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên khóa VI
(1961 – 1963)**

- 1- Lê Đức Chính
- 6- Hoàng Minh Trí
- 2- Nguyễn Hữu Uẩn
- 7- Hồng An
- 3- Chu Quốc Hưng
- 8- Trần Oanh
- 4- Nguyễn Thế Đạt
- 9- Ngô Văn Hoạt
- 5- Lê Đình Nhâm

**VIII. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên khóa VII
(1963 – 1965)**

- 1- Lê Đức Chính
- 6- Trần Oanh
- 2- Chu Quốc Hưng
- 7- Lê Nguyên Kính
- 3- Nguyễn Thế Đạt
- 8- Nguyễn Hữu Uẩn
- 4- Doanh Hằng
- 9- Trần Đình Nghi
- 5- Trần Tường

**DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
(1965 - 2010)**

**IX- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá lâm thời
(1965-1970), 40 uỷ viên:**

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

*** Ban Thường vụ:**

- | | |
|---------------------|--------------------|
| 1- Lê Hoàng | 7- Hoàng Khải Giáp |
| 2- Nguyễn Việt Vinh | 8- Nguyễn Hữu Uẩn |
| 3- Doanh Hằng | 9- Trần Tường |
| 4- Nguyễn Thế Đạt | 10- Lê Nguyên Kính |
| 5- Triệu Văn Tịnh | 11- Nguyễn Hồng An |
| 6- Lý Ngọc Tuấn | |

*** Ban Chấp hành:**

- | | |
|------------------------|---------------------|
| 12- Ngô Thượng Thạch | 27- Trần Đình Sam |
| 13- Nguyễn Văn Lịch | 28- Âu Văn Mạ |
| 14- Nguyễn Đức Thọ | 29- Lê Đình Nhậm |
| 15- Trịnh Văn Chấn | 30- Hoàng Thanh Bảo |
| 16- Đôn Văn Cước | 31- Hồ Ích Hậu |
| 17- Triệu Văn Hồng | 32- Đồng Thị Hạnh |
| 18- La Văn Liên | 33- Ma Văn Tông |
| 19- Nguyễn Đình Chất | 34- Hoàng Cao Chung |
| 20- Nguyễn Đại Hải | 35- Hà Nhân Đại |
| 21- Nông Thị Mai Hương | 36- Nông Sơn Hà |
| 22- Dương Văn Thơ | 37- Nông Văn Hà |
| 23- Nguyễn Thị Phong | 38- Nông Văn Giáp |
| 24- Trương Văn Thiết | 39- Đặng Đình Cầm |
| 25- Phạm Khánh Vân | 40- Đồng Quang Tuấn |
| 26- Nông Văn Hoả | |

- Tháng 9/1965, đồng chí Vũ Hạnh - Phó Chủ nhiệm Công ty Xây lắp 2 (Bộ Công nghiệp nặng) về tham gia Tỉnh uỷ Bắc Thái và được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, phụ trách Ban Công nghiệp thay đồng chí Lê Nguyên Kính chuyển công tác khác.

**IX- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá I
(1970 – 1977), 27 uỷ viên:**

*** Ban Thường vụ:**

- | | |
|---------------------|---------------------|
| 1- Lê Hoàng | 5- Hoàng Thanh Tiến |
| 2- Nguyễn Việt Vinh | 6- Ngô Thượng Thạch |
| 3- Doanh Hằng | 7- Nguyễn Duy An |
| 4- Lê Quảng | |

*** Ban Chấp hành:**

- | | |
|----------------------|---------------------------------|
| 8- Hoàng Thanh Bảo | 19- Mã Kim Thành |
| 9- Đôn Văn Cước | 20- Phạm Khánh Vân |
| 10- Nguyễn Thị Cẩn | 21- Nông Văn Hà |
| 11- Đặng Dũng | 22- Vũ Hạnh |
| 12- Nguyễn Thế Đạt | 23- Triệu Văn Hồng |
| 13- Hoàng Khải Giáp | * Uỷ viên dự khuyết BCH: |
| 14- Nông Sơn Hà | 24- Huỳnh Hữu Ích |
| 15- La Văn Liên | 25- Nông Văn Sảo |
| 16- Nguyễn Tấn Phúc | 26- Ngô Thế Thuật |
| 17- Dương Văn Thơ | 27- Lâm Văn Thơ |
| 18- Nguyễn Thị Thanh | |

- Tháng 4/1972 đồng chí Lê Hoàng - Bí thư Tỉnh uỷ chuyển công tác về Trung ương, đồng chí Hoàng Bắc Dũng được cử giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ.

- Từ tháng 3/1974 đồng chí Nguyễn Việt Vinh - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ nghỉ chữa bệnh, đồng chí Nguyễn Duy An được phân công làm Uỷ viên Thường trực Tỉnh uỷ.

- Đầu năm 1976 đồng chí Vũ Ngọc Linh - Phó Bí thư Khu uỷ Việt Bắc, Bí thư Tỉnh uỷ Cao Bằng được Trung ương điều động về làm Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Thái thay đồng chí Hoàng Bắc

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

Dừng sang làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh. Đồng chí Doanh Hằng - Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh chuyển sang làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.

**X- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá II
(1977 - 1980), 39 uỷ viên:**

*** Ban Chấp hành:**

- | | |
|---------------------|----------------------|
| 1- Vũ Ngọc Linh | 7- Phan Thành |
| 2- Doanh Hằng | 8- Trịnh Văn Uy |
| 3- Nguyễn Duy An | 9- Đôn Văn Cước |
| 4- Nguyễn Thế Đạt | 10- Huỳnh Hữu Ích |
| 5- Hoàng Thanh Tiến | 11- Ngô Thượng Thạch |
| 6- Lê Quảng | |

*** Ban Chấp hành:**

- | | |
|--------------------|--------------------------|
| 12- Ngô Thế Thuật | 27- Mai Phúc Toàn |
| 13- Phạm Khánh Vân | 28- Nguyễn Đức Tân |
| 14- Lâm Văn Thờ | 29- Dương Kim Uyên |
| 15- Bùi Kiến Truy | 30- Bàn Tiến Minh |
| 16- Trần Quốc Thu | 31- Nguyễn Khắc Chín |
| 17- Nguyễn Văn Nhỡ | 32- Hoàng Từ |
| 18- Nguyễn Ngô Hai | 33- Phan Huy Trác |
| 19- Nguyễn Thị Nữ | 34- Nguyễn Đậu |
| 20- Trần Duy Hậu | 35- Nông Văn Ngự |
| 21- Đồng Văn Dương | * Uỷ viên dự khuyết BCH: |
| 22- Hoàng Chu | 36- Lý Văn Đình |
| 23- Nguyễn Văn Tuế | 37- Ngô Thị Thuý Hoà |
| 24- Nông Đức Mạnh | 38- Nguyễn Thị Bình |
| 25- La Văn Ngâm | 39- Nguyễn Văn Lâm |
| 26- Hà Văn Tân | |

- Tháng 3/1978, đồng chí Ngô Thượng Thạch được phân công làm Thường trực Tỉnh uỷ; đồng chí Nguyễn Duy An được phân công làm Bí thư Thành uỷ Thái Nguyên.

**XII- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá III
(1980 - 1983), 45 uỷ viên:**

*** Ban Thường vụ:**

- 1- Vũ Ngọc Linh
- 2- Nguyễn Thế Đạt
- 3- Doanh Hằng
- 4- Nguyễn Duy An
- 5- Đôn Văn Cước
- 6- Huỳnh Hữu Ích

- 7- Lê Quảng
- 8- Hoàng Thanh Tiến
- 9- Phan Thành
- 10- Ngô Thế Thuật
- 11- Trịnh Văn Uy

*** Ban Chấp hành:**

- 12- Dương Thị Bình
- 13- Nguyễn Khắc Chín
- 14- Đồng Văn Dương
- 15- Nguyễn Đậu
- 16- Trịnh Văn Đông
- 17- Nguyễn Văn Hiếu
- 18- Đinh Công Hoà
- 19- Nguyễn Văn Lâm
- 20- Nguyễn Thế Luân
- 21- Nông Đức Mạnh
- 22- Bàn Tiến Minh
- 23- Nguyễn Thị Nữ
- 24- La Văn Ngâm
- 25- Nông Văn Ngự
- 26- Hoàng Căn Nguyên

- 27- Nguyễn Văn Nhỡ
- 28- Nguyễn Văn Nhung
- 29- Phan Công Nhượng
- 30- Nông Đình Quảng
- 31- Dương Văn Sào
- 32- Mai Phúc Toàn
- 33- Nguyễn Văn Tuế
- 34- Hoàng Từ
- 35- Hà Nhân Thắng
- 36- Lâm Văn Thor
- 37- Bùi Kiến Truy
- 38- Vũ Trọng
- 39- Dương Kim Uyên
- 40- Nguyễn Văn Việt
- 41- Nguyễn Ngọc Yên

*** Uỷ viên dự khuyết BCH:**

42- Lâm Thị Bjoóc

44- Vũ Thế Tân

43- Nguyễn Chính

45- Nguyễn Tiêu

**XIII- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá IV
(1983 - 1986), 45 uỷ viên**

*** Ban Thường vụ:**

1- Vũ Ngọc Linh

7- Lê Quảng

2- Nguyễn Thế Đạt

8- Ngô Thế Thuật

3- Nông Đức Mạnh

9- Mai Phúc Toàn

4- Đôn Văn Cước

10- Nguyễn Ngô Hai

5- Hoàng Thanh Tiến

11- Trần Duy Hậu

6- Nguyễn Duy An

*** Ban Chấp hành:**

12- Lâm Thị Bjoóc

30- Nông Văn Ngự

13- Nguyễn Chính

31- Nguyễn Công Ngoan

14- Chu Cường

32- Đỗ Đức Ngo

15- Đồng Văn Dương

33- Nông Đình Quảng

16- Nguyễn Hữu Dung

34- Dương Văn Sào

17- Trịnh Văn Đông

35- Hoàng Sừ

18- Nguyễn Đậu

36- Nguyễn Tuấn Sinh

19- Mạc Văn Đạt

37- Hà Nhân Thăng

20- Nguyễn Văn Hiếu

38- Nguyễn Văn Tú

21- Đinh Công Hoà

39- Bùi Kiến Truy

22- Nguyễn Đăng Hoà

40- Trần Toại

23- Huỳnh Hữu Ích

41- Nguyễn Văn Việt

24- Nguyễn Thế Luân

*** Uỷ viên dự khuyết BCH:**

25- Lý Xuân Lai

42- Ngô Thị Bích Lựu

26- Đặng Phúc Lường

43- Lê Thạc Ngạn

27- Nguyễn Thị Nữ

44- Đặng Quốc Tiến

28- Nguyễn Văn Nhung

45- Vũ Đức Thịnh

29- La Văn Ngâm

- Từ Đại hội đại biểu tỉnh Bắc Thái khoá IV (2/1983), đồng chí Doanh Hằng - Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh không tham gia BCH Đảng bộ tỉnh, tuy nhiên đồng chí vẫn giữ chức Chủ tịch UBND tỉnh đến tháng 9/1983.
- Từ tháng 9/1983 đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Thái.
- Tháng 01/1986 đồng chí Nguyễn Đăng Hoà, Nguyễn Công Ngoan, Đặng Quốc Tiến được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

**XIV- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá V
(1986 - 1991), 58 uỷ viên:**

*** Ban Thường vụ:**

- 1- Nông Đức Mạnh
- 2- Nguyễn Ngô Hai
- 3- Đặng Quốc Tiến
- 4- Chu Văn Cường
- 5- Nguyễn Ân
- 6- Nguyễn Văn Tuế
- 7- Nguyễn Ngọc Yển

- 8- Nguyễn Văn Tính
- 9- Mai Phúc Toàn
- 10- Nguyễn Đăng Hoà
- 11- Nguyễn Công Ngoan
- 12- Bùi Điệp
- 13- Vũ Đức Thịnh

*** Ban Chấp hành:**

14. Lý Xuân Lai
- 15- Nguyễn Văn Sứ
- 16- Lâm Thị Bjoóc
- 17- Hoàng Văn Pao
- 18- Phan Thế Ruệ
- 19- Phan Sum
- 20- Hoàng Sửu

- 21- Nguyễn Ngọc Sơn
- 22- Tiêu Thị Diễm
- 23- Lương Thị Định
- 24- Nguyễn Văn Đức
- 25- Nguyễn Thị Phương Thảo
- 26- Lô Thị Tiềm
- 27- Mạc Văn Đạt

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

- | | |
|-----------------------|---------------------------------|
| 28- Dương Văn Hào | 44- Nguyễn Sơn Oanh |
| 29- Hồ Đình Điều | 45- Hà Văn Phụng |
| 30- Lê Ngọc Trọng | * Ủy viên dự khuyết BCH: |
| 31- Nguyễn Hoài Khiêm | 46- Đào Thị Bé |
| 32- Hoàng Thị Thâm | 47- Doãn chí Cao |
| 33- Ngô Thị Bích Lựu | 48- Nguyễn Văn Chiến |
| 34- Nguyễn Văn Việt | 49- Nguyễn Văn Chất |
| 35- Nguyễn Thế Luân | 50- Vi Trọng Hiền |
| 36- Đặng Phúc Lương | 51- Đặng Văn Lâm |
| 37- Vũ Xuân Lữ | 52- Hứa Đức Nhị |
| 38- Dương Văn Lương | 53- Ngô Quang Ngo |
| 39- Lương Đình Lũng | 54- Đàm Đức Oánh |
| 40- Phạm Văn Mai | 55- Ma Đình Quảng |
| 41- Đỗ Đức Ngo | 56- Phạm Xuân Thảo |
| 42- Nông Thái Nghiệp | 57- Lê Văn Văn |
| 43- Nguyễn Văn Nhung | 58- Thăng Viết Vinh |

- Tháng 10/1989 đồng chí Nông Đức Mạnh - Bí thư Tỉnh uỷ chuyển công tác về Trung ương, đồng chí Nguyễn Ngô Hai được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ.

- Tháng 11/1990 đồng chí Nguyễn Đăng Hoà, Nguyễn Văn Tuế nghỉ hưu, đồng chí Lý Xuân Lai được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

XV- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá VI (1991 - 1996), 45 uỷ viên: ⁽¹⁾

⁽¹⁾ - Ngày 22/12/1996, Bộ Chính trị ra Quyết định số 131/QĐNS/TW về việc kết thúc hoạt động của Đảng bộ và Tỉnh uỷ Bắc Thái, đồng thời thành lập Đảng bộ và Ban Chấp hành lâm thời Thái Nguyên (Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1/1/1997). Trên thực tế Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá VII chỉ hoạt động đến hết năm 1996.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

*** Ban Thường vụ:**

- 1- Nguyễn Ngô Hai
- 2- Đặng Quốc Tiến
- 3- Mai Phúc Toàn
- 4- Chu Văn Cường
- 5- Nguyễn Ân
- 6- Hoàng Văn Pao

- 7- Lý Xuân Lai
- 8- Bùi Diệp
- 9- Phan Thế Ruệ
- 10- Hà Văn Phụng
- 11- Nông Ngọc Toàn

*** Ban Chấp hành:**

- 12- Ma Khánh Bào
- 13- Hà Sĩ Toàn
- 14- Triệu Quang
- 15- Ngô Thị Bích Lựu
- 16- Nguyễn Hoài Khiêm
- 17- Hứa Đức Nhị
- 18- Lương Thị Định
- 19- Lê Văn Văn
- 20- Hoàng Thị Thắm
- 21- Nguyễn Văn Chiến
- 22- Nông Thái Nghiệp
- 23- Nông Văn Kính
- 24- Lê Quang Dục
- 25- Lâm Văn Việt
- 26- Đồng Huy Xuyên
- 27- Nguyễn Sơn Oanh
- 28- Chu Văn Nhàn

- 29- Nguyễn Văn Đức
- 30- Nguyễn Văn Thanh
- 31- Dương Văn Hào
- 32- Nguyễn Thị Phương Thảo
- 33- Lê Xuân Hùng
- 34- Nông Văn Thụ
- 35- Đinh Xuân Thặng
- 36- Phan Sum
- 37- Lâm Thị Bjoóc
- 38- Đặng Phúc Lương
- 39- Nguyễn Văn Việt
- 40- Đinh Quang Ấn
- 41- Đàm Đức Oánh
- 42- Nghiêm Xuân Hiếu
- 43- Dương Văn Lương
- 44- Lê Ngọc Trọng
- 45- Đào Văn Phụng

XVI- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá VII (1996 - 2000), 47 uỷ viên ⁽¹⁾:

⁽¹⁾ - Ngày 22/12/1996, Bộ Chính trị ra Quyết định số 131/QĐNS/TW về việc kết thúc hoạt động của Đảng bộ và Tỉnh uỷ Bắc Thái, đồng thời thành lập Đảng bộ và Ban Chấp hành lâm thời Thái Nguyên (Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1/1/1997). Trên thực tế Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá VII chỉ hoạt động đến hết năm 1996.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

*** Ban Thường vụ:**

- | | |
|-------------------|----------------------|
| 1- Nguyễn Ngô Hai | 8- Nguyễn Ân |
| 2- Đặng Quốc Tiến | 9- Hoàng Văn Pao |
| 3- Mai Phúc Toàn | 10- Phan Thế Ruệ |
| 4- Chu Văn Cường | 11- Hà Sĩ Toàn |
| 5- Hà Văn Phụng | 12- Ma Khánh Bào |
| 6- Lý Xuân Lai | 13- Nguyễn Văn Khang |
| 7- Bùi Điệp | |

*** Ban Chấp hành:**

- | | |
|----------------------------|-----------------------|
| 14- Đặng Phúc Lường | 31- Nguyễn Văn Đức |
| 15- Nguyễn Thị Phương Thảo | 32- Hoàng Đức Văn |
| 16- Nguyễn Thành Kính | 33- Triệu Quang |
| 17- Lê Quang Dục | 34- Chu Văn Nhân |
| 18- Nguyễn Ngọc Lân | 35- Dương Văn Lương |
| 19- Nông Thái Nghiệp | 36- Lâm Văn Việt |
| 20- Hoàng Thị Thâm | 37- Nông Văn Kính |
| 21- Nông Văn Thụ | 38- Nghiêm Xuân Hiếu |
| 22- Đỗ Mạnh Hùng | 39- Nguyễn Quang Huy |
| 23- Ngô Sĩ Hưởng | 40- Vi Văn Thư |
| 24- Đinh Quang Ân | 41- Đoàn Đình Thế |
| 25- Lê Xuân Hùng | 42- Lèng Văn Tý |
| 26- Lương Đức Tính | 43- Nguyễn Văn Kim |
| 27- Ngô Thị Bích Lựu | 44- Nguyễn Hoài Khiêm |
| 28- Dương Văn Hào | 45- Dương Thế Huân |
| 29- Hứa Đức Nhị | 46- Nguyễn Văn Vượng |
| 30- Nguyễn Văn Bền | 47- Lường Thị Ba |

**XVII- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá
lâm thời (1/1/1997 - 11/1997), 35 uỷ viên:**

*** Ban Thường vụ:**

- | | |
|-------------------|------------------|
| 1- Nguyễn Ngô Hai | 2- Chu Văn Cường |
|-------------------|------------------|

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

3- Mai Phúc Toàn

4- Nông Thái Nghiệp

5- Nguyễn Ân

6- Đinh Quang Ân

7- Ma Khánh Bào

8- Bùi Điệp

9- Nguyễn Văn Khang

10- Lý Xuân Lai

11- Hoàng Văn Pao

*** Ban Chấp hành:**

12- Lê Quang Dục

13- Nguyễn Văn Đức

14- Dương Văn Hào

15- Nghiêm Xuân Hiếu

16- Dương Thế Huân

17- Lê Xuân Hùng

18- Đỗ Mạnh Hùng

19- Nguyễn Quang Huy

20- Ngô Sĩ Hưởng

21- Nguyễn Hoài Khiêm

22- Nguyễn Thành Kính

23- Nguyễn Văn Kim

24- Nguyễn Ngọc Lân

25- Dương Văn Lương

26- Ngô Thị Bích Lựu

27- Chu Văn Nhân

28- Hứa Đức Nhị

29- Triệu Quang

30- Nguyễn Thị Phương Thảo

31- Hoàng Thị Thâm

32- Đoàn Đình Thế

33- Vi Văn Thư

34- Lương Đức Tính

35- Nguyễn Văn Vượng

**XVIII- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá XV
(1997 - 2001), 47 uỷ viên:**

*** Ban Thường vụ:**

1- Nguyễn Ngô Hai

2- Chu Văn Cường

3- Mai Phúc Toàn

4- Nông Thái Nghiệp

5- Nguyễn Ân

6- Đinh Quang Ân

7- Bùi Điệp

8- Lê Xuân Hùng

9- Nguyễn Văn Khang

10- Lý Xuân Lai

11- Hoàng Văn Pao

12- Lương Đức Tính

*** Ban Chấp hành:**

13- Vũ Hồng Bắc

14- Nguyễn Văn Chiến

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| 15- Trịnh Thị Cúc | 32- Ngô Thị Bích Lựu |
| 16- Lê Quang Dực | 33- Đàm Thanh Nghị |
| 17- Nguyễn Văn Đề | 34- Chu Văn Nhân |
| 18- Nguyễn Văn Đức | 35- Hứa Đức Nhị |
| 19- Dương Văn Hào | 36- Triệu Quang |
| 20- Nghiêm Xuân Hiếu | 37- Hoàng Văn Sinh |
| 21- Đỗ Mạnh Hùng | 38- Phạm Văn Tân |
| 22- Dương Thế Huân | 39- Nguyễn Thị Phương Thảo |
| 23- Nguyễn Quang Huy | 40- Hoàng Thị Thăm |
| 24- Ngô Sỹ Hưởng | 41- Lê Cao Thăng |
| 25- Nguyễn Hoài Khiêm | 42- Vi Văn Thư |
| 26- Nguyễn Văn Kim | 43- Dương Vương Thử |
| 27- Nguyễn Thành Kính | 44- Đoàn Đình Thế |
| 28- Lý Ngọc Kính | 45- Chu Hồng Việt |
| 29- Nguyễn Ngọc Lân | 46- Lê Duy Vy |
| 30- Nguyễn Thành Luận | 47- Nguyễn Văn Vượng |
| 31- Dương Văn Lương | |

- Tháng 10/1999, đồng chí Nguyễn Ngô Hai - Bí thư Tỉnh uỷ chuyển công tác về Trung ương, đồng chí Hồ Đức Việt được Trung ương điều về làm Bí thư Tỉnh uỷ.

- Tháng 11/1999 đồng chí Hứa Đức Nhị được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

- Tháng 3/2000 đồng chí Mai Phúc Toàn - Chủ tịch UBND tỉnh nghỉ hưu, đồng chí Lương Đức Tính được bầu giữ chức Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tháng 7/2000 đồng chí Hoàng Văn Pao nghỉ hưu. Tháng 8/2000 đồng chí Nguyễn Văn Vượng được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

**XIX- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá XVI
(2001 - 2005), 47 uỷ viên:**

*** Ban Thường vụ:**

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| 1- Hồ Đức Việt | 8- Chu Hồng Việt |
| 2- Hứa Đức Nhị | 9- Nguyễn Văn Kim |
| 3- Lương Đức Tính | 10- Trương Đình Đường |
| 4- Lê Xuân Hùng | 11- Nguyễn Văn Trình |
| 5- Nguyễn Văn Vượng | 12- Vi Văn Thu |
| 6- Dương Văn Lương | 13- Trịnh Thị Cúc |
| 7- Nguyễn Thành Kính | |

*** Ban Chấp hành:**

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| 14- Đàm Thanh Nghị | 31- Nhữ Văn Tâm |
| 15- Nguyễn Ngọc Lân | 32- Dương Vương Thử |
| 16- Đỗ Đức Trọng | 33- Lê Duy Vy |
| 17- Lương Thị Đài | 34- Đặng Văn Ngự |
| 18- Hà Thị Xoan | 35- Hoàng Thị Diệp |
| 19- Chu Văn Nhân | 36- Nguyễn Văn Chiến |
| 20- Ngô Sỹ Hưởng | 37- Lê Quang Dục |
| 21- Nguyễn Thị Hằng | 38- Nguyễn Tài Hà |
| 22- Ma Thị Nguyệt | 39- Đỗ Mạnh Hùng |
| 23- Nguyễn Xuân Sang | 40- Hoàng Văn Sinh |
| 24- Nguyễn Thành Luận | 41- Phùng Đình Thiệu |
| 25- Nguyễn Đình Bàng | 42- Ngô Xuân Triệu |
| 26- Lý Ngọc Kính | 43- Vũ Hồng Bắc |
| 27- Dương Văn Khanh | 44- Phạm Xuân Đương |
| 28- Đỗ Cao Khanh | 45- Nguyễn Văn Đức |
| 29- Bùi Quang Huân | 46- Lê Cao Thắng |
| 30- Phạm Văn Tân | 47- Nguyễn Trí Dũng |

- Tháng 9/2002, đồng chí Hồ Đức Việt, Bí Thư Tỉnh uỷ chuyển

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

công tác về Trung ương, đồng chí Lương Đức Tính được phân công làm Bí thư Tỉnh uỷ, đồng chí Hứa Đức Nhị - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ chuyển sang làm Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tháng 3/2003, đồng chí Nguyễn Bắc Sơn được Trung ương điều động về làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.

- Tháng 12/2003, đồng chí Nguyễn Thành Kinh được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

- Tháng 5/2004, đồng chí Nguyễn Văn Kim được bầu làm Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Hứa Đức Nhị được điều động về Trung ương nhận công tác mới.

- Tháng 11/2004, đồng chí Lê Xuân Hùng nghỉ hưu. Tháng 3/2005, đồng chí Phạm Xuân Dương, Hà Thị Xoan được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

XX- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá XVII (2005 - 2010), 49 uỷ viên:

*** Ban Thường vụ:**

- | | |
|---------------------|----------------------|
| 1- Nguyễn Bắc Sơn | 8- Dương Vương Thử |
| 2- Nguyễn Văn Vượng | 9- Trịnh Thị Cúc |
| 3- Nguyễn Văn Kim | 10- Nguyễn Văn Trình |
| 4- Đặng Văn Ngự | 11- Hoàng Văn Tân |
| 5- Hà Thị Xoan | 12- Phạm Xuân Dương |
| 6- Lê Quang Dực | 13- Vũ Hồng Bắc |
| 7- Phùng Đình Thiệu | |

*** Ban Chấp hành:**

- | | |
|--------------------|----------------------|
| 14- Đàm Thanh Nghị | 19- Lê Anh Thái |
| 15- Ngô Xuân Triệu | 20- Nguyễn Văn Tiệu |
| 16- Ngô Quang Khải | 21- Hoàng Văn Sinh |
| 17- Nguyễn Thế Đề | 22- Đoàn Khắc Hoà |
| 18- Đỗ Mạnh Hùng | 23- Nguyễn Quốc Minh |

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| 24- Nghiêm Văn Tung | 37- Phan Hữu Minh |
| 25- Nguyễn Thanh Tùng | 38- Ma Thị Nguyệt |
| 26- Nguyễn Chí Dũng | 39- Nguyễn Xuân Sang |
| 27- Từ Quang Hiến | 40- Nguyễn Xuân Cúc |
| 28- Đặng Việt Thuần | 41- Phạm Bình Định |
| 29- Dương Ngọc Long | 42- Trần Xuân Hựu |
| 30- Nguyễn Đình Bằng | 43- Dương Văn Khanh |
| 31- Đinh Khắc Hiến | 44- Nhữ Văn Tâm |
| 32- Lê Duy Vy | 45- Nguyễn Đức Minh |
| 33- Nguyễn Thị Hằng | 46- Đinh Văn Thế |
| 34- Nguyễn Văn Vy | 47- Trần Dương Thịnh |
| 35- Nguyễn Thị Lệ Thu | 48- Lương Văn Lành |
| 36- Hà Văn Thúc | 49- Hoàng Văn Hùng |

- Tháng 9/2007, đồng chí Nguyễn Bắc Sơn, Bí thư Tỉnh uỷ chuyển công tác về Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Vượng được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ.

- Tháng 10/2007 đồng chí Nguyễn Văn Kim - Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh được phân công làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ

- Tháng 10/2007 đồng chí Phạm Xuân Đương – được bầu Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tháng 12/2008 đồng chí Dương Văn Thảo được bầu bổ xung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

- Tháng 7/2009 đồng chí Đỗ Mạnh Hùng, Nguyễn Thế Đề được bầu bổ xung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

XXI- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá XVIII (2010 - 2015), 55 uỷ viên:

*** Ban Thường vụ:**

1- Phạm Xuân Đương

2- Nguyễn Văn Kim

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 - 2010)

- 3- Đặng Văn Ngự
- 4- Phùng Đình Thiệu
- 5- Lê Quang Dục
- 6- Nguyễn Thế Đề
- 7- Đỗ Mạnh Hùng
- 8- Vũ Hồng Bắc
- 9- Đặng Việt Thuần

*** Ban Chấp hành:**

- 16- Bùi Khánh Thái
- 17- Trần Dương Thịnh
- 18- Đinh Khắc Hiền
- 19- Hoàng Văn Hùng
- 20- Nguyễn Thị Hằng
- 21- Nguyễn Đức Minh
- 22- Nguyễn Xuân Cúc
- 23- Đoàn Khắc Hoà
- 24- Phan Hữu Minh
- 25- Nguyễn Quốc Minh
- 26- Bùi Đức Cường
- 27- Vi Thị Chung
- 28- Nguyễn Văn Tiệu
- 29- Lương Văn Lành
- 30- Phạm Bình Định
- 31- Trương Thị Huệ
- 32- Nghiêm Văn Tung
- 33- Hoàng Văn Sinh
- 34- Đỗ Thị Thìn
- 35- Dương Xuân Hùng

- 10- Ma Thị Nguyệt
- 11- Dương Ngọc Long
- 12- Phan Văn Tường
- 13- Nguyễn Như Tuấn
- 14- Nguyễn Thanh Tùng
- 15- Nhữ Văn Tâm

- 36- Phạm Hoàng Sơn
- 37- Vũ Mạnh Phú
- 38- Bùi Văn Hoan
- 39- Trương Văn Phụng
- 40- Trần Dương Hợp
- 41- Nguyễn Văn Nhâm
- 42- Đoàn Văn Tuấn
- 43- Phạm Thái Hanh
- 44- Nguyễn Văn Mùi
- 45- Đoàn Thị Hào
- 46- Triệu Thị Minh Hồng
- 47- Bùi Xuân Hoà
- 48- Nguyễn Vy Hồng
- 49- Nguyễn Văn Khoa
- 50- Dương Văn Lành
- 51- Lê Văn Tuấn
- 52- Nguyễn Khắc Lâm
- 53- Đặng Kim Vui
- 54- Trần Văn Khâm
- 55- Nguyễn Thành Trung

- 3- Lương Văn Nghi
- 4- Phạm Xuân Thiệu
- 5- Lê Quang Lược
- 6- Nguyễn Thái Đức
- 7- Đỗ Mạnh Hùng
- 8- Vũ Hồng Bắc
- 9- Đặng Việt Thuận
- * Ban Chấp hành:
- 10- Bùi Khắc Thái
- 11- Trần Dương Thỉnh
- 12- Đinh Khắc Hiên
- 13- Hoàng Văn Hùng
- 14- Nguyễn Thị Hằng
- 15- Nguyễn Đức Minh
- 16- Nguyễn Xuân Cúc
- 17- Đoàn Khắc Hoà
- 18- Phan Hữu Minh
- 19- Nguyễn Quốc Minh
- 20- Bùi Đức Cường
- 21- Vi Thị Chung
- 22- Nguyễn Văn Tiến
- 23- Lương Văn Lành
- 24- Phạm Bình Định
- 25- Trương Thị Huệ
- 26- Nguyễn Văn Tung
- 27- Hoàng Văn Sinh
- 28- Đỗ Thị Tiến
- 29- Dương Xuân Hùng
- 30- Phạm Hoàng Sơn
- 31- Vũ Mạnh Phụng
- 32- Bùi Văn Hoan
- 33- Trương Văn Phụng
- 34- Trần Dương Hợp
- 35- Nguyễn Văn Nhân
- 36- Đoàn Văn Tuấn
- 37- Phạm Thái Hạnh
- 38- Nguyễn Văn Mũi
- 39- Đoàn Thị Hào
- 40- Triệu Thị Minh Hồng
- 41- Bùi Xuân Hoà
- 42- Nguyễn Vũ Hồng
- 43- Nguyễn Văn Khoa
- 44- Dương Văn Lành
- 45- Lê Văn Tuấn
- 46- Nguyễn Khắc Lâm
- 47- Đặng Kim Vại
- 48- Trần Văn Khâm
- 49- Nguyễn Thành Trung

PHỤ LỤC II

CÁC ĐỒNG CHÍ TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN



1. **Đồng chí Trần Quốc Trung** (1924 – đã tù trần); quê quán xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ Kiểm (Tổ chức và Kiểm tra) Tỉnh ủy Thái Nguyên (6/1948 - 6/1949).



2. **Đồng chí Vũ Thu** (1926 – đã tù trần); quê quán xã Đồng Đăng, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (7/1949 - 3/1951).



3. **Đồng chí Trần Hải Bằng** (tên khai sinh Nguyễn Sỹ Báo), sinh năm 1926; quê quán xã Đồng Đăng, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (4/1951 - 10/1956).



4. **Đồng chí Nguyễn Văn Thạch**, sinh năm 1923; quê quán xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông; Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (10/1956 - 2/1959).



5. **Đồng chí Nguyễn Đình Lim** (bí danh Nguyễn Tiến Thảo, 1916 – đã tử trận); quê quán xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (2/1959 - 3/1961).



6. **Đồng chí Hoàng Minh Chí** (bí danh Hoàng Văn Huệ, 1920 – 2010); quê quán xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (3/1961 - 4/1962).



7. **Đồng chí Ngô Văn Hoạt** (tên khai sinh Ngô Văn Lân, 1910 – 1991); quê quán, trú quán xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (4/1962- 5/1963).



8. **Đồng chí Doanh Hằng** (tên khai sinh Doanh Thăng Hỷ, 1925 – 2012); quê quán xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (7/1963 - 6/1965).



9. **Đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn** (bí danh Lê Bảo, 1918 – 1985); quê quán xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy các tỉnh Thái Nguyên (6/1963 - 7/1963); Bắc Thái (7/1965 - 4/1969).



10. **Đồng chí Hoàng Thanh Tiến** (1927 - đã từ trần); quê quán xã thuần Mang, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (5/1969 - 5/1977).



11. **Đồng chí Trịnh Văn Uy** (bí danh Lê Nghiêm, 1924 - đã từ trần); quê quán xã Đồng Thịnh, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (6/1977 - 5/1979).



12. **Đồng chí Ngô Thế Thuật** (bí danh Lê Phương, 1928 – đã từ trần); quê quán huyện Đáp Cầu, tỉnh Bắc Ninh; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh uỷ Bắc Thái (6/1979 - 3/1983).



13. **Đồng chí Mai Phúc Toàn**, sinh năm 1938; quê quán xã Thanh Định, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh uỷ Bắc Thái (4/1983 - 2/1986).



14. **Đồng chí Nguyễn Đăng Hòa** (1938 - đã từ trần); quê quán xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh uỷ Bắc Thái (3/1986 - 12/1990).



15. **Đồng chí Chu Văn Cường** (1942 – 2012); quê quán xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh uỷ Bắc Thái (1/1991- 12/1996).



16. **Đồng chí Đinh Quang Ấn**, sinh năm 1941; quê quán huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (1/1997- 1/2001).



17. **Đồng chí Nguyễn Thành Kính**, sinh năm 1951; quê quán xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (2/2001- 7/2004).



18. **Đồng chí Dương Văn Lương** (1950 – 2005); quê quán xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (8/2004 - 8/2005).



19. **Đồng chí Đặng Văn Ngự**, sinh năm 1953; quê quán xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên từ tháng 9/2005.

CÁC ĐỒNG CHÍ PHÓ TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY

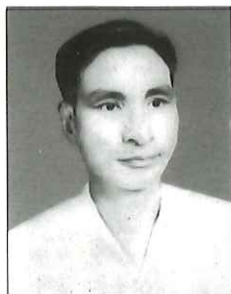


1- **Đồng chí Vũ Sĩ Quyết**, sinh năm 1911; quê quán xã Liên Mão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (1948 – 1952).

2- **Đồng chí Nguyễn Ngọc Bó**, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy



3- **Đồng chí Hà Văn Ích** (1929 – đã từ trần); quê quán xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (1956 – 1962).



4- **Đồng chí Nguyễn Bình Sơn** (1923 – đã từ trần); quê quán xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (12/1956 - 4/1959).



5- **Đồng chí Dương Ngọc Quyên** (1920 – đã từ trần); quê quán xã Tân Quang, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (2/1959 - 4/1961).



6- **Đồng chí Lý An Sinh** (bí danh Lý Văn Sáng, 1917 – đã từ trần) xã Kim Sơn, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (3/1963 - 5/1965).



7- **Đồng chí Hoàng Thượng** (tên khai sinh: Hoàng Văn Nha, 1918 – đã từ trần); quê quán, trú quán xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (7/1963 - 6/1965).



8- **Đồng chí Bế Ích Quốc** (bí danh Bế Ích Phương, 1916 – đã từ trần); quê quán xã Văn Học, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (7/1965 - 7/1967)



9- **Đồng chí Ma Văn Tòng** (1915 – đã từ trần); quê quán xã Bình Văn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (7/1965 - 6/1966).



10- **Đồng chí Phạm Ngọc Mão** (bí danh An Thanh, 1918 – đã từ trần); quê quán xã Yên Từ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (1959 - 1965).



11- **Đồng chí Nông Thiêm Phụng** (bí danh Kim Quý, 1926 - đã từ trần); quê quán xã Lam Sơn, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (1967 – 1970).



12- **Đồng chí Nguyễn Thị Thanh** (bí danh Nông Thị Huân, 1925 - đã từ trần); quê quán xã Đức Long, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (3/1968 - 3/1973).



13- **Đồng chí Nguyễn Bảo** (bí danh Nguyễn Bích Phương, 1926 - đã từ trần); quê quán xã Lam Cầu, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (1977- 1979).



14- **Đồng chí Nguyễn Chính** (bí danh Nguyễn Thành Chung), sinh tháng 12/1932; quê quán huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (2/1975 - 1/1978).



15- **Đồng chí Phan Thành** (bí danh Phan Văn Lý, 1929 - 2004) ; quê quán xã Ôn Lương, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (3/1976 - 5/1977).



16- **Đồng chí Trần Lê Nhân** (bí danh Ngô Hữu Tuyệt, 1913 – 1991); quê quán làng Trung Liệt, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (4/1976 - 5/1978).



17- **Đồng chí Đặng Dũng** (bí danh Đặng Ngọc Thụ, 1922 – 2009); quê quán xã Tân Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (6/1977- 6/1981).



18- **Đồng chí Vũ Trọng** (bí danh Vũ Khắc Trọng, 1935 – 2009), quê quán xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (7/1977 - 2/1979).



19- **Đồng chí Nguyễn Văn Bái** (bí danh Hồng Sơn, 1926 – đã từ trần); quê quán xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (10/1979 - 9/1982).



20- **Đồng chí Nông Đình Quảng** (1933 – đã từ trần); quê quán xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (1977 - 12/1983).



21- **Đồng chí Vy Trọng Hiền** (tên khai sinh Vy Phát Hiền, 1947 - 1989); quê quán xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (1984 - 7/1989).



22- **Đồng chí Bùi Văn Cần** (bí danh Thanh Tuyên, 1934 - đã từ trần); quê quán xã Đại. Phúc, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (1985 – 1989).



23- **Đồng chí Lý Xuân Lai**, sinh năm 1942; quê quán xã Quy Kỳ, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (2/1989 - 10/1990).



24- **Đồng chí Vũ Xuân Lữ**, sinh năm 1942; quê quán xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy các tỉnh Bắc Thái (11/1991 - 12/1996), Thái Nguyên (1/1997 - 11/2002).



25- **Đồng chí Vũ Tuấn Đạo**, sinh năm 1955; quê quán xã Tri Phương, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (2/2000 - 3/2005).



26- **Đồng chí Lương Thị Đài**, sinh năm 1954; quê quán xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (12/2000 - 12/2004).



27- **Đồng chí Nghiêm Văn Tung**, sinh năm 1955; quê quán huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (11/2002 - 7/2006).



28- **Đồng chí Bùi Khánh Thái**, sinh năm 1956; quê quán xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (1/2005 - 4/2008).



29- **Đồng chí Triệu Thị Minh Hồng**, sinh năm 1961; quê quán xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (6/2005 - 5/2010).



30- **Đồng chí Phạm Hoàng Sơn**, sinh năm 1976; quê quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (7/2009 – 10/2010); Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Thường trực, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên từ tháng 11/2010.



31- **Đồng chí Bùi Tuấn Thịnh**, sinh năm 1961; quê quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên từ tháng 9/2011.



32. **Đồng chí Nguyễn Thị Thuý**, sinh năm 1963; quê quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên từ tháng 2/2013.



33. **Đồng chí Nguyễn Đức Lực**, sinh năm 1973; quê quán xã Ước Lễ, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên từ tháng 7/2013.

CÁC ĐỒNG CHÍ PHÓ TRƯỞNG BAN KIỂM CHỨC



1. **Đồng chí Dương Văn Ngò**, sinh năm 1927; quê quán xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban (kiêm chức) Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (9/1980 - 5/1985).



2. **Đồng chí Đinh Quang Ân**, sinh năm 1941; quê quán huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Phó Trưởng ban (kiêm chức) Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái (6/1985 - 12/1996).



3. **Đồng chí Hứa Đức Nhị**, sinh năm 1951; quê quán xã Lam Vĩ, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; Phó Trưởng ban (kiêm chức) Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (4/1997 - 12/1999).



4. **Đồng chí Nguyễn Ngọc Lân**, sinh năm 1948; quê quán huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Phó Trưởng ban (kiêm chức) Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên (1/2000 - 4/2008).



5. **Đồng chí Trần Dương Thịnh**, sinh năm 1959; quê quán huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; Phó Trưởng ban (kiêm chức) Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên từ tháng 5/2009.



Các cán bộ Hưu trí của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

PHỤ LỤC III
MỘT SỐ PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ



Huân chương Lao động hạng Ba
được Chủ tịch trao tặng tháng 2/2002



Huân chương Lao động hạng Nhì
được Chủ tịch trao tặng tháng 8/2010





Cán bộ công chức Ban Tổ chức Tỉnh ủy
tháng 9 năm 2010.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG



Ban Tổ chức Tỉnh ủy đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.



Đồng chí Nguyễn Văn Vượng, Bí thư Tỉnh ủy trao bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Kế hoạch số 71-72 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.



Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chúc mừng Ban Tổ chức nhân dịp kỷ niệm 79 năm Ngày truyền thống công tác Tổ chức xây dựng Đảng.



Đại hội chi bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2010 - 2015.



Đại hội Hội Cựu chiến binh Ban Tổ chức Tỉnh ủy lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2006 - 2009.



Đồng chí Nguyễn Văn Kim, Phó Bí thư Thường trực tỉnh ủy chủ trì Hội thảo đề tài khoa học “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, Chi bộ cơ sở các cơ quan tỉnh Thái Nguyên”.

LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1930 – 2010)

cán bộ tiên khởi nghĩa.

14- Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, Lịch sử Đảng bộ các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương, Định Hóa, Võ Nhai tập 1 và 2.

15- *Lịch sử chính trị và quân tình Thái Nguyên* (Echinard). Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

16- Lời kể của các đồng chí nguyên Trưởng ban, Phó Trưởng ban Tỉnh ủy Thái Nguyên, Bắc Thái các thời kì.

17- *Văn kiện Đảng toàn tập* - Các tập: 18 (1957), 25 (1964), 26 (1965), 27 (1966), 28 (1967), 47 (1986).

18- *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên các lần thứ XV (11/1997), XVI 1/2001), XVII (12/2005), XVIII (10/2010).*

MỤC LỤC

- Lời giới thiệu	5
- Chương I: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1930-1945	7
- Chương II: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1945-1954	37
- Chương III: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1954-1965	81
- Chương IV: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1965-1975	142
- Chương V: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1975-1985	204
- Chương VI: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1986-1996	251
- Chương VII: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1997-2010	290
Kết luận	358
Phần phụ lục	372
Tài liệu tham khảo chính	391

In 500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Nhà in Báo Thái Nguyên. Giấy phép xuất bản số 63/GPXB do Sở TT&TT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30 tháng 9 năm 2013. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2013.

MỤC LỤC

3	- Lời giới thiệu
3	- Chương I: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1930-1945
33	- Chương II: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1945-1954
81	- Chương III: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1954-1965
142	- Chương IV: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1965-1975
204	- Chương V: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1975-1985
251	- Chương VI: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1986-1996
290	- Chương VII: Công tác tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở đảng trong thời kì 1997-2010
328	Kết luận
372	Phần phụ lục
391	Tài liệu tham khảo chính

In 500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Nhà in Báo Thái Nguyên. Giấy
phép xuất bản số 63/GPXB do Sở TT&TT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày
30 tháng 9 năm 2013. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2013.